

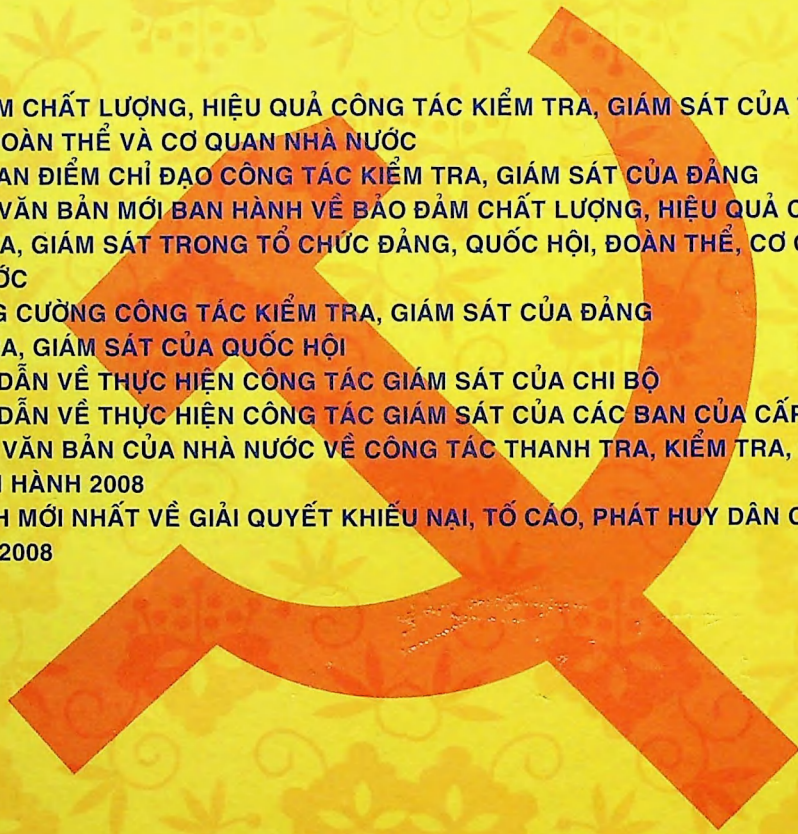
VL00004205



# NG CƯỜNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG, QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ CÁC BỘ, BAN, NGÀNH VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

- \* BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
- VỀ 5 QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG
- \* NHỮNG VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH VỀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT TRONG TỔ CHỨC ĐẢNG, QUỐC HỘI, ĐOÀN THỂ, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
- VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG
- KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI
- HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA CHI BỘ
- HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA CÁC BAN CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP
- MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT MỚI BAN HÀNH 2008
- QUI ĐỊNH MỚI NHẤT VỀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÁT HUY DÂN CHỦ CƠ SỞ - 2008



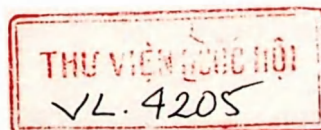
VL00004205



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

**Tác giả : THANH QUANG**

**TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN  
CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG,  
QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, BAN, NGÀNH,  
CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI**



**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN**



## LỜI GIỚI THIỆU

Góp phần xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng nhà nước pháp quyền, xã hội công dân, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành và các tổ chức chính trị - xã hội cần được tổ chức thực hiện đổi mới và có hiệu quả. Để giúp bạn đọc nghiên cứu về lĩnh vực này Nhà xuất bản Văn hóa - thông tin biên soạn và phát hành cuốn sách: *“Tăng cường tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của đảng, quốc hội, chính phủ, các bộ, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội”*.

*Nội dung cuốn sách gồm có:*

**\* BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

**VỀ 5 QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG**

**\* NHỮNG VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH VỀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT TRONG TỔ CHỨC ĐẢNG, QUỐC HỘI, ĐOÀN THỂ, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

**\* VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG**

**\* KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA CHI BỘ**

**\* HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA CÁC BAN CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP**

**\* MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT MỚI BAN HÀNH 2008**

**\* QUI ĐỊNH MỚI NHẤT VỀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÁT HUY DÂN CHỦ CƠ SỞ - 2008.**

Đây là tài liệu cần thiết trong công tác của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cán bộ quản lý, cán bộ, công chức và người lao động. Trong quá trình biên soạn chắc không tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của bạn đọc để các cuốn sách sau đạt chất lượng tốt hơn.

Xin trân trọng giới thiệu

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN**



**PHẦN THỨ NHẤT**

---

**BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA,  
GIÁM SÁT CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ  
VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Bản sao từ

Bản sao lưu trữ

**PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH  
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH  
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X**

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương*

*Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị*

Hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X họp Hội nghị toàn thể lần thứ sáu. Thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự Hội nghị, chúc toàn thể các đồng chí sang năm mới mạnh khoẻ, hạnh phúc và đạt nhiều thắng lợi trên các cương vị công tác của mình.

Theo Chương trình công tác toàn khoá, Hội nghị lần này sẽ thảo luận và thông qua các đề án về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012; thành lập Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới; thành lập Tiểu ban tổng kết tình hình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và chuẩn bị xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020); bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Cũng tại Hội nghị này, theo Quy chế làm việc, Bộ Chính trị sẽ báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương kiểm điểm về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2007, trọng tâm công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2008; những việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6; công tác kiểm tra, giám sát năm 2007; công tác tài chính Đảng năm 2007 và một số vấn đề quan trọng khác.



Với những nội dung trên, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này có ý nghĩa hết sức to lớn. Các đề án và báo cáo đã được gửi đến các đồng chí. Đây là những vấn đề cần thiết, cụ thể hoá đường lối, quan điểm do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã đề ra, nhằm bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn trên con đường phát triển đi lên của đất nước.

1. Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên ở cơ sở. Đây là hai vấn đề có mối quan hệ hữu cơ, tác động lẫn nhau. Đội ngũ đảng viên có chất lượng tốt là nhân tố cơ bản bảo đảm cho tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, mặt khác, tổ chức cơ sở đảng vững mạnh là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Trong những năm qua, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định và giải pháp về nhiệm vụ này. Các tổ chức cơ sở đảng đã tích cực chấp hành và có nhiều biện pháp cụ thể, sáng tạo để xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố các cơ sở yếu kém; gắn xây dựng tổ chức cơ sở đảng với củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; coi trọng công tác giáo dục, rèn luyện và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và phát triển đảng viên mới. Nhiều cấp uỷ cấp trên đã hướng về cơ sở, tăng cường chỉ đạo, tạo được những chuyển biến tốt về công tác xây dựng Đảng ở cơ sở, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đất nước. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng. Không ít tổ chức cơ sở đảng yếu kém, không làm tròn vai trò hạt nhân chính trị và nền tảng của Đảng, không đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, thậm chí có những tổ chức cơ sở đảng tê liệt, mất sức chiến đấu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, thậm chí có một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém cả về phẩm chất và năng lực, thiếu tính chiến đấu, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Để khắc

phục những yếu kém đó, Đại hội X của Đảng đã xác định phải dồn sức xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; thực hiện tốt nguyên tắc dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng từ cơ sở; thực hiện đồng bộ các biện pháp củng cố tổ chức cơ sở đảng, chú trọng những địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa, ở các đảng bộ, chi bộ yếu kém; xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu; có phẩm chất đạo đức cách mạng; có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; kiên định lập trường giai cấp công nhân, phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng; năng động, sáng tạo, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách.

Đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên mà toàn Đảng phải tập trung thực hiện. Hội nghị lần này cần đi sâu thảo luận và đề ra được những giải pháp thiết thực nhằm tạo cho được sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; làm cho tổ chức đảng ở cơ sở vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, là cầu nối giữa Đảng với quần chúng, đủ sức lãnh đạo giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn, bảo đảm cho tổ chức cơ sở đảng thực sự là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tiên phong, gương mẫu, "nói đi đôi với làm", thực sự là đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

2. Đại hội X của Đảng xác định tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách để huy động mọi nguồn lực nhằm "phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Tại Hội nghị này, chúng ta sẽ thảo luận và quyết định những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đó.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một mô hình hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ. Chúng ta phải vừa làm, vừa đúc kết thực tiễn. Vấn đề đặt ra là phải tạo được sự thống nhất nhận thức, quan điểm, mục tiêu và các chủ trương, giải pháp để đi đến sự thống nhất trong hoạt động thực tiễn, từng

bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải tôn trọng, vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, đồng thời phải phù hợp với điều kiện cụ thể phát triển của Việt Nam. Phải bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường để hình thành và vận hành thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường.

Chúng ta cần tích cực, chủ động với quyết tâm chính trị cao, tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn phát sinh, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Đại hội X của Đảng đã đề ra nhiệm vụ tăng cường xây dựng giai cấp công nhân có giác ngộ và bản lĩnh chính trị, có trình độ học vấn và nghề nghiệp ngày càng cao trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, và giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công

nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh theo hướng phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước. Đó là giai cấp công nhân ngày càng được trí thức hoá, có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hoá của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước, có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết và hợp tác quốc tế; xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Xây dựng giai cấp công nhân nước ta vững mạnh là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn dân tộc.

*Thưa các đồng chí,*

Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và quyết định nhiều vấn đề có ý nghĩa rất to lớn. Hội nghị họp vào những ngày đầu năm 2008, năm bản lề của kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, năm toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải nỗ lực phấn đấu rất cao để sớm hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội lần thứ X của Đảng đã đề ra; đồng thời đây lại là những ngày cuối cùng của năm Đinh Hợi, khi mà tất cả chúng ta đang phải chăm lo thật chu đáo Tết Nguyên đán Mậu Tý cho toàn dân, để mọi nhà và mọi người đều được hưởng một cái Tết vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm và bình yên.

Vì vậy, tôi đề nghị các đồng chí phát huy cao độ ý thức trách nhiệm, trí tuệ tập thể, tập trung tinh thần làm việc tích cực, khẩn trương, dân chủ thảo luận, đóng góp ý kiến để hội nghị thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X.

*Chúc hội nghị thành công tốt đẹp.*

*Xin trân trọng cảm ơn.*

Bản sao lưu trữ

## PHÁT BIỂU BỀ MẠC CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH TẠI HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 6 (KHÓA X)

*Thưa các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,*

*Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,*

Sau 9 ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị toàn thể lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã hoàn thành chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận dân chủ, sôi nổi và tích cực, đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc vào các đề án và báo cáo mà Bộ Chính trị đã trình. Hội nghị đánh giá cao công tác chuẩn bị, đồng tình với những nội dung tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, nhất trí ra nghị quyết, kết luận về những nội dung đã trình tại Hội nghị.

Về vấn đề "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước", đây là một nội dung quan trọng của Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn luôn là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc; là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc; luôn phát huy bản chất giai cấp công nhân, đặt niềm tin vào giai cấp công nhân, quan tâm lãnh đạo xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp công nhân trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua hơn 20 năm đổi mới, giai cấp công nhân nước ta đã tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân đã đóng góp trực tiếp, to lớn vào quá trình phát triển của đất nước, cùng với các giai cấp, tầng lớp và thành phần xã hội khác, giai cấp công nhân nước ta là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, việc làm

và đời sống của giai cấp công nhân có cải thiện nhất định. Tuy nhiên, sự phát triển của giai cấp công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế cả về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; thiếu các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; phần lớn công nhân xuất thân từ nông dân, chưa được đào tạo cơ bản và có hệ thống. Một bộ phận công nhân chậm thích nghi với cơ chế thị trường. Giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị của công nhân không đồng đều; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân đang có nhiều khó khăn, bức xúc. Thực tiễn tình hình giai cấp công nhân nói trên cho thấy quá trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối của Đảng đã mở ra một giai đoạn lịch sử mới trong sự phát triển của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, những hạn chế, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm, đời sống và tư tưởng, tình cảm của công nhân. Đảng có chú trọng xây dựng giai cấp công nhân nhưng quan tâm chưa đầy đủ, chưa ngang tầm với vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong thời kỳ mới. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách và luật pháp xây dựng giai cấp công nhân, nhưng những chính sách, luật pháp này còn nhiều hạn chế, bất cập. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đóng góp tích cực vào việc xây dựng giai cấp công nhân, nhưng hiệu quả chưa cao, còn nhiều yếu kém. Bản thân giai cấp công nhân có nhiều nỗ lực vươn lên, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các doanh nghiệp và người sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế đóng góp tích cực vào tạo việc làm và thu nhập cho công nhân nhưng không ít trường hợp còn vi phạm chính sách, pháp luật đối với người lao động.

Sự nghiệp cách mạng nước ta hiện nay đòi hỏi phải xây dựng giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh; coi sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chúng ta phấn đấu để đến năm 2020 đạt được mục tiêu: Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hoá của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình

hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết hợp tác quốc tế; xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; là nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh theo hướng phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước là cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Đó là giai cấp công nhân ngày càng được trí thức hoá, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Để thực hiện được mục tiêu đó, trong thời gian tới, chúng ta cần nghiên cứu để tiếp tục phát triển lý luận về giai cấp công nhân trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước trí thức hoá giai cấp công nhân; quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho giai cấp công nhân; bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh hệ thống chính sách, pháp luật để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân gắn với tăng năng suất lao động; xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh, phát huy vai trò của công đoàn trong xây dựng giai cấp công nhân; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng trong xây dựng giai cấp công nhân.

Trong những năm trước mắt, cần hình thành và triển khai thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân; đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu mới; tăng cường giáo dục, nâng cao giác ngộ giai



cấp, bản lĩnh chính trị, hiểu biết pháp luật, xây dựng tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, lối sống lành mạnh cho công nhân. Tích cực phát triển đảng viên mới từ công nhân, xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp; đẩy mạnh phát triển đoàn viên và tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên trong các loại hình doanh nghiệp. Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi công nhân và của toàn dân tộc.

Về Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Với vị trí là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, vai trò của tổ chức cơ sở đảng rất quan trọng. Để toàn Đảng mạnh thì từng đảng viên và từng cơ sở đảng phải mạnh. Trong những năm qua, chúng ta đã có nhiều nghị quyết, đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp hướng về cơ sở, xây dựng cơ sở vững mạnh. Đến nay, nhiều tổ chức cơ sở đảng đã giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến về lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu có kết quả, công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở được quan tâm hơn, nhiều đồng chí được tôi luyện trưởng thành trong thực tiễn, được nhân dân tín nhiệm.

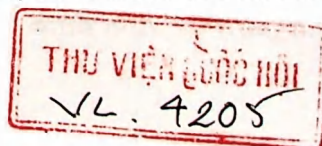
Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của không ít tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều mặt yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nhiều tổ chức cơ sở đảng, chi bộ chưa thực hiện đúng và đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định. Việc phổ biến, quán triệt, khả năng vận dụng cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Chất lượng sinh hoạt đảng thấp, chậm đổi mới, có nơi còn hình thức, vi phạm nguyên tắc, chạy theo thành tích. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên nhìn chung còn nhiều hạn chế. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, giáo dục cán bộ, đảng viên có nơi bị buông lỏng.

Mô hình tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi chưa đồng bộ, thống nhất với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, việc xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên ở một số địa bàn, lĩnh vực trọng yếu còn khó khăn. Chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở còn bất cập, thiếu đồng bộ.

Thực tiễn đó đòi hỏi Đảng ta phải tập trung sức xây dựng, củng cố, nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo được sự chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình cơ sở đảng, làm cho tổ chức cơ sở đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, là cầu nối giữa Đảng với quần chúng, đủ sức lãnh đạo giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp xảy ra ở cơ sở. Kiên toàn, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị đồng bộ, thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở: Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên ở những nơi chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên. Bảo đảm các loại hình tổ chức cơ sở đảng đều có quy định về chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc phù hợp. Chăm lo xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên, trước hết là bí thư cấp uỷ và cán bộ, đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, có uy tín, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kiên quyết thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, không được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm; đồng thời kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Để thực hiện tốt mục tiêu đó, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về phẩm chất và năng lực, đủ sức hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. Công tác chính trị, tư tưởng phải được tiến hành một cách tích cực, chủ động, trang bị kịp thời những thông tin chính thống có định hướng, kiên quyết đấu tranh với các luận điệu sai trái, độc hại của các thế lực thù địch và phần tử xấu; lý giải kịp thời các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, củng cố niềm tin vào đường lối của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng sự đoàn kết thống nhất có nguyên tắc trong chi bộ, đơn vị.

Về mặt tổ chức, chúng ta phải hoàn thiện mô hình tổ chức trong các loại



hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng gắn tổ chức cơ sở đảng với trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; chăm lo phát triển đảng viên, nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên.

Thực hiện mạnh mẽ chủ trương trẻ hoá, tiêu chuẩn hoá và thí điểm từng bước "nhất thể hoá" một số chức danh cán bộ; tạo bằng được bước chuyển có tính đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, chất lượng sinh hoạt của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ cương, kỷ luật; khắc phục tính hình thức, đơn điệu, tăng cường sức sống mới, tính chiến đấu, tính giáo dục để nâng cao nhận thức và tạo sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng.

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, quản lý đảng viên, thực hiện tự phê bình và phê bình sâu sắc, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

#### *Thưa các đồng chí,*

Về "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước. Sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp trước đây sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hoá thành Hiến pháp, pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ hình thức sở hữu toàn dân và tập thể là chủ yếu sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen hỗn hợp; trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, xoá bỏ phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho khai thác tiềm năng trong nước và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội. Các loại thị trường đã ra đời và từng bước phát triển theo hướng thông suốt và thống nhất trong cả nước, mở rộng ra khu vực và thế giới. Quyền tự do, bình đẳng trong kinh doanh đã thực sự đi vào cuộc sống. Cơ

ché thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã cơ bản thay thế cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trước đây trong việc vận hành nền kinh tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô, cả đối với lĩnh vực sản xuất và phân phối. Quản lý nhà nước về kinh tế được đổi mới từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh sang quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác. Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta còn chậm, lúng túng, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện và hội nhập kinh tế quốc tế, chưa hình thành một cách có hệ thống lý luận về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chưa xác định rõ và tạo được sự nhất trí cao về những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chưa lường hết tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, nhất là trong lĩnh vực xã hội để có biện pháp hữu hiệu hạn chế và ngăn ngừa.

Nghị quyết Đại hội X xác định, để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần phải nắm vững đặc trưng cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, thể hiện tính ưu việt là gắn kết chặt chẽ kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển; nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước; phát triển đồng bộ và có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh; phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là: *thứ nhất*, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn. *Hai là*, phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành

phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. *Ba là*, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn của các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. *Bốn là*, phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Theo định hướng đó, Đảng ta đề ra mục tiêu tổng quát: tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường là nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu cụ thể cho giai đoạn từ nay đến năm 2010 là hoàn thành cơ bản việc xây dựng hệ thống pháp luật bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu theo mô hình công ty mẹ - công ty con, áp dụng mô hình quản lý hiện đại; đổi mới cơ bản tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công; hình thành, phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao hơn hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của nhân dân trong quản lý phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 2010 đến năm 2020, tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao trình độ phát triển của nền kinh tế, thực hiện về cơ bản mục tiêu tổng quát trên.

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là công việc hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ. Quá trình thực hiện phải nắm chắc quan điểm, tôn trọng và vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật khách quan, đồng thời phải phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của nền kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường; chủ động, tích cực với quyết tâm chính trị cao, tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết kinh nghiệm, kế thừa và chọn lọc thành tựu của nhân loại và kinh nghiệm từ thực tiễn ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong suốt quá trình thực hiện.

*Thưa các đồng chí,*

Hội nghị Trung ương lần này biểu thị sự nhất trí cao với các tờ trình của Bộ Chính trị "Về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012", về chủ trương "Mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội". Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng chuẩn bị đề án trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung 3 thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng khoá X; nhất trí cao với Tờ trình của Bộ Chính trị về việc thành lập 2 tiểu ban: Tiểu ban tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới; Tiểu ban tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và chuẩn bị xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020); nhất trí bổ sung Đề án tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá vào chương trình toàn khoá và sẽ trình Hội nghị Trung ương 8 xem xét, quyết định.

*Thưa các đồng chí,*

Hội nghị Trung ương lần này đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng nhằm tiếp tục cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Hội nghị kết thúc vào dịp kỷ niệm 78 năm thành lập Đảng, cả nước chuẩn bị đón xuân mới, các cấp, các ngành đang ra sức triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2008, năm bản lề có ý nghĩa rất quan trọng đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Tôi mong rằng, mỗi đồng chí Trung ương, mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta nêu gương trong việc tổ chức đón tết vui xuân lành mạnh, an toàn, tiết kiệm, không lãng phí.

Nhân dịp này, tôi xin gửi đến toàn thể các đồng chí tham dự Hội nghị, đến đồng chí, đồng bào và chiến sĩ trong cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất. Chúc mọi người mạnh khoẻ, hạnh phúc, năm mới tiến bộ mới, thắng lợi mới.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X.

Xin trân trọng cảm ơn.

## **ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG Ở GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI**

**(GS.TS. Nguyễn Thị Doan,  
Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm  
Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương)**

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm công tác kiểm tra và giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Lý luận về kiểm tra, kỷ luật Đảng luôn được bổ sung và hoàn thiện, hoạt động kiểm tra, xử lý kỷ luật trong Đảng cũng luôn được đổi mới. Điều đó được thể hiện trong Báo cáo Chính trị và Điều lệ Đảng qua các kỳ Đại hội của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cũng như thực tiễn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra thời gian qua. Đảng ta luôn khẳng định: Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo; kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, là một nội dung quan trọng của phương thức lãnh đạo của Đảng, là một nội dung không thể thiếu của công tác xây dựng Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng; kỷ luật của Đảng là kỷ luật nghiêm minh, kỷ luật sắt. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng. Đồng thời Đảng nhấn mạnh phải: tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, của Ủy ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đang đứng trước bối cảnh có nhiều thuận lợi và cơ hội, đồng thời cũng đang đương đầu với không ít khó khăn, thách thức và nguy cơ, tác động rất phức tạp đến vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng, chỉnh



đồn Đảng, đặc biệt là công tác kiểm tra và kỷ luật trong Đảng. Điều đó đòi hỏi công tác kiểm tra trong Đảng không chỉ hoạt động trong phạm vi phục vụ nhiệm vụ xây dựng nội bộ Đảng, mà còn phải nhằm mục tiêu thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước, góp phần bảo đảm sự lãnh đạo thành công của Đảng trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng không chỉ phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng mà còn phải phục vụ đặc lực yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trước mắt là, phục vụ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị do Đại hội IX của Đảng đề ra: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2010 đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển, đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tăng cường quốc phòng và an ninh; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế; xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Trước bối cảnh đó, nếu công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng không được đổi mới thì không thể đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Hiện nay, có rất nhiều nhân tố tác động đến công tác kiểm tra và xử lý kỷ luật trong Đảng, mà hoạt động kiểm tra và xử lý kỷ luật Đảng cần phải bao quát, để có sự đổi mới phù hợp với yêu cầu đặt ra của thực tiễn. Đó là, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, các mối quan hệ đối ngoại chuyên động mạnh mẽ trong tiến trình chủ động hội nhập ngày càng sâu, rộng hơn trên nhiều lĩnh vực; khoa học - kỹ thuật phát triển nhanh, nhất là công nghệ thông tin đã làm xuất hiện các phương thức quản lý mới. Nhất là, sự tan rã và mất quyền lãnh đạo của một số Đảng Cộng sản cầm quyền, gắn liền với nó là chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào

đã tác động lớn đến tư tưởng và lý tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên, thậm chí có một số người đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Trong khi đó, bối cảnh quốc tế diễn biến rất phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường. Trong quá trình thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và đẩy nhanh việc hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, những mặt trái của cơ chế thị trường đang tác động không nhỏ đến tâm tư tình cảm của một số cán bộ, đảng viên. Trong khi đời sống còn khó khăn, nếu bản thân đảng viên không xác định tốt về tư tưởng, lại không được kiểm tra, giám sát chặt chẽ thì rất dễ vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo hệ thống chính trị, nếu không có cơ chế kiểm tra và giám sát chặt chẽ dễ dẫn đến quan liêu, độc đoán chuyên quyền, lạm quyền và lạm dụng quyền. Vì vậy, công tác kiểm tra và xử lý kỷ luật trong Đảng không cho phép sự "lấn sân" hoặc có "vùng cấm" trong Đảng đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Công tác kiểm tra trong Đảng là một bộ phận rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng, gắn liền với sự trưởng thành và vững mạnh của Đảng qua các giai đoạn cách mạng. Thời gian qua, công tác kiểm tra đã đóng góp tích cực vào việc lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới của Đảng; góp phần quan trọng trong việc bảo vệ đường lối, quan điểm, các nguyên tắc của Đảng, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Các tổ chức đảng đã nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra của Đảng. Nhiều cấp ủy đã quan tâm lãnh đạo công tác kiểm tra, xây dựng chương trình kế hoạch và trực tiếp kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới theo Điều lệ Đảng nên đã đạt kết quả thiết thực. Ủy ban kiểm tra các cấp đã tham mưu đắc lực cho cấp ủy cùng cấp về công tác kiểm tra và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều lệ Đảng. Nói chung, các kết luận của Ủy ban Kiểm tra các cấp là khách quan và chính xác; qua đó, đồng thời rút ra nhiều bài học kinh nghiệm để nâng cao dần chất lượng công tác kiểm tra.

Tuy nhiên, trong giai đoạn cách mạng mới, các tổ chức đảng, nhất là đảng viên của Đảng chịu sự tác động của nhiều nhân tố phức tạp đan xen nhau, vấn đề giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng đang đứng trước những thách thức mới, nhất là trong khi một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên sa sút về phẩm chất đạo đức, thoái hóa, biến chất, phai nhạt lý tưởng cách mạng đã và đang gây hậu quả nghiêm trọng. Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi yếu kém, không phát huy được vai trò hạt nhân lãnh đạo. Bệnh quan liêu, độc đoán, chủ quan, kèn cựa, cá nhân chủ nghĩa còn nặng. Những hạn chế, yếu kém đó, một phần là do công tác kiểm tra của Đảng còn nhiều bất cập và việc xử lý kỷ luật trong Đảng cũng còn có nơi, có lúc chưa nghiêm.

Để khắc phục các hạn chế, bất cập đó, để công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng đáp ứng đòi hỏi của giai đoạn cách mạng mới, góp phần quan trọng hơn nữa vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng nội bộ Đảng trong sạch, vững mạnh với đội ngũ cán bộ, đảng viên gương mẫu có đủ phẩm chất, năng lực thực hiện có hiệu quả mọi nhiệm vụ được giao trên mọi lĩnh vực, cần tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng theo phương hướng sau:

*Một là*, xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách, phương thức phù hợp nhằm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, để nhân dân thật sự giám sát Đảng một cách hiệu quả. Điều lệ Đảng hiện hành quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam chịu sự giám sát của nhân dân. Nhưng hiện nay chưa có chính sách, chế tài cụ thể, đủ hiệu lực để nhân dân thực hiện quyền đó. Vì thế, nhiều tổ chức đảng và đảng viên rất dễ xa dân, không nghe được các ý kiến và nguyện vọng chính đáng của dân còn nhân dân chưa giám sát được Đảng. Không có dân thì không có Đảng, mọi hoạt động của Đảng đều phải dựa vào dân - dân là gốc, sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân, sự nghiệp cách mạng của Đảng cũng chính là sự nghiệp cách mạng của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, cần tiếp tục xây dựng cơ chế, các quy định cụ thể như nhân dân được giám sát những nội dung gì, phản ánh cho ai..., đồng thời phải có chính sách khen thưởng và biện pháp hữu hiệu bảo vệ những người

phản ánh cho Đảng những hành vi vi phạm, suy thoái của cán bộ, đảng viên, tránh để xảy ra hiện tượng trù dập của những người có chức, có quyền đối với những người giám sát.

Tổng kết việc thực hiện *Quy chế Dân chủ ở cơ sở* thời gian vừa qua, rút ra những bài học kinh nghiệm để thực hiện tốt quy chế này trong thời gian tới, bảo đảm phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Thực hiện tốt việc cán bộ, đảng viên tự phê bình trước công chức, nhân viên trong cơ quan, đơn vị, trước tổ dân phố, thôn, bản... để nhân dân trực tiếp tham gia góp ý kiến nhận xét cán bộ, đảng viên. Cần công khai với nhân dân những chủ trương, quy định của Đảng và chính sách, chế độ của Nhà nước có liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các cơ quan, cán bộ, đảng viên, những điều đảng viên không được phép làm. Có như vậy, nhân dân mới có cơ sở để đối chiếu trong quá trình giám sát.

Tạo điều kiện để nhân dân thực hiện quyền giám sát trực tiếp và gián tiếp thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng. Trong giám sát hoạt động của Đảng, phải phát huy và tận dụng cao nhất, tốt nhất sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, của sự phối hợp trách nhiệm hoạt động giám sát của các cơ quan của Nhà nước từ Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan tư pháp, các đoàn thể chính trị - xã hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong đó, nhân dân giám sát Đảng cần tập trung chủ yếu vào giám sát cán bộ, đảng viên. Tăng cường các buổi tiếp xúc trực tiếp giữa các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước với nhân dân để hiểu dân và hiểu cán bộ dưới quyền hơn, thực hiện việc đưa đảng viên đang công tác ở các cơ quan của Đảng, Nhà nước... về sinh hoạt ở nơi cư trú. Tổ chức đảng phải tự đến với nhân dân và chú ý lắng nghe, tiếp thu các ý kiến của nhân dân, để nhân dân chủ động góp ý xây dựng Đảng.

*Hai là*, xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật của các cấp ủy các cấp. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Các cấp ủy lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức

đảng và đảng viên chấp hành đường lối chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và đích thân người đứng đầu cấp ủy phải trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Vì chỉ có cấp ủy mới có đủ thẩm quyền kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên chấp hành và thực hiện đường lối chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Qua kiểm tra, mới thẩm định được tính đúng đắn và khả thi của các chủ trương, nghị quyết do chính mình đề ra. Hiện nay, vẫn còn những cấp ủy và cán bộ chủ chốt của cấp ủy tuy có thể nhận thức được điều đó, nhưng chưa có chuyển biến trong các công tác lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thậm chí có một số còn chưa nhận thức đúng về công tác kiểm tra, nên vẫn phó mặc nhiệm vụ kiểm tra cho Ủy ban kiểm tra. Vì vậy, trước hết cần tuyên truyền để toàn thể đảng viên, nhất là các cấp ủy viên nhận thức rõ vấn đề kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng mà các cấp ủy phải vừa là người lãnh đạo vừa là người trực tiếp thực hiện. Đồng thời, xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ này cho các cấp ủy. Hiện nay, trong việc thực hiện quy trình công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ủy ban kiểm tra các cấp, nhiều cấp ủy có ý thức quan tâm đến công tác kiểm tra nhưng khi thực hiện thì còn rất lúng túng, hiệu quả còn hạn chế. Do đó, cần quy định rõ trách nhiệm lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và tự kiểm tra của các đồng chí cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo các cấp ủy từ Bộ Chính trị đến cấp ủy cơ sở; định kỳ sơ kết, tổng kết việc lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra cấp ủy và cần đưa điều đó vào tiêu chí đánh giá cấp ủy viên hằng năm.

*Ba là*, xây dựng chính sách và chế tài thống nhất về xử lý kỷ luật trong Đảng, nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm phương châm "công minh, chính xác, kịp thời", bảo đảm bình đẳng đối với mọi đảng viên. Có như vậy, mới khắc phục tình trạng xử lý nặng nhẹ khác nhau trước cùng một lỗi vi phạm, gây ra hiện tượng bất bình đẳng và khiếu nại kéo dài; chấm dứt tình trạng đảng viên mắc sai phạm ở nơi này lại được điều sang nơi khác và thậm chí được đề bạt. Làm như vậy chẳng những hỏng việc mà còn hỏng cả cán bộ.

*Bốn là*, đổi mới phương pháp phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra với các ban

của Đảng và các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của Đảng, bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của sự phối hợp đó. Cần xây dựng cơ chế phối hợp theo hướng quy định rõ nội dung và cách thức phối hợp, cơ quan chủ trì phối hợp và trách nhiệm từng cơ quan trong sự phối hợp đó.

*Năm là*, nhận thức đúng về vị thế của Ủy ban Kiểm tra, đồng thời nâng cao năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra. Trong các ban của Đảng, thì Ủy ban Kiểm tra là ban đảng duy nhất do cấp ủy cùng cấp bầu ra. Điều lệ Đảng quy định rõ nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp. Song, cần quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra phải rộng hơn và phải có tính độc lập tương đối. Mặt khác, Ủy ban Kiểm tra các cấp phải tự đổi mới mình cả về tổ chức công tác kiểm tra và cả về phương thức hoạt động với tư tưởng chỉ đạo hoạt động công tác kiểm tra là: "chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả". Ủy viên Ủy ban Kiểm tra phải có phẩm chất, năng lực, trình độ tương đương cấp ủy viên cùng cấp. Kiểm tra là một nghề nên người làm công tác kiểm tra phải có đức và tài, trong đó đức là "gốc". Người làm công tác kiểm tra phải có bản lĩnh và uy tín, khi giải quyết các vụ, việc, phải có công tâm, trung thực, khách quan, thận trọng và kiên quyết. Đặc biệt trong điều kiện xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, người làm công tác kiểm tra phải có kiến thức tương đối toàn diện về các lĩnh vực pháp luật, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng và công tác đảng. Vì vậy, cùng với quá trình đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra thì người làm công tác kiểm tra phải luôn luôn tự học tập, đúc rút kinh nghiệm để có phẩm chất và trình độ đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Mặt khác, cần có chính sách thu hút những người có đức và thực tài về lĩnh vực kiểm tra làm công tác kiểm tra.

*Sáu là*, nâng cao tính tự giác, tự phê bình và tự kiểm tra của tổ chức đảng và đảng viên. Do tính đặc thù của công tác kiểm tra, Đảng là đối tượng kiểm tra cũng đồng thời là chủ thể kiểm tra, cho nên phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra của Đảng là dựa vào đảng viên và tổ chức đảng, phát huy tinh thần tự giác, tự phê bình và phê bình của đảng viên và tổ chức đảng. Thực tiễn hiện nay cho thấy, công tác phê bình và tự phê bình của đảng viên và tổ chức đảng

nói chung đều yếu, có nơi chỉ là hình thức. Tình trạng nể nang, né tránh, không dám đấu tranh phê bình trong Đảng và bộ máy nhà nước là khá phổ biến. Hầu như chưa có một cuộc phê bình và tự phê bình nào của tổ chức đảng và đảng viên tự nhận là mình chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ và kỷ luật Đảng chưa nghiêm túc, thậm chí coi việc tham nhũng, quan liêu, suy thoái diễn ra ở nơi khác, người khác.

Tự kiểm tra mình là việc khó nhất, vì vậy trước hết phải chiến thắng chính chủ nghĩa cá nhân trong mỗi con người. Nói đến tự kiểm tra là phải nói đến tính tự giác cao, tự đấu tranh rất gian khổ với chủ nghĩa cá nhân và bệnh cá nhân, bệnh sĩ diện, là thái độ không tự tha thứ với những yếu kém. Nếu không biết đúng, sai thì không tự kiểm tra được và không tự giác tự kiểm tra, tự sửa chữa và dễ dẫn đến tự đánh mất mình. Là đảng viên, phải biết tu dưỡng và muốn tu dưỡng tốt càng phải tự kiểm tra. Tự kiểm tra và tiếp thu nghiêm túc ý kiến của quần chúng nhân dân sẽ giúp mỗi người tự biết sai lầm, biết sửa chữa để tiến lên.

Tự giác là bản chất của Đảng, tự giác không chỉ là phương tiện mà còn là mục đích của công tác kiểm tra nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung. Vì vậy, cần có giải pháp lâu dài và biện pháp trước mắt nhằm nâng cao tính tự giác của cán bộ, đảng viên. Tự kiểm tra, tự phê bình và phê bình là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng..

## **TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG**

**(Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị,  
Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban  
Kiểm tra Trung ương)**

Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ra Nghị quyết Về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng nhằm tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của cấp ủy, tổ chức đảng. Việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này là một yêu cầu quan trọng để trực tiếp và thiết thực góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín chính trị của Đảng, đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Những năm qua, gần đây nhất là 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, phát huy những kết quả đạt được, công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng đã có nhiều đổi mới, có chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng. Nhìn khái quát là, Ban Chấp hành Trung ương và các cấp ủy quan tâm hơn việc kiểm tra chấp hành đường lối, chủ trương, Điều lệ Đảng và công tác cán bộ; xây dựng chương trình kiểm tra và thực hiện kiểm tra theo chương trình, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, những lĩnh vực, địa bàn có vấn đề phức tạp. Việc xử lý nghiêm hơn đối với một số cán bộ, đảng viên có sai lầm, kể cả cán bộ cao cấp, có tác dụng giáo dục, răn đe, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Nét nổi bật là, nhận thức về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, nhận thức của các tổ chức đảng và đảng viên về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra và kỷ luật đảng ngày càng được nâng cao. Cấp ủy từ Trung ương đến cơ sở đã quan tâm, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức



thực hiện công tác kiểm tra theo Điều 30, Điều 32 Điều lệ Đảng, khắc phục một bước những biểu hiện hữu khuynh, né tránh hoặc coi nhẹ công tác kiểm tra. Việc chấp hành kỷ luật trong Đảng đã có chuyển biến tích cực, nhiều tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên gương mẫu, nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, được nhân dân tín nhiệm.

Đồng thời, các cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thực hiện đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật; phát huy tính công khai, dân chủ và từng bước khắc phục tình trạng xử lý "nhẹ trên, nặng dưới", xử lý nội bộ, không xử lý hoặc để kéo dài, rồi xử lý nhẹ. Đội ngũ cán bộ kiểm tra Đảng có bản lĩnh chính trị, trung thành với sự nghiệp cách mạng, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, trình độ chuyên môn nghiệp vụ được nâng lên, thực hiện có chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ được giao. Cấp ủy các cấp, từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến cơ sở đã xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra và thực hiện kiểm tra theo chương trình một cách chủ động hơn.

Nhìn lại năm 2006, Ban Bí thư quyết định Chương trình kiểm tra số 07 về tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Đảng; trực tiếp kiểm tra các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Dương, Bắc Ninh và Khánh Hòa. Tiếp theo tám tháng năm 2007, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định Chương trình kiểm tra số 37, trong đó: Bộ Chính trị kiểm tra việc quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết số 10, 37, 21, 32, 39 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Tây Nam Bộ, thành phố Hải Phòng và thành phố Đà Nẵng. Ban Bí thư tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trực tiếp kiểm tra các tỉnh và đơn vị: Bắc Giang, Thanh Hóa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, Quân khu 5 thuộc Bộ Quốc phòng và Đài Truyền hình Việt Nam;

kiểm tra việc thực hiện Thông báo kết luận về kết quả làm việc của Ban Bí thư khóa IX đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng; kiểm tra việc quán triệt, triển khai thực hiện các chỉ thị: Chỉ thị số 16 của Bộ Chính trị khóa IX Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên; Chỉ thị số 42 của Bộ Chính trị khóa VIII Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng; Chỉ thị số 06, ngày 7-11-2006, của Bộ Chính trị khóa X Về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh...

Điều đặc biệt nhấn mạnh là, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kịp thời chỉ đạo giải quyết một số vụ việc nổi cộm, dư luận quan tâm, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình. Chỉ đạo tổng kết tình hình thực hiện dân chủ trong công tác kiểm tra; tổng kết những biểu hiện suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên và tổng kết công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật của Đảng qua 20 năm đổi mới. Bộ Chính trị khóa X đã tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-02-1998, của Bộ Chính trị khóa VIII, Về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới.

Thực tế cũng ghi nhận, công tác tham mưu của các ban đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp có chuyên biến tích cực, kịp thời giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp xây dựng quy chế, quy định cụ thể hóa Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội X và Nghị quyết của đảng bộ cấp mình. Ủy ban Kiểm tra các cấp làm tốt vai trò nòng cốt trong tham mưu, giúp cấp ủy triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, tổ chức thực hiện toàn diện và đạt kết quả cao nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 32 của Điều lệ Đảng. Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tiến hành kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên là cán bộ lãnh đạo ở những lĩnh vực phức tạp, đối tượng lâu nay ít được kiểm tra, như các tổng công ty lớn, các cơ quan khối tư pháp, ngoại giao, lực lượng vũ trang, các đoàn thể chính trị - xã hội; kiểm tra xử lý cán bộ liên quan đến một số vụ án lớn; kiểm tra công tác tài chính của cấp ủy tỉnh, thành phố và đơn vị trực thuộc Trung ương (Sơn La, Thái Bình, Bình Định, Lâm Đồng, Kiên Giang, Gia

Lai, Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia...). Đồng thời thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với một số tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương và tổ chức đảng trong quân đội (Tuyên Quang, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế, Tiền Giang, Sóc Trăng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Hội Nông dân Việt Nam, Quân đoàn 1, Quân khu 7...). Qua kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã kịp thời đề xuất Bộ Chính trị, Ban Bí thư xử lý những tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm và có văn bản chỉ đạo các cấp ủy rút kinh nghiệm chung trong toàn Đảng trên một số lĩnh vực.

Mặc dù vậy, cũng phải thừa nhận rằng, công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng nói riêng xét trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt kết quả chưa được như mong muốn: kỷ cương, kỷ luật ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực không nghiêm; sự đoàn kết, nhất trí ở một số cấp ủy chưa tốt; bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa giảm; sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo ở một số tổ chức đảng còn hạn chế. Qua tổng kết Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII Về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng cho thấy, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại và công tác cán bộ đều có vi phạm ở mức độ khác nhau. Trong lĩnh vực quản lý đất đai, vi phạm xảy ra nhiều và phổ biến ở hầu hết các địa phương, các ngành, càng ở các trung tâm đô thị, khu công nghiệp càng nghiêm trọng. Trong xây dựng cơ bản, nhiều dự án sai ngay từ chủ trương, quyết định đầu tư đến quá trình triển khai thực hiện, quản lý dự án gây thất thoát, lãng phí tài sản và tiền của của Nhà nước. Đáng lưu ý là vi phạm không chỉ xảy ra trong các hoạt động kinh tế mà còn lan sang các lĩnh vực từ xưa đến nay vốn được coi trọng về đạo lý và tính nghiêm túc như giáo dục, y tế, nhất là trong thực hiện chính sách xã hội, đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, công tác cán bộ và các công tác khác của chúng ta.

\*

\* \*

Trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng mới, Đại hội X của Đảng quyết định bổ sung chức năng, nhiệm vụ giám sát cho cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp. Đây là một nhiệm vụ mới, đang vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Cùng với việc nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng khóa X, Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006, của Bộ Chính trị Về ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng; Quyết định số 58 của Bộ Chính trị Về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ban hành bốn hướng dẫn thực hiện công tác giám sát cho bốn loại hình tổ chức đảng: cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy, các ban của cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp, chi bộ; đồng thời đang giúp Ban Bí thư xây dựng Quy chế Giám sát trong Đảng và một số quy định khác về công tác kiểm tra, giám sát.

Để tăng cường hơn nữa chất lượng và hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong tình hình mới, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa X, họp tháng 7-2007, đã ra Nghị quyết Về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Theo đó, trên cơ sở Nghị quyết Đại hội X, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X, các quy định và hướng dẫn về công tác giám sát, thời gian tới, chúng ta cần lưu ý thực hiện một số vấn đề sau:

- Công tác giám sát hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên là yêu cầu bức thiết, xuất phát từ đòi hỏi khách quan của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, bảo đảm cho Đảng ta, trước hết là các cơ quan lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp luôn kiên định về chính trị, vững vàng về đường lối, không chệch hướng. Các tổ chức đảng và đảng viên chịu sự giám sát của Đảng, không để bất cứ người nào có chức, có quyền mà không được giám sát.

- Nội dung giám sát tổ chức đảng được thực hiện toàn diện, giám sát việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của cấp ủy cấp trên và cấp ủy cấp mình; chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc quán triệt và chấp hành các nguyên tắc tổ chức và

sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; việc bảo đảm quyền của đảng viên; việc chấp hành các quy định của Đảng, Nhà nước trong công tác tổ chức, cán bộ; việc chấp hành kỷ luật, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quản lý, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên.

- Nội dung giám sát đối với đảng viên: Việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; việc giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú; việc thực hiện giữ mối liên hệ mật thiết với quần chúng; việc thực hiện những điều đảng viên không được làm; việc thực hiện chế độ kê khai và công khai tài sản của cán bộ, đảng viên theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Theo Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng khóa X: Ủy ban kiểm tra Trung ương thực hiện quyền giám sát đối với Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (kể cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư), cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Ban Chấp hành Trung ương; Bộ Chính trị, Ban Bí thư và về đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát phải xác định rõ đối tượng, nội dung giám sát. Tiến hành giám sát theo cả hai cách: giám sát thường xuyên thông qua việc phân công cán bộ theo dõi địa bàn; giám sát theo chuyên đề bằng xây dựng kế hoạch, thành lập tổ giám sát. Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, hoặc có hành vi ban hành quyết định, quy định trái với nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên và của cấp mình, trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước thì có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên khắc phục, sửa chữa; nếu

không khắc phục, sửa chữa thì xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp ủy cấp trên xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan; khi cần thiết thì yêu cầu hủy bỏ các quyết định, quy định sai trái đó; phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì giao cho Ủy ban Kiểm tra tiến hành kiểm tra, xem xét, kết luận.

Cuối năm 2007, Ủy ban Kiểm tra Trung ương sẽ tiến hành tổng kết một năm thực hiện nhiệm vụ giám sát để rút kinh nghiệm, tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát cho những năm tới.

\*  
\* \* \*

Trước tình hình mới, tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X Về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng nhấn mạnh: Công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, sự đoàn kết thống nhất và bảo đảm thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng; phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X.

Để thực hiện mục tiêu đó, cần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp. Cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phải là những tấm gương sáng, mẫu mực về đạo đức, lối sống cho quần chúng học tập, noi theo.

Xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định pháp luật về chế độ, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế. Ban hành mới các quy định, quy chế về công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát như: Quy chế về chế độ tự phê bình và phê bình

trong Đảng; Quy chế thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; Quy chế dân chủ trong Đảng; Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ, đề cơ quan, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; Quy chế giám sát trong Đảng; Quy chế chất vấn trong Đảng; Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra với các tổ chức đảng có liên quan trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng. Thực hiện minh bạch, công khai hóa các chế độ, chính sách về cán bộ, đảng viên và nhân dân giám sát, kiểm tra tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp và chi bộ bảo đảm hiệu lực, hiệu quả. Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng trên các lĩnh vực sau:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, việc thi hành Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác tư tưởng chính trị nói chung và hoạt động báo chí nói riêng.

- Chủ động hơn nữa kiểm tra, giám sát việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chấp hành quy chế làm việc, chế độ công tác; thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; về mối quan hệ giữa tổ chức đảng và đảng viên với quần chúng; việc giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên phải được đặc biệt coi trọng.

- Dành tâm sức và thời gian thỏa đáng kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các khâu cấp và sử dụng nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước; trong xây dựng cơ bản, mua sắm vật tư, thiết bị; quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên, công sản; triển khai thực hiện các dự án trọng điểm.

- Chú trọng tập trung kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính liên quan đến

giải quyết công việc của các tổ chức và cá nhân, đặc biệt là trong các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhất là những vụ án nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận đông đảo.

- Dành sự ưu tiên kiểm tra, giám sát về tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bố trí, sử dụng, khen thưởng và thực hiện chính sách cán bộ; về phẩm chất đạo đức, lối sống và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên; việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; về nội dung và chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy, tổ chức đảng.

- Không ngừng kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Kiểm tra, tăng cường cán bộ kiểm tra các cấp bảo đảm tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Xây dựng, hoàn thiện các quy định và đổi mới công tác tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đề bạt, bố trí, luân chuyển, sử dụng, khen thưởng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát. Có chính sách thỏa đáng về nhà ở, chế độ đãi ngộ, phụ cấp nghề... để thu hút được cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực, tâm huyết, bản lĩnh về làm công tác kiểm tra. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ; không được lợi dụng vị trí công tác để làm sai chức trách, nhiệm vụ được giao.

Qua tổng kết một bước thực tiễn cho thấy, để làm tốt hơn nữa việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát theo Nghị quyết Đại hội X và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X, cấp ủy các cấp cần thực hiện thật tốt những việc cấp bách sau đây:

*Một là*, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, trước hết là người đứng đầu cấp ủy phải nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Có nhận thức đúng thì mới xác định được trách nhiệm, mới có quyết tâm chính trị để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát. Thực tế cho thấy, ở đâu người đứng đầu cấp ủy có nhận thức đúng, có trách nhiệm đối với công tác kiểm tra thì ở nơi đó làm tốt công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.



*Hai là, cấp ủy phải xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm. Theo đó, chủ động trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, không bị động trước tình hình.*

*Cuối cùng, cấp ủy phải đích thân tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra theo chương trình, kế hoạch của cấp ủy đã đề ra, trên cơ sở xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian kiểm tra, kiên quyết không khoán trắng cho Ủy ban Kiểm tra hay các ban của cấp ủy cấp mình.*

Việc thành công hay hạn chế trên lộ trình thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, trước mắt những năm tới, một phần căn bản tùy thuộc vào sự nỗ lực của toàn Đảng, trực tiếp là Ủy ban Kiểm tra các cấp cùng toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khóa X Về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, nhất định chúng ta tạo ra bước chuyển mới về chất, trực tiếp và thiết thực góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu ngày càng to lớn, nặng nề và phức tạp của công cuộc đổi mới hiện nay.

## VỀ 5 QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG

Đoàn Thế Hanh

Trước đòi hỏi cấp thiết của công tác xây dựng Đảng thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với nhận thức từ công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng sau 20 năm đổi mới, kinh nghiệm đúc rút, tổng kết sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 29-02-1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng và thực hiện Nghị quyết Đại hội X; Hội nghị Trung ương 5 đã ra Nghị quyết Về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Đây là một trong những nghị quyết quan trọng chỉ đạo công tác xây dựng Đảng hiện nay trong đó nêu rõ 5 quan điểm chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, yêu cầu mỗi đảng viên, cấp ủy các cấp phải thấu triệt và góp phần thực hiện có hiệu quả.

**Quan điểm thứ nhất: Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng.**

Công tác lãnh đạo bao gồm nhiều nội dung, trong đó có vấn đề xây dựng bản thân đảng chính trị. Ở tất cả các công đoạn của quá trình lãnh đạo, Đảng đều phải kiểm tra, giám sát. Đó là nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm thắng lợi cho công tác lãnh đạo. Mỗi đảng viên và cấp ủy phải thấy rõ công tác kiểm tra, giám sát thuộc về chức năng lãnh đạo của Đảng, là thành tố quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Vấn đề có tính nguyên lý này đã được Hồ Chí Minh chỉ rõ: Không kiểm tra là không lãnh đạo.

Vì sao công tác kiểm tra, giám sát của Đảng lại thuộc về chức năng lãnh đạo? Lãnh đạo là quá trình động, từ khâu định ra đường lối, chủ trương cho một hoặc nhiều vấn đề nào đó thuộc về đời sống xã hội và tổ chức thực hiện nó trong hiện thực. Quá trình đó luôn nảy sinh những vấn đề phức tạp cả về lý

luận lẫn thực tiễn. Kiểm tra, giám sát chính là xem quá trình tổ chức thực hiện có bám sát mục tiêu, quy chế đã định không, bước đi thế nào, phương thức vận hành ra sao, những vấn đề gì nảy sinh... Từ công tác kiểm tra, giám sát, người lãnh đạo có dịp nhận thức đầy đủ hơn về chủ trương, chính sách của mình, trên cơ sở đó điều chỉnh cho phù hợp, uốn nắn những sai lệch, xử lý những vi phạm, sai lầm trong quá trình tổ chức thực hiện để mục tiêu, nhiệm vụ của vấn đề đã được công tác lãnh đạo xác định trở thành hiện thực. Kiểm tra, giám sát là bộ phận của công tác lãnh đạo.

Những ai và cấp nào chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát? Nghị quyết Trung ương 5, khóa X chỉ rõ: Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng là hoạt động của các cấp ủy đảng, các ban chức năng của cấp ủy, các tổ chức đảng và của đảng viên. Trước đây công tác kiểm tra được giao cho cơ quan kiểm tra của cấp ủy. Tình trạng khoán trắng này không phải là cá biệt. Công tác kiểm tra giám sát vốn khó khăn và phức tạp, nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo toàn diện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa non trẻ. Trong lúc số lượng cán bộ chuyên trách của ủy ban kiểm tra các cấp mỏng, dẫn tới tình trạng thiếu sâu sát, vụ việc tồn đọng, mức độ giải quyết nhiều khi chưa đến nơi, đến chốn. Hơn thế, công tác kiểm tra giám sát vốn khô khan, phức tạp, dễ va chạm, mất lòng người khác, nhất là đối với những người chịu trách nhiệm và liên đới tới vấn đề đang kiểm tra, giám sát, nên nhiều đảng viên, cấp ủy viên không muốn nhận công tác này khi được phân công. Cần nhận thức rõ rằng là người tham gia lãnh đạo nên công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trước hết thuộc trách nhiệm của mỗi đảng viên. Đảng viên phải được phân công phụ trách một số quần chúng, hoặc một cộng đồng cư dân cụ thể nào đó. Vì vậy, đảng viên phải chịu trách nhiệm hai chiều, *một là* trước tổ chức đảng mà mình sinh hoạt, *hai là* trước quần chúng mà mình phụ trách về những vấn đề thuộc về công tác lãnh đạo, trong đó có kiểm tra, giám sát của Đảng. Từ những thông tin nắm được, với nguyên tắc dân chủ, thông qua sinh hoạt đảng mà đảng viên thực hiện trách nhiệm kiểm tra, giám sát của mình. Muốn vậy, các cấp ủy phải phân công cụ thể số lượng quần chúng, đơn vị, lĩnh vực hay công việc cho từng đảng viên để họ kiểm tra, giám sát. Họ là người chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng

và quần chúng về công tác kiểm tra, giám sát được phân công đó. Làm như vậy, đảng viên mới đích thực là người lãnh đạo.

Trên cơ sở báo cáo của đảng viên giám sát, cấp ủy chỉ đạo, ủy ban kiểm tra cùng cấp tiến hành xem xét, kiểm tra cụ thể. Đảng viên có thể kiểm tra, chất vấn lại quá trình kiểm tra, giám sát của cơ quan kiểm tra và cấp ủy về những vấn đề mà mình đã kiểm tra, giám sát, thậm chí cả những vấn đề khác ngoài lĩnh vực được phân công mà mình có thông tin chính xác. Người đứng đầu cơ quan kiểm tra phải có trách nhiệm đối thoại với đảng viên chất vấn. Cuối cùng, người đứng đầu cấp ủy phải chịu trách nhiệm hoàn toàn và cao nhất trước tổ chức đảng và nhân dân về kết quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Đây cũng là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đảng viên, cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy trước tổ chức Đảng và quần chúng, nhân dân nơi tổ chức đảng hoạt động.

Phương thức tiến hành công tác kiểm tra, giám sát của Đảng thế nào là đúng nguyên tắc và mang lại kết quả cao? Quá trình lãnh đạo từ đâu thì công tác kiểm tra, giám sát bắt đầu từ đó, và chỉ kết thúc khi sự việc đã hoàn tất. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đòi hỏi vừa phải giữ vững nguyên tắc sinh hoạt đảng là công khai, dân chủ, khách quan, có quy trình, vừa yêu cầu năng lực nắm bắt vấn đề, sự sáng tạo, khôn khéo, của đảng viên được phân công, tính quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, thấu tình, đạt lý của người đứng đầu cơ quan kiểm tra và người đứng đầu cấp ủy. Mọi việc đều phải báo cáo và được tổ chức đồng ý, tránh vì động cơ cá nhân làm sai lệch mục đích xây dựng Đảng.

Những ai và tổ chức nào chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng? Việc lãnh đạo của Đảng là do dân ủy thác, Đảng chịu trách nhiệm trước nhân dân về kết quả công tác lãnh đạo. Do vậy, Nghị quyết Trung ương 5, khóa X ghi rõ: Tổ chức Đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng và chịu sự giám sát của nhân dân. Điều này bắt nguồn từ trách nhiệm "kép" của Đảng và đảng viên - trách nhiệm trước nhân dân và trách nhiệm trước tổ chức đảng. Bản thân Đảng và đảng viên không có lợi ích riêng. Sự kiểm tra, giám sát đó không

ngoài mục đích xây dựng để Đảng ta và từng đảng viên ngang tầm, xứng đáng với trách nhiệm và niềm tin mà Tổ quốc và nhân dân trao gửi vì sự phát triển của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

**Quan điểm thứ hai: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phải gắn chặt với công tác tư tưởng, công tác tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.**

Để công tác kiểm tra, giám sát của Đảng thuận lợi, trở thành nền nếp xây dựng Đảng, có hiệu quả, đạt mục tiêu, đòi hỏi trước tiên Đảng phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục từ trong Đảng đến toàn xã hội để mọi người thông suốt tư tưởng, cùng nhận thức rõ công tác kiểm tra, giám sát là đòi hỏi nội tại của Đảng và là yêu cầu dân chủ hóa đời sống xã hội. Khi cả đối tượng và chủ thể của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã nhận thức rõ và thông suốt tư tưởng về vai trò, vị trí, ý nghĩa của công tác này và thấy được trách nhiệm của mỗi người, mỗi tổ chức về nó thì công tác này sẽ được tiến hành một cách thuận lợi, trở thành nếp sống lành mạnh của Đảng và xã hội.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phải gắn với công tác tổ chức chính là kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, mô hình thống nhất từ trung ương đến cấp quận, huyện và tương đương, bảo đảm hoạt động có hiệu quả, hiệu lực. Tập trung xây dựng một số quy chế như: Quy chế giám sát trong Đảng; Quy chế chất vấn trong Đảng; Quy chế phê bình, tự phê bình trong Đảng; Quy chế dân chủ trong Đảng; Quy chế về sự phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; Quy định xử lý trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy không hoàn thành nhiệm vụ; Quy định về xử lý kỷ luật đối với đảng viên; Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ; Quy chế tiếp nhận, xử lý ý kiến của Mặt trận, các đoàn thể và của nhân dân nhận xét, phê bình tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; các quy chế và biện pháp thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên. Công khai hóa các chế độ, chính sách để

cán bộ, đảng viên và nhân dân biết giám sát, kiểm tra. Khi công tác kiểm tra, giám sát có kết quả, với tư cách là những cơ quan tham mưu của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cần thống nhất với cơ quan tổ chức của Đảng về việc đánh giá, quy kết trách nhiệm, xử lý sai phạm, khen thưởng, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với đảng viên, tổ chức Đảng trước khi trình cấp ủy xem xét. Đối với đảng viên, quần chúng có nhiều thành tích trong công tác kiểm tra, giám sát, các tổ chức Đảng cần biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng, có cơ chế bảo vệ họ và những thông tin mà họ cung cấp.

Các cấp ủy cần thống nhất hành động về công tác kiểm tra, giám sát một cách đồng bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị. Có tổ chức chặt chẽ, có cơ chế thích hợp để vận hành. Không tạo ra vùng cấm, không "ưu tiên" cho bất cứ cá nhân và tổ chức nào trong công tác kiểm tra, giám sát. Sự dân chủ, bình đẳng trong kiểm tra, giám sát sẽ tạo nên phong trào rộng lớn toàn xã hội hướng tới mục tiêu xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phải gắn với việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trước hết là nhận thức rõ 5 mục tiêu trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị: *Một là*, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. *Hai là*, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. *Ba là*, phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân. *Bốn là*, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong xã hội. *Năm là*, phát triển đất nước nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chỉ có bám sát và thực hiện cho được các mục tiêu trên thì công tác kiểm tra, giám sát mới thu được hiệu quả cao, phục vụ đắc lực mục tiêu xây dựng Đảng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

**Quan điểm thứ ba: Thực hiện đồng bộ công tác kiểm tra và công tác giám sát.**

Tính đồng bộ giữa hai công tác này được Nghị quyết xác định: "Giám sát

phải mở rộng", "Kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm". Giám sát phải mở rộng cần được hiểu là ở đâu có sự lãnh đạo của Đảng, ở đó Đảng phải lãnh đạo tốt công tác giám sát. Giám sát đề quá trình thực thi chủ trương, nghị quyết của Đảng ở tất cả các cấp, các ngành đúng hướng, đúng Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước, những giá trị đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc, góp phần hoàn thành thắng lợi mục tiêu chung mà Đảng đề ra. Làm tốt công tác giám sát chính là chủ động phòng ngừa vi phạm, kịp thời phát hiện những nhân tố mới để phát huy; khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm ngay từ lúc mới manh nha.

Khi công tác giám sát được mở rộng và làm tốt thì công tác kiểm tra phải được tiến hành ở hai dạng: kiểm tra thường xuyên, định kỳ việc thực hiện Điều lệ, các nghị quyết của Đảng, kiểm tra việc triển khai các dự án, các chương trình hành động của cấp ủy, kiểm tra phẩm chất chính trị của đảng viên, và kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm. Nghị quyết cũng đã xác định rõ những vấn đề trọng tâm, trọng điểm của công tác kiểm tra trong thời gian tới là:

- Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Tập trung kiểm tra giám sát các nội dung, lĩnh vực: tư tưởng chính trị, quản lý báo chí; việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; lĩnh vực kinh tế, tài chính; lĩnh vực chính trị, tư pháp; công tác tổ chức, cán bộ; việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo của đảng viên và nhân dân; việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

**Quan điểm thứ tư: Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phải kết hợp chặt chẽ giữa "xây" và "chống", lấy "xây" là chính. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện phải kiên quyết xử lý nghiêm minh để răn đe và giáo dục.**

Lâu nay vẫn có người cho rằng, kiểm tra là tìm thiếu sót, khuyết điểm, những người làm công tác kiểm tra là "bới lông tìm vết". Thực tế "Công tác kiểm tra trong Đảng vẫn còn yếu, chất lượng và hiệu quả kiểm tra chưa cao; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện

và khắc phục; chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa phát huy nhân tố tích cực. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa làm tốt công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng. Công tác giám sát trong Đảng và công tác giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của Đảng, Nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa được quan tâm, chưa đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới<sup>1</sup>. Tệ quan liêu, tham nhũng, suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên hiện nay chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nguyên nhân chính là do công tác kiểm tra, giám sát chưa được nhận thức đúng và hành động quyết liệt từ cán bộ đảng viên đến tất cả các cấp ủy đảng.

Xây dựng Đảng ta ngang tầm với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay là yêu cầu thiết thực. Mỗi cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân cần thống nhất nhận thức rằng làm tốt công tác kiểm tra, giám sát là thiết thực góp phần xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh. Để giúp đỡ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng làm tròn nhiệm vụ được phân công, chấp hành tốt Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước, sống có văn hóa... bên cạnh việc giáo dục tốt để họ tự nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người thì công tác kiểm tra, giám sát phải làm thật tốt. Mỗi cán bộ, đảng viên và từng tổ chức đảng phải nhận thức sâu sắc rằng ở mỗi việc làm của công tác kiểm tra, giám sát đều là để xây dựng Đảng. Kiểm tra, giám sát là chống cái sai, cái xấu, cái lạc hậu, để xây cái đúng, cái tốt, cái mới tiến bộ. Ngay khi chống cũng đã chứa đựng nội dung xây, lấy xây là chính; kiểm tra, giám sát của Đảng là phục vụ công tác xây dựng Đảng. Không kiểm tra, giám sát là không xây dựng Đảng.

Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, dù là ai, các cơ quan chức năng phải trung thành với luật pháp, khách quan xem xét đến cùng, đúng mức độ, xử lý nghiêm minh và thông báo công khai kết quả. Cá nhân và cơ quan pháp luật phải chịu trách nhiệm về hành vi điều tra, xét xử của mình. Dân sẽ càng tin Đảng hơn khi Đảng, Nhà nước xử lý nghiêm minh, dứt điểm các vụ vi phạm của cán bộ, đảng viên để Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2006, tr. 272



**Quan điểm thứ năm: Đề cao trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát.**

Thực tế công tác kiểm tra, giám sát của Đảng những năm qua chưa tốt, nhiều vụ việc vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước nghiêm trọng, nhưng tổ chức đảng ở cơ sở không phát hiện được, không có khả năng ngăn chặn và xử lý kịp thời. Cấp ủy, đảng viên chưa chủ động, tích cực kiểm tra, giám sát nên hầu hết các vụ tham nhũng, tiêu cực không phải do cấp ủy, đảng viên, cơ quan kiểm tra trong tổ chức đảng đó phát hiện được mà chủ yếu do nhân dân phát hiện, tố cáo hoặc báo chí nêu ra...

Để khắc phục tình trạng yếu kém này, trong lúc chờ đợi hàng loạt những quy chế như đã đặt ra ở phần trên, trước hết phải thống nhất một nguyên tắc: Trong Đảng thì mỗi đảng viên, chi ủy và cao nhất là Bí thư chi bộ phải chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra, giám sát toàn diện tất cả các hành vi chấp hành Điều lệ Đảng, pháp luật, nghị quyết đảng các cấp của từng đảng viên và cấp ủy cũng như người đứng đầu cấp ủy thuộc chi bộ mình. Cơ quan kiểm tra cấp nào phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng về chất lượng công tác kiểm tra giám sát của Đảng thuộc tổ chức đảng cấp ấy. Đối với các tổ chức thuộc hệ thống chính trị và nhân dân, tổ chức đảng, cơ quan kiểm tra Đảng, đảng viên phải chủ động gần dân, thân dân, linh hoạt tổ chức phát động, khuyến khích họ bằng những hình thức cởi mở, tôn trọng quyền làm chủ và trách nhiệm xây dựng Đảng, để họ tham gia kiểm tra, giám sát tích cực nhất. Những ý kiến kiểm tra, giám sát của nhân dân phải được tổ chức đảng đối thoại, giải quyết thấu tình, đạt lý.

Năm quan điểm chỉ đạo về công tác kiểm tra giám sát của Đảng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần phải được thấu triệt trong toàn Đảng, nhận thức rộng rãi trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, biến nó thành hành động cụ thể toàn xã hội để xây dựng Đảng ta ngày càng xứng đáng hơn vai trò duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế.

**CỤ THỂ HOÁ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG VỀ  
“NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC  
CƠ SỞ ĐẢNG VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN”**

**Nguyễn Đức Hà  
Vụ trưởng Vụ Cơ sở đảng**

Để cụ thể hoá nội dung, đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống, xin nêu một số suy nghĩ về việc vận dụng, cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

1. Hoàn thiện mô hình tổ chức đảng đồng bộ, thống nhất với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời xây dựng mô hình tổ chức phù hợp ở những nơi có tính đặc thù.

Đối với tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) ở xã, phường, thị trấn: Sắp xếp mô hình tổ chức của đảng bộ, chi bộ gắn với tổ chức chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn dân cư, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, vừa tạo mô hình tổ chức thống nhất trong toàn Đảng, vừa có mô hình tổ chức phù hợp với đặc điểm, đặc thù của mỗi địa phương. Cụ thể: dưới đảng bộ cơ sở xã là chi bộ thôn (xóm, ấp, bản, buôn, làng...); dưới đảng bộ cơ sở phường, thị trấn nói chung là chi bộ tổ dân phố.

Những nơi có tính chất đặc thù (số lượng đảng viên ở tổ dân phố ít, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức theo khu phố hoặc khu dân cư...) và chi bộ đảng tổ chức theo khu phố hoặc khu dân cư mà thực tiễn cho thấy đảng phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo mô hình trên, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn dân cư. Khi có đủ điều kiện thì tổ chức chi bộ theo mô hình chung là chi bộ tổ dân phố.

Những chi bộ thôn, tổ dân phố có đông đảng viên (không tính những đảng viên đã được miễn sinh hoạt, công tác), nếu có khó khăn về địa điểm sinh

hoạt, phải lập nhiều chi bộ thì tiến hành thành lập đảng bộ bộ phận để thống nhất lãnh đạo các chi bộ, tổ chức chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn dân cư, khắc phục tình trạng trên một địa bàn dân cư có nhiều chi bộ nhưng chỉ có một tổ chức chính quyền, một tổ chức quần chúng.

Những đảng bộ cơ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước hoạt động phân tán trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố, tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc nhiều cấp trên khác nhau, cần sắp xếp lại bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của TCCSĐ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ và các tổ chức chính trị - xã hội trong đơn vị. Những nơi còn tình trạng đảng bộ cơ sở trong đảng bộ cơ sở, thì cấp uỷ cấp trên xem xét để giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở đủ điều kiện hoặc thành lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng uỷ cơ sở, dưới đảng uỷ bộ phận là các chi bộ trực thuộc. Rà soát những đảng uỷ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở hiện nay để nâng cấp những đảng uỷ có đủ điều kiện lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp của TCCSĐ (tương đương cấp huyện).

Đối với TCCSĐ trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn, tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và các tổng công ty hạng đặc biệt có nhiệm vụ chính trị thống nhất, cùng ngành nghề chuyên môn và sản phẩm chính, có mối quan hệ gắn bó và chi phối lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị thì trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm những mô hình đã có từng bước thực hiện chủ trương thành lập tổ chức đảng toàn tập đoàn, toàn tổng công ty. Đảng uỷ tập đoàn, đảng uỷ tổng công ty là cấp uỷ cấp trên trực tiếp, có chức năng lãnh đạo toàn diện đối với các tổ chức đảng ở tổng công ty hoặc công ty trực thuộc; gắn công tác xây dựng đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, công tác cán bộ và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp, khắc phục tình trạng tổ chức đảng ở tổng công ty và tổ chức đảng ở các công ty trực thuộc đều là TCCSĐ và cùng trực thuộc một cấp uỷ cấp trên. Đồng thời, cần có quy định cụ thể về mối quan hệ phối hợp công tác giữa đảng uỷ tập đoàn, tổng công ty với các cấp uỷ địa phương có liên quan. Đối với những ngành, lĩnh vực và đơn vị cơ sở có tính chất đặc thù

cần nghiên cứu để có mô hình tổ chức phù hợp, không nhất thiết đưa tất cả các TCCSD về trực thuộc đảng ủy tập đoàn, đảng ủy tổng công ty.

2. Xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên ở những nơi chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên.

Những địa phương còn nhiều thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, trường học, doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên, cấp ủy cấp trên trực tiếp của cơ sở phân công cấp ủy viên và đảng viên là cán bộ lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể phụ trách từng đơn vị. Cấp ủy cơ sở giao nhiệm vụ cụ thể cho các chi bộ có điều kiện thuận lợi nhất phân công đảng viên thực hiện việc phát hiện, bồi dưỡng, giúp đỡ quần chúng phấn đấu vào Đảng hoặc tăng cường, luân chuyển cán bộ, đảng viên nơi khác đến để thành lập chi bộ và thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ quần chúng, tạo nguồn kết nạp đảng viên. Công tác kết nạp đảng viên cần chú trọng việc bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, nâng cao nhận thức chính trị cho quần chúng cảm tình đảng trước khi chi bộ xem xét kết nạp, khắc phục tình trạng chạy theo số lượng mà hạ thấp tiêu chuẩn.

Các tỉnh, thành phố có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung thì thành lập đảng bộ cơ sở khu công nghiệp, khu chế xuất trực thuộc cấp ủy cấp trên trực tiếp phù hợp (huyện ủy, quận ủy hoặc cấp ủy tương đương). Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất nếu có đủ điều kiện thì thành lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở khu công nghiệp, khu chế xuất. Nếu chưa đủ điều kiện thành lập chi bộ thì cấp ủy cấp trên giới thiệu những đảng viên này về sinh hoạt với tổ chức đảng phù hợp để bảo đảm quyền lợi chính trị của đảng viên.

Những doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy mô lớn, số lượng công nhân đông, tùy theo số lượng đảng viên mà thành lập đảng bộ cơ sở hoặc chi bộ cơ sở trực thuộc cấp ủy cấp trên trực tiếp (quận ủy, huyện ủy hoặc cấp ủy tương đương). Những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, số lượng công nhân và đảng viên ít thì thành lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở phù hợp (đảng ủy cơ sở khu công nghiệp; đảng ủy cơ sở cụm công nghiệp; đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn...); những nơi khó khăn, chưa đủ

điều kiện để thành lập tổ chức đảng thì tiếp tục chuẩn bị, không nên thành lập tổ chức đảng một cách gượng ép.

Những đảng viên đã làm việc ổn định, lâu dài (từ một năm trở lên) trong các trường học, bệnh viện ngoài công lập, doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhưng vẫn sinh hoạt đảng ở nơi cư trú phải chuyển sinh hoạt đảng về nơi làm việc (nếu nơi đó có tổ chức đảng). Ở những nơi chưa có tổ chức đảng và chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức đảng thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp của TCCSĐ xem xét và chuyển sinh hoạt đảng đối với số đảng viên này về tham gia sinh hoạt với một tổ chức đảng phù hợp, thuận lợi nhất để đảng viên tham gia sinh hoạt đảng và thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

3. Thực hiện chủ trương trẻ hoá, tiêu chuẩn hoá, thể chế hoá và nhất thể hoá chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

Về thực hiện trẻ hoá cán bộ cơ sở: Đối với TCCSĐ ở xã, phường, thị trấn, cần đẩy mạnh và thực hiện nhất quán chủ trương đưa sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác ở cơ sở xã, phường, thị trấn và cơ sở sản xuất trong các thành phần kinh tế. Đây là thời gian (từ hai đến ba năm) để cán bộ rèn luyện, thử thách trước khi được tuyển vào công chức nhà nước hoặc cán bộ quản lý của doanh nghiệp. Cần nghiên cứu, sớm ban hành chính sách thu hút đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác ở xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp. Đồng thời có cơ chế, chính sách phù hợp để giải quyết đầu ra đối với những cán bộ ở xã, phường, thị trấn chưa được chuẩn hoá nhưng chưa đủ tuổi, chưa đủ năm công tác nghỉ chế độ.

Các tỉnh miền núi, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, cần tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường thiếu sinh quân. Phối hợp với các quân khu lựa chọn những thanh niên người dân tộc thiểu số sau khi đã hoàn thành tốt nghĩa vụ quân sự, tiếp tục đưa đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ học vấn, lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để tạo nguồn cán bộ cho cơ sở.

Để thể chế hoá tổ chức, hoạt động của TCCSĐ và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở cơ sở, cần bổ sung, sửa đổi một số văn bản hiện hành của Đảng, Nhà nước và ban hành một số cơ chế, chính sách mới như:

Quy định rõ trong Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp về việc thành lập tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; quy định thời gian tối thiểu trong năm để công nhân, người lao động được tham gia học tập chính trị, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Luật Lao động, Luật Thi đua khen thưởng, Luật Tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân; Pháp lệnh Cán bộ, công chức; Pháp lệnh Dân số và kế hoạch hoá gia đình và các Nghị định số 114, 121/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn cho phù hợp với tình hình hiện nay.

Bổ sung, sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ của TCCSĐ trong doanh nghiệp nhà nước, trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp theo hướng xác định rõ và tăng cường hơn vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ. Đồng thời có quy định về chức năng, nhiệm vụ đối với những loại hình TCCSĐ đến nay chưa có quy định.

Bổ sung, sửa đổi các quy định, hướng dẫn của Trung ương về đánh giá chất lượng TCCSĐ và đảng viên theo hướng đảm bảo đánh giá đúng thực chất. Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong Đảng, trong đó có quy chế dân chủ trong tổ chức và hoạt động của TCCSĐ.

Ban hành hướng dẫn về đảng viên làm kinh tế tư nhân, việc kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng; xử lý đảng viên có liên quan đến yếu tố nước ngoài... để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

Về thực hiện “nhất thể hoá” hai chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở:

Đối với xã, phường, thị trấn thực hiện thí điểm chủ trương đồng chí bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn. Đối với những nơi quá khó khăn về cán bộ, cho phép vận dụng linh hoạt chủ trương chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn không giữ một chức vụ quá hai nhiệm kỳ.

Các TCCSD trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp thực hiện thống nhất chủ trương thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc một đồng chí lãnh đạo của cơ quan, đơn vị làm bí thư cấp uỷ.

Các doanh nghiệp nhà nước thực hiện thống nhất chủ trương chủ tịch hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc (giám đốc) đồng thời là bí thư cấp uỷ; khi một trong hai chức danh trên không được tín nhiệm thì phải xem xét, thay đổi chức danh kia. Khi thay đổi chức danh chủ tịch hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc (giám đốc) thì cũng thay đổi chức danh bí thư cấp uỷ.

Đối với những công ty cổ phần có vốn nhà nước, cấp uỷ và lãnh đạo cấp trên của công ty cần lựa chọn những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực và có đủ điều kiện đại diện phần vốn của nhà nước để tham gia cấp uỷ và hội đồng quản trị của công ty.

Trong các đơn vị cơ sở thuộc công an nhân dân: thực hiện chế độ thủ trưởng đơn vị đồng thời làm bí thư cấp uỷ, đồng chí lãnh đạo cấp phó làm phó bí thư và phụ trách công tác xây dựng lực lượng. Đồng thời, nghiên cứu việc thực hiện chế độ chính uỷ, chính trị viên ở một số đơn vị cơ động, chiến đấu tập trung và có tính đặc thù. Trong các học viện, trường đại học thuộc Bộ Công an có khoa chuyên ngành để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an nhân dân.

Trong các loại hình TCCSD (xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang), thực hiện thí điểm chủ trương đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp uỷ, ban thường vụ, bí thư và phó bí thư đảng bộ để rút kinh nghiệm, nhằm thực sự mở rộng và phát huy dân chủ trong việc kiện toàn các cơ quan lãnh đạo của Đảng và đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

4. Thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn.

Trên cơ sở phân loại xã, phường, thị trấn theo Nghị định số

159/2005/NĐ-CP của Chính phủ để xác định biên chế phù hợp với quy mô các xã, phường, thị trấn và mức phụ cấp trách nhiệm với từng chức danh cán bộ. Trong số cán bộ, công chức cơ sở hiện nay, cần nghiên cứu để phân loại và có chính sách phù hợp. Cụ thể là: Một số chức danh cán bộ chuyên trách (cán bộ bầu cử và cán bộ chuyên môn) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn (về trình độ học vấn, trình độ chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, về độ tuổi...) theo quy định của Chính phủ thì được xem xét chuyển sang chế độ công chức nhà nước để tạo sự liên thông trong đội ngũ cán bộ các cấp. Số cán bộ này hưởng lương chuyên môn, được nâng lương theo niên hạn và phụ cấp trách nhiệm theo chức danh. Các chức danh cán bộ chuyên trách khác không đủ tiêu chuẩn để trở thành công chức nhà nước thì thực hiện theo chế độ hiện hành; khi được giữ chức vụ do bầu cử thì hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm và thực hiện chế độ bảo hiểm, khi thôi đảm nhiệm chức vụ bầu cử thì thôi hưởng phụ cấp và đóng bảo hiểm tự nguyện. Đối với cán bộ không chuyên trách (cả cấp xã và cấp thôn) cần thực hiện theo hướng tự quản, khoán kinh phí và đóng bảo hiểm tự nguyện. Chính phủ cần có hướng dẫn về khung số lượng cán bộ, công chức và khung mức phụ cấp để các địa phương thực hiện thống nhất, phù hợp với tình hình, đặc điểm cụ thể của mỗi nơi, khắc phục tình trạng quá chênh lệch giữa các địa phương, vùng, miền.

Thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp như đối với đại biểu HĐND cùng cấp; có chế độ phụ cấp thu hút đối với cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hằng năm, dành một số biên chế dự phòng (khoảng từ 5 đến 8%) cho phù hợp với từng nơi để các địa phương thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và tăng cường cán bộ cho cơ sở. Mỗi năm, cán bộ chuyên trách, cấp uỷ viên cơ sở xã, phường, thị trấn cần được bồi dưỡng tập trung (từ 10 đến 15 ngày) để cập nhật kiến thức, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hoặc trường chính trị tỉnh, thành phố. Kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn do Chính phủ quy định phù hợp với Luật ngân sách Nhà nước và theo nguyên tắc địa phương đảm bảo là chủ yếu, ngân sách Trung ương hỗ trợ đối với các địa phương khó khăn.



## **PHỐI HỢP KIỂM TRA, GIÁM SÁT GIỮA ĐẢNG ỦY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG VỚI CÁC TỈNH, THÀNH ỦY**

**Đại tá NGUYỄN XUÂN QUẢNG**  
**Phó Chủ nhiệm Chính trị Bộ đội biên phòng**

Ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng công tác kiểm tra, kỷ luật. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, là bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng đảng. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã góp phần vào những thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội X của Đảng, quy định của Bộ Chính trị về thực hiện Điều lệ Đảng, thực hiện quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Bộ đội Biên phòng (BĐBP) với các tỉnh, thành ủy; quy chế phối hợp công tác kiểm tra, giám sát giữa Ủy ban kiểm tra Đảng ủy BĐBP với Ủy ban kiểm tra (UBKT) các tỉnh, thành ủy và những chủ trương, biện pháp về công tác kiểm tra được thống nhất trong hội nghị trao đổi công tác năm 2006, năm qua, các tỉnh, thành ủy, UBKT các tỉnh, thành ủy và Đảng ủy, UBKT Đảng ủy BĐBP đã chủ động phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, và đã đạt được những kết quả tích cực trên một số mặt sau:

Các tỉnh, thành ủy và Đảng ủy BĐBP đã chủ động lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt sâu sắc Điều lệ Đại hội X của Đảng; Quyết định số 25-QĐ/TW ngày 24/11/2006 của Bộ Chính trị, “Ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khoá X”; Nghị quyết của Đảng ủy Quân sự Trung ương, nghị quyết của các tỉnh, thành ủy, của Đảng ủy BĐBP về công tác kiểm tra, giám sát. Quan tâm bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát cho các đồng chí là cán bộ kiểm tra chuyên trách, bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của các tổ chức cơ sở đảng thuộc đảng bộ BĐBP tỉnh, thành.

Trên cơ sở kế hoạch nhiệm kỳ 2006 -2010 và kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2007, các tỉnh, thành uỷ và Đảng uỷ BĐBP đã chủ động phối hợp kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên thuộc đảng bộ BĐBP tỉnh, thành theo Điều 30 Điều lệ Đảng. Đã tiến hành kiểm tra hai đảng uỷ trực thuộc và 10 cán bộ chủ trì. Theo đó, đối với kiểm tra, tập trung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ công tác biên phòng, nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng đoàn kết nội bộ, thực hiện các quy chế, quy định về quản lý cán bộ, quân nhân chuyên nghiệp, quản lý tài chính, xây dựng cơ bản; lãnh đạo công tác kiểm tra và thực hiện chức trách nhiệm vụ của đảng viên; chấp hành Quy định 19 điều đảng viên không được làm.

Về giám sát, thực hiện giám sát đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ BĐBP các tỉnh, thành chấp hành cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, thành uỷ, Đảng uỷ BĐBP và của các cấp uỷ đảng; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chấp hành kỷ luật của tổ chức đảng và đảng viên; giữ gìn đoàn kết nội bộ, quản lý, giáo dục, rèn luyện nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên. Giám sát các đồng chí uỷ viên ban thường vụ, cán bộ chủ trì thuộc đảng bộ BĐBP các tỉnh, thành trong việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; quy chế làm việc và nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên; thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và phẩm chất đạo đức, lối sống của đảng viên.

Việc phối hợp thực hiện đã đảm bảo đúng nội dung, nguyên tắc, quy trình. Qua kiểm tra, giám sát đã giúp cấp uỷ, người chỉ huy các cấp và cán bộ, đảng viên thấy rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân để có biện pháp kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm. Đồng thời tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới, giữ vững nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, củng cố, tăng cường đoàn kết nội bộ, giải quyết tốt hơn các mối quan hệ giữa lãnh đạo và người chỉ huy, đảng viên với quần chúng, cấp trên với cấp dưới.

Theo Điều 32 Điều lệ Đảng, UBKT Đảng uỷ BĐBP và UBKT các tỉnh, thành uỷ đã chủ động phối hợp kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên, chủ yếu là đảng uỷ và đảng uỷ viên thuộc đảng bộ BĐBP tỉnh, thành. Phối hợp 3 cuộc kiểm tra, trong đó, kiểm tra có dấu hiệu vi phạm: 01. Thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp công tác giữa UBKT Đảng uỷ BĐBP với UBKT các tỉnh, thành uỷ, đến nay đã có 36/43 UBKT tỉnh, thành uỷ ký quy chế phối hợp kiểm tra với UBKT Đảng uỷ BĐBP.

Các cuộc kiểm tra, giám sát đã được UBKT các tỉnh, thành uỷ và UBKT Đảng uỷ BĐBP trao đổi thống nhất, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ theo đúng nội dung Điều lệ quy định. Tổ chức kiểm tra đảm bảo đúng nội dung, nguyên tắc, thời gian. Kết quả phối hợp kiểm tra, giám sát đã giúp cấp uỷ và UBKT đảng uỷ BĐBP các tỉnh, thành nhận thức đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát; xác định trách nhiệm của các tổ chức đảng, đưa công tác này đi dần vào nền nếp, có hiệu quả cao hơn. Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên hoặc nhận được đơn thư tố cáo, khiếu nại, hai bên đã trao đổi thống nhất kế hoạch, giải quyết. Những tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ chủ trì BĐBP tỉnh, thành, qua kiểm tra hoặc giải quyết đơn thư tố cáo có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, hai bên đã trao đổi, thống nhất về hình thức kỷ luật trước khi quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp uỷ cấp mình xem xét. Sau khi kỷ luật, hai bên đã thông báo kịp thời để theo dõi, quản lý đảng viên, tổ chức đảng vi phạm.

Tóm lại, năm qua, các tỉnh, thành uỷ có biên giới và Đảng uỷ BĐBP đã tích cực phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với đảng uỷ BĐBP các tỉnh, thành, theo đúng chương trình và kế hoạch đề ra. UBKT các tỉnh, thành uỷ và UBKT đảng uỷ BĐBP đã chủ động thực hiện quy chế phối hợp, tích cực tham mưu giúp cấp uỷ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đảm bảo nguyên tắc, quy trình, quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của cấp trên. Qua đó, đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức đảng và đảng viên. Các đảng bộ và đảng viên được kiểm tra, giám sát đã có tiến bộ rõ rệt. Công tác kiểm tra, giám sát đã góp phần xây

dựng đảng bộ BDBP các tỉnh, thành trong sạch, vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, việc phối hợp xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát có nơi, có việc chưa thường xuyên. Số lượng đầu mối được kiểm tra, giám sát trực tiếp trong năm 2007 còn ít. Chế độ trao đổi, thông báo về những vấn đề liên quan đến kiểm tra, giám sát chưa thành nền nếp, có lúc chưa kịp thời. Việc phối hợp nắm tình hình, phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên còn hạn chế.

Nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế là: Đảng uỷ BDBP và các tỉnh, thành uỷ chưa chủ động đề xuất những biện pháp cụ thể để thực hiện các nội dung phối hợp công tác kiểm tra, giám sát. Một số cấp uỷ còn nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của công tác kiểm tra, giám sát. Chưa có kế hoạch cụ thể và chủ động thực hiện kế hoạch một cách nền nếp. Đội ngũ cán bộ kiểm tra chưa được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng; năng lực chuyên môn còn hạn chế, chưa thật tâm huyết với nghề.

Để thực hiện tốt việc phối hợp công tác kiểm tra, giám sát trong thời gian tới cần:

1. Tăng cường sự phối hợp giữa Đảng uỷ BDBP với các tỉnh, thành uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Thường vụ các tỉnh, thành uỷ và Thường vụ Đảng uỷ BDBP phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện toàn diện, chặt chẽ về công tác kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc đảng bộ BDBP tỉnh, thành.

2. Trên cơ sở quy định của Điều lệ Đảng, quy chế phối hợp giữa đảng uỷ BDBP với các tỉnh, thành uỷ, giữa UBKT Đảng uỷ BDBP với UBKT các tỉnh, thành uỷ và kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2006 - 2010 của cấp uỷ và UBKT cấp mình, hằng năm UBKT các tỉnh, thành uỷ và UBKT Đảng uỷ BDBP cần chủ động tham mưu giúp cấp uỷ xây dựng chương trình, kế hoạch và tiến hành kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc đảng

bộ BĐBP các tỉnh, thành. Chủ động phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của UBKT. Cụ thể là: Các tỉnh, thành uỷ cần chủ động thông báo dự kiến kế hoạch kiểm tra, giám sát năm sau của cấp uỷ cấp mình với đảng bộ BĐBP tỉnh vào giữa quý IV năm trước. Trên cơ sở đó, căn cứ vào nhiệm vụ công tác biên phòng và tình hình công tác xây dựng đảng trong đảng bộ BĐBP, UBKT đảng uỷ BĐBP tổng hợp và đề xuất bổ sung nội dung, chương trình, kế hoạch phối hợp kiểm tra, giám sát để báo cáo cấp uỷ mỗi bên thông qua, đưa vào kế hoạch công tác năm sau để phối hợp thực hiện.

3. Duy trì tốt chế độ, nền nếp thông tin, trao đổi tình hình và đảm bảo sự phối hợp toàn diện giữa Đảng uỷ BĐBP và các tỉnh, thành uỷ, giữa UBKT Đảng uỷ BĐBP và UBKT các tỉnh, thành uỷ, chỉ đạo thực hiện tốt hơn nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc đảng bộ BĐBP tỉnh, thành.

## PHẢI LÀM GÌ ĐỂ NHÂN DÂN, MẶT TRẬN GIÁM SÁT ĐƯỢC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Lê Khả Phiêu  
Nguyên Tổng Bí thư BCHTW Đảng CSVN

1. Trong toàn bộ công tác vận động cách mạng của Đảng, khi nào Đảng coi trọng công tác Mặt trận, có khẩu hiệu chiến lược và sách lược đúng, có phương thức và biện pháp tập hợp rộng rãi lực lượng đại đoàn kết dân tộc thì các mục tiêu cách mạng hoàn thành thắng lợi, nhưng khi nào Đảng coi nhẹ công tác Mặt trận, bỏ mình trong những khẩu hiệu "tả khuynh", những công thức hẹp hòi như thời kỳ ba mươi ba một, thời kỳ cải cách ruộng đất thì việc thực hiện mục tiêu cách mạng sẽ gặp khó khăn, thậm chí sai lầm và dẫn đến thất bại.

Để đưa cách mạng vượt qua những thác ghềnh và khúc khuỷu, nhất thiết Đảng phải nắm lấy ngọn cờ dân tộc, chỉ có toàn thể dân tộc một lòng chiến đấu dưới một đường lối đúng đắn thì hiểm nguy mới bị đẩy lùi, khó khăn ngàn cân treo sợi tóc mới có thể vượt qua.

Lịch sử nước ta cho thấy rằng, Đảng rơi vào chiều hướng "tả khuynh" cô độc hẹp hòi thường xảy ra sau khi Đảng giành được thắng lợi to lớn, khi bị tư tưởng giáo điều ngoại lai xâm nhập, khép kín và biệt lập; khi bệnh "kiêu ngạo cộng sản" làm cho Đảng chỉ thấy thành tích của mình mà không cảm nhận sâu sắc tận đáy lòng thành tích vĩ đại của toàn dân tộc. 5000 đảng viên đơn độc không thể làm nên cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Nhưng với 5000 đảng viên làm nòng cốt, tập trung được sức mạnh vĩ đại của toàn dân tộc, có 10 chính sách Việt Minh rất đúng đắn, dân tộc ta đã làm được điều kỳ diệu đó.

Lịch sử cũng cho thấy rằng, có lúc Đảng phạm phải "hữu khuynh", rập khuôn theo nước ngoài, không có chọn lọc, bị những áp đặt từ bên ngoài làm cho lung lay ý chí tự lực tự cường, làm cho nền tảng của Mặt trận, công nông và trí

thức, không được cùng cố, làm cho Đảng không được nhân dân che chở và bao bọc, từ đó mà lực lượng Mặt trận tuy có mà thiếu vững chắc, dẫn đến tổn thất lớn.

Bởi vậy Đảng Cộng sản không những phải gương cao ngọn cờ dân tộc và cách mạng mà còn phải gương cao ngọn cờ khoa học, làm cho dân tộc ta phải trở thành một dân tộc khoa học, làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam phải trở thành vững chắc, là một đảng khoa học, có đường lối chính sách đúng, không "tả khuynh" và cũng không "hữu khuynh".

2. Nhiệm vụ trọng đại hiện nay của nước ta là động viên lực lượng đại đoàn kết dân tộc, phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong tình hình mới đó, thời cơ và thử thách là hai mặt của một sự vật, không thể nhìn riêng rẽ và tách bạch hai mặt ấy. Không có thời cơ nào lại không mang trong mình nó những thử thách. Vượt qua thử thách thì nắm được thời cơ và tạo ra thời cơ mới. Thực sự phát huy những thuận lợi có được với ý chí tự lực tự cường thì sẽ vượt qua những thử thách tưởng chừng không thể vượt qua nổi.

Bởi vậy, một trong các vấn đề phải đặc biệt coi trọng để Mặt trận hoàn thành sứ mệnh lớn lao của mình và cũng để đảm bảo cho Đảng hoàn thành nghĩa vụ cao cả đối với Đảng là phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản, Nhà nước và Mặt trận.

Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Dân tộc ta ghi nhớ sâu sắc công lao của Đảng Cộng sản và sự hy sinh quên mình của những đảng viên cộng sản trong cuộc đấu tranh cách mạng 75 năm qua. Đảng Cộng sản Việt Nam tự nguyện và chân thành xác định: Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Đảng là người lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Thống nhất, đồng thời cũng là một thành viên của Mặt trận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra một ý kiến cực kỳ chân thành, cực kỳ sáng rõ: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong

đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"<sup>1</sup>.

Phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận là vận động, thuyết phục, bàn bạc dân chủ, là nêu gương hy sinh chiến đấu "vì nước quên thân, vì dân quên mình", là tâm, là đức, là tài trí, là tự phê bình và phê bình của những người cộng sản từ cấp cao nhất đến cơ sở, trong công tác thực tế và đời sống hàng ngày, khi có công thì ghi nhận thành tích, khi có khuyết điểm sai lầm thì thành thực xin lỗi nhân dân theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xứng đáng là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất của Mặt trận; không áp đặt, bao biện, làm thay.

3. Khi dân tộc còn bị thống trị áp bức, chưa giành được chính quyền thì dốc toàn lực đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân. Khi đã giành được chính quyền về tay nhân dân thì vấn đề quan trọng hàng đầu là tổ chức bằng được quyền làm chủ của nhân dân: dân là chủ và dân làm chủ, mọi lực lượng đều ở trong nhân dân, mọi quyền hành đều thuộc về nhân dân, thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, không phải chỉ ở cơ sở mà ở các cấp.

Đại diện cho nhân dân có các cơ quan dân cử như Quốc hội, Hội đồng nhân dân, có các cơ quan hành pháp, tư pháp... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, là nền tảng chính trị của Nhà nước ta, là một trong các cơ quan đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, có trách nhiệm và quyền hạn do luật pháp Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định.

Là người thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân các dân tộc, Mặt trận có quyền và có trách nhiệm thay lời nhân dân trình bày nguyện vọng của nhân dân về các vấn đề thuộc đường lối, chính sách, chủ trương, giải pháp. Mặt trận là người đóng vai trò phản biện xã hội mỗi khi Đảng Cộng sản, Nhà nước đưa ra chủ trương, chính sách mới.

Với tư cách ấy, Mặt trận là người đứng ra hiệp thương giới thiệu danh sách

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 2002, T.3, tr. 139.



các ứng cử viên vào các cơ quan dân cử, và vì vậy, có trách nhiệm và quyền hạn đặt vấn đề, bàn bạc, hiệp thương về việc bãi nhiệm những người được bầu cử vào các cơ quan dân cử để các cơ quan lập pháp và tư pháp xem xét.

Đảng Cộng sản là người lãnh đạo đất nước. Những người lãnh đạo Đảng Cộng sản do các đại hội của Đảng Cộng sản bầu ra sẽ được Đảng Cộng sản giới thiệu ứng cử vào các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, từ Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp. Làm cho Mặt trận có vai trò chủ động đóng góp ý kiến vào việc bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Đảng Cộng sản là một nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Làm được việc này, chỉ có lợi cho dân và có lợi cho Đảng. Mặt trận là nơi tập hợp rộng rãi ý kiến các tầng lớp nhân dân. Ý kiến các tầng lớp nhân dân các dân tộc có khi không hoàn toàn thống nhất với nhau. Đó là điều dễ hiểu. Nhưng bởi vì phương pháp công tác của Mặt trận là vận động, thuyết phục, hiệp thương dân chủ, cho nên các ý kiến khác nhau ấy sẽ được gạn lọc, phân tích một cách khách quan, trung thực, vô tư, và sẽ tìm được tiếng nói đồng thuận.

Quan trọng nhất vẫn là: không hình thức; không còn có tình trạng "Đảng cử dân bầu", việc của Đảng thì chỉ Đảng biết. Đảng Cộng sản là người lãnh đạo đất nước, lãnh đạo xã hội, nắm sinh mệnh đất nước, sinh mệnh xã hội. Nhưng Đảng không có mục đích nào khác ngoài mục đích vì lợi ích của nhân dân. Nhân dân ta là vĩ đại, dày dạn đấu tranh, thông minh và hiểu biết. Nhân dân có trách nhiệm và có quyền tham gia tiếng nói của mình vào công việc của Đảng, làm cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tốt hơn, đại đoàn kết dân tộc cao hơn, vững chắc hơn, Đảng Cộng sản được sự đùm bọc, thương yêu và xây dựng của nhân dân càng bền chí, sáng tạo, sắc sảo hơn, thực tiễn hơn, tránh được sai lầm và khuyết điểm.

Thực tiễn là căn cứ quan trọng bậc nhất để hoạch định, để kiểm nghiệm, để bổ sung, sửa chữa đường lối, chủ trương và giải pháp. Thực tiễn Việt Nam là do nhân dân các dân tộc Việt Nam đổ mồ hôi và đổ máu sáng tạo nên.

Dựa vào thực tiễn là dựa vào nhân dân, là do nhân dân, từ nhân dân, là dân phải làm chủ. Muốn dân chủ thì phải có giám sát. Không có giám sát thì không có

dân chủ, thì khó tránh được khuyết điểm sai lầm, khó phát hiện và sửa chữa khuyết điểm và sai lầm. Hiện nay, cũng như từ trước đến nay, tôi nghĩ rằng: Đảng, Nhà nước rất cần thiết sự giám sát của nhân dân, của Mặt trận. Làm thế nào để nhân dân, Mặt trận giám sát được hoạt động của Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, giám sát được những người lãnh đạo của Đảng, đảng viên và công chức? Làm thế nào để Đảng Cộng sản và các cấp của Đảng thường xuyên, có định kỳ tự phê bình trước nhân dân, thực lòng lắng nghe, thấu hiểu ý kiến của Mặt trận và các tầng lớp nhân dân, đúng với trách nhiệm là người công bộc của nhân dân?

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã tha thiết dặn lại các thế hệ đảng viên: "Trong Đảng phải thực hành dân chủ thật rộng rãi". Trong Đảng Cộng sản thực hành dân chủ thật rộng rãi. Trong nhân dân các dân tộc Việt Nam cũng thực hành dân chủ thật rộng rãi, thì chắc chắn đại đoàn kết dân tộc sẽ thắng lợi. Đại đoàn kết dân tộc thắng lợi thì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đại thành công.

**MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ  
QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA  
CHÍNH QUYỀN QUA NỬA NHIỆM KỲ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG  
NHÂN DÂN CÁC CẤP NĂM 2004 - 2009**

**ThS. Nguyễn Thanh Bình -  
UBTW MTTQVN**

Nhiệm kỳ của HĐND 2004 - 2009 đã đi được nửa chặng đường. Đây là dịp để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đánh giá những hoạt động của mình trong giám sát hoạt động của HĐND, UBND và đại biểu HĐND, phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

Nhân dịp này xin nêu một số kết quả hoạt động và một số ý kiến tham gia và làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, giám sát hoạt động của chính quyền.

*Một là*, nửa nhiệm kỳ qua, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã tham gia góp ý kiến hầu hết vào các Dự thảo Luật, Dự thảo pháp lệnh và nhiều Dự thảo Nghị định của Chính phủ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, y tế, giáo dục, an ninh, quốc phòng, nhất là các văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp cũng tích cực góp ý vào các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương nhằm tăng cường quản lý Nhà nước theo pháp luật trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhiều ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên được nhà nước chấp nhận và quy định thành pháp luật. Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân vào các dự thảo văn bản pháp luật, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã phát huy được quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân.

*Hai là*, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc các cấp và nhiều tổ chức thành viên chủ động tham gia, coi việc tham gia thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn là một nhiệm vụ quan trọng của tổ chức mình; đồng thời gắn công tác này với cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư* của Mặt trận. Nhiều địa phương như Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang, thành phố Hà Nội, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Phú Thọ, tỉnh Hà Tây, v.v., có nhiều kinh nghiệm hay, điển hình tốt trong việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ. Thông qua việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ủy ban Mặt trận và các tổ chức thành viên vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ trực tiếp của dân, tham gia giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của chính quyền cơ sở. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp ở địa phương đã phối hợp với chính quyền chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng hương ước, quy ước ở thôn, làng, ấp, bản, khu phố, tổ dân phố, kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư và các Ban thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn. Tính đến cuối năm 2005, toàn quốc đã có 10.638/10.764 xã, phường, thị trấn có Ban thanh tra nhân dân (chiếm 98, 83%). Số lượng các Ủy viên thanh tra nhân dân toàn quốc là hơn 80.000 người, chủ yếu là cán bộ Mặt trận cơ sở và những người có uy tín trong các cộng đồng dân cư. Nhiều Ban thanh tra nhân dân tuy có khó khăn về nhiều mặt, cả về kinh phí hoạt động nhưng các thành viên Ban Thanh tra nhân dân vẫn nhiệt tình, hăng hái làm nhiệm vụ, hoạt động ngày càng thiết thực, hiệu quả, góp phần đẩy mạnh hoạt động giám sát của nhân dân ở cơ sở.

Việc lấy phiếu tín nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Trưởng thôn theo quy định của Nghị định số 79/2003/NĐ-CP năm 2005 có 55 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã triển khai thực hiện. Kết quả có 62 chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND cấp xã có số phiếu tín nhiệm thấp dưới 50% phải kiến nghị HĐND cùng cấp xem xét miễn nhiệm và 880 Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có số phiếu tín nhiệm thấp dưới 50% phải kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét việc miễn nhiệm. Việc lấy phiếu tín nhiệm đã góp phần phát huy quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở, được nhân dân

đồng tình ủng hộ; giúp cho cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp nắm chắc hơn, cụ thể hơn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực quản lý, điều hành và trách nhiệm đối với nhân dân của đội ngũ cán bộ chủ chốt chính quyền cơ sở, đồng thời giúp cán bộ chính quyền cơ sở tự nhìn nhận, đánh giá đúng hơn về bản thân mình để khắc phục, sửa chữa và phục vụ nhân dân được tốt hơn. Mặt khác, thông qua việc lấy phiếu tín nhiệm mà nâng cao vai trò, chất lượng của đội ngũ cán bộ Mặt trận ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời kỳ mới.

*Ba là*, công tác Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa đại biểu HĐND với cử tri được thực hiện thành nền nếp thường xuyên và đang từng bước có đổi mới hình thức tiếp xúc. Thông qua việc tổ chức tiếp xúc đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân để thường xuyên phản ánh với HĐND, UBND. Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh Bắc Kạn và một số địa phương khác hàng năm tổ chức để đại biểu HĐND báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và lấy phiếu nhận xét của cử tri đối với từng đại biểu HĐND trong việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu. Qua đó đã giúp cho đại biểu HĐND tự xem xét để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình, thực sự xứng đáng là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

*Bốn là*, công tác giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức Nhà nước được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc nhiều địa phương quan tâm và có cách làm thiết thực. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc một số tỉnh đã khảo sát, đánh giá chất lượng và phân loại đại biểu Hội đồng nhân dân hàng năm, đề nghị biểu dương, khen thưởng những đại biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ; kiến nghị bãi nhiệm những đại biểu không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm pháp luật. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc một số tỉnh, thành phố tiến hành một số cuộc giám sát việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương mình có kết quả, được dư luận hoan nghênh.

*Năm là*, công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo được các cấp Mặt trận quan tâm thực hiện nhằm góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kịp thời phản ánh, kiến nghị với các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Ngoài ra, thực hiện quyết định về đặc xá năm 2004, năm 2005 và năm 2006 của Chủ tịch nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tích cực tham gia thực hiện công tác đặc xá, giám sát việc thực hiện quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá, góp phần cùng Hội đồng tư vấn đặc xá Trung ương trình Chủ tịch nước ra quyết định đặc xá cho phạm nhân bảo đảm đúng tiêu chuẩn, khách quan và dân chủ; đồng thời tham gia tổ chức tiếp nhận, quản lý, giáo dục và giúp đỡ những người được hưởng đặc xá sớm hòa nhập với gia đình và cộng đồng, ổn định đời sống, không tái phạm; Các cấp Mặt trận còn tham gia kiểm tra việc giam giữ, cải tạo phạm nhân tại các trại giam, các nhà giam giữ. Việc tham gia của Mặt trận vào các hoạt động trên ngày càng có hiệu quả tốt, thể hiện sự giám sát của nhân dân và của Mặt trận đối với các hoạt động của các cơ quan tố tụng.

Hiện nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đang triển khai thực hiện quy chế Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở khu dân cư ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 05/2006/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 21 tháng 4 năm 2006 giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được triển khai làm điểm ở 5 tỉnh, thành phố là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Ninh Bình, Quảng Bình, Tiền Giang sẽ góp phần vào việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Trong thời gian tới của nửa nhiệm kỳ còn lại của HĐND, để Mặt trận Tổ quốc các cấp phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân, giám sát hoạt động của chính quyền có hiệu quả hơn, xin nêu một số giải pháp và phương hướng hoạt động sau.

1. Đảng ta đã khẳng định: "Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là mục tiêu, đồng thời là động lực bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, của công cuộc đổi mới". Việc triển khai Quy chế dân chủ ở cơ sở mấy năm qua tuy đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng, song kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa vững chắc, chưa thường xuyên, liên tục, chưa làm đồng đều giữa các địa phương, khu vực. Do vậy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện Quy chế

dân chủ ở cơ sở, đặc biệt là ở xã, phường, thị trấn nhằm động viên sức mạnh đoàn kết sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, vượt lên khó khăn thử thách để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Sớm đổi mới nội dung, hình thức tiếp xúc cử tri theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân để lắng nghe được nhiều ý kiến chân thực trong cuộc sống của cử tri, của các tầng lớp nhân dân ở địa phương, trên cơ sở đó để Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan nhà nước giải quyết kịp thời những nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của nhân dân.

3. Mặt trận Tổ quốc các cấp cần tăng cường thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở địa phương mình, góp phần làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức, Đảng viên; Đồng thời, nâng cao chất lượng công tác tiếp dân giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là những vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp, kéo dài cần giải quyết dứt điểm.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần thực hiện có hiệu quả hơn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong cán bộ và nhân dân; trong việc lấy phiếu tín nhiệm hàng năm các chức danh chủ chốt do HĐND bầu; trong việc giám sát cán bộ, đảng viên, công chức ở khu dân cư.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cần tích cực hướng dẫn hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Ban công tác Mặt trận ở cơ sở để Mặt trận Tổ quốc hoạt động thực sự có hiệu quả nhằm góp phần tăng cường giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan Nhà nước nhằm phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân đã được quy định trong Hiến pháp và nhiều văn bản pháp luật. Thực tiễn hoạt động đó của Mặt trận Tổ quốc nửa nhiệm kỳ qua của HĐND và UBND các cấp đã góp phần phát huy dân chủ, động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ngày càng trong sạch, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cùng với việc Mặt trận Tổ quốc tổ chức vận động nhân dân thông qua các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động nhằm phát huy sức mạnh

đoàn kết, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội, văn hoá, giáo dục, an ninh, quốc phòng của địa phương mình nửa nhiệm kỳ qua, và sẽ góp phần phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu kế hoạch kinh tế, xã hội của đất nước những năm còn lại của nhiệm kỳ HĐND và UBND các cấp, nhằm mục tiêu sớm đưa nước ta thoát khỏi tình trạng kém phát triển như Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã đề ra.

Bản sao lưu trữ



## **ĐỀ THỰC HIỆN TÓT VAI TRÒ GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN CỦA MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN**

**Minh Đức**

Đại hội X của Đảng khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống, góp phần xây dựng sự đồng thuận trong xã hội”. (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. CTQG, tr.124). Đại hội chỉ rõ “Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ”. (Sdd, tr.135).

Như vậy, MTTQ Việt Nam và các đoàn thể nhân dân không chỉ đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, là cầu nối giữa Đảng, chính quyền với nhân dân mà còn có vai trò rất quan trọng là giám sát và phản biện xã hội. Phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể nhân dân nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần hoàn thiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước sát hợp với thực tiễn của đời sống xã hội, bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng và thể hiện được ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Đối với MTTQ và các đoàn thể nhân dân, đây là nhiệm vụ mới, khó và nhạy cảm. Mặc dù lâu nay, hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân đã được thực hiện thông qua hình thức tham gia góp ý, kiến nghị đối với các dự thảo nghị quyết của các cấp ủy đảng và các dự thảo văn bản pháp luật của Nhà nước; tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, hội viên, đoàn viên vào các dự thảo văn kiện đại hội đảng các

cấp, tham gia xây dựng nghị quyết của Trung ương đối với những chủ trương liên quan đến đại đoàn kết dân tộc, đến quốc kế dân sinh, về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở... Trong xây dựng chính sách, pháp luật, Mặt trận và các đoàn thể tham gia góp ý kiến bằng văn bản cho hầu hết các dự thảo văn bản pháp luật liên quan đến quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, về tổ chức bộ máy nhà nước, về quyền và trách nhiệm của Mặt trận... Nhiều ý kiến đóng góp được cơ quan có thẩm quyền tiếp thu, bổ sung, góp phần làm cho các văn bản pháp luật sát thực tiễn cuộc sống, đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên, do chưa có cơ chế, quy chế, chính sách để luật hóa chủ trương của Đảng về hoạt động phản biện của Mặt trận và các đoàn thể nên kết quả còn rất hạn chế. Thời gian gửi lấy ý kiến Mặt trận ít, thông tin không đầy đủ, việc tiếp thu hay không những ý kiến đóng góp của Mặt trận không được các cơ quan có thẩm quyền phản hồi... Do đó, hoạt động phản biện của Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân còn nặng về hình thức.

Giám sát của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là nhằm giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước sau khi đã ban hành. Điều 9, Hiến pháp năm 1992 quy định: “MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân... động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức nhà nước”. Điều 12, Luật MTTQ Việt Nam quy định rõ về hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam. Những năm qua, Mặt trận đã đề xuất, phối hợp với Chính phủ, các cơ quan hữu quan xây dựng và ban hành một số văn bản giám sát như: Quy trình tổ chức lấy phiếu tín nhiệm các chức danh chủ chốt do HĐND cấp xã bầu; Nghị định hướng dẫn về tổ chức và hoạt động giám sát của ban thanh tra nhân dân; Quy chế giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở khu dân cư; Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng... Quá trình thực hiện, nhiều nơi làm có hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên đến nay, Nhà nước chưa có một đạo luật riêng về giám sát của nhân dân và hoạt động giám sát của Mặt trận; nhiều đối tượng, lĩnh vực giám sát chưa được cụ thể hóa thành cơ chế, chính sách, pháp luật; nhận thức về vai trò, quyền và trách nhiệm của Mặt trận, các đoàn

thể nhân dân về giám sát còn nhiều hạn chế, thậm chí còn có những quan điểm rất khác nhau nên tuy giám sát là công việc quan trọng nhưng hoạt động khó khăn và hiệu quả giám sát chưa cao.

Để phát huy tốt vai trò phản biện và giám sát xã hội của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, cần thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

1. Phải nâng cao nhận thức của cả chủ thể phản biện, giám sát và chủ thể được phản biện giám sát hiểu rõ: Mục đích, yêu cầu của hoạt động giám sát và phản biện xã hội là nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, xây dựng và bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Bằng hoạt động giám sát và phản biện của MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy; để việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước được sát với thực tiễn đời sống xã hội, thể hiện được ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân.

Cần làm cho cán bộ, đảng viên nhận rõ: Đảng là thành viên của Mặt trận, nhưng là thành viên lãnh đạo của Mặt trận, để vừa đề cao trách nhiệm lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng, vừa tạo mọi điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể thực hiện có hiệu quả, chất lượng chương trình, kế hoạch giám sát và phản biện xã hội, bảo đảm tính trung thực, tính nhân dân, tính khoa học, khách quan trong giám sát, phản biện xã hội.

2. Xác định rõ đối tượng, phạm vi giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Về đối tượng và phạm vi giám sát gồm: Hoạt động của cấp ủy đảng, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, giám sát cán bộ, đảng viên. Với cơ quan nhà nước, chủ yếu là giám sát việc ban hành và thực hiện pháp luật có liên quan đến quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, đến các tầng lớp xã hội do Mặt trận trực tiếp vận động... Đồng thời giám sát cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, tư cách, đạo đức, lối sống và các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức. Việc giám sát hoạt động của

đại biểu dân cử phải nhằm vào yêu cầu giữ vững tiêu chuẩn đại biểu và thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu dân cử.

Về đối tượng và phạm vi phản biện gồm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của cấp ủy đảng liên quan đến xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đến quốc kế dân sinh, đến xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các văn bản pháp luật, kế hoạch, chương trình, chính sách cụ thể về kinh tế, văn hóa, xã hội... của Nhà nước và chính quyền địa phương trước khi ban hành liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam, của các đoàn thể; những chủ trương, chính sách về tổ chức bộ máy và cán bộ trong hệ thống chính trị; những chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc, những chính sách cụ thể đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài.

MTTQ Việt Nam, các đoàn thể nhân dân với tư cách là chủ thể phản biện, hằng năm cần chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát và phản biện cụ thể; có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước giao đề án để phản biện; tổ chức phản biện; chịu trách nhiệm về nội dung phản biện; yêu cầu các cơ quan này trả lời về các kiến nghị đã phản biện. Khi tiến hành hoạt động giám sát, Mặt trận và các đoàn thể được quyền cử cán bộ của các cơ quan chuyên môn của tổ chức mình, hoặc cử ban thanh tra nhân dân giám sát, tiếp nhận đơn, thư và ý kiến phản ánh trực tiếp của nhân dân, ban thanh tra nhân dân, tổ chức mặt trận, đoàn thể cấp dưới. Được cử đại diện tham gia giám sát cấp ủy đảng, cơ quan của Quốc hội, HĐND khi có yêu cầu; lấy phiếu tín nhiệm các chức danh chủ chốt do HĐND các cấp bầu. Được cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện giám sát và phản biện xã hội.

Cơ quan, tổ chức với tư cách là chủ thể được phản biện cần đề cao trách nhiệm, chủ động đề nghị MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên thực hiện việc phản biện đối với dự án, đề án thuộc thẩm quyền xây dựng, ban hành của cơ quan, tổ chức mình từ khi khởi thảo. Khi cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước giao dự án, đề án để MTTQ Việt Nam, các đoàn thể phản biện thì đồng thời

phải cung cấp thông tin và những văn bản có liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát và phản biện; trả lời các kiến nghị về giám sát và phản biện đúng thời hạn theo quy định. Có cơ chế bảo vệ tổ chức, công dân khi họ thực hiện quyền giám sát; có cơ chế, chính sách động viên, khen thưởng và bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện tốt hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

3. Đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân. Coi trọng kiện toàn bộ máy cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, các hội đồng tư vấn của MTTQ. Cần có chính sách quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thu hút cán bộ có năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức về công tác tại các cơ quan MTTQ các cấp. Phát huy vai trò các thành viên của MTTQ các cấp, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, MTTQ đã nghỉ hưu, hội đồng tư vấn và lực lượng cộng tác viên là các chuyên gia trên các lĩnh vực ở từng cấp MTTQ. Có cơ chế lắng nghe và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của các tầng lớp nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng và các tổ chức thành viên của mặt trận. Kinh phí cho các hoạt động giám sát và phản biện ngoài phần do ngân sách nhà nước cấp, cần huy động từ nguồn kinh phí của dự án, đề án cần phản biện và từ nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước.

Thực hiện tốt các yêu cầu trên, hoạt động giám sát, phản biện của mặt trận và các đoàn thể nhân dân sẽ thật sự góp phần làm cho chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước sát hợp với thực tiễn của đời sống xã hội, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

## SUY NGHĨ VỀ MỤC ĐÍCH GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC ĐỐI VỚI QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC Ở NƯỚC TA

ThS. Nguyễn Văn Thanh -  
Phó trưởng Ban Tôn giám - dân tộc - UBTW MTTQVN

Quyền lực và kiểm soát quyền lực đã và đang là vấn đề quan tâm hàng đầu của các nhà tư tưởng chính trị, các nhà thiết kế chính trị - xã hội từ xưa tới nay. Bất kể một mô hình thể chế chính trị, nhà nước nào ra đời cũng đều quan tâm giải quyết hai vấn đề quan trọng bậc nhất, đó là: Quyền lực và kiểm soát quyền lực nhà nước. Nói cách khác là, quyền lực của nhân dân được nhà nước tổ chức và sử dụng như thế nào? bởi lẽ nhân dân là chủ thể của mọi quyền lực.

Ở nước ta, quyền lực nhà nước là biểu hiện tập trung và thống nhất của quyền lực chính trị, có nghĩa là nó nhận được sự uỷ quyền, thừa nhận bằng pháp luật của các giai cấp, các tầng lớp và của từng công dân trong xã hội. Vì vậy, quyền lực nhà nước là một sức mạnh to lớn. Sức mạnh đó được quy định bằng địa vị chính trị pháp lý của nhà nước, của hệ thống bộ máy chức năng trong nhà nước, của các công cụ chuyên chính và các nguồn lực của đất nước do nhà nước đại diện quản lý... Bởi vậy, nếu quyền lực nhà nước được sử dụng đúng đắn, đáp ứng được ý chí nguyện vọng của nhân dân, đúng với xu hướng vận động của lịch sử thì sẽ tạo ra được động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Ngược lại, nếu quyền lực nhà nước không được sử dụng đúng đắn hoặc bị lạm dụng cho các mưu đồ và lợi ích cá nhân thì điều đó sẽ là vô cùng nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, quyền lực nhà nước cần phải được thường xuyên kiểm soát để tránh sự tha hoá.

Quan điểm chính trị học xuyên suốt trong chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân và quyền lực tối cao thuộc về nhân dân. Quan điểm đó còn được thể hiện trong nhiều văn kiện của Đảng ta ngay từ khi còn hoạt động bí mật. Sau Cách mạng Tháng

Tám thành công, quan điểm này đã sớm được khẳng định trong Hiến pháp năm 1946 và tiếp theo được thể hiện ngày càng rõ hơn, cụ thể hơn trong các bản Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980. Cương lĩnh chính trị xây dựng đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1991 và Hiến pháp năm 1992 tiếp tục khẳng định: "Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân". Quyền lực nhà nước chỉ có được từ sự uỷ quyền của nhân dân, mỗi cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Quyền lực thuộc về nhân dân có nghĩa là nguồn gốc quyền lực nhà nước là từ nhân dân, nhân dân có trách nhiệm làm chủ và kiểm soát quyền lực về mọi phương diện: kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội và sử dụng những quyền lực đó để đảm bảo lợi ích của mình trong đời sống xã hội. Bởi vậy, ngay từ khi khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến vấn đề giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước và phát huy chủ quyền, quyền làm chủ của nhân dân. Tuy nhiên, những nguyên tắc kiểm soát quyền lực đó mới chủ yếu là những quy định chung, có tính chất khung. Trong thực tiễn, do đất nước bị chiến tranh kéo dài, do cơ chế kế hoạch hoá, tập trung, quan liêu, bao cấp và các yếu tố khách quan, chủ quan khác... nên chúng ta mới chú trọng nhiều đến vấn đề tập trung, thống nhất quyền lực chứ chưa quan tâm, chú ý nhiều đến vấn đề giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước. Thực tế cũng cho thấy, vấn đề giám sát đối với hoạt động của các cơ quan Nhà nước trong hệ thống chính trị của chúng ta hiện nay đang là khâu yếu, kể cả giám sát mang tính công quyền và giám sát mang tính nhân dân của nhân dân.

Nhìn lại lịch sử chúng ta thấy, trải qua mấy trăm năm tồn tại, giai cấp tư sản đã đạt được những bước tiến bộ đáng ghi nhận trong việc xây dựng hệ thống chính trị, hệ thống nhà nước và kiểm soát quyền lực nhà nước, nhưng mỗi bước đi lên của nó đều thấm đẫm máu và nước mắt trong từng lỗ chân lông của nó. Ngày nay, ở các nước tư bản chủ nghĩa, nguyên tắc "Tam quyền phân lập" được sử dụng phổ biến như một nguyên tắc phân chia, kiểm chế, kiểm soát quyền lực nhà nước và coi đó là một phương thức khả dĩ để kiểm soát và không tuyệt đối hoá quyền lực nhà nước của giai cấp tư sản. Tuy nhiên trong thực tiễn, phương thức này vẫn tồn

tại đây hạn chế (như: ở Mỹ, từ năm 1789 đến năm 1995, qua các đời tổng thống, trong tổng số 1459 lần phủ quyết thông thường, chỉ có 105 lần (7%) quyền phủ quyết của Tổng thống bị đảo ngược).

Mô hình chủ nghĩa xã hội ra đời nhằm khắc phục những hạn chế của bộ máy quyền lực của giai cấp tư sản. Từ trong thực tiễn của Công xã Pari và Cách mạng Tháng Mười... các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đều rất chú ý đến vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước và đảm bảo chủ quyền của nhân dân lao động. Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc kiểm soát quyền lực trong các xã hội xã hội chủ nghĩa đều chưa có đầy đủ điều kiện để hoàn thiện. Công xã Pari chỉ tồn tại 71 ngày trong nỗ lực phải chiến đấu chống lại sự phản kháng quyết liệt của giai cấp tư sản, do vậy lúc này yêu cầu chủ yếu là thống nhất và tập trung quyền lực chứ chưa phải là kiểm soát quyền lực.

Cách mạng Tháng Mười và mấy thập kỷ xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tiếp tục tuyệt đối hoá kinh nghiệm Công xã Pari, tức là nhấn mạnh tính tất yếu của tập trung, thống nhất quyền lực nhà nước chứ chưa chú ý nhiều đến kiểm soát quyền lực nhà nước. Cùng với khuynh hướng tập trung hoá thì nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước từ phía nhân dân bị hình thức hóa và vô hiệu hoá, làm cho quyền lực nhà nước hầu như không được kiểm soát, nếu như nó không được sự tự kiểm soát từ nội bộ đảng cầm quyền. Thực tế đó đã làm cho các nhà nước dần dần biến thành nhà nước tập quyền, tập trung, quan liêu, xa rời những nguyên tắc kiểm soát quyền lực của chủ nghĩa Mác - Lênin (kiểm soát của nhân dân). Vì vậy, chủ nghĩa xã hội mô hình Xô-viết được nhiều người gọi là chủ nghĩa xã hội nhà nước và cũng không ít người gọi là chủ nghĩa xã hội tập quyền nhà nước.

Qua kinh nghiệm lịch sử của vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước ở các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô (cũ) và Đông Âu, chúng ta thấy rằng: Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam ta hiện nay đang được đặt ra vô cùng cấp bách và trở thành một nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới xã hội chủ nghĩa và là một nhiệm vụ quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.



Trong 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, việc nghiên cứu các cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực nhà nước đã được Đảng ta quan tâm chỉ đạo, song chưa được triển khai tương xứng trong thực tiễn gắn với quá trình cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và đổi mới hệ thống chính trị. Vì vậy, vấn đề phát huy dân chủ, giám sát và kiểm soát quyền lực Nhà nước càng trở nên cấp bách và bức xúc. Trong hệ thống chính trị nước ta có 3 bộ phận cơ bản: Đảng Cộng sản Việt Nam - Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được xác định là một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài. Mặt trận là cơ sở chính trị của nhân dân, có trách nhiệm tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng nhà nước thực sự trở thành nhà nước của dân, do dân và vì dân. Tổ chức và hoạt động của Mặt trận là một trong những phương thức thực thi quyền lực chính trị của nhân dân lao động, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Xuất phát từ địa vị chính trị pháp lý, việc thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử và cán bộ công chức nhà nước là một trong những chức năng nhiệm vụ quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thể hiện quyền giám sát của nhân dân với tư cách là chủ thể tối cao của mọi quyền lực. Đặc biệt, trong điều kiện nước ta do Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền, thì việc tăng cường sự giám sát, kiểm soát của nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với các cơ quan công quyền và đội ngũ cán bộ trong bộ máy nhà nước nhằm tránh nguy cơ lạm dụng quyền lực, độc quyền, chuyên quyền, quan liêu, tham nhũng và xa dân càng trở nên cấp thiết.

Phân tích chính trị học sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô trước đây, cũng như một số "điểm nóng" ở nước ta gần đây đã cho chúng ta nhiều bài học, trong đó có bài học về việc giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước.

Từ thực tiễn kinh nghiệm lịch sử và những yêu cầu đổi mới hệ thống chính

trị, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; xuất phát từ chức năng nhiệm vụ của Mặt trận được Hiến pháp và pháp luật quy định, trong giai đoạn hiện nay, cần tăng cường hơn nữa chức năng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với các cơ quan quyền lực nhà nước, các đại biểu dân cử, đội ngũ cán bộ công chức nhà nước và phải nhằm hướng tới các mục đích sau đây:

- Đảm bảo chủ quyền và phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của nhân dân.

- Tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do cơ bản của con người, của công dân, của các cộng đồng; các giá trị phổ quát của dân tộc và nhân loại, như: công bằng, bình đẳng, nhân đạo, dân chủ và pháp quyền...

- Đảm bảo quyền lực của nhân dân trong việc tham gia quản lý xã hội, kiểm soát hoạt động của Nhà nước; bảo đảm cho Hiến pháp và pháp luật khi ban hành phải thể hiện đúng và đầy đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân chứ không phải là ý chí, nguyện vọng của cá nhân, nhóm người hay lực lượng xã hội riêng biệt nào.

- Đảm bảo cho sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và pháp quyền và địa vị pháp lý của các cá nhân trong xã hội công dân. Qua đó xác lập mối quan hệ hài hoà, bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của hai bên, nhằm loại trừ xu hướng vô chính phủ từ phía công dân cũng như nguy cơ tùy tiện và độc đoán, quan liêu, cửa quyền... từ phía các cơ quan quyền lực nhà nước; đồng thời làm cho cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân.

- Đảm bảo cho sự phân công rành mạch, phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi các quyền: Lập pháp, hành pháp và tư pháp trên nguyên tắc quyền lực nhà nước tập trung, thống nhất, có phân công phân nhiệm và tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân.

- Sửa đổi, bổ sung những chủ trương, chính sách, pháp luật không còn phù hợp và kiến nghị lập pháp, kiến nghị chủ trương, chính sách, pháp luật mới.

- Hỗ trợ cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của Nhà nước nhằm góp phần xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, làm cho bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, hoạt động ngày càng có hiệu lực, hiệu quả để quản lý tốt mọi mặt đời sống xã hội theo pháp luật, vì cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Bản sao lưu trữ

## **THỰC HIỆN TỐT QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC CƠ QUAN DÂN CỬ TRONG VIỆC GIÁM SÁT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**

**(Tham luận của đại biểu đảng bộ tỉnh Nam Định  
tại Đại hội X của Đảng)**

Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Phát huy dân chủ ở cơ sở là nhằm động viên sức mạnh của các tầng lớp nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng, đẩy lùi tiêu cực, suy thoái, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở vững mạnh.

Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị (khoá VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là một chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Quá trình triển khai thực hiện Quy chế dân chủ thực chất là quá trình sinh hoạt dân chủ góp phần quan trọng vào tiến trình mở rộng dân chủ, phát huy được trí tuệ và sức sáng tạo của mọi người, tạo nên sức mạnh tổng hợp về tinh thần và vật chất, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền, cơ quan trong sạch, vững mạnh.

1. Khái quát tình hình thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của tỉnh Nam Định. Thi hành Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tổ chức quán triệt nội dung Chỉ thị và các nghị định của Chính phủ về thực hiện Quy chế dân chủ, thống nhất quan điểm chỉ đạo, phương pháp tiến hành và phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai Quy chế thực hiện dân chủ với quan điểm: vững chắc, không làm lướt, không làm ô ạt, phải có bước đi thích hợp; tiến hành làm điểm rút kinh nghiệm, sau đó mới triển khai mở rộng.

Đến nay, sau hơn 6 năm triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, hầu hết các xã, phường, thị trấn, cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện nghiêm túc và mang lại những hiệu quả tích cực: tình hình an ninh chính trị của tỉnh được giữ vững, kinh tế ổn định và phát triển, hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và mở rộng, tình hình an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, hạn chế được những hiện tượng tiêu cực... Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở nhiều nơi chưa thường xuyên; kết quả chưa đạt so với yêu cầu đề ra; chưa đồng đều giữa các loại hình cơ sở. Một số nội dung của Quy chế dân chủ chưa được thực hiện đầy đủ, kịp thời, nhất là các chế độ về công khai tài chính, tài sản, đất đai, chế độ chính sách đối với người lao động...

## 2. Vai trò giám sát của các cơ quan dân cử

Thực tế cho thấy, nhân dân luôn kỳ vọng và đòi hỏi ở mỗi đại biểu dân cử, những người đã được nhân dân tin tưởng bầu vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan quyền lực ở địa phương cần phải thực sự thay mặt nhân dân giám sát có hiệu quả hoạt động của bộ máy công quyền, giám sát việc làm của cán bộ, công chức nhà nước để bảo vệ lợi ích của nhà nước và của công dân. Hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử thực chất cũng chính là góp phần bảo đảm phát huy dân chủ một cách đầy đủ nhất.

Hoạt động giám sát của cơ quan dân cử trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tập trung vào những nội dung chủ yếu:

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.
- Tham gia ý kiến với cấp uỷ, chính quyền, mở rộng dân chủ theo chỉ thị và nghị quyết của Đảng, chỉ thị của Chính phủ.
- Nắm tình hình và có ý kiến với chính quyền các cấp về việc xử lý công việc đối với dân.
- Giám sát việc thực hiện của cán bộ, công chức đối với việc giải quyết, xử lý các đề nghị, yêu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của các đơn vị, tổ chức, của nhân dân.

Hàng tháng, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tập hợp yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân qua việc tiếp công dân, đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân để yêu cầu các cấp chính quyền giải trình và xử lý, đồng thời yêu cầu các ngành, các cấp, các địa phương xác định làm rõ trách nhiệm của lãnh đạo, cá nhân trong việc thi hành công vụ.

### 3. Thực tế công tác giám sát của các cơ quan dân cử đối với cán bộ, công chức ở Nam Định

Căn cứ vào Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Giám sát của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nam Định đã cùng với các Ủy ban của Quốc hội và tự mình tổ chức nhiều cuộc giám sát về những vấn đề cụ thể tại các huyện, ngành của tỉnh. Thông qua hoạt động giám sát này, đại biểu Quốc hội thay mặt nhân dân kiểm tra được hoạt động của các ngành và cá nhân lãnh đạo của các ngành, các địa phương trong việc chấp hành pháp luật, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tổ chức giám sát các hoạt động của các cấp chính quyền theo các chuyên đề, trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Đồng thời, các cơ quan dân cử giám sát hoạt động của cán bộ, công chức trong việc thực hiện công vụ thông qua thực tiễn các hoạt động ở cơ sở, qua các yêu cầu, đề nghị của nhân dân, qua đơn, thư, qua tiếp xúc cử tri và đặc biệt qua các kỳ họp Hội đồng nhân dân. Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp, Hội đồng nhân dân đã nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân về các lĩnh vực, thực hiện chất vấn Ủy ban nhân dân trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có các vấn đề thực hiện Quy chế dân chủ.

Hàng tháng, Hội đồng nhân dân tỉnh cùng đoàn đại biểu Quốc hội, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp dân tại trụ sở tiếp dân của tỉnh. Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã cũng bố trí lịch tiếp dân theo quy định của luật. Trong các buổi tiếp dân, các cấp, các ngành đã trực tiếp lắng nghe ý kiến phản ánh của công dân, ghi nhận, hướng dẫn công dân đi đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Công tác tiếp dân được đổi mới, sau mỗi buổi tiếp dân, các cấp, các ngành đã đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan chức năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân,

không gây phiền hà, hạn chế không để công dân đi lại nhiều lần. Đơn, thư khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền đều được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Cơ quan thanh tra các cấp đã làm tốt chức năng tham mưu, quản lý, hướng dẫn phân loại theo đúng quy định của pháp luật, nên tình trạng chuyển đơn vòng vèo, gây phiền hà đối với công dân từng bước được khắc phục.

Tuỳ theo tình hình, thời gian cụ thể, Hội đồng nhân dân tổ chức đoàn giám sát chuyên đề về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tập trung vào một số nội dung:

- Đối với xã, phường, thị trấn: tập trung giám sát về trách nhiệm của cán bộ xã trong công tác xử lý công việc cho nhân dân, tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; công tác tài chính ở xã, phường, thị trấn; giám sát việc quản lý, sử dụng, bảo vệ tài sản công trên địa bàn; việc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, việc xây dựng tổ dân phố, thôn, xóm an toàn, xây dựng nếp sống văn minh.

- Đối với cơ quan, đơn vị: Hội đồng nhân dân tập trung giám sát cán bộ, công chức theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tập trung ở những vấn đề chính: việc thực hiện chế độ tài chính và sử dụng tài sản công của cơ quan; việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật và nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức hàng năm; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan; quy ước nếp sống văn hoá của cơ quan.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy:

+ Việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được nhân dân đồng tình ủng hộ.

+ Quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng và phát huy, động viên được sức mạnh của toàn dân trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

+ Bước đầu hạn chế được những vụ việc tiêu cực trong hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở, các cơ quan, cán bộ, công chức. Chất lượng đội ngũ cán

bộ, công chức được nâng lên. Hoạt động của chính quyền cơ sở dần đi vào nề nếp.

Song việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở cũng bộc lộ những hạn chế:

+ Cấp uỷ đảng, chính quyền một số nơi, đặc biệt là ở một số cơ sở chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở nên chủ quan, làm lướt hoặc thờ ơ với việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ, chưa tạo được lòng tin trong nhân dân. Có nơi triển khai xong không duy trì, thiếu kiểm tra, đôn đốc nên việc thực hiện còn mang tính hình thức.

+ Một số nơi do chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nên một số cán bộ, công chức, người dân có thái độ thờ ơ, ít quan tâm nghiên cứu học tập, chưa hiểu đúng và đầy đủ những nội dung của Quy chế dân chủ, đã có những đòi hỏi dân chủ quá trớn, tùy tiện, không chính đáng; đòi hỏi nhiều quyền lợi hơn nhưng lại không nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ đối với địa phương, cơ quan, đơn vị.

+ Việc thực hiện một số quy định công khai ở một số nơi còn chiếu lệ, không có tác dụng thực sự góp phần quản lý địa phương, cơ quan. Việc thực hiện một số quy định trong Nghị định số 71 chưa có hiệu quả thiết thực, như: tổ chức hội nghị cán bộ công chức cơ quan, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, thực hiện việc đánh giá cán bộ, công chức hàng năm...

4. Từ thực tế thực hiện Quy chế dân chủ trong quá trình giám sát của các cơ quan dân cử đối với cán bộ, công chức ở Nam Định, có thể rút ra một số kết luận sau:

Để thực sự phát huy dân chủ và nâng cao hơn nữa vai trò giám sát của đại biểu Quốc hội ở địa phương và Hội đồng nhân dân các cấp đối với việc làm của cán bộ, công chức cần giải quyết nhiều nội dung. Trước hết tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và những nội dung của Quy chế dân chủ để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiểu và thực hiện đúng các nội dung của Quy chế dân chủ.



- Các tổ chức đảng phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ; các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải làm tốt vai trò kiểm tra, giám sát.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải có trách nhiệm duy trì nền nếp, thường xuyên việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị; gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện các quy chế, quy ước của cơ quan, đơn vị. Đề cao trách nhiệm cá nhân trong giải quyết công vụ. Có nhiều hình thức dân chủ để nhân dân tham gia, góp ý với cán bộ, công chức.

- Phải thường xuyên giáo dục nâng cao phẩm chất và năng lực cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được phân công. Phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức gắn liền với việc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ thủ trưởng và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Thực hiện dân chủ phải gắn với đảm bảo kỷ cương; phát huy dân chủ đồng thời kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật và xâm phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Thực hiện công tác xây dựng Đảng gắn liền với hệ thống cơ chế, chính sách quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ. Cần có cơ chế để tạo động lực cho cán bộ, công chức phát triển tư duy, năng động, sáng tạo và nâng cao trách nhiệm trong công việc.

Các đại biểu của nhân dân cũng phải tự mình nâng cao trình độ, năng lực mọi mặt để có thể đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ giám sát. Có thể nói, đây là điều kiện hết sức quan trọng để đại biểu dân cử thực sự phát huy được quyền hạn, nhiệm vụ của mình trong hoạt động giám sát.

- Đại biểu dân cử được tạo điều kiện cần thiết để có thể làm tốt hơn chức năng giám sát của mình. Cần được quan tâm, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, phù hợp, được tập huấn tốt về kỹ năng hoạt động đại biểu.

## PHẦN THỨ HAI

---

**NHỮNG VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH VỀ BẢO ĐẢM  
CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA,  
GIÁM SÁT TRONG CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG,  
ĐOÀN THỂ, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

**\* CÁC NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG  
ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X CÓ LIÊN QUAN VỀ CÔNG TÁC  
KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

**NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC  
CƠ SỞ ĐẢNG VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN  
(NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 BAN CHẤP HÀNH  
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X)**

**I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG  
VIÊN**

Trong những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Quán triệt chủ trương và thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, công tác xây dựng Đảng ở cơ sở đã có một số chuyển biến tiến bộ, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đất nước.

Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở; lãnh đạo cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên; thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai và bước đầu đem lại kết quả tích cực, dân chủ trong Đảng và trong xã hội được mở rộng hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở được chăm lo. Đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở được tăng thêm về số lượng và chất lượng; trình độ, kiến thức các mặt được nâng lên.

Nhiều cấp ủy viên và cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách,

trường thành qua thực tiễn công tác; kiên định lập trường giai cấp công nhân, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng; gương mẫu thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ được giao; trong đó, nhiều cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có phẩm chất, năng lực tốt, từng bước thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Công tác kết nạp đảng viên được cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả tích cực.

Có được những chuyển biến tiến bộ trên là do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đã có những nghị quyết, chỉ thị, quy định và giải pháp lớn về xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhiều cấp ủy cấp trên đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố cơ sở yếu kém; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy cơ sở đã nhận thức đầy đủ hơn vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và chăm lo công tác xây dựng Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn. Cơ sở vật chất, phương tiện và điều kiện làm việc của cơ sở từng bước được trang bị tốt hơn trước.

Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên còn một số khuyết điểm, yếu kém:

Nhiều cấp ủy chưa thực sự coi trọng vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng; chưa dành thời gian, công sức để tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Không ít tổ chức cơ sở đảng chưa nhận thức và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở chưa đúng mức, tính định hướng, tính chiến đấu và tính giáo dục, thuyết phục chưa cao. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, khả năng nhận thức, vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của cấp ủy cấp trên của nhiều

tổ chức cơ sở đảng còn yếu, chưa đủ sức phát hiện, giải quyết những vấn đề phức tạp xảy ra ở cơ sở; có tổ chức cơ sở đảng bị mất sức chiến đấu.

Nhiều cấp ủy, đảng bộ, chi bộ chưa thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; chưa thực hiện có nền nếp chế độ sinh hoạt đảng, nội dung sinh hoạt chi bộ chậm đổi mới; chưa coi trọng đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách, lề lối làm việc; bệnh thành tích còn nặng và khá phổ biến. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, vi phạm nguyên tắc Đảng, tự phê bình và phê bình yếu. Tình thương yêu đồng chí bị giảm sút. Tình trạng suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên rất đáng lo ngại; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn xảy ra ở nhiều nơi nhưng chậm được phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả.

Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên còn bị buông lỏng. Cấp ủy và chi bộ chưa nắm chắc tình hình tư tưởng và phẩm chất của cán bộ, đảng viên; chưa chủ động dự báo và chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên trước những diễn biến phức tạp và những vấn đề mới; chưa có biện pháp hữu hiệu ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý kịp thời những đảng viên vi phạm. Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm còn hình thức, kết quả chưa phản ánh đúng thực chất. Công tác kết nạp đảng viên còn chú ý nhiều đến số lượng, chưa chú trọng đúng mức đến chất lượng. Số đảng viên kết nạp ở địa bàn dân cư, là công nhân trong các thành phần kinh tế còn ít.

Những khuyết điểm, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan, song chủ yếu là do một số nguyên nhân chủ quan sau:

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, do chưa lường hết tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường nên công tác xây dựng Đảng nói chung, xây dựng Đảng ở cơ sở nói riêng tuy đã được đổi mới nhưng chưa theo kịp sự biến đổi của tình hình; chưa quan tâm đúng mức đến công tác nghiên cứu lý luận, thiếu dự báo về công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới để đề ra nội dung, biện pháp thiết thực.

Chưa nhận thức đúng, đầy đủ nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng; chưa quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò và chức năng, nhiệm vụ của chi bộ, của tổ chức cơ sở đảng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với cơ sở chưa thường xuyên; việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm chưa kịp thời, thiếu kiên quyết.

Việc ban hành các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác xây dựng Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ, một số quy định, hướng dẫn chưa sát thực tế. Chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở còn bất cập; đội ngũ cấp ủy viên ít được bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng và cập nhật những kiến thức mới, nhất là về kinh tế, xã hội và pháp luật.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Quan điểm**

- Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là cầu nối giữa Đảng với dân, có vị trí rất quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng. Toàn Đảng phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội ở cơ sở, nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực trọng yếu, có nhiều khó khăn. Lấy hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở làm thước đo kết quả tổng hợp của công tác xây dựng Đảng.

- Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc tham gia xây dựng Đảng. Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên phải chịu sự giám sát của nhân dân.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng phải kết hợp chặt chẽ với thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", với xây dựng chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở vững mạnh, với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là bí thư đảng bộ, chi bộ, người đứng đầu và các cấp ủy viên.

## 2. Mục tiêu

Trong 5 năm tới, cần phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Tập trung sức để xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo được sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, làm cho tổ chức đảng ở cơ sở vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và kịp thời giải quyết những vấn đề xảy ra ở cơ sở.

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị đồng bộ, thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức đảng và kết nạp đảng viên ở những nơi chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên. Bảo đảm các loại hình tổ chức cơ sở đảng đều có quy định về chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc phù hợp.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, trước hết là bí thư cấp ủy và cán bộ, đảng viên thật sự tiên phong gương mẫu, có phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kiên quyết thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

## 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong thời gian tới

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

3.1- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thực sự tiên phong gương mẫu, đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các cấp ủy phải quan tâm làm tốt công tác chính trị tư tưởng, chủ động dự báo tình hình để kịp thời trang bị những thông tin có định hướng của Đảng cho cán bộ, đảng viên. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và học



tập lý luận chính trị; chú ý bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên kỹ năng lãnh đạo, giải quyết những tình huống cụ thể xảy ra ở cơ sở. Chủ động khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng; chống chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, vụ lợi, cá nhân, trung bình chủ nghĩa; kiên quyết đấu tranh với những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, phản động, góp phần làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong cấp ủy, chi bộ, đảng bộ trên cơ sở Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chính sách của Đảng và tình đồng chí. Cấp ủy phải nắm chắc tình hình tư tưởng, phát hiện kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm về đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác; có biện pháp cụ thể để phòng ngừa, giáo dục, giúp đỡ và xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên sai phạm.

3.2- Hoàn thiện mô hình tổ chức của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng gắn tổ chức cơ sở đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; chăm lo kết nạp đảng viên, nhất là ở những địa bàn, đơn vị chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên.

Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức của các tổ chức cơ sở đảng cho đồng bộ, thống nhất với các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở. Đồng thời, xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với những tổ chức cơ sở đảng có tính đặc thù, vừa tạo sự thống nhất chung, vừa phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng địa phương, đơn vị.

Đối với khu vực xã, phường, thị trấn, tiến hành sắp xếp mô hình tổ chức của đảng bộ, chi bộ, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn dân cư theo hướng: dưới đảng bộ xã là chi bộ thôn (ấp, bản); dưới đảng bộ phường, thị trấn nói chung là chi bộ tổ dân phố. Những thôn, tổ dân phố có đông đảng viên thì thành lập đảng bộ bộ phận, có các chi bộ trực thuộc. Đối với những đảng bộ cơ sở trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước hoạt động trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố, tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng trực thuộc nhiều cấp trên khác nhau, cần sắp xếp lại cho phù hợp, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội.

Đối với tổ chức cơ sở đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và các tổng công ty hạng đặc biệt có nhiệm vụ chính trị thống nhất, có cùng ngành nghề và sản phẩm chính, gắn bó và chi phối lẫn nhau, thì trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm những mô hình đã có để từng bước thực hiện chủ trương thành lập tổ chức đảng toàn tập đoàn, toàn tổng công ty; đồng thời cũng cho phép có một số mô hình có tính đặc thù. Gắn công tác xây dựng Đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ của doanh nghiệp; có quy định cụ thể về mối quan hệ giữa đảng ủy tập đoàn, đảng ủy tổng công ty với các cấp ủy địa phương có liên quan.

Đối với các tỉnh, thành phố có nhiều khu công nghiệp tập trung thì thành lập đảng bộ cơ sở khu công nghiệp, đặt trực thuộc cấp ủy cấp trên trực tiếp phù hợp. Những doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, đông công nhân và đông đảng viên thì thành lập tổ chức cơ sở đảng; những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, số lượng công nhân và đảng viên ít thì thành lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở phù hợp. Những địa phương còn nhiều thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, trường học, doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên, cấp ủy cấp trên trực tiếp của cơ sở phân công cấp ủy viên và các ban, ngành, đoàn thể phụ trách từng đơn vị để chỉ đạo công tác kết nạp đảng viên, xây dựng tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội. Những đảng viên làm việc ổn định trong các doanh nghiệp phải chuyển sinh hoạt đảng về nơi làm việc hoặc tổ chức đảng phù hợp. Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên mới, khắc phục bệnh thành tích, chỉ chú ý nhiều đến số lượng mà hạ thấp tiêu chuẩn.

3.3- Thực hiện mạnh mẽ chủ trương trẻ hóa, tiêu chuẩn hóa, thể chế hóa và từng bước nhất thể hóa chức danh cán bộ; tạo bước chuyển có tính đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

Để trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở, cần sớm ban hành chính sách thu hút để thực hiện chủ trương đưa sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác ở xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp; có

cơ chế, chính sách để giải quyết đối với những cán bộ chưa được chuẩn hóa nhưng chưa đủ tuổi, đủ năm công tác để nghỉ theo chế độ. Đối với các tỉnh miền núi, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, cần tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường thiếu sinh quân; phối hợp với các quân khu lựa chọn những thanh niên người dân tộc thiểu số đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự đưa đi đào tạo nâng cao trình độ học vấn, lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để tạo nguồn cán bộ cho cơ sở.

Xây dựng hệ thống chính sách phù hợp và đồng bộ đối với cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn theo hướng: Một số chức danh cán bộ chuyên trách ở xã, phường, thị trấn cần và có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ thì được xem xét chuyển thành công chức nhà nước để tạo sự liên thông trong đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp; các chức danh cán bộ chuyên trách khác không đủ điều kiện, tiêu chuẩn để trở thành công chức nhà nước thì thực hiện theo chế độ hiện hành, khi được giữ chức vụ do bầu cử thì hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm và thực hiện chế độ bảo hiểm, khi thôi đảm nhiệm chức vụ thì thôi hưởng phụ cấp và đóng bảo hiểm tự nguyện. Cán bộ không chuyên trách thì thực hiện theo hướng khoán kinh phí hoạt động và đóng bảo hiểm tự nguyện. Chính phủ quy định khung số lượng và khung mức phụ cấp để các địa phương thực hiện phù hợp với tình hình cụ thể. Thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp như đối với đại biểu hội đồng nhân dân cùng cấp; có chế độ phụ cấp thu hút đối với cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Hằng năm, dành một số biên chế dự phòng để các địa phương thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và tăng cường cán bộ cho cơ sở. Kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn do Chính phủ quy định phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn theo chức danh cán bộ; chú ý bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ và kinh nghiệm giải quyết những tình

huống cụ thể ở cơ sở. Hằng năm, cán bộ chuyên trách, cấp ủy viên cơ sở xã, phường, thị trấn phải được bồi dưỡng để cập nhật kiến thức mới tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hoặc trường chính trị tỉnh, thành phố.

Bổ sung, sửa đổi một số quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng nhằm xác định rõ hơn vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ. Bổ sung, sửa đổi các quy định, hướng dẫn về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên theo hướng đánh giá đúng thực chất. Ban hành hướng dẫn về đảng viên làm kinh tế tư nhân, việc kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng; xử lý đối với đảng viên có liên quan đến yếu tố nước ngoài... để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

Thực hiện thí điểm chủ trương nhất thể hóa hai chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Thực hiện thí điểm từng bước việc đại hội đảng bộ cơ sở bầu cấp ủy, ban thường vụ, bí thư và phó bí thư. Đối với những nơi có khó khăn về cán bộ, có thể vận dụng linh hoạt hơn chủ trương Chủ tịch hội đồng nhân dân, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn không giữ một chức vụ quá hai nhiệm kỳ.

Các tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, thực hiện thống nhất chủ trương thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc một đồng chí lãnh đạo của cơ quan, đơn vị trực tiếp làm bí thư cấp ủy. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện thống nhất chủ trương Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc (giám đốc) đồng thời là bí thư cấp ủy. Đối với những công ty cổ phần có vốn nhà nước, cấp ủy và lãnh đạo cấp trên của doanh nghiệp cần lựa chọn những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực và có đủ điều kiện đại diện phần vốn của Nhà nước để tham gia cấp ủy và hội đồng quản trị của công ty.

Trong các đơn vị cơ sở thuộc Công an nhân dân, thực hiện chế độ thủ trưởng đơn vị đồng thời làm bí thư cấp ủy, đồng chí lãnh đạo cấp phó làm phó bí thư và phụ trách công tác xây dựng lực lượng. Đồng thời, nghiên cứu việc thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên ở một số đơn vị cơ động, chiến đấu

tập trung và có tính đặc thù. Trong các học viện, trường đại học thuộc Bộ Công an cần có khoa chuyên ngành để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an nhân dân.

3.4- Nâng cao chất lượng, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ cương, kỷ luật; khắc phục tính hình thức, đơn điệu trong sinh hoạt, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Tập trung sức cùng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ nghiêm kỷ luật, tăng cường đoàn kết trong Đảng. Thường xuyên giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ, kiến thức và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở thực hiện nghiêm túc, có nền nếp chế độ sinh hoạt đảng định kỳ. Nội dung sinh hoạt chi bộ phải cụ thể, thiết thực, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc xảy ra ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Mỗi quý, các chi bộ phải sinh hoạt chuyên đề ít nhất một lần để bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho đảng viên trong chi bộ.

Việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng cần tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, thiết thực, nhất là trong các đợt tự phê bình và phê bình trong quá trình thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; kịp thời phát hiện và nêu gương những đảng viên tiên phong gương mẫu, có thành tích xuất sắc và giáo dục, giúp đỡ những đảng viên có sai phạm. Thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Động viên những đảng viên không còn tác dụng tự nguyện xin ra Đảng.

Định kỳ 6 tháng một lần, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng kiểm tra việc thực hiện nền nếp, nội dung, chất lượng sinh hoạt của các

chi bộ và thông báo kết quả kiểm tra trong toàn đảng bộ. Các cấp ủy viên, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị và đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp phải chăm lo chỉ đạo công tác xây dựng Đảng ở nơi mình đang sinh hoạt và phải chịu trách nhiệm khi tổ chức cơ sở đảng nơi mình sinh hoạt yếu kém.

Thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy về kỹ năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên; về biện pháp quy tụ, tập hợp quần chúng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị ở cơ sở để thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Những cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có đủ số lượng đảng viên để bố trí cán bộ chuyên trách thì phân công những đảng viên có phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm làm chuyên trách và hưởng lương từ ngân sách đảng.

3.5- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, quản lý đảng viên; dựa vào dân để xây dựng Đảng.

Các cấp ủy cấp trên phải nắm chắc tình hình cơ sở, phân công cấp ủy viên trực tiếp phụ trách cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, giải quyết những vấn đề xảy ra ở cơ sở. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên phải có nội dung ngắn gọn và dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ quy trách nhiệm. Cán bộ lãnh đạo, quản lý và các cấp ủy viên cấp trên của tổ chức cơ sở đảng phải bố trí thời gian để gặp gỡ đảng viên và nhân dân tại cơ sở, giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của đảng viên và quần chúng; bảo vệ những cán bộ tốt, những người trung thực, thẳng thắn đấu tranh chống tiêu cực.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; Quy định của Bộ Chính trị về xử lý đảng viên vi phạm; về những điều đảng viên không được làm. Cấp ủy cơ sở phải giám sát đảng viên về các mặt, kể cả đảng viên là cán bộ do cấp ủy cấp trên quản lý. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc vận động nhân dân giám sát

cán bộ, đảng viên ở địa bàn dân cư; tổ chức tốt việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do hội đồng nhân dân cấp xã bầu ra.

Các chi bộ phải thực hiện tốt việc phân công công tác cho đảng viên, bảo đảm mọi đảng viên trong chi bộ đều được phân công công tác phù hợp. Đối với những đảng viên là cán bộ nghỉ hưu, sức khỏe yếu và tự nguyện, được chi bộ và cấp ủy cơ sở đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng xem xét, cấp giấy chứng nhận miễn sinh hoạt và công tác. Những đảng viên 2 năm liền xếp loại vi phạm tư cách thì đưa ra khỏi Đảng bằng hình thức phù hợp.

Hằng năm, các tổ chức cơ sở đảng phải đăng ký phân đấu thực hiện các nhiệm vụ với cấp ủy cấp trên, trong đó có nội dung cam kết không có cán bộ, đảng viên tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Cuối năm, cấp ủy cấp trên căn cứ vào nội dung đăng ký để đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, sự vững mạnh của các tổ chức trong hệ thống chính trị và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đồng thời thông báo để cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia ý kiến. Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng phải kiểm tra, thẩm định chặt chẽ và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Biểu dương, khen thưởng những tổ chức cơ sở đảng, đảng viên có thành tích xuất sắc và tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm để nhân rộng.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1- Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành các đề án và chỉ đạo xây dựng, ban hành các quy định, quy chế, hướng dẫn để thực hiện.

2- Các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và xây dựng

kế hoạch hoặc chương trình hành động cụ thể để thực hiện phù hợp với tình hình, đặc điểm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

3- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, bổ sung, sửa đổi một số văn bản pháp luật có liên quan tới nội dung Nghị quyết.

4- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các ban của Trung ương Đảng nghiên cứu bổ sung, sửa đổi một số điểm trong các Nghị định 114, 121/NĐ-CP của Chính phủ và một số quy định khác có liên quan tới nội dung Nghị quyết.

5- Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở Trung ương nghiên cứu, ban hành các quy định và hướng dẫn để chỉ đạo cấp dưới thực hiện theo yêu cầu của Nghị quyết này.

6- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ở Trung ương hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết.

7- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban, cơ quan đảng ở Trung ương hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương.

**TÔNG BÍ THƯ  
NÔNG ĐỨC MẠNH**



## **TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG LÃNG PHÍ (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X)**

Trong những năm qua, nhất là từ sau Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Đảng và Nhà nước ta đã tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nhiều cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, đi đầu trong cuộc đấu tranh này. Nhiều vụ án tham nhũng, trong đó có những vụ án lớn, phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng đã được phát hiện, xử lý.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, hiệu quả thấp. Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

Nguyên nhân chủ yếu của những thiếu sót, khuyết điểm trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí là:

- Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, còn nhiều sơ hở, nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung.

- Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nói chung, của bộ máy nhà nước nói riêng, còn nhiều khuyết điểm, chất lượng và hiệu quả chưa cao; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan, tổ chức chưa được xác định rõ ràng, cụ thể, còn trùng lặp hoặc bị phân tán.

- Nhiều tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính nghiêm trọng, sự nguy hại của tệ tham nhũng, lãng phí, nên lãnh đạo không chặt chẽ, thiếu kiểm tra, đôn đốc, thậm chí còn nể nang, né tránh, dung túng, bao che cho tham nhũng, lãng phí;

chưa thực sự dựa vào dân và chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

- Công tác cán bộ nói chung và việc quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức nói riêng còn yếu kém. Một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống. Không ít cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành, kể cả cán bộ lãnh đạo cao cấp, còn thiếu gương mẫu trong việc giữ gìn phẩm chất đạo đức; chưa đi đầu trong cuộc sống đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Trong những năm tới, phải đẩy mạnh toàn diện và kiên quyết cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

## **I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ**

### **1. Mục tiêu:**

Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính.

### **2. Quan điểm:**

- Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức hành chính, kinh tế, hình sự.

- Phòng, chống tham nhũng, lãng phí phải phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, củng cố hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Vừa tích cực, chủ động phòng ngừa, vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, trong đó phòng ngừa là chính. Gắn phòng, chống tham nhũng lãng

phí với xây dựng, chinh đốn Đảng, phát huy dân chủ, thực hành tiết kiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, chống quan liêu.

- Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm.

- Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chú trọng tổng kết thực tiễn và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài.

## **II. CHỦ TRƯỞNG, GIẢI PHÁP**

1. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tiến hành cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” về cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, tạo nên phong trào tự tu dưỡng, rèn luyện, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tệ tham nhũng, lãng phí trong Đảng, trong xã hội. Đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, phải nêu gương về đạo đức, lối sống và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đưa nội dung Luật phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào chương trình giáo dục. Mở chuyên mục tuyên truyền, giáo dục về vấn đề này trên các báo, đài.

Bảo vệ, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

2. Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng và đảng viên, tăng cường vai trò của chi bộ trong quản lý, giáo dục đảng viên.

Các tổ chức đảng và đảng viên, cán bộ, công chức phải đề cao tinh thần tự tôn, tự hào về dân tộc, về truyền thống cách mạng của Đảng, từ đó tự tu dưỡng bản thân, đi đầu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Chi bộ đảng phải nắm chắc việc thực hiện nhiệm vụ và quan hệ xã hội của

đảng viên trong chi bộ, giáo dục, nhắc nhở và kịp thời kiểm tra, xử lý những trường hợp có dấu hiệu vi phạm, không được dung túng, bao che tham nhũng, lãng phí.

Trường hợp có hành vi tham nhũng, lãng phí cần được xử lý thì cấp ủy đảng phải tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng thực thi pháp luật, đồng thời lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị; thực hiện nghiêm túc kết luận xử lý gắn với củng cố nội bộ.

Nâng cao tính chiến đấu, thực hiện dân chủ, công khai trong tự phê bình và phê bình theo phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”.

Công khai kết quả tự phê bình, kiểm điểm. Trong sinh hoạt đảng và nhận xét, đánh giá đảng viên hàng năm phải có nội dung về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tổ chức đảng phải lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp làm tốt vai trò giám sát. Hàng năm, cán bộ chủ chốt cấp xã phải trực tiếp tự phê bình và phê bình tại hội nghị đại diện nhân dân do Mặt trận Tổ quốc tổ chức. Xây dựng và thực hiện cơ chế chất vấn trong sinh hoạt đảng.

3. Tiếp tục hoàn thiện công tác cán bộ phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác cán bộ, bảo đảm công khai, dân chủ.

Chấn chỉnh công tác thi tuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức; chú trọng thanh tra, xử lý tham nhũng trong thi tuyển; bổ sung quy định về việc những người có quan hệ gia đình không được cùng làm một số công việc dễ xảy ra tham nhũng. Thực hiện nghiêm túc, mở rộng dần diện chuyển đổi vị trí công tác trong hệ thống chính trị.

Thí điểm tiến tới mở rộng thi tuyển công khai một số chức danh cán bộ quản lý cấp phòng, cấp vụ, nhất là người đứng đầu bệnh viện, trường học, cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp của Nhà nước. Cán bộ, công chức dự kiến được bổ nhiệm, đề bạt phải trình bày chương trình hành động trước khi ghi phiếu tín

nhiệm. Kiên quyết không sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu tái cử những người tham nhũng, lãng phí hoặc bao che, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí. Xem xét, xử lý trách nhiệm người giới thiệu, người bổ nhiệm, đề bạt cán bộ đã bao che hành vi tham nhũng, lãng phí của người được bổ nhiệm, đề bạt.

Sửa đổi, bổ sung quy định về bổ nhiệm, phân cấp quản lý cán bộ theo hướng tăng quyền hạn cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức gắn với trách nhiệm cá nhân trong việc lựa chọn, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cấp phó và cán bộ cấp dưới trực tiếp trên cơ sở thảo luận dân chủ trong tập thể lãnh đạo. Nghiên cứu cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên bổ nhiệm thủ trưởng cơ quan hành chính cấp dưới.

Thực hiện nghiêm quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xây ra tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng, về miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ người có dấu hiệu tham nhũng để thanh tra, kiểm tra, điều tra. Khuyến khích việc chủ động từ chức vì lý do trách nhiệm.

- Tiếp tục cải cách chế độ tiền lương:

Đẩy nhanh hơn tiến độ thực hiện Đề án cải cách chế độ tiền lương, xây dựng lộ trình cải cách tiền lương trong những năm tới theo hướng tăng thu nhập cao hơn cho cán bộ, công chức. Giao quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp có đủ điều kiện. Xây dựng cơ chế tiền lương riêng cho công chức hành chính.

Các đơn vị làm nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công cộng được chủ động nâng cao thu nhập chính đáng cho đội ngũ công chức, viên chức trên cơ sở bảo đảm cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho mọi công dân và công khai thu các khoản phí tương xứng với chất lượng dịch vụ được người thụ hưởng chấp nhận.

Tăng lương hoặc tăng mức phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và cải thiện điều kiện làm việc cho các ngành kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, công an, kiểm sát, tòa án và một số ngành dễ phát sinh tham nhũng; đồng thời, tăng cường chế độ trách nhiệm và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Tiếp tục thí điểm và tiến tới thực hiện cơ chế trả lương và các khoản thu

nhập khác của cán bộ, công chức qua tài khoản mở tại ngân hàng, kho bạc, trước hết là ở những nơi có điều kiện. Khuyến khích cán bộ, công chức chuyển các khoản tiền tích lũy vào tài khoản.

- Bảo đảm minh bạch tài sản, thu nhập của đảng viên, cán bộ, công chức:

Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản và xác minh bản kê khai theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng. Trong Đảng, xây dựng và thực hiện cơ chế đảng viên là cán bộ, công chức thuộc diện kê khai tài sản theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, phải công khai trong chi bộ bản kê khai, là cấp ủy viên thì còn phải công khai trong cấp ủy; phải giải trình nguồn gốc tài sản của mình theo yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền; trường hợp không giải trình được một cách minh bạch, hợp lý thì bị xem xét kỷ luật về Đảng, chính quyền, đoàn thể. Tiến tới tất cả đảng viên là cán bộ, công chức đều phải kê khai tài sản, công bố trong chi bộ, cấp ủy và giải trình nguồn gốc khi có yêu cầu.

- Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử nhằm bảo đảm sự liêm chính của đảng viên, cán bộ, công chức:

Rà soát, sửa đổi và bổ sung Quy định những điều đảng viên không được làm; công bố công khai để nhân dân giám sát.

Các bộ, ngành khẩn trương ban hành quy tắc ứng xử theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các nội dung sau:

+ Thực hiện nghiêm Quy định cấm sử dụng công quỹ làm quà tặng, chiêu đãi, tiếp khách không đúng quy định. Xây dựng quy định cụ thể những trường hợp được tặng quà và nhận quà; có cơ chế khuyến khích việc từ chối nhận quà tặng và tự giác nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền.

+ Quy tắc quan hệ giữa người thực hiện công vụ với công dân, tổ chức, doanh nghiệp là đối tượng quản lý; giữa người lãnh đạo, quản lý với cán bộ cấp dưới; giữa cán bộ, công chức của cơ quan cấp trên với cán bộ, công chức của cơ quan cấp dưới; nghĩa vụ công chức phải khước từ các ưu ái dành cho bản thân và gia đình.

+ Quy tắc ứng xử trong việc cưới, việc tang, mừng nhà mới, ngày sinh, về bằng cấp, học hàm, học vị, danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử phù hợp với đặc thù của mình, xây dựng nền nếp văn hóa trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch; bổ sung quy định bảo đảm minh bạch quá trình ra quyết định, bao gồm cả chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và quyết định giải quyết một vụ việc cụ thể của cơ quan nhà nước các cấp.

Xem xét, sửa đổi các danh mục bí mật nhà nước nhằm mở rộng công khai. Hoàn thiện, công khai hóa và thực hiện đúng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng lao động, ngân sách và tài sản công. Nghiên cứu ban hành Luật Bảo đảm quyền được thông tin của công dân.

5. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế, xã hội:

Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đã có về quản lý kinh tế, xã hội, cải cách hành chính; tiếp tục nghiên cứu, bổ sung một số chủ trương mới nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý, phòng ngừa tham nhũng, lãng phí.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý và sử dụng đất đai, công sở.

Chấn chỉnh, bảo đảm công khai, minh bạch trong quy hoạch và quản lý, sử dụng đất đai, công sở. Nghiêm cấm tùy tiện sửa đổi quy hoạch. Rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất, công sở; khắc phục ngay tình trạng quy hoạch, giải phóng mặt bằng, xây dựng dự án chậm trễ, kéo dài. Đất và công sở được sử dụng không đúng mục đích, kém hiệu quả phải bị thu hồi để chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc bán đấu giá.

Đối với quỹ đất dành cho các dự án kinh doanh hạ tầng đô thị, trung tâm thương mại, nhà ở, các cơ sở dịch vụ có vị trí kinh doanh thuận lợi, nhất thiết phải thực hiện cơ chế đấu thầu công khai quyền sử dụng đất.

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tài chính về đất đai, đăng ký bất động sản.

- Chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và hoạt động mua sắm công.

Các cấp ủy đảng lãnh đạo thực hiện nghiêm túc Luật Đấu thầu và Luật Xây dựng.

Thực hiện công khai, minh bạch trong quyết định, chủ trương đầu tư. Nghiêm túc thực hiện quy định về đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước. Ngăn chặn tình trạng người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và nhà thầu cùng một cơ quan, đơn vị. Bố trí cán bộ có năng lực, phẩm chất làm nhiệm vụ quản lý dự án. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong đầu tư, xây dựng từ ngân sách nhà nước.

Khắc phục tiêu cực trong hoạt động mua sắm công, bảo đảm công khai, minh bạch, kể cả việc công khai hóa các khoản hoa hồng từ mua sắm. Thực hiện thí điểm mô hình mua sắm công tập trung, nhất là đối với các loại hàng hóa có nhu cầu sử dụng nhiều và có giá trị lớn.

- Chấn chỉnh công tác thu, chi ngân sách.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chỉ tiêu ngân sách, trang bị tài sản, phương tiện đi lại, thiết bị làm việc.

Khẩn trương ban hành Luật về quản lý thuế nhằm áp dụng rộng rãi cơ chế cá nhân, tổ chức phải tự kê khai, tự tính, tự nộp thuế bằng chuyển khoản qua ngân hàng, kho bạc. Thực hiện công khai, dân chủ, công bằng trong việc ấn định mức thuế từ cơ sở nhằm chống tham nhũng và thất thu thuế.

Thực hiện cơ chế thanh toán qua ngân hàng, kho bạc đối với việc mua sắm công và các khoản thu của hải quan, thu thuế doanh nghiệp; các khoản thu, chi ngân sách được thực hiện qua hệ thống thanh toán điện tử của kho bạc nhà nước.

- Tiếp tục cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; tăng cường quản lý vốn, tài sản nhà nước và nhân sự tại doanh nghiệp.

Đẩy mạnh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Kiểm soát chặt chẽ quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; ngăn



chặn kịp thời tiêu cực, sai trái trong định giá, đấu giá tài sản của doanh nghiệp, xác định tỉ lệ giá trị tài sản của Nhà nước trong giá trị tài sản doanh nghiệp cổ phần; công khai hóa việc mua - bán cổ phần của doanh nghiệp được chuyển đổi.

Xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát tài chính, phát huy quyền giám sát của người lao động trong các doanh nghiệp.

Tăng cường chế độ công khai, minh bạch, nghĩa vụ giải trình; thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Xử lý nghiêm những người được giao quản lý các doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện các giao dịch kinh doanh với doanh nghiệp thuộc sở hữu của người thân.

6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, Điều tra, truy tố, xét xử hành vi tham nhũng:

Tập trung kiểm tra, thanh tra, kiểm toán một số lĩnh vực trọng điểm, như: Đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, thu - chi ngân sách, quản lý tài sản công và hệ thống ngân hàng thương mại. Thành lập các đoàn công tác liên ngành giữa Ủy ban kiểm tra của Đảng với thanh tra, kiểm toán, công an, kiểm sát để phối hợp xử lý các vụ tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng. Công khai kết quả xử lý của các đoàn công tác này.

Chỉ đạo kiện toàn cơ quan thanh tra, điều tra thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí nói chung, trong lực lượng vũ trang nói riêng.

Nghiên cứu tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng theo hướng bảo đảm sự độc lập cần thiết với các cơ quan quản lý nhà nước theo cấp lãnh thổ và sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Trung ương. Tăng cường cán bộ cho các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, tòa án và kiểm tra của Đảng, đồng thời kiểm soát hoạt động của các cơ quan này.

Thanh tra Chính phủ và các cơ quan thanh tra cấp tỉnh, huyện tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ thanh tra công vụ. Nghiên cứu kết hợp tổ chức và hoạt động kiểm tra của Đảng với các cơ quan thanh tra.

Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và cơ quan nhà nước

cấp trên đối với tổ chức đảng và cơ quan nhà nước cấp dưới, nhất là việc kiểm tra, giám sát hoạt động của người đứng đầu và các chức danh chủ chốt.

Tổ cáo tham nhũng, lãng phí phải được tiếp nhận một cách thuận tiện và xử lý kịp thời. Có cơ chế bảo vệ và chính sách khen thưởng về vật chất và tinh thần cho người tố cáo tham nhũng, lãng phí.

Người có hành vi tham nhũng phải xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh về trách nhiệm chính trị, hành chính hoặc hình sự, bất kể người đó là ai và ở cương vị nào. Những đảng viên có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, uy tín giảm sút, dù cơ quan chức năng chưa kết luận được, cấp ủy vẫn phải xem xét, cân nhắc bố trí công việc khác cho phù hợp.

Chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng. Áp dụng chính sách khoan hồng đối với những người phạm tội nhưng có thái độ thành khẩn, đã bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả kinh tế, hợp tác tốt với cơ quan chức năng. Nghiên cứu sửa đổi pháp luật hình sự theo hướng khoan hồng hơn đối với những người đưa hoặc người nhận hối lộ nhưng đã tự giác khai báo và nộp lại tài sản trước khi bị phát hiện. Trừng trị nghiêm khắc những đối tượng tham nhũng có tổ chức, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Nhanh chóng bổ sung vào Bộ Luật hình sự các hành vi tham nhũng mới được quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng; chú trọng tới các chế tài phạt tiền nhằm tăng khả năng thu hồi tài sản tham nhũng.

Khi phát hiện đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý có dấu hiệu tham nhũng thì các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp xử lý theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng về quyết định của mình, đồng thời phải kịp thời báo cho cấp ủy đảng quản lý cán bộ đó biết.

7. Thực hiện tốt công tác truyền thông về phòng, chống tham nhũng, lãng phí:

Đề cao vai trò, trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí; khắc phục tình trạng thông tin một chiều, mang tính kích động, gây hoang mang hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử. Bảo vệ, khen

thường, động viên những người làm báo tích cực, dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm việc đưa tin sai sự thật, vu cáo, bịa đặt gây hậu quả xấu.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và các cơ quan chức năng phải chủ động cung cấp kịp thời, đúng pháp luật cho công chúng những thông tin có liên quan đến tham nhũng, lãng phí.

8. Xây dựng các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng:

Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng được ủy quyền tạm đình chỉ chức vụ từ thứ trưởng, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở xuống; kịp thời kiến nghị với Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tạm đình chỉ các chức vụ từ Bộ trưởng và tương đương trở lên, đáp ứng yêu cầu thanh tra, điều tra, xử lý khi có vi phạm về tham nhũng. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất về chính sách, trực tiếp chỉ đạo, phối hợp kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng, chỉ đạo xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng nghiêm trọng.

Sớm kiện toàn các đơn vị chuyên trách chống tham nhũng do Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an và Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao trực tiếp chỉ đạo. Tăng cường cán bộ có bản lĩnh, năng lực, tạo điều kiện thuận lợi, đồng thời kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các đơn vị này.

Việc tổ chức bộ phận chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng ở các cấp, các ngành thực hiện theo quy định của Chính phủ.

9. Tăng cường giám sát của nhân dân và cơ quan dân cử:

Hàng năm, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nghe báo cáo và thảo luận, chất vấn về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng; chú trọng kiểm tra, thanh tra, giám sát việc sử dụng các quỹ từ thiện, nhân đạo.

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả thanh tra nhân dân, khắc phục bệnh hình thức.

#### 10. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng:

Chủ động tham gia các chương trình, sáng kiến, diễn đàn quốc tế về phòng, chống tham nhũng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Thực hiện các cam kết quốc tế về phòng, chống tham nhũng, chú trọng tới các cam kết về xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức; xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, thiết thực và phù hợp; tạo bước chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong nhận thức và hành động phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các quy định về quản lý cán bộ, đảng viên, công chức, Quy chế tự phê bình và phê bình, Quy định xử lý đảng viên vi phạm, Quy chế chất vấn trong Đảng; Quy chế giám sát trong Đảng và Quy chế nhân dân giám sát tổ chức đảng và đảng viên.

Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng hướng dẫn thực hiện, chủ trì phối hợp với các ban của Đảng theo dõi, kiểm tra, đôn đốc kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình thực hiện Nghị quyết.

Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chỉ đạo thực hiện tốt công tác giám sát, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Cuối năm 2008, Bộ Chính trị chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết này, báo cáo kết quả tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, thúc đẩy việc thực hiện trong những năm tiếp theo.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

TM. BAN CHẤP HÀNH

Tổng Bí thư

NÔNG ĐỨC MẠNH

Bản sao lưu trữ

**ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC,  
HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC (NGHỊ QUYẾT  
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM CỦA BAN CHẤP HÀNH  
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X)**

Thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã có nhiều chủ trương về cải cách hành chính và luôn xác định cải cách hành chính là một khâu quan trọng trong sự nghiệp đổi mới để phát triển đất nước. Các cơ quan nhà nước, trong đó Chính phủ đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch để triển khai cải cách hành chính theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010.

Cải cách hành chính đã đạt những kết quả bước đầu quan trọng, góp phần vào thành tựu chung của đất nước. Hệ thống thể chế, luật pháp tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện, hình thành dần cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền dân chủ của nhân dân. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước được điều chỉnh, sắp xếp phù hợp hơn, quản lý nhà nước ngày càng tốt hơn trong điều kiện mới. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước có bước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Thể chế, pháp luật về quản lý tài chính công được tích cực xây dựng và từng bước hoàn thiện. Thủ tục hành chính và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước có bước đổi mới, hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương được tăng cường hơn.

Tuy nhiên, nền hành chính nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Hệ thống thể chế, pháp luật, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc. Chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước chưa đủ rõ, còn trùng lặp và chưa bao quát hết các lĩnh vực quản lý nhà nước; cơ cấu tổ chức bộ máy còn công

kênh, chưa phù hợp. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng. Thể chế, luật pháp về quản lý tài chính công tuy có nhiều đổi mới, nhưng còn bất cập. Thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc, gây phiền hà cho tổ chức và công dân; kỷ luật, kỷ cương cán bộ, công chức chưa nghiêm; hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém.

Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế, yếu kém là:

- Chủ trương và nhận thức về một số vấn đề lớn, quan trọng trong sự nghiệp đổi mới nói chung và cải cách hành chính nói riêng còn lúng túng, chưa đủ rõ.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong việc thực hiện cải cách hành chính và thủ tục hành chính còn thiếu thống nhất, chưa kiên quyết; chưa gắn kết đồng bộ giữa cải cách hành chính với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và cải cách lập pháp, cải cách tư pháp, làm cho cải cách hành chính chậm và hiệu quả thấp.

- Sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp đối với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính còn thiếu kiên quyết và chưa được tập trung cao; kỷ luật, kỷ cương trong cải cách hành chính chưa nghiêm; trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu chưa được quy định rõ.

Trong thời gian tới, cải cách hành chính phải được tiếp tục thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo tuân thủ các mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, chủ trương và giải pháp sau:

## **I- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU ĐẦY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Mục tiêu**

Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ

phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

## 2. Quan điểm

- Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy nhà nước. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân.

- Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước.

## 3. Yêu cầu

- Cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu hoàn thiện nhanh và đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy dân chủ trong đời sống xã hội; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và sự tham gia của mọi người dân vào tiến trình phát triển của đất nước.

- Cải cách hành chính nói chung, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính phải bảo đảm tạo thuận lợi nhất cho nhân dân, doanh nghiệp và góp phần tích cực chống quan liêu, phòng và chống tham nhũng, lãng phí.

- Xây dựng tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, giữa các cấp chính quyền, giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, giữa tập thể và



người đứng đầu cơ quan hành chính; hoạt động có kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và tận tụy phục vụ nhân dân.

- Cải cách hành chính phải hướng tới xây dựng một nền hành chính hiện đại, ứng dụng có hiệu quả thành tựu phát triển của khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin.

## II- CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính, bảo đảm cải cách hành chính thành công. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính thể hiện chủ yếu ở các nội dung sau:

- Quyết định các mục tiêu, quan điểm, chủ trương và giải pháp lớn về cải cách hành chính; lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục bảo đảm sự nhận thức sâu sắc và thống nhất hành động trong các tổ chức đảng, trong cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ cải cách hành chính; lãnh đạo việc xây dựng các thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách, phù hợp với thực tế và chủ trương, nghị quyết của Đảng.

- Quyết định giới thiệu cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực để cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước xem xét, bổ nhiệm giữ các chức vụ trong bộ máy nhà nước, thông qua đó bảo đảm việc thực hiện cải cách hành chính theo đúng các chủ trương, quan điểm của Đảng.

- Tăng cường lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, uốn nắn kịp thời việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác cải cách hành chính. Các cấp uỷ đảng phải lãnh đạo cơ quan chính quyền xây dựng chương trình, kế hoạch cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính

phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và thông qua kết quả cải cách hành chính mà xem xét, đánh giá, sử dụng cán bộ, đảng viên.

2. Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện quy chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, phát huy tốt vai trò của đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội, cải tiến hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giám sát. Tổ chức lại một số uỷ ban của Quốc hội; nâng cao vai trò và chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao của Quốc hội.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; khắc phục nhanh tình trạng ban hành luật khung, hạn chế tối đa luật phải chờ văn bản hướng dẫn thi hành. Khắc phục tình trạng ban hành luật với những vấn đề chưa đủ rõ và khó hướng dẫn thực hiện. Tính thống nhất của hệ thống pháp luật phải được đề cao, phải được bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh trong thực tiễn của đời sống xã hội và thông qua hoạt động lập pháp và giám sát của Quốc hội.

Các văn bản pháp luật ban hành phải quán triệt tinh thần đẩy mạnh cải cách hành chính; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; hạn chế tối đa việc quy định về tổ chức bộ máy ngay trong các luật chuyên ngành và quy định thủ tục hành chính phức tạp, gây phiền hà ngay trong các thể chế pháp luật.

Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các uỷ ban của Quốc hội với Chính phủ theo hướng thiết thực, hiệu quả; xác định rõ cơ chế giám sát của Quốc hội đối với Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ.

- Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo tinh thần và nội dung Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị. Tiến hành cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; ban hành quy định cụ thể để thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Toà án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án đối với các khiếu kiện hành chính; bảo đảm thực hiện nguyên tắc toà án, thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp. Đổi mới quy trình, thủ tục giải quyết công việc của các toà án; hoàn thiện quy chế tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan toà án với các cơ quan hành chính, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý ngân sách và tổ chức cán bộ của toà án các cấp.

Nâng cao phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ quan tư pháp các cấp để đủ sức phát hiện, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các loại tội phạm và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong xã hội, nhất là ở cấp sơ thẩm, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo điều kiện để phát triển nhanh các tổ chức hỗ trợ tư pháp, phục vụ trực tiếp cho hoạt động của các cơ quan tư pháp, đồng thời làm chỗ dựa cho nhân dân và doanh nghiệp tiếp cận hệ thống tư pháp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

### 3. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế

Tập trung chỉ đạo chặt chẽ và đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật, đặc biệt là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các thể chế về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Xác định hợp lý chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và ngắn hạn. Nâng cao chất lượng xây dựng luật; xác định rõ quan điểm chỉ đạo của từng văn bản pháp luật cần ban hành. Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật đủ cụ thể, rõ ràng, kịp thời, đúng quy định.

Xác định rõ những văn bản pháp luật cần thiết phải có để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; không nhất thiết mỗi lĩnh vực, mỗi ngành phải có một bộ luật riêng. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; có cơ chế hợp lý để nhân dân tham gia ý kiến, nhất là các đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật sẽ ban hành. Khi đưa ra lấy ý kiến nhân dân phải được chuẩn bị kỹ, những vấn đề nhạy cảm liên quan đến quan điểm chính trị phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị.

#### 4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xem đây là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của nhân dân và doanh nghiệp. Tiến hành rà soát các thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực, chỉ rõ những thủ tục, những quy định sai pháp luật, không phù hợp để kiên quyết sửa đổi. Đây là khâu cản trở sự phát triển và gây nhiều bức xúc trong nhân dân, cần tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực này.

Các biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính:

- Giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, hình thành bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương. Đẩy mạnh vững chắc việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và xã hội hoá một số loại hình dịch vụ công cộng.

- Tiếp tục phân cấp mạnh và giao quyền chủ động hơn nữa cho chính quyền địa phương, nhất là trong việc quyết định về ngân sách, tài chính, đầu tư, nguồn nhân lực, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Trung ương; đồng thời

hoàn thiện thể chế, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển để bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của Trung ương.

- Tập trung chỉ đạo rà soát và cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi nhất cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu chính đáng của người dân, như: thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp; đăng ký kinh doanh và chứng nhận đầu tư; đầu tư xây dựng công trình, dự án và nhà ở; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản; xuất nhập khẩu; nộp thuế; hộ tịch, hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thị thực nhập cảnh; công chứng, chứng thực; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp...

- Các cấp chính quyền và từng cơ quan hành chính nhà nước khẩn trương rà soát các loại thủ tục hành chính, bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên xem xét sửa đổi theo hướng tạo thuận tiện cho nhân dân và doanh nghiệp. Xử lý nghiêm những cá nhân và tổ chức tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, trái thẩm quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong việc cải cách thủ tục hành chính.

- Công bố công khai các thủ tục (các loại giấy tờ, biểu mẫu) và quy trình giải quyết công việc, thời gian giải quyết, phí và lệ phí theo quy định để nhân dân biết và thực hiện thuận lợi.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước và mở rộng áp dụng tại các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công như bệnh viện, trường học.

- Chính phủ khẩn trương rà soát, sửa đổi các quy định của mình và chịu trách nhiệm rà soát những thủ tục hành chính đã quy định trong các luật, pháp lệnh, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

**5. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước**

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ theo hướng xây

dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại và đúng với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Tập trung xây dựng các quy định hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ đầy đủ và cụ thể. Thực hiện nhất quán nguyên tắc: một việc chỉ giao cho một cơ quan, một người chịu trách nhiệm chính.

Chính phủ tập trung thực hiện tốt hơn nữa chức năng quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực mà pháp luật đã quy định. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội cho phù hợp với yêu cầu phát triển. Tập trung làm tốt hơn việc hoạch định thể chế, cơ chế, chính sách, xây dựng giải pháp, bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xã hội. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và nâng cao năng lực chỉ đạo tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra.

Xây dựng quy chế làm việc của Chính phủ chặt chẽ và thiết thực. Xác định cụ thể nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng và từng thành viên Chính phủ, bảo đảm bao quát hết các chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là cổ phần hoá, kể cả các tổng công ty và tập đoàn kinh tế, thu hẹp và tiến tới các bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố không còn thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Làm rõ chức năng quản lý nhà nước của cơ quan hành chính và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị sự nghiệp, phân cấp mạnh cho các đơn vị sự nghiệp về sử dụng ngân sách, kinh phí, tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ.

Từ thực tiễn giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân, nghiên cứu việc thành lập Tài phán hành chính.

Về cơ cấu tổ chức của Chính phủ:

Tiếp tục hình thành bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; giảm phù hợp số

đầu mỗi các bộ, cơ quan ngang bộ; khắc phục tình trạng bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, ngành; không giữ các cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước; chỉ duy trì một số cơ quan cần thiết thuộc Chính phủ là đơn vị sự nghiệp.

Tập trung xây dựng các bộ để làm tốt chức năng chủ yếu là xây dựng thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đối với các lĩnh vực được phân công; tổ chức chỉ đạo thực hiện và đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành.

Thực hiện phân cấp mạnh và phù hợp hơn về nhiệm vụ từ Chính phủ và các bộ cho chính quyền địa phương, phát huy tinh thần trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo của chính quyền địa phương trên cơ sở phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cấp trong bộ máy chính quyền, đồng thời xây dựng hành lang pháp lý bảo đảm sự thống nhất quản lý của nhà nước Trung ương.

Cơ cấu bên trong của các bộ phải được sắp xếp hợp lý, bỏ cấp trung gian, giảm tầng nấc, thủ tục, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo, nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận và đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực hiện công việc.

Đối với một số nhiệm vụ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có đủ điều kiện dân sự hóa thì chuyển cho các bộ không thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quản lý nhằm tập trung hơn nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Việc thực hiện chủ trương này phải bảo đảm thận trọng, chặt chẽ và hiệu quả.

Về chính quyền địa phương:

Khẩn trương xây dựng và đưa vào thực hiện quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp, trên cơ sở đó ổn định cơ bản các đơn vị hành chính ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Kiện toàn thống nhất hệ thống cơ quan chuyên môn của các cấp chính quyền.

Tính thống nhất và thông suốt của hệ thống hành chính nhà nước được

bảo đảm trên cơ sở xác định rõ vị trí, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong hệ thống cơ quan nhà nước. Chính quyền địa phương được xây dựng, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nhà nước đơn nhất, quyền lực của Nhà nước là thống nhất. Theo đó, cần điều chỉnh, bổ sung các quy định để thực hiện nhất quán chủ trương này, đồng thời có cơ chế bảo đảm nguyên tắc xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân, tăng cường công tác giám sát của cấp uỷ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân biệt rõ những khác biệt giữa chính quyền nông thôn và chính quyền đô thị:

+ Đối với chính quyền nông thôn: Không tổ chức Hội đồng nhân dân ở huyện; ở huyện có Ủy ban nhân dân với tính chất là đại diện của cơ quan hành chính cấp tỉnh để giải quyết các nhiệm vụ về hành chính và các công việc liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người dân theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết, kế hoạch của cấp trên. Cơ chế giám sát đối với tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện được thực hiện thông qua hoạt động giám sát của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể và giám sát trực tiếp của nhân dân. Kiện toàn cấp uỷ huyện để đáp ứng tốt yêu cầu lãnh đạo toàn diện và lãnh đạo hoạt động của uỷ ban nhân dân huyện.

Chính quyền xã có hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân chịu trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách xã, quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục, y tế, đất đai, xây dựng, hộ tịch... trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã, xác định cụ thể các chức danh công chức xã theo hướng ổn định và chuyên sâu về nghiệp vụ.

+ Đối với chính quyền đô thị:

Tổ chức chính quyền đô thị phải bảo đảm tính thống nhất và liên thông trên địa bàn về quy hoạch đô thị, kết cấu hạ tầng (như điện, đường, cấp thoát nước, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường) và đời sống dân cư...



Xác định cấp đô thị có hội đồng nhân dân là: hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương, hội đồng nhân dân thành phố thuộc tỉnh, hội đồng nhân dân thị xã; không tổ chức hội đồng nhân dân ở quận và ở phường. Tại quận, phường có Ủy ban nhân dân là đại diện của cơ quan hành chính cấp trên đặt tại địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của chính quyền cấp trên.

Ở huyện, quận, phường không tổ chức Hội đồng nhân dân, nhưng có cơ quan hành chính là Ủy ban nhân dân để quản lý và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của chính quyền cấp trên. Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường bao gồm chủ tịch, các phó chủ tịch và các uỷ viên do Ủy ban nhân dân cấp trên bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở xem xét nhân sự do cấp uỷ huyện, quận, phường giới thiệu và được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đồng ý.

Khi thực hiện không tổ chức Hội đồng nhân dân ở huyện, quận, phường, cần tăng cường Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về số lượng, chất lượng đại biểu, về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc.

Thực hiện thí điểm việc không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Qua thí điểm sẽ tổng kết, đánh giá và xem xét để có chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp về tổ chức chính quyền địa phương cho phù hợp.

Về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng trong các cơ quan hành chính:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân là người đứng đầu cơ quan hành chính, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính cấp trên. Quy định rõ trong luật về thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và tập thể Ủy ban nhân dân theo hướng phân định rõ những loại việc bắt buộc phải thảo luận và biểu quyết của Ủy ban nhân dân, những loại việc thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Người đứng đầu cơ quan hành chính có trách nhiệm đề xuất, giới thiệu nhân sự cấp phó và các thành viên của cơ quan hành chính để cấp uỷ có thẩm

quyền xem xét, quyết định, sau đó giới thiệu cho cơ quan dân cử để bầu hoặc bổ nhiệm và chịu trách nhiệm về việc đề xuất, giới thiệu của mình.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, cấp trên phê chuẩn. Trường hợp cần thay đổi Chủ tịch Ủy ban nhân dân mà nhân sự là người phải điều động từ nơi khác đến thì sau khi trao đổi với cấp uỷ cùng cấp và được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đồng ý, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp.

Thí điểm việc nhân dân bầu trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định phê chuẩn; trên cơ sở tổng kết thí điểm sẽ xem xét thực hiện chính thức chủ trương này cùng với việc xem xét sửa đổi, bổ sung Hiến pháp về việc nhân dân trực tiếp bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

#### **6. Tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức**

- Xác định rõ vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh công chức trong từng cơ quan của Nhà nước để làm căn cứ tuyển dụng và bố trí sử dụng cán bộ, công chức.

- Làm tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức; thông qua việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, xác định rõ những người đủ và không đủ tiêu chuẩn. Có chính sách thích hợp đối với những người không đủ tiêu chuẩn phải đưa ra khỏi bộ máy.

- Đổi mới chế độ tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức. Tuyển dụng cán bộ, công chức phải căn cứ vào nhu cầu, vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức. Thông qua việc thi tuyển, sát hạch, kiểm tra để tuyển dụng cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực vào làm việc trong bộ máy. Khắc phục tình trạng vào cơ quan rồi mới đưa đi đào tạo và chủ yếu là đào tạo tại chức.

Cơ quan quản lý nhà nước về cán bộ, công chức có chức năng tham mưu

xây dựng chính sách, pháp luật, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện và đánh giá việc thi tuyển, thi nâng ngạch công chức. Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công vụ và chịu trách nhiệm về những vi phạm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuộc phạm vi mình quản lý. Cơ quan hành chính quản lý trực tiếp cán bộ, công chức chịu trách nhiệm đánh giá, phân loại cán bộ, công chức. Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức phải căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trong bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, cần bảo đảm sự ổn định để chuyên môn hoá, đồng thời có sự điều chuyển cần thiết để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và phòng ngừa tiêu cực.

Thực hiện việc thi tuyển đối với một số chức danh lãnh đạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

- Đổi mới công tác quản lý biên chế.

Đối với các cơ quan nhà nước: Trên cơ sở xây dựng chức danh, tiêu chuẩn, vị trí việc làm và cơ cấu công chức, từng cơ quan nhà nước rà soát lại đội ngũ công chức, đối chiếu với tiêu chuẩn để bố trí lại cho phù hợp. Tiếp tục thực hiện mạnh chế độ hợp đồng đối với một số loại việc trong các cơ quan nhà nước.

Đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công: Căn cứ vào nhu cầu hoạt động thực tế để xác định số lượng các vị trí việc làm trong từng đơn vị sự nghiệp dịch vụ công. Thực hiện chế độ hợp đồng làm việc trong các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

- Thực hiện cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, công chức. Tiếp tục thực hiện cải cách chế độ tiền lương, rút gọn bậc trong các thang, bảng lương hiện tại, thực hiện lương chuyên môn cộng phụ cấp để khuyến khích công chức phấn đấu theo con đường chuyên môn, khi không còn giữ chức vụ thì thôi hưởng phần phụ cấp chức vụ. Thực hiện từng bước tiền tệ hoá tiền lương, tính đủ các bộ phận cấu thành lương để

cán bộ, công chức sống được bằng lương. Nghiên cứu có chính sách, chế độ thích hợp về nhà ở cho cán bộ, công chức. Nhà nước có chính sách xây dựng và sử dụng nhà công vụ, quy định rõ chế độ, tiêu chuẩn sử dụng nhà công vụ để áp dụng trong cả hệ thống chính trị. Xây dựng chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức hành chính, bao gồm cả cán bộ, công chức đảng, đoàn thể trong hệ thống chính trị.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Đổi mới phương thức và nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra từ quá trình thực thi công vụ, nâng cao kỹ năng hành chính. Thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hành chính bảo đảm tính thống nhất trong hoạt động của cơ quan hành chính, nhất là trong giải quyết các yêu cầu của nhân dân, doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế đào tạo tiền công vụ và đào tạo, bồi dưỡng trong công vụ theo định kỳ bắt buộc hàng năm; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm.

Coi trọng công tác giáo dục đạo đức và phẩm chất chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức để nâng cao lòng yêu nước, yêu chế độ, niềm tự hào dân tộc và tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Giảm cấp phó trong bộ máy.

Để khắc phục tình trạng quá nhiều cấp phó trong cơ quan hành chính, trước hết cần tập trung đổi mới phương thức, lề lối làm việc của các cơ quan; giảm hội họp, phân định rõ trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu cơ quan. Từ đó, giảm hợp lý cấp phó trong các cơ quan hành chính nhà nước.

## 7. Cải cách tài chính công

Phát huy vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định và giám sát việc thu chi ngân sách. Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, đồng thời phải bảo đảm tính thống nhất của thể chế, luật pháp về ngân sách nhà nước và vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương. Nâng cao

tính minh bạch, dân chủ và công khai trong quản lý ngân sách nhà nước. Xây dựng thể chế giám sát tài chính đồng bộ và hiệu quả.

Thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách theo kết quả công việc thay thế cơ chế cấp kinh phí cho cơ quan hành chính chủ yếu dựa vào chỉ tiêu biên chế đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp dịch vụ công. Tạo thêm động lực đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, khuyến khích, động viên cán bộ, công chức làm việc tích cực, gắn việc hoàn thành nhiệm vụ với tiền lương, tiền thưởng.

Thực hiện cơ chế tổ chức và hoạt động (trong đó có cơ chế tài chính) đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện hạch toán thu - chi không vì lợi nhuận tối đa và nhà nước không bao cấp bình quân. Cải cách tài chính công phục vụ cho chủ trương đẩy mạnh xã hội hoá trong các ngành giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, văn hoá, thể dục, thể thao. Phát huy trách nhiệm và tính sáng tạo, chủ động của các đơn vị này nhằm cung cấp các dịch vụ công ngày càng có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đồng thời tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức làm việc. Ban hành cơ chế tài chính thích hợp cho đơn vị sự nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; thực hiện thí điểm cổ phần hoá một số đơn vị sự nghiệp công lập.

#### 8. Hiện đại hoá nền hành chính

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy hành chính, của cán bộ, công chức, đặc biệt là kỹ năng hành chính và áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính.

Cần quy hoạch và xây dựng công sở theo hướng tập trung và từng bước hiện đại, có đủ điều kiện và phương tiện làm việc, tạo thuận lợi cho người dân khi đến liên hệ và giải quyết công việc.

Từ nay đến năm 2010, khắc phục xong tình trạng một số xã chưa có trụ sở chính quyền hoặc có nhưng ở mức độ chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động của chính quyền cấp xã.

9. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với nhân dân, huy động sự tham gia có hiệu quả của nhân dân và xã hội vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước

Tiếp tục phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân. Quán triệt sâu sắc trong nhận thức và hành động của cả hệ thống cơ quan hành chính nhà nước ý thức phục vụ dân, gần dân, giúp dân, học dân. Khắc phục tình trạng vô trách nhiệm hoặc đùn đẩy khó khăn của cán bộ, công chức cho người dân và doanh nghiệp.

Tập trung cải cách theo hướng đơn giản, minh bạch, công khai về thủ tục hành chính. Coi đây là một giải pháp quan trọng để phòng, chống tham nhũng, khắc phục tiêu cực trong bộ máy hành chính nhà nước. Xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định về quyền được thông tin của người dân, tạo điều kiện để người dân tham gia, giám sát hoạt động của cơ quan hành chính.

Xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho dân trong quá trình quản lý hành chính; hạn chế tối đa các oan sai và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân trong quá trình công chức nhà nước thi hành công vụ; khẩn trương ban hành Luật về bồi thường nhà nước.

Tạo lập cơ sở pháp luật nhằm bảo đảm quyền giám sát trực tiếp của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, tăng cường các hình thức dân chủ trực tiếp để người dân tham gia vào công việc của Nhà nước ngày càng thực chất và có hiệu quả; đảm bảo cho người dân, tổ chức là đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật được tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật.

Khẩn trương xây dựng các quy định về chế độ công khai, như: công khai thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan hành chính; các quy định, quy trình giải quyết công việc, thủ tục hành chính, phí, lệ phí và thời gian giải quyết công việc; công khai ngân sách, tài chính; công khai báo cáo kiểm toán; công khai tài sản của cán bộ, công chức và tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức... theo quy định của pháp luật.

10. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên đối với công tác cải cách hành chính

Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của tổ chức đảng và đảng viên trong cả hệ thống chính trị về cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính.

Xây dựng chương trình hành động thiết thực, cụ thể về cải cách hành chính trong từng cơ quan hành chính nhà nước. Tập trung chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và có sơ kết uốn nắn trong từng thời gian. Bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thật sự là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của các cấp ủy và cơ quan hành chính nhà nước.

### **III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức, xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo việc thực hiện Nghị quyết với Bộ Chính trị.

**TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

**Tổng Bí thư**

**NÔNG ĐỨC MẠNH**

**TIẾP TỤC XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM THỜI KỲ  
ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC  
(NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 BAN CHẤP HÀNH  
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X)**

Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn xã hội.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**I- TÌNH HÌNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG  
NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI VỪA QUA**

Qua hơn 20 năm đổi mới, cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giai cấp công nhân nước ta đã có những chuyển biến quan trọng, tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đã hình thành ngày càng đông đảo bộ phận công nhân trí thức; đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng



sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế; có nhiều cố gắng để phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân đã đóng góp trực tiếp to lớn vào quá trình phát triển của đất nước, cùng với các giai cấp, tầng lớp và thành phần xã hội khác, giai cấp công nhân nước ta là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, việc làm và đời sống của giai cấp công nhân ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, sự phát triển của giai cấp công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế; thiếu nghiêm trọng các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động còn nhiều hạn chế; đa phần công nhân từ nông dân, chưa được đào tạo cơ bản và có hệ thống. Một bộ phận công nhân chậm thích nghi với cơ chế thị trường. Địa vị chính trị của giai cấp công nhân chưa thể hiện đầy đủ. Giai cấp công nhân còn hạn chế về phát huy vai trò nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị của công nhân không đồng đều; sự hiểu biết về chính sách, pháp luật còn nhiều hạn chế. Ti lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo xuất thân từ công nhân còn thấp. Một bộ phận công nhân chưa thiết tha phấn đấu vào Đảng và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội. Nhìn tổng quát, lợi ích một bộ phận công nhân được hưởng chưa tương xứng với những thành tựu của công cuộc đổi mới và những đóng góp của chính mình; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân đang có nhiều khó khăn, bức xúc, đặc biệt là ở bộ phận công nhân lao động giản đơn tại các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tình hình trên bắt nguồn từ các nguyên nhân: quá trình đổi mới, phát

triển kinh tế - xã hội đã mở ra một giai đoạn lịch sử mới trong sự phát triển của giai cấp công nhân; tuy nhiên những hạn chế, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm, đời sống và tư tưởng, tình cảm của công nhân. Đảng có chú trọng xây dựng giai cấp công nhân; nhưng quan tâm chưa đầy đủ, chưa ngang tầm với vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong thời kỳ mới. Nhà nước ban hành nhiều chính sách, pháp luật xây dựng giai cấp công nhân; nhưng những chính sách, pháp luật này vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác có nhiều đóng góp tích cực vào việc xây dựng giai cấp công nhân; nhưng hiệu quả chưa cao, còn nhiều yếu kém. Bản thân giai cấp công nhân đã có nhiều nỗ lực vươn lên; nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các doanh nghiệp và người sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế đóng góp tích cực vào tạo việc làm và thu nhập cho công nhân; nhưng không ít trường hợp còn vi phạm chính sách, pháp luật đối với người lao động.

## **II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC**

### **A- Quan điểm chỉ đạo trong xây dựng giai cấp công nhân**

1- Kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết hữu cơ với xây dựng, phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, của tất cả các giai cấp, các

tầng lớp xã hội trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước, đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

3- Chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hoà lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

4- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hoá giai cấp công nhân là một nhiệm vụ chiến lược. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

5- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động; trong đó, sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân vững mạnh.

#### **B- Mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân**

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu “đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân đến năm 2020 là:

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hoá của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Nói chung, trong các doanh nghiệp đều có tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; ngày càng được trí thức hoá: có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; có giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cao.

Từ nay đến hết năm 2010 phải phấn đấu quyết liệt để đạt được sự chuyển biến tối đa về các mặt sau đây:

1- Hình thành và triển khai thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2- Giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân, tạo được chuyển biến thật sự mạnh mẽ và rõ rệt trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân (về nhà ở tại các khu công nghiệp, tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội, nơi sinh hoạt văn hoá, cơ sở nuôi dạy trẻ...) tương xứng với những thành quả của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và những đóng góp của giai cấp công nhân. Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong các loại hình doanh nghiệp.

3- Có bước tiến về đào tạo, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển đất nước, nhất là những

ngành công nghiệp mới. Tăng nhanh tỉ lệ lao động qua đào tạo; chú trọng đào tạo nghề cho công nhân từ nông dân và nữ công nhân.

4- Nâng cao hơn về giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, hiểu biết pháp luật, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, xây dựng lối sống lành mạnh trong công nhân, nhất là công nhân trẻ.

5- Tăng tỉ lệ đảng viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất thân từ công nhân. Tăng số lượng và chất lượng cơ sở đảng trong các loại hình doanh nghiệp; sớm thành lập tổ chức cơ sở đảng ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng tại doanh nghiệp phù hợp với từng thành phần kinh tế.

6- Đẩy mạnh phát triển đoàn viên và tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các loại hình doanh nghiệp. Củng cố, đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đã có; sớm thành lập tổ chức cơ sở tại các doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó; tăng số lượng và chất lượng của các tổ chức cơ sở này tại các loại hình doanh nghiệp, nhất là ở những doanh nghiệp có đông công nhân.

C- Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

1- Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về giai cấp công nhân trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế

Đổi mới tổ chức, tăng cường đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân, hướng vào giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra: về xu hướng phát triển của giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; về vấn đề trí thức hoá giai cấp công nhân; về công nhân tham gia sở hữu doanh nghiệp; về mối quan hệ giữa giai cấp công nhân với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội, đặc biệt là trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội

ngũ trí thức; về sự phân hoá và mối quan hệ trong nội bộ giai cấp công nhân; về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới; về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp; về vai trò làm chủ của giai cấp công nhân, quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động; về mối quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân các nước trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế; về những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” và tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch đối với giai cấp công nhân;... Qua đó cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để đề ra chủ trương, giải pháp xây dựng giai cấp công nhân phát triển toàn diện trong thời kỳ mới.

2- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước trí thức hoá giai cấp công nhân

Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, đặc biệt là công nhân trẻ, công nhân từ nông dân, công nhân nữ, nhằm phát triển về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, để nước ta có một đội ngũ công nhân có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp ngày càng cao, có khả năng tiếp thu nhanh và làm chủ công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có tài, có đức, các nhà quản lý giỏi và các cán bộ khoa học - kỹ thuật xuất thân từ công nhân có trình độ cao, có khả năng tiếp cận với công nghệ và phương thức kinh doanh hiện đại trong nền kinh tế thị trường, hội nhập. Quy hoạch nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có trình độ cao để đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp mới, hiện đại. Chú trọng đào tạo đội ngũ công nhân trong các dân tộc thiểu số, ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chú trọng đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề. Có chính sách để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các cơ sở đào tạo nghề với phương tiện kỹ thuật hiện đại. Có chính sách khuyến khích liên kết các cơ sở đào tạo nghề và các doanh nghiệp trong đào tạo, đào tạo lại.

Trước mắt, cần tập trung bổ sung, sửa đổi, xây dựng một số chính sách lớn sau đây:

- Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách hướng nghiệp ở cấp học phổ thông để giúp cho thanh niên, học sinh định hướng đúng đắn việc chọn nghề và hiểu rõ được ý nghĩa của việc gia nhập đội ngũ công nhân; tạo điều kiện phát triển đội ngũ công nhân trẻ có trình độ cao, chuyển một bộ phận lớn nông dân thành công nhân.

- Nhà nước xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển dạy nghề một cách đồng bộ, đổi mới hệ thống dạy nghề đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo sự cân đối ngay trong hệ thống giáo dục - đào tạo, giữa hệ thống giáo dục - đào tạo với phát triển kinh tế, giữa đào tạo và sử dụng, đáp ứng có hiệu quả nguồn lao động có chất lượng cao cho yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dạy nghề. Làm tốt công tác dự báo nhu cầu lao động theo ngành nghề, cấp trình độ.

- Ban hành chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn đối với hoạt động đào tạo nghề, thu hút mạnh hơn các thành phần kinh tế tích cực tham gia vào lĩnh vực đào tạo nghề, bao gồm cả ở trình độ cao: Từng bước thực hiện đổi mới chi ngân sách cho dạy nghề theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu đối với các cơ sở dạy nghề của các thành phần kinh tế; đồng thời thực hiện tốt hơn cơ chế kiểm định, đánh giá chất lượng dạy nghề.

- Bổ sung, sửa đổi, xây dựng chính sách đào tạo, đào tạo lại công nhân; có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho công nhân tự học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ. Xây dựng, hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo nghề, gắn đào tạo lý thuyết với rèn luyện kỹ năng thực hành, gắn đào tạo nghề với giáo dục nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về giai cấp công nhân và với rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động. Đưa vào chương trình đào tạo nghề nội dung học tập pháp luật lao động, Luật Công đoàn, Luật Doanh nghiệp,...

- Điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề gắn với

các ngành, các chương trình, dự án lớn, các vùng kinh tế trọng điểm. Ngân sách Nhà nước đầu tư tập trung vào dạy nghề cho lao động nông thôn, các vùng miền núi, dân tộc thiểu số và những ngành nghề đặc thù mà các đơn vị ngoài công lập không đầu tư; Nhà nước làm nòng cốt, đồng thời có chính sách để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng trường chuẩn, theo chương trình chuẩn, để đào tạo công nhân có trình độ cao cho một số ngành kinh tế mũi nhọn, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Chú trọng đào tạo đồng bộ, cả ở trong và ngoài nước, đội ngũ giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý và những công nhân có trình độ cao, để đáp ứng yêu cầu nhân lực của nền kinh tế, nhất là các ngành công nghiệp mới, hiện đại. Củng cố và mở rộng các trường đào tạo giáo viên dạy nghề theo khu vực trên phạm vi cả nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hàng năm dành kinh phí thích đáng và thời gian cho đào tạo, đào tạo lại công nhân; được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

- Tăng cường đào tạo đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để đảm bảo có đủ điều kiện về tay nghề, ngoại ngữ, tác phong công nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật lao động; quy hoạch và phát triển đa dạng các hình thức, các thành phần kinh tế tham gia đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3- Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho giai cấp công nhân

Cần nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp và bản lĩnh chính trị, ý thức công dân, tinh thần dân tộc, gắn bó thiết tha với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, với chế độ xã hội chủ nghĩa, ý chí vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tinh thần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tinh thần phấn đấu vươn lên ngang tầm thời đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế quốc tế, quyết tâm chiến thắng trong cạnh tranh, tinh thần đấu tranh xây dựng, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động, lương tâm nghề nghiệp,... cho công nhân.



Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và hoạt động của tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với công tác tuyên truyền, giáo dục trong công nhân; đảm bảo định hướng thống nhất nội dung và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Nhà nước đầu tư và có chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư (được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất) xây dựng và hoạt động của các nhà văn hoá lao động, nhà văn hoá thanh niên, câu lạc bộ công nhân, hệ thống truyền thông đại chúng, nơi sinh hoạt của tổ chức đảng, tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ ở các khu công nghiệp tập trung.

4- Bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm hệ thống chính sách, pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân

Rà soát, bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách, pháp luật về lao động, việc làm và đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao thể chất cho công nhân; tập trung trước hết vào những chính sách liên quan trực tiếp đến những vấn đề bức xúc đang đặt ra về việc làm và đời sống của công nhân.

Bổ sung, sửa đổi, xây dựng các chính sách để phát huy các nguồn lực và trách nhiệm của cả Nhà nước, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, của toàn xã hội và của công nhân trong việc chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân tương xứng với năng suất lao động và những đóng góp của công nhân. Nhà nước có chính sách đầu tư cho các tỉnh, thành phố để xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng cho công nhân.

Đề cao trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc chăm lo lợi ích, đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân; tính tự giác của người sử dụng lao động và của công nhân trong thực hiện chính sách, pháp luật. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Nhà nước, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong doanh nghiệp; có chế tài xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm.

Trước mắt, cần tập trung bổ sung, sửa đổi, xây dựng một số chính sách lớn sau đây:

- Bổ sung, sửa đổi để bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định về ký hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể đối với tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Bổ sung, sửa đổi, nâng cao tính khả thi của các chính sách, pháp luật để cải thiện điều kiện lao động, bảo hộ lao động, phòng, chống có hiệu quả tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tăng cường chăm sóc sức khoẻ công nhân, nhất là đối với công nhân nữ, những công nhân làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Nhà nước tăng cường đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế, nhất là ở những nơi có đông công nhân.

- Nghiên cứu ban hành Luật Tiền lương tối thiểu, nâng lương tối thiểu đối với khu vực sản xuất kinh doanh; quy định các nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương để người lao động và người sử dụng lao động có cơ sở xác định tiền lương hợp lý, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của Nhà nước để đảm bảo quyền lợi của người lao động; nâng cao năng lực quản lý lao động, tổ chức tiền lương, nhất là công tác định mức lao động trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Bổ sung, hoàn thiện thêm chính sách cho nghỉ hưu sớm đối với công nhân một số nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, nhất là tại các khu công nghiệp, trên cơ sở quy hoạch của Nhà nước: Quy định phát triển khu công nghiệp phải đi liền với phát triển khu đô thị mới và các công trình phúc lợi công cộng, trong đó có khu nhà ở cho công nhân. Có chính sách về nhà ở cho công nhân thuê hoặc mua trả dần phù hợp với thu nhập thực tế của công nhân. Nhà nước đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng phục vụ lâu dài cho công nhân diện thu nhập thấp; các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở cho

công nhân được tính vào giá trị đầu tư và hạch toán vào chi phí sản xuất.

- Ban hành quy định pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tăng cường cơ chế đối thoại, thương lượng giữa người sử dụng lao động và người lao động. Quy định rõ quyền, trách nhiệm của người sử dụng lao động và công nhân trong xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ.

- Có chính sách tôn vinh thích đáng những người lao động giỏi, cả lao động chân tay và trí óc, có nhiều cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp và xã hội; bổ sung chính sách về thi đua và khen thưởng trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Sớm hoàn thiện chính sách bán cổ phần cho công nhân khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, để công nhân phát huy quyền làm chủ, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Nghiên cứu chính sách khuyến khích doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bán cổ phần cho công nhân.

- Tổ chức thực hiện tốt pháp luật lao động; đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về lao động trong các doanh nghiệp. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, chủ doanh nghiệp, công đoàn để giải quyết tranh chấp lao động và xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về quan hệ lao động để giải quyết vấn đề tranh chấp lao động. Thực hiện đúng trách nhiệm của các cấp chính quyền ở địa phương theo luật định đối với các cuộc đình công của công nhân trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật lao động. Bổ sung các chế tài xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm chính sách, pháp luật lao động. Có biện pháp hữu hiệu bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động khi làm việc ở nước ngoài.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong xây dựng giai cấp công nhân

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng trong xây dựng giai cấp công nhân.

Khẩn trương xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả chiến lược về giai cấp công nhân gắn với chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm các chủ trương, chính sách lớn về đào tạo, trí thức hoá công nhân; về chuyển một bộ phận lớn lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; về vấn đề xuất khẩu lao động, kể cả ở các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư kinh doanh ở nước ngoài; vấn đề tạo nguồn để phát triển đảng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, trong quản lý sản xuất kinh doanh xuất thân từ công nhân; vấn đề nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân...

Phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước để giai cấp công nhân là nòng cốt, cùng với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, tăng cường liên minh công nhân - nông dân - trí thức, thực sự là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng giai cấp công nhân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tăng cường lãnh đạo Nhà nước trong xây dựng và thực thi các chính sách, pháp luật để xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh; giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của giai cấp công nhân.

Chú ý hơn nữa công tác bồi dưỡng, phát triển đảng trong công nhân. Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng những cán bộ ưu tú xuất thân từ công nhân, nhất là công nhân trực tiếp sản xuất, tăng dần tỉ lệ cán bộ xuất thân từ công nhân trong bộ máy lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và tạo cơ hội phát triển cho những cán bộ công đoàn trẻ, cán bộ thanh niên có năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức tốt xuất thân từ công nhân.

Lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp phải thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe ý kiến của công nhân và công đoàn, tôn trọng và phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của tổ chức công đoàn. Chú trọng lãnh đạo, tạo điều kiện để công đoàn phát huy tốt vị trí, vai trò của mình.

Tiếp tục đổi mới, chinh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và chỉ đạo thực hiện kiên quyết; bổ sung quy định chế tài cụ thể, đủ mạnh trong các luật để thực hiện nghiêm việc thành lập, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đồng thời coi trọng tuyên truyền, vận động, thuyết phục, khuyến khích các chủ doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đồng tình, ủng hộ, tạo điều kiện để tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội thành lập, hoạt động thuận lợi.

Đẩy mạnh bồi dưỡng phát triển đảng trong các trường phổ thông, trường đại học, cao đẳng, các trường đào tạo nghề và trong công nhân, chú trọng phát triển đảng ở những doanh nghiệp không có hoặc còn ít đảng viên để tạo nguồn thành lập tổ chức cơ sở đảng trong phần lớn các doanh nghiệp.

Có chính sách động viên về vật chất, khuyến khích về tinh thần đối với đội ngũ cán bộ đảng ở doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, nhiệt tình, tâm huyết và kỹ năng công tác cho cán bộ đảng ở doanh nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, góp phần xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, xây dựng doanh nghiệp thịnh vượng.

Có nhiều hình thức tăng cường và phát triển đảng viên tại các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, làm nòng cốt xây dựng tổ chức cơ sở đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh, phát huy vai trò của công đoàn trong xây dựng giai cấp công nhân.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp. Nghiên cứu việc quy định cơ cấu đại diện công đoàn vào thường vụ cấp uỷ ở những nơi có nhiều khu công nghiệp, đông công nhân.

Các cấp công đoàn cần hướng mạnh hoạt động về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy công nhân, viên chức, lao động làm đối tượng vận động, lấy chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu hoạt động.

Công đoàn cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, ý thức tự lực, tự cường, tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa cho công nhân; tập hợp trí tuệ của công nhân để tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi và thực hiện chính sách, pháp luật.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn cơ sở, nhất là chủ tịch công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, về trình độ chính trị, hiểu biết chính sách, pháp luật lao động và kỹ năng công tác.

Sớm sửa đổi, bổ sung Luật Công đoàn để phù hợp, tương thích với các quy định của Hiến pháp, Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan; xác định rõ vị trí, chức năng, quyền và cơ chế đảm bảo để công đoàn thực hiện tốt chức năng trong thời kỳ mới. Việc thu kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thực hiện theo quy định của Luật Công đoàn và của Chính phủ; sử dụng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, sinh hoạt văn hoá, thi đua, khen thưởng, phúc lợi xã hội và các hoạt động khác của công nhân tại chính doanh nghiệp đó, kể cả việc trả lương hoặc phụ cấp lương cho cán bộ công đoàn tại doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ công đoàn. Củng cố, nâng cao chất lượng dạy và học của Trường Đại học Công đoàn, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Tăng cường và mở rộng quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân và công đoàn các nước trên toàn thế giới.

Đổi mới mạnh mẽ tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn tại các doanh nghiệp.

Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở, để công đoàn thực sự là chỗ dựa vững chắc của công nhân tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, có sức hấp dẫn đối với người lao động và tạo được sự đồng tình, ủng hộ của người sử dụng lao động.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để nâng cao hiệu quả công tác nữ công của công đoàn tại các doanh nghiệp và khu công nghiệp.

Sớm bổ sung cơ chế, chính sách bảo vệ cán bộ công đoàn cơ sở và chế độ phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ công đoàn cơ sở.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp.

Đổi mới nội dung và phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hoá các loại hình, hình thức tập hợp, vận động thanh niên làm việc trong các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động Đoàn và Hội.

Hoạt động Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các doanh nghiệp cần tập trung vào việc tạo điều kiện, không ngừng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, cổ vũ và khơi dậy tiềm năng sáng tạo trong thanh niên công nhân; thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng để phối hợp với tổ chức công đoàn bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích, tư vấn, hỗ trợ về mặt pháp lý và bảo vệ thanh niên công nhân khi quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng bị xâm phạm.

### **III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ rà soát hệ thống pháp luật và các văn bản liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công nhân, điều kiện hoạt động của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới phù hợp với Nghị quyết này.

2- Các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt, tuyên truyền và có chương trình hành động cụ thể, đảm bảo Nghị quyết đi vào cuộc sống.

3- Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam làm đầu mối cùng các ban của Đảng, các tổ chức đảng, theo chức năng, nhiệm vụ, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo định kỳ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

**TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

**Tổng Bí thư**

**NÔNG ĐỨC MẠNH**



**TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG  
ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
(NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ  
LẦN THỨ 6 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X)**

Sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là chủ yếu sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen hỗn hợp, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho khai thác tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội. Các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã đi vào cuộc sống, doanh nghiệp và doanh nhân được tự chủ kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh để phát triển. Quản lý nhà nước về kinh tế được đổi mới từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển sang quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác. Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xóa đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất. Việc xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai còn nhiều vướng mắc. Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong các doanh nghiệp

nhà nước chưa giải quyết tốt, gây khó khăn cho sự phát triển và làm thất thoát tài sản nhà nước, nhất là khi tiến hành cổ phần hóa. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác còn bị phân biệt đối xử. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, vận hành chưa thông suốt. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gian lận thương mại, trốn, lậu thuế còn nhiều, chậm được khắc phục. Phân bổ nguồn lực quốc gia chưa hợp lý. Chính sách tiền lương còn mang tính bình quân, chưa bảo đảm đời sống của người hưởng lương, chưa khuyến khích, thu hút và sử dụng được người tài. Hệ thống thuế chưa thực hiện tốt chức năng điều tiết và bảo đảm công bằng xã hội, thúc đẩy đầu tư, đổi mới công nghệ, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu lực, hiệu quả quản lý còn thấp. Cải cách hành chính chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí vẫn nghiêm trọng. Cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội đổi mới chậm, chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo còn thấp. Khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng ngày càng lớn. Hệ thống an sinh xã hội còn sơ khai. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội thấp. Nhiều vấn đề bất cập, bức xúc trong xã hội và bảo vệ môi trường chưa được giải quyết tốt.

Những hạn chế trên có nguyên nhân do việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế. Công tác lý luận chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn. Nền kinh tế vẫn trong tình trạng kém phát triển; sự chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư còn cao. Năng lực thể chế hóa và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước còn hạn chế, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc. Vai trò tham gia hoạch định chính sách, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp còn yếu.

## I- MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM

### 1- Mục tiêu

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

#### Cụ thể:

Từ nay đến năm 2010, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế; đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công; phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao hơn hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội.

Giai đoạn từ năm 2010 - 2020, tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao trình độ phát triển của nền kinh tế, hoàn thành về cơ bản mục tiêu chung nêu trên.

### 2- Quan điểm

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế;

giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường.

- Chủ động, tích cực với quyết tâm chính trị cao, tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

## **II- CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

1- Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại được phát triển tới trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản nhưng tự bản thân kinh tế thị trường không đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản. Thực tiễn đổi mới ở nước ta đã chứng minh đầy sức thuyết phục về việc sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành kinh tế thị trường được tự giác tạo lập và sử dụng để giải phóng triệt để sức sản xuất, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Phát triển kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế

nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo; từng bước làm cho mọi thành viên xã hội đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

2- Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu

+ Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng khẳng định sự tồn tại khách quan, lâu dài và khuyến khích sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu khác nhau trong nền kinh tế; xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới, như trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước, khoáng sản...

+ Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là Nhà nước; các quyền của người sử dụng đất theo các quy định hiện nay của pháp luật được tôn trọng và bảo đảm.

+ Hoàn thiện thể chế về sở hữu nhà nước theo hướng tách bạch vai trò của Nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế -

xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; thu hẹp và tiến tới xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, ủy ban nhân dân đối với tài sản, vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có tài sản, vốn nhà nước. Tiếp tục đổi mới, củng cố và phát huy vai trò của mô hình công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

+ Hoàn thiện thể chế, quy định rõ, cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loại tài sản (trí tuệ, tài sản vật chất, tài sản cổ phiếu, tài sản nợ); bảo hộ các quyền lợi hợp pháp. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu và những người liên quan đối với xã hội.

+ Bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sở hữu tập thể, các tổ hợp tác, hợp tác xã; bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích của các xã viên đối với tài sản thuộc sở hữu của hợp tác xã.

+ Khuyến khích liên kết hỗn hợp giữa sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, làm cho chế độ cổ phần, sở hữu hỗn hợp trở thành hình thức sở hữu chủ yếu của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

+ Sớm ban hành các quy định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; quy định đối tượng, điều kiện để người nước ngoài có quyền được mua, được sở hữu nhà ở gắn với quyền sử dụng đất và các tài sản khác tại Việt Nam.

- Hoàn thiện thể chế về phân phối

+ Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn lực, phân phối và phân phối lại theo hướng bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách phát triển. Các nguồn lực xã hội được phân bổ theo cơ chế thị trường và theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà nước bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Tập trung vốn đầu tư nhà nước phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, dịch vụ công quan trọng, một số ngành sản xuất thiết yếu, then chốt, đóng vai trò chủ đạo và lĩnh vực mà tư nhân không thể hoặc chưa thể đảm đương được;

quan tâm đến các vùng, đối tượng còn nhiều khó khăn, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, các địa phương.

+ Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động, doanh nghiệp và bảo đảm lợi ích quốc gia. Chú trọng phân phối lại qua phúc lợi xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, y tế; bảo đảm đời sống, ít nhất là ở mức trung bình của xã hội, cho các đối tượng chính sách. Đổi mới cơ chế phân bổ chi ngân sách cho phát triển xã hội, củng cố và mở rộng hơn nữa hệ thống an sinh xã hội. Tiếp tục hoàn thiện luật pháp về thuế theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa khuyến khích đầu tư, đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, nuôi dưỡng nguồn thu và thực hiện công bằng xã hội.

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế

+ Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp lại, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước để góp phần giữ vững và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để ngăn ngừa thất thoát tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hóa; nghiên cứu, hoàn thiện chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động để tạo sự gắn bó lâu dài, phát huy quyền làm chủ của người lao động tại doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước sau cổ phần hóa. Kiện toàn Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước để làm tốt chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Hình thành và quản lý chặt chẽ các tổng công ty và một số tập đoàn kinh tế đa sở hữu có cổ phần chi phối của Nhà nước ở những lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế. Thu hẹp những lĩnh vực độc quyền nhà nước, không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp và xóa bỏ bao cấp của nhà nước cho doanh nghiệp. Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần, góp vốn vào các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế nhà nước. Đẩy mạnh việc sắp xếp, chuyển đổi

các nông - lâm trường quốc doanh theo mô hình doanh nghiệp và các mô hình thích hợp để hoạt động có hiệu quả.

+ Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác theo cơ chế thị trường, phù hợp với các nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng. Khuyến khích tăng vốn góp, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia trong hợp tác xã; phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã đa dạng, sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế tập thể tiếp cận các nguồn vốn; đào tạo cán bộ quản lý, lao động; trợ giúp kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển thị trường, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, các dự án đầu tư của Nhà nước.

+ Thực hiện nghiêm túc, nhất quán một mặt bằng pháp lý và điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước vào các lĩnh vực mà pháp luật không cấm; tạo điều kiện để các doanh nghiệp của tư nhân tiếp cận các nguồn lực của Nhà nước trên nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nhà nước, bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp. Đồng thời, tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với kinh tế tư nhân để các doanh nghiệp tư nhân tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước.

Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong nông nghiệp và ở khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi để các trang trại và hộ sản xuất kinh doanh góp vốn phát triển theo hình thức hợp tác xã, công ty cổ phần hoặc trở thành doanh nghiệp tư nhân và các loại hình kinh doanh khác thích hợp.

+ Tăng cường đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả. Nhà nước bằng hình thức tổ chức đấu thầu, đơn đặt hàng và có chính sách ưu đãi nhằm khuyến



khích các thành phần kinh tế, kể cả kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư phát triển các đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ công; tạo môi trường thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh cho các đơn vị sự nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hình thành và phát triển. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Nhà nước quy định các loại hình dịch vụ, các đối tượng xã hội được Nhà nước đài thọ toàn phần hoặc một phần, còn lại phải thanh toán chi phí theo nguyên tắc thị trường. Trên cơ sở đó, các đơn vị cung ứng dịch vụ công lập hoặc ngoài công lập thực hiện cung ứng dịch vụ diện nhà nước đài thọ theo hình thức hợp đồng. Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và về tài chính trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3- Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về giá, về cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc bình ổn giá bằng các biện pháp kinh tế vĩ mô và sử dụng nguồn lực kinh tế của Nhà nước, giảm tối đa các can thiệp hành chính trong quản lý giá. Hoàn thiện khung pháp lý cho ký kết, thực hiện hợp đồng; không hình sự hóa các tranh chấp dân sự trong hoạt động kinh tế. Hoàn thiện thể chế giám sát, điều tiết thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư, giải quyết tranh chấp phù hợp với kinh tế thị trường và các cam kết quốc tế; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao lòng tin của xã hội đối với pháp luật và các cơ quan tư pháp.

- Đa dạng hóa các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, chú trọng phát triển thị trường dịch vụ. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho các thị trường này. Thực hiện tự do hóa thương mại và đầu tư phù hợp với các cam kết quốc tế. Phát triển các phương thức giao dịch thị trường hiện đại, nhất là với hàng hóa nông sản và vật tư nông nghiệp để ổn định giá, giảm bớt rủi ro cho người sản xuất và người tiêu dùng. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giá đối với một số ít hàng hóa, dịch vụ độc quyền, bảo

đảm tuân thủ yêu cầu của cơ chế thị trường và các cam kết quốc tế. Xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường. Tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hóa và dịch vụ, nhất là những hàng hóa, dịch vụ liên quan trực tiếp đến sức khỏe của người dân. Xử lý nghiêm minh các sai phạm.

- Phát huy tốt hơn vai trò điều hành thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước như một ngân hàng trung ương hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Từng bước mở cửa thị trường tín dụng, các dịch vụ ngân hàng phù hợp với cam kết quốc tế. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại, thực hiện tốt việc cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước, thu hút được các đối tác chiến lược, song Nhà nước giữ cổ phần chi phối, áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và vai trò chủ đạo của các ngân hàng này. Đổi mới hoạt động thanh tra, giám sát; phát triển các công cụ dự báo, phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, làm cho thị trường chứng khoán ngày càng đóng vai trò quan trọng trong huy động vốn cho đầu tư phát triển. Đưa các giao dịch chứng khoán phi tập trung vào phạm vi quản lý, kiểm soát của Nhà nước. Tăng tính minh bạch của thị trường. Chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường. Nâng cao năng lực dự báo, có biện pháp phòng ngừa tình trạng rút vốn hàng loạt, ảnh hưởng xấu đến kinh tế vĩ mô. Mở rộng từng bước quyền mua cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam giao dịch trên thị trường chứng khoán quốc tế.

Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm. Tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp bảo hiểm thuộc các thành phần kinh tế trong nước, khuyến khích hợp tác và liên kết giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực hiện lộ trình mở cửa thị trường bảo hiểm theo cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Quan tâm hơn nữa đến các dịch vụ bảo hiểm đối với con

người và hàng nông sản. Nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với thị trường bảo hiểm.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để các quyền về đất đai và bất động sản được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất kinh doanh. Xác định rõ quyền sử dụng đất là một loại hàng hóa đặc biệt, được định giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý và điều tiết của Nhà nước. Ban hành chính sách định giá bảo đảm hài hòa quyền lợi của người sử dụng đất, của nhà đầu tư và của Nhà nước trong quá trình giải tỏa, thu hồi đất. Khuyến khích những tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào các dự án đầu tư, kinh doanh. Có chính sách giải quyết tốt vấn đề đất ở, nhà ở, việc làm cho người bị thu hồi đất. Đưa giá trị quyền sử dụng đất vào danh mục tài sản của mọi tổ chức, cá nhân được giao quyền sử dụng đất, kể cả các cơ quan nhà nước. Tạo quỹ đất của Nhà nước phục vụ các mục tiêu công ích, thực hiện chính sách xã hội và hỗ trợ việc điều tiết thị trường đất đai, hỗ trợ tái định cư trong quá trình giải phóng mặt bằng. Nhà nước chủ động tham gia thị trường bất động sản với tư cách là chủ sở hữu đất đai và nhiều bất động sản trên đất.

Hoàn thiện chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, đất được giao nhưng không đưa vào sử dụng theo cam kết và các trường hợp sở hữu, sử dụng nhà, đất vượt quá hạn mức quy định, ngăn chặn những cơn sốt giá do đầu cơ bất động sản, đặc biệt là đất đai. Nhà nước khuyến khích đầu tư xây dựng quỹ đất phục vụ di dân tái định cư, quỹ nhà ở xã hội để cho thuê hoặc bán theo quy định của pháp luật. Có chính sách giải quyết vấn đề nhà ở ổn định lâu dài cho lao động ở các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế. Kiểm soát chặt chẽ và áp dụng cơ chế thị trường đối với việc chuyển đổi đất công và tài sản công trên đất thành hàng hóa bất động sản. Hiện đại hóa hệ thống quản lý hồ sơ địa chính, bất động sản. Phát triển đồng bộ các dịch vụ tư vấn pháp luật, công chứng, thẩm định, đấu giá, đăng ký giao dịch... tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho các giao dịch trên thị trường đất đai, bất động sản. Xây dựng cơ chế tài phán để giải quyết những khiếu nại liên quan đến đất đai.

Xây dựng, công khai hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt. Quản lý chặt chẽ quỹ đất sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia về lâu dài. Bảo đảm lợi ích thỏa đáng và công bằng giữa các nhà đầu tư phát triển bất động sản, các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất và của Nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về tiền lương, tiền công. Tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo quy luật thị trường, dựa trên cung - cầu về sức lao động, chất lượng, cường độ lao động và mức độ cạnh tranh việc làm. Thực hiện tốt, phấn đấu rút ngắn lộ trình điều chỉnh tiền lương và trợ cấp xã hội giai đoạn 2008 - 2012 đi đôi với kiểm soát lạm phát để bảo đảm thu nhập thực tế ngày càng tăng cho người hưởng lương. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tay nghề của người lao động; khuyến khích khu vực tư nhân, doanh nghiệp tham gia dạy nghề thông qua các ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, đào tạo giáo viên, đầu tư hỗ trợ cơ sở hạ tầng, v.v... Hoàn thiện luật pháp, chính sách cho hoạt động và phát triển thị trường lao động, đổi mới tổ chức và hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm của Nhà nước; khuyến khích tổ chức các hội chợ việc làm; phát triển các tổ chức dịch vụ tư vấn, sàn giao dịch, giới thiệu việc làm tư nhân đi đôi với tăng cường quản lý, kiểm soát của Nhà nước, ngăn chặn các hành vi lừa đảo và các hiện tượng tiêu cực khác. Nâng cao chất lượng và hiệu quả xuất khẩu lao động, hướng tới xuất khẩu lao động có trình độ cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp trong nước thu hút và sử dụng lao động nước ngoài có trình độ chuyên môn cao.

Áp dụng phổ biến chế độ hợp đồng lao động, kể cả trong các đơn vị sự nghiệp công lập và khu vực kinh tế nhà nước. Đưa thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể thành quy định bắt buộc; tăng cường sự tham gia của đại diện người lao động và người sử dụng lao động vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển thị trường lao động. Tăng cường sự quản lý và giám sát của Nhà nước đối với thị trường lao động. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các tòa lao động, xử lý tốt các trường hợp tranh chấp, bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động và người sử dụng lao động.

- Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý và hỗ trợ phát triển các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ và nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới, nhập khẩu và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Sở hữu trí tuệ.

Phát triển các dịch vụ thiết kế, đo lường, đánh giá, thẩm định, giám định chất lượng, thông tin, môi giới, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ theo hướng xã hội hóa. Đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường. Hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý thị trường công nghệ.

- Tuân thủ nguyên tắc bù đắp đủ chi phí để tái tạo và mở rộng quy mô cung ứng dịch vụ công với chất lượng ngày càng cao. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, đặc biệt là cho những vùng nghèo, người nghèo, bảo đảm những dịch vụ cơ bản cho nhân dân. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa, vận dụng hợp lý những mặt tích cực của cơ chế thị trường. Nhà nước có chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng khuyến khích và huy động các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, các nguồn lực khác phát triển mạnh các dịch vụ công về số lượng và nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu đa dạng ngày càng tăng của nhân dân.

Cùng với việc tăng đầu tư, Nhà nước xác định rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí mà các đơn vị cung ứng dịch vụ phải tuân theo, các mức dịch vụ cơ bản Nhà nước phải bảo đảm cho nhân dân, nhất là cho người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách để bảo đảm quyền của nhân dân được học tập, chăm sóc sức khỏe phù hợp với trình độ phát triển của đất nước. Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt mua từ các nhà cung cấp dịch vụ theo chất lượng và chi phí chuẩn, tạo cạnh tranh giữa các đơn vị cung ứng thuộc mọi thành phần kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách và tăng cường quản lý của Nhà nước, giám sát của các tổ chức xã hội để hạn chế các mặt trái của cơ chế thị trường, xử lý nghiêm các vi phạm. Từng bước mở rộng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi tầng lớp trong xã hội, nhất là của nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo.

4- Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo, vươn lên no ấm, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc và căn cứ cách mạng trước đây. Chính sách giảm nghèo không chỉ nhằm mục tiêu ổn định mà còn tạo động lực cho sự phát triển. Tạo điều kiện để mọi công dân nắm bắt được cơ hội làm ăn, nâng cao thu nhập và đời sống, được hưởng thành quả chung của phát triển. Tập trung đầu tư phát triển kinh tế, xã hội ở một số vùng trọng điểm có tỷ lệ hộ nghèo cao; phân đầu từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các đối tượng, các vùng, không để chênh lệch này trở thành vấn đề xã hội bức xúc. Đưa mục tiêu giảm nghèo vào nội dung chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, của từng địa phương. Tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng xã hội cho người nghèo, giúp người nghèo giảm bớt khó khăn, vươn lên thoát nghèo, đồng thời khắc phục tư tưởng ỷ lại, bao cấp, trông chờ vào Nhà nước.

- Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mở rộng các hình thức bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện; bổ sung, sửa đổi các chế độ bảo hiểm xã hội còn bất hợp lý, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội; tách bảo hiểm xã hội đối với khu vực hành chính nhà nước ra khỏi khu vực doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các lĩnh vực khác. Điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội theo cơ chế tạo nguồn, độc lập tương đối với chính sách tiền lương, giảm dần phần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; từng bước cải thiện đời sống của người về hưu theo trình độ phát triển của nền kinh tế.

- Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tự nguyện, nhân đạo, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận để chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng theo tinh thần xã hội hóa với sự hỗ trợ một phần của Nhà nước, bảo đảm cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hòa nhập tốt

hơn vào cộng đồng, tự vươn lên. Tạo cơ hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, trước hết là người còn khả năng lao động, tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu, cơ hội giáo dục, đào tạo, dạy nghề, việc làm, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, văn hóa, thể thao. Sửa đổi, bổ sung chế độ trợ cấp xã hội dựa trên cơ sở tăng mức sống tối thiểu của toàn xã hội. Thực hiện các chương trình mục tiêu hướng ưu tiên vào đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, giám sát chặt chẽ việc thực hiện; phòng ngừa, ngăn chặn, không để phát sinh thêm các ô nhiễm mới, xử lý triệt để những điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm. Bảo vệ môi trường phải được coi trọng ngay từ đầu và trong suốt quá trình xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, của các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế. Có kế hoạch phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng kế hoạch ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do sự biến đổi khí hậu.

5- Hoàn thiện thể chế nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế, tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội

- Đảng tăng cường chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xác định rõ, cụ thể và đầy đủ hơn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là những nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Coi trọng đổi mới tư duy, công tác tuyên truyền, giáo dục cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thống nhất nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối, các chủ trương, chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; lãnh đạo quá trình tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, đặc biệt là cán bộ trong lĩnh vực xây dựng và thực thi thể chế kinh tế. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, tiếp tục đổi

mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với những yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Vận dụng và phát huy mặt tích cực, hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường và tiếp tục tạo ra những tiền đề, điều kiện để nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới mạnh mẽ hơn phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước. Coi trọng và làm tốt công tác xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng có hiệu quả các công cụ quản lý, điều tiết vĩ mô, bảo đảm những cân đối lớn của nền kinh tế, kiềm chế lạm phát; phát triển lành mạnh của các thị trường tài chính, tiền tệ, chứng khoán, bảo hiểm; ngăn ngừa và xử lý kịp thời những biến động xấu đối với ổn định kinh tế vĩ mô; phát triển các lĩnh vực xã hội, gắn thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường; tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp; giữ vững an ninh, quốc phòng, ổn định chính trị - xã hội cho sự phát triển đất nước. Chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội; tinh giản bộ máy nhà nước, tập trung nguồn lực vào một số lĩnh vực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao vai trò của các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và nhân dân tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát thực hiện luật pháp, các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

### **III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, các ban đảng, ban



cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và triển khai thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Căn cứ vào Nghị quyết này và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức đảng các cấp cần nghiên cứu, xác định rõ và cụ thể nội dung lãnh đạo kinh tế của Đảng ở cấp mình, nhất là trong xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển cũng như các chủ trương, chính sách lớn về kinh tế - xã hội.

3- Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các ban của Đảng, các tổ chức đảng theo chức năng, làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình thực hiện Nghị quyết.

**TỔNG BÍ THƯ**  
**NÔNG ĐỨC MẠNH**

## **\* TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG**

### **TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ X)**

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra được các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, có nhiều đổi mới và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, tăng cường kỷ cương, kỷ luật, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Từ nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đến nay (nhất là từ khi có Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-02-1998 của Bộ Chính trị khoá VIII), nhận thức của hầu hết cấp uỷ, tổ chức đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật có chuyển biến tích cực, lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đạt nhiều kết quả. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ các cấp đã xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm và chỉ đạo thực hiện có kết quả các cuộc kiểm tra về thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; thực hiện các chương trình, dự án; quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí và công tác cán bộ. Đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khá, ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ.

Đạt được kết quả trên là do:

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp uỷ các cấp đã kịp thời ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định về công tác xây dựng Đảng, trong đó có công tác kiểm tra và kỷ luật đảng. Đặc biệt Bộ Chính

trị khoá VIII đã ban hành Chỉ thị số 29-CT/TW về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và trách nhiệm của tổ chức đảng, trước hết là các cấp uỷ đảng về công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng.

. - Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp đã nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác kiểm tra, kỷ luật đảng; ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của cấp mình để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có kết quả công tác này; xử lý nghiêm minh những khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; chỉ đạo uỷ ban kiểm tra và các tổ chức có liên quan xử lý kiên quyết, dứt điểm vi phạm của tổ chức và cá nhân, thu hồi tài sản bị chiếm dụng cho Nhà nước.

- Uỷ ban kiểm tra các cấp vừa thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vừa thực hiện tốt vai trò tham mưu, giúp cấp uỷ về công tác kiểm tra, góp phần từng bước nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra của Đảng.

Tuy nhiên, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực không nghiêm. Sự đoàn kết, nhất trí ở không ít cấp uỷ chưa tốt. Quan hệ giữa Đảng và nhân dân có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Dân chủ trong Đảng và trong xã hội còn bị vi phạm. Nhiều tổ chức cơ sở đảng không đủ năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh, thậm chí có tổ chức cơ sở đảng bị tê liệt. Công tác tư tưởng còn thiếu sức thuyết phục. Công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều mặt yếu kém. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn diễn ra nghiêm trọng.

Chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra chưa cao, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các lĩnh vực trong công tác kiểm tra; chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa, phát huy nhân tố tích cực; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện và khắc phục. Công tác kiểm tra của nhiều tổ chức đảng, nhất là ban cán sự đảng, đảng đoàn còn mang tính hình thức, chất lượng, hiệu quả thấp; kiểm tra việc thực hiện

nhiệm vụ chính trị, nghị quyết, chỉ thị của Đảng chưa được quan tâm đúng mức. Năng lực, trình độ, phong cách công tác của một bộ phận cán bộ kiểm tra chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Nguyên nhân của những yếu kém trên đây là:

- Một số cấp uỷ, tổ chức đảng, bí thư cấp uỷ chưa quan tâm đúng mức, nhận thức chưa đầy đủ về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng. Còn thiếu các quy định của Đảng làm cơ sở cho việc đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; một số chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều sơ hở, thiếu đồng bộ, nhiều quy định không còn phù hợp nhưng chậm được bổ sung, sửa đổi, ban hành mới; chưa có cơ chế giám sát trong Đảng và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và của nhân dân đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

- Một số nơi còn vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; việc buông lỏng quản lý đảng viên còn khá phổ biến. Tình trạng thiếu tính chiến đấu, hữu khuynh, né tránh, bao che, giấu giếm khuyết điểm trong đấu tranh tự phê bình và phê bình, trong xem xét thi hành kỷ luật đảng còn xảy ra ở nhiều tổ chức đảng.

- Tổ chức bộ máy làm công tác kiểm tra của Đảng từ Trung ương đến cơ sở còn thiếu thống nhất, bất cập nhưng chậm được đổi mới. Đội ngũ cán bộ kiểm tra của Đảng, nhất là cán bộ kiểm tra chuyên trách còn thiếu về số lượng, một bộ phận yếu về chất lượng. Công tác nghiên cứu về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng chưa giải đáp được nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã đề ra mục tiêu là: "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển", đòi hỏi công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng phải được tăng cường với nhận thức và yêu cầu mới để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nói trên.

## I- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ NHIỆM VỤ

### 1- Mục tiêu

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, sự đoàn kết thống nhất và bảo đảm thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng; phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X.

- Tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, nhận thức và hành động trong Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, trước hết là trong cấp uỷ, đặc biệt là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Từng bước hoàn thiện, quan điểm, nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới.

- Kịp thời đánh giá đúng ưu điểm của tổ chức đảng và đảng viên để phát huy, phát hiện, làm rõ thiếu sót, khuyết điểm để uốn nắn, khắc phục và xử lý nghiêm minh khi có vi phạm, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phục vụ việc tổng kết thực tiễn, nhân rộng những nhân tố mới, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, cục bộ, bản vị, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực.

### 2- Quan điểm

- Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng, là chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là nhiệm vụ của cấp uỷ và người đứng đầu cấp uỷ, do cấp uỷ trực tiếp tiến hành. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, phương pháp công

tác đảng. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng và chịu sự giám sát của nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phải gắn chặt với công tác tư tưởng, công tác tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; phải thực hiện toàn diện, đồng bộ, có hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng.

- Thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát; "giám sát phải mở rộng", "kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm" để chủ động phòng ngừa vi phạm, kịp thời phát hiện những nhân tố mới để phát huy, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm ngay từ lúc mới manh nha.

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây là chính. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải kiên quyết xử lý nghiêm minh để răn đe và giáo dục.

- Đề cao trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát.

### 3- Nhiệm vụ

- Cấp ủy các cấp tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao chất lượng nghiên cứu các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng để các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên nắm vững và tự giác chấp hành; đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong Đảng. Cấp ủy các cấp, nhất là chi bộ cần tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm hoặc không để tái phạm, góp phần chủ động thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng và trong cả hệ thống chính trị. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị

- xã hội ở các cấp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về các nội dung, lĩnh vực sau:

+ Lĩnh vực tư tưởng chính trị, quản lý báo chí: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, việc thi hành Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác tư tưởng chính trị nói chung và hoạt động báo chí nói riêng.

+ Về chấp hành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng: Kiểm tra, giám sát việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chấp hành quy chế làm việc, chế độ công tác; thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; về mối quan hệ giữa tổ chức đảng và đảng viên với quần chúng; việc giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

+ Lĩnh vực kinh tế - tài chính: Kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các khâu cấp và sử dụng nguồn vốn thuộc ngân sách Nhà nước, vốn ODA, tài trợ của nước ngoài; trong xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị; quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên, công sản; triển khai thực hiện các dự án trọng điểm.

+ Lĩnh vực hành chính, tư pháp: Kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính liên quan đến giải quyết công việc của các tổ chức và cá nhân, đặc biệt là trong các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhất là những vụ án nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận.

+ Trong công tác tổ chức và cán bộ: Kiểm tra, giám sát về tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bố trí, sử dụng, khen thưởng và thực hiện chính sách cán bộ; về phẩm chất đạo đức, lối sống và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên; việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; về nội dung và chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy, tổ chức đảng.

+ Kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo của đảng viên và nhân dân; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng gắn với vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X.

- Đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng theo hướng đồng bộ, nghiêm minh, có hiệu lực, hiệu quả; sớm hoàn thiện quy chế giám sát trong Đảng. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy, tăng cường cán bộ đủ số lượng, bảo đảm chất lượng; bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định; cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc của uỷ ban kiểm tra các cấp.

## **II- CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP**

1- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra, trước hết là người đứng đầu cấp uỷ về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Tăng cường công tác phổ biến, quán triệt các quy định của Đảng, trước hết là đối với người đứng đầu về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; trách nhiệm của các tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra, của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; tạo được sự chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động đối với công tác này.

2- Xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định pháp luật về chế độ, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế. Ban hành mới các quy định, quy chế về



công tác xây dựng Đảng; quy chế phối hợp giữa các tổ chức đảng với các tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Thực hiện minh bạch, công khai hoá các chế độ, chính sách để cán bộ, đảng viên và nhân dân giám sát, kiểm tra tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

3- Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp và chi bộ bảo đảm hiệu lực, hiệu quả

- Cấp uỷ các cấp: Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát hiện nhân tố tích cực để nhân rộng, những chủ trương, chính sách chưa phù hợp để điều chỉnh, ngăn ngừa, hạn chế các sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Chú trọng kiểm tra, giám sát việc cụ thể hoá, thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát những nơi thường dễ xảy ra vi phạm như lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, tài chính, ngân hàng, thương mại; những nơi có dấu hiệu ban hành chủ trương, chính sách trái với nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và bao che sai phạm của cấp dưới. Kiểm tra, giám sát người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp về năng lực lãnh đạo, quản lý, về phẩm chất đạo đức, lối sống, về phong cách và tính tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

- Các tổ chức đảng: Chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phối hợp với uỷ ban kiểm tra tham mưu, giúp cấp uỷ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách và nhiệm vụ cấp uỷ giao. Kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm thuộc lĩnh vực công tác của tổ chức mình và chuyển tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Uỷ ban kiểm tra các cấp: Tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, trước hết là cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp mình quản lý, chủ động phát hiện và kịp thời kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát tài chính của cấp uỷ cấp dưới và

của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Qua kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện các tổ chức trong hệ thống chính trị ban hành các chủ trương trái với nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến nghị các cơ quan và tổ chức đảng có thẩm quyền nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chủ trương, chính sách mới cho phù hợp với thực tế và xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm.

- Chi bộ: Tăng cường kiểm tra, giám sát đảng viên trong chi bộ. Tập trung giám sát chi uỷ, chi uỷ viên, đảng viên là cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý sinh hoạt trong chi bộ cả nơi công tác và nơi cư trú. Qua kiểm tra, giám sát, kịp thời phát huy ưu điểm, uốn nắn, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên từ khi mới phát sinh để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm từ trong nội bộ, ngay từ cơ sở.

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp phải xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khoá, hàng năm và thực hiện kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch đã đề ra.

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng là công việc của nội bộ Đảng. Những vụ việc trong quá trình kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng khi chưa được phép của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp thì tuyệt đối không được cung cấp và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nếu vi phạm quy định trên thì phải xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan chủ quản, tổng biên tập, phóng viên, cộng tác viên; đồng thời xử lý nghiêm người cung cấp tin khi chưa được phép của tổ chức có thẩm quyền.

- Đẩy mạnh tuyên truyền công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng cả về lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm trên các phương tiện thông tin đại chúng, trước hết là trên các tạp chí, các báo của Đảng, đài phát thanh, truyền hình ở Trung ương và địa phương.

- Đổi mới việc sơ kết, tổng kết thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của các cấp uỷ. Hằng năm, cuối nhiệm kỳ, cấp uỷ các cấp từ Trung ương đến cơ sở, trước hết là người đứng đầu cấp uỷ phải trực tiếp chỉ đạo tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở cấp mình.

#### **4- Hoàn chỉnh quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng**

- Quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của các cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp phải bảo đảm các nguyên tắc, phương pháp công tác đảng; công khai, dân chủ, cụ thể, dễ thực hiện và được quy chuẩn hoá.

- Cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp căn cứ quy chế, quy định, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương ban hành để vận dụng ban hành quy chế, quy định, quy trình kiểm tra, kỷ luật đảng ở cấp mình cho phù hợp và tổ chức thực hiện có kết quả.

5- Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan uỷ ban kiểm tra và tăng cường cán bộ kiểm tra các cấp bảo đảm tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao

- Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan uỷ ban kiểm tra theo mô hình thống nhất từ Trung ương đến cấp quận, huyện và tương đương, bảo đảm hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Trên cơ sở tổng kết Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, xã, phường, thị trấn, cần tăng cường cán bộ kiểm tra chuyên trách cho uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở xã, phường, thị trấn và những tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, doanh nghiệp có từ 300 đảng viên trở lên.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định và đổi mới công tác tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đề bạt, bố trí, luân chuyển, sử dụng, khen thưởng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát. Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra; chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ kiểm tra từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra các cấp. Có chính sách thoả đáng về nhà ở, chế độ đãi ngộ, phụ cấp nghề... để thu hút những cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực, tâm huyết, bản lĩnh về làm công tác kiểm tra.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ; có phẩm chất đạo đức cách mạng, có bản lĩnh chính trị, kinh nghiệm, tính chiến đấu cao, có kỹ năng nghiệp vụ thuần thục, phương pháp công tác khoa học, công tâm, khách quan, sâu sát, thận trọng và ứng xử có văn hoá. Không được lợi dụng vị trí công tác để làm sai chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng tài liệu huấn luyện, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng cho các cấp uỷ, lãnh đạo các tổ chức đảng và cán bộ kiểm tra các cấp, đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, giám sát trên từng vị trí công tác.

6- Tăng cường đầu tư, hiện đại hoá cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc cho công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

- Từng bước ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, gắn với cải cách thủ tục, lề lối làm việc, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Cấp uỷ các cấp quan tâm đầu tư, tạo điều kiện về nguồn lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc bảo đảm cho hoạt động của uỷ ban kiểm tra các cấp.

- Lập các trang thông tin điện tử để tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng của toàn Đảng và của ngành Kiểm tra Đảng.

7- Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng

- Tập trung đầu tư nghiên cứu cả ở tầm vĩ mô và vi mô; nâng cao khả năng dự báo về tình hình vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, nhất là những vi phạm mới do tác động của toàn cầu hoá, cơ chế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ mới... Chú trọng nghiên cứu các chủ trương, biện pháp, cơ chế, chính sách để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

- Tăng cường nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng với các đảng cộng sản và về giám sát, phản biện xã hội của một số nước trên thế giới.

### III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ và các cơ quan liên quan trong chương trình xây dựng pháp luật hằng năm cần rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng, ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương trong cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, thiết thực và phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị, tổ chức mình; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và trong thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết trong toàn Đảng.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ở Trung ương xây dựng Quy chế về chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng, Quy chế thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, Quy chế dân chủ trong Đảng và Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ, đề cơ quan, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương chuẩn bị đề án về tổ chức bộ máy, tăng thêm biên chế cho uỷ ban kiểm tra các cấp, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định cho phù hợp với tình hình mới.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ban Dân

vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các tổ chức đảng liên quan nghiên cứu xây dựng quy chế và biện pháp thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương chỉ đạo ban hành quy định của đoàn thể mình trong việc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, Quy chế giám sát trong Đảng, Quy chế chất vấn trong Đảng và Quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng có liên quan trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; hướng dẫn việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, chủ trì, phối hợp với các ban của Đảng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện và hằng năm báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

**Tổng bí thư**

**NÔNG ĐỨC MẠNH**

**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CƠ QUAN  
ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG (QUYẾT ĐỊNH SỐ 106-QĐ/TW  
NGÀY 21-11-2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)**

*- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;*

*- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá X;*

*- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,*

**BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Chức năng của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương**

Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của Trung ương.

**Điều 2. Nhiệm vụ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương**

Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu, giúp Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1 - Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương được quy định trong Điều lệ Đảng và nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; thực hiện chương trình, kế hoạch công tác do Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định.

2- Phối hợp với các ban đảng Trung ương, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng theo Điều 30 Điều lệ Đảng và giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch này.

3- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với uỷ ban kiểm tra và cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

4- Đề xuất ý kiến đóng góp vào sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

5- Thẩm định các đề án của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội về những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng (là cơ quan chủ trì), Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan giúp Ban Chấp hành Trung ương theo dõi, giám sát việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

6- Thực hiện hợp tác quốc tế theo quy định của Trung ương.

7- Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong công tác cán bộ theo phân cấp quản lý; hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

8- Tuyên truyền, nghiên cứu, sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra.

### **Điều 3. Tổ chức bộ máy của cơ quan Uỷ ban Kiểm tra Trung ương**

#### **1. Lãnh đạo cơ quan Uỷ ban Kiểm tra Trung ương**



- Lãnh đạo cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương là thủ trưởng cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương là phó thủ trưởng cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; trong đó phân công một đồng chí Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương là phó thủ trưởng thường trực cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2- Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm các vụ, đơn vị sau đây:

- 1) Vụ Trung ương I (gọi tắt là Vụ I)
- 2) Vụ Trung ương IA (gọi tắt là Vụ IA)
- 3) Vụ Địa phương II (gọi tắt là Vụ II)
- 4) Vụ Địa phương III (gọi tắt là Vụ III)
- 5) Vụ Địa phương V (gọi tắt là Vụ V)
- 6) Vụ Địa phương VII (gọi tắt là Vụ VII)
- 7) Vụ Kiểm tra tài chính
- 8) Vụ Nghiên cứu
- 9) Vụ Tổng hợp
- 10) Vụ Tổ chức - Cán bộ
- 11) Tạp chí Kiểm tra
- 12) Văn phòng.

### 3- Về biên chế

- Biên chế của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Bộ Chính trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương.

- Ngoài số biên chế quy định, khi cần thiết, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương được trưng tập một số cán bộ phục vụ công tác nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng.

#### **Điều 4. Quy chế làm việc**

Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá X và chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành quy chế làm việc của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ  
TRƯƠNG TẤN SANG

**HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA  
CHI BỘ (HƯỚNG DẪN SỐ 06-HD/KTTW NGÀY 25-7-2007  
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)**

*Căn cứ Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị về việc “ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khoá X”; Để thống nhất về nhận thức và việc thực hiện công tác giám sát của chi bộ bảo đảm chất lượng, hiệu quả, Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện công tác giám sát của chi bộ như sau:*

**I - ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT**

Chi bộ giám sát mọi đảng viên trong chi bộ, kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

**II - NỘI DUNG GIÁM SÁT**

Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, thống nhất nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên.

Tập trung giám sát việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, thực hiện nhiệm vụ do chi bộ phân công và theo nhiệm vụ, tiêu chuẩn đảng viên; việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống và giữ mối liên hệ với tổ chức đảng nơi cư trú.

**III - CÁCH TIẾN HÀNH GIÁM SÁT**

Giám sát của chi bộ đối với đảng viên được tiến hành theo hai cách: Giám sát thường xuyên và giám sát theo chuyên đề. Giám sát thường xuyên có giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp. Giám sát thường xuyên không lập tổ giám sát; giám sát theo chuyên đề có thể lập tổ giám sát.

**1- Giám sát thường xuyên**

**1.1- Giám sát trực tiếp:**

a) Giám sát thông qua sinh hoạt thường kỳ (kiểm điểm công tác lãnh đạo, tự phê bình); phân tích chất lượng đảng viên:

- Chi uỷ, nhất là bí thư chi bộ phải nắm chắc tình hình đảng viên trong chi bộ về tư tưởng, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm (nếu có) để phục vụ việc giám sát trong cuộc họp. Từng đảng viên tự kiểm điểm về việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, về thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; về giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, về chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương ở nơi cư trú.

- Chi bộ góp ý kiến cho từng đảng viên về ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm (nếu có).

Trường hợp thấy đảng viên nào có vấn đề cần làm rõ, yêu cầu đảng viên đó báo cáo giải trình cụ thể để chi bộ xem xét. Nêu vấn đề đã rõ, chi bộ nhắc nhở đảng viên thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm (nếu có).

- Chi bộ nghe đảng viên tiếp thu ý kiến đóng góp và yêu cầu của chi bộ; đề ra biện pháp thực hiện, hoặc khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm. Chi bộ phân công chi uỷ viên phụ trách công tác kiểm tra theo dõi đảng viên thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm; báo cáo kết quả giám sát với chi bộ.

- Lưu ý: Nếu là giám sát thông qua phân tích chất lượng đảng viên thì từng đảng viên phải làm bản tự kiểm điểm, trình bày trước chi bộ để chi bộ thảo luận, đóng góp ý kiến.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

b) Giám sát thông qua theo dõi, đôn đốc đảng viên thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Chi uỷ viên, theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, qua chỉ đạo, tổ chức thực hiện, nắm tình hình, nếu thấy đảng viên trong chi bộ không thực hiện

nhiệm vụ hoặc thực hiện không đúng, hoặc có thiếu sót, khuyết điểm (nếu có) thì:

+ Nếu vấn đề phản ánh về đảng viên đã rõ thì chi uỷ viên đề nghị đảng viên đó thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm.

+ Nếu vấn đề phản ánh về đảng viên phức tạp, cần phải báo cáo giải trình thì chi uỷ viên báo cáo chi uỷ xem xét, đề nghị đảng viên đó chuẩn bị và gửi báo cáo giải trình cho chi uỷ. Qua xem xét, thấy vấn đề đã rõ thì chi uỷ nhắc nhở, đề nghị đảng viên được giám sát thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm; báo cáo kết quả giám sát với chi bộ.

Trường hợp vấn đề vượt quá thẩm quyền thì chi uỷ báo cáo chi bộ xem xét tại cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường (nếu cần) của chi bộ theo trình tự sau:

Nghe đảng viên được giám sát trình bày báo cáo giải trình; chi bộ thảo luận, góp ý kiến cho đảng viên về những vấn đề liên quan.

Người chủ trì cuộc họp thay mặt chi bộ nhận xét, đánh giá về nội dung giám sát; đề nghị đảng viên tiếp thu ý kiến đóng góp và yêu cầu của chi bộ để thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm.

- Chi bộ phân công chi uỷ viên phụ trách công tác kiểm tra theo dõi đảng viên được giám sát thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm; báo cáo kết quả thực hiện giám sát với chi bộ.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

1.2- Giám sát gián tiếp:

Việc giám sát gián tiếp của chi bộ đối với đảng viên, như sau:

- Chi uỷ giúp chi bộ:

+ Nghiên cứu các bản nhận xét, đánh giá, phản ánh của các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ, chi bộ.

+ Nghiên cứu, khảo sát nắm tình hình theo yêu cầu của cấp uỷ.

+ Nghiên cứu các báo cáo sơ kết, tổng kết công tác chuyên môn, sản

xuất, kinh doanh của đơn vị để phát hiện vấn đề phục vụ việc giám sát. Qua nghiên cứu các thông tin, tài liệu, văn bản trên, nếu cần thiết, chi uỷ có thể trao đổi với đảng viên trong chi bộ hoặc tổ chức đảng, đảng viên có liên quan để nắm thêm tình hình về đảng viên trong chi bộ.

Qua giám sát, chi bộ (chi uỷ) kịp thời phát huy ưu điểm, nhắc nhở, đề nghị đảng viên khắc phục thiếu sót, khuyết điểm (nếu có).

Nếu phát hiện đảng viên trong chi bộ có dấu hiệu vi phạm hoặc bị tố cáo thì chi bộ kiểm tra, xem xét theo thẩm quyền hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Chi bộ phân công chi uỷ viên phụ trách cộng tác kiểm tra theo dõi đảng viên được giám sát thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm (nếu có) báo cáo kết quả giám sát với chi bộ.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

## 2- Giám sát theo chuyên đề

Hằng năm, qua nắm tình hình, nghiên cứu báo cáo, tài liệu có liên quan, chi bộ xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đối với đảng viên; thông báo cho đảng viên được giám sát biết ngay từ đầu năm về nội dung, mốc thời điểm, thời gian giám sát.

- Lập kế hoạch giám sát cụ thể đối với từng đảng viên, phân công chi uỷ viên và đảng viên thực hiện việc giám sát (hoặc có thể lập tổ giám sát); đề nghị đảng viên được giám sát chuẩn bị báo cáo và tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Đảng viên được giao tham gia giám sát (hoặc tổ giám sát) nghiên cứu báo cáo, văn bản, tài liệu có liên quan, phát hiện vấn đề phục vụ việc giám sát báo cáo chi bộ xem xét, báo cáo chi bộ.

- Tổ chức họp chi bộ để nghe đảng viên được giám sát báo cáo; chi bộ thảo luận góp ý kiến cho đảng viên được giám sát về những vấn đề liên quan.

Người chủ trì thay mặt chi bộ nhận xét, đánh giá, đề nghị đảng viên được giám sát tiếp thu ý kiến đóng góp và yêu cầu của chi bộ để thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm (nếu có).

Nếu phát hiện đảng viên được giám sát có dấu hiệu vi phạm thì chi bộ tiến hành kiểm tra hoặc báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Chi bộ phân công chi uỷ viên phụ trách công tác kiểm tra theo dõi đảng viên được giám sát thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm; báo cáo kết quả giám sát với chi bộ.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

#### **IV - TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA CHI BỘ VÀ ĐẢNG VIÊN**

- Khi tiến hành giám sát, chi bộ và các đảng viên trong chi bộ được phân công tham gia giám sát được quyền chất vấn đảng viên được giám sát về những vấn đề có liên quan đến nội dung, yêu cầu giám sát; được đề nghị đảng viên được giám sát cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Đảng viên, chi uỷ viên khi tiến hành giám sát theo sự phân công của chi bộ, nếu thấy đảng viên không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao hoặc có thiếu sót, khuyết điểm thì kịp thời nhắc nhở, đề nghị đảng viên đó thực hiện và báo cáo để chi uỷ, chi bộ xem xét, giải quyết đối với những trường hợp vượt quá thẩm quyền của mình.

- Chi bộ theo dõi đảng viên được giám sát thực hiện, hoặc sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm theo yêu cầu của chi bộ.

- Nếu thấy đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc bị tố cáo thì chi bộ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, giải quyết.

- Nếu chi bộ, đảng viên được phân công giám sát không hoàn thành nhiệm vụ thì phải chịu trách nhiệm theo quy định.

#### **V - TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC GIÁM SÁT**

##### **1. Trách nhiệm của đảng viên được giám sát**

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giám sát trong Đảng khi được giám sát (theo quy định của Điều lệ Đảng, Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị về thi hành Điều lệ Đảng, Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khoá X và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

- Báo cáo, trao đổi về các vấn đề do chủ thể giám sát đưa ra (khi được yêu cầu).

Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc giám sát.

Chấp hành các yêu cầu của chủ thể giám sát (uốn nắn, sửa chữa, khắc phục,...) hoặc chấp hành yêu cầu, quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền (ngừng thực hiện, hủy bỏ quyết định sai trái; khắc phục hậu quả do mình gây ra,...).

- Không được gây khó khăn, trở ngại cho việc giám sát, không được từ chối khi có yêu cầu được giám sát của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Không để lộ bí mật nội dung, yêu cầu giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết.

2- Quyền của đảng viên được giám sát...

- Đưa ra các bằng chứng chứng minh về các nội dung được giám sát đối với mình.

- Đề nghị chủ thể giám sát xem xét lại nhận xét, đánh giá hoặc các yêu cầu đối với mình (nếu thấy chưa đúng, chưa chính xác, chưa thoả đáng...).

- Được quyền báo cáo với tổ chức đảng cấp trên nếu thấy việc giám sát không đúng nội dung, yêu cầu, trách nhiệm của chủ thể giám sát hoặc người giám sát có hành vi, việc làm không đúng khi thực hiện nhiệm vụ giám sát.

## **VI - TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1- Các cấp uỷ căn cứ Hướng dẫn này chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở cấp mình.



2- Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Hướng dẫn ở cấp mình và báo cáo kết quả thực hiện với cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp trên.

3- Cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cơ sở theo dõi việc chấp hành Hướng dẫn này ở cấp mình.

Hướng dẫn này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Đây là nhiệm vụ mới được giao, do đó, quá trình thực hiện Hướng dẫn, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cấp uỷ, tổ chức đảng, chi bộ phản ánh kịp thời về Uỷ ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**T.M. ỦY BAN KIỂM TRA**

**Chủ nhiệm**

**NGUYỄN VĂN CHI**

**CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ  
(QUYẾT ĐỊNH SỐ 58-QĐ/TW NGÀY 07-5-2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)**

- Căn cứ điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá X, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra trung ương khoá X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

**BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ”.

**Điều 2.** Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế này; nếu có những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Bộ Chính trị (qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy chế kèm theo Quyết định này thay thế Quy chế số 53-QĐ/TW, ngày 05-5-1999 của Bộ Chính trị khoá VIII.

**TM. BỘ CHÍNH TRỊ  
TRƯƠNG TẤN SANG**

**QUY CHẾ về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ**  
(Kèm theo Quyết định số 58-QĐ/TW, ngày 07-5-2007 của Bộ Chính trị)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Các cấp uỷ và tổ chức đảng phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát công tác cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình.

**Điều 2.** Kiểm tra, giám sát để đánh giá đúng công tác cán bộ, kịp thời nêu gương cán bộ và tổ chức đảng làm tốt, giúp đỡ cán bộ và tổ chức Đảng gặp khó khăn, ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc, thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ (về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao...) và công tác cán bộ (thực hiện các nguyên tắc, quy chế, chế độ đã quy định về phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ...), phát hiện những kinh nghiệm tốt, uốn nắn những sơ hở, thiếu sót trong công tác cán bộ, kịp thời phát hiện và xử lý những vi phạm của cán bộ và tổ chức đảng.

**Điều 3.** Việc kiểm tra, giám sát phải tuân thủ điều lệ Đảng, các quy định của Đảng và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

**Chương II**  
**CHẾ ĐỘ KIỂM TRA CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ**

**Điều 4.** Chế độ kiểm tra

1- Đối với cán bộ:

1.1- Thường xuyên tự kiểm điểm, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm trong công tác và rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống.

1.2- Mỗi năm một lần tự phê bình tại chi bộ và tại cấp uỷ hoặc tổ chức chính quyền, đoàn thể mà mình là thành viên.

1.3- Hằng năm, chi uỷ nơi cán bộ sinh hoạt lấy ý kiến đóng góp của chi uỷ nơi cán bộ cư trú bằng hình thức thích hợp về mối quan hệ của cán bộ với tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân nơi cư trú; về bản thân và gia đình trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của khu dân cư.

1.4- Chịu sự kiểm tra, giám sát của chi bộ nơi sinh hoạt đảng và của tổ chức đảng cấp trên.

2- Đối với cấp ủy và tổ chức đảng:

2.1- Thường xuyên có chương trình, kế hoạch tự kiểm tra về công tác cán bộ thuộc cấp mình quản lý; hướng dẫn, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện các nội dung đó.

2.2- Thực hiện chế độ tự phê bình, phê bình về công tác cán bộ theo quy định.

2.3- Mỗi năm một lần tổ chức lấy ý kiến đóng góp xây dựng đảng của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong đơn vị.

2.4- Chịu sự kiểm tra và chấp hành kế hoạch kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên theo định kỳ và khi có yêu cầu.

2.5- Tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp về công tác cán bộ; về thực hiện chế độ kiểm tra công tác cán bộ theo định kỳ và bất thường.

**Điều 5. Nội dung kiểm tra**

1- Đối với cán bộ:

1.1- Kiểm tra về tiêu chuẩn cán bộ bao gồm: phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, mối liên hệ với quần chúng trong cơ quan và nơi cư trú.

1.2- Kiểm tra việc chấp hành và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách (đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị).

1.3- Kiểm tra việc tham mưu, thẩm định về công tác cán bộ.

1.4- Kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng công tác cán bộ (đối với cán bộ, đảng viên).

2- Đối với cấp ủy và tổ chức đảng:

Kiểm tra việc thực hiện các nội dung về công tác cán bộ, bao gồm:

2.1- Việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng về chiến lược cán bộ và công tác cán bộ.

2.2- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ.

2.3- Việc tham mưu, thẩm định, quyết định về công tác cán bộ.

2.4- Thực hiện việc tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ; việc đánh giá cán bộ; việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; việc miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ; việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

2.5- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết tố cáo, khiếu nại về cán bộ.

2.6- Thực hiện cơ chế nhân dân tham gia xây dựng và giám sát cán bộ.

#### **Điều 6. Đối tượng kiểm tra**

1- Đối với cán bộ: Cán bộ là cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý (theo Quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và của cấp ủy các cấp), trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ trong diện quy hoạch, thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ và cán bộ tham mưu về công tác cán bộ của cấp ủy hoặc tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

2- Đối với tổ chức đảng (chi bộ, cấp ủy các cấp, các ban của Đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn) kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, tập trung kiểm tra các cơ quan làm tham mưu giúp cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ.

#### **Điều 7. Tự kiểm tra của cán bộ, đảng viên**

1- Cán bộ là đảng viên tự kiểm tra (tự phê bình) mỗi năm một lần (bằng văn bản) trước chi bộ; nếu là cấp ủy viên thì còn kiểm điểm theo quy chế làm

việc của cấp ủy mà mình là thành viên, có nhận xét của chi ủy nơi sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú.

2- Cán bộ không phải là đảng viên tự phê bình trong tổ chức mà mình là thành viên.

3- Cán bộ, đảng viên tiếp thu ý kiến đóng góp của tập thể về ưu điểm, khuyết điểm để đề ra biện pháp phát huy, sửa chữa, khắc phục; đưa kết quả kiểm điểm về ban thường vụ, ban tổ chức của cấp ủy cấp mình.

#### **Điều 8. Tự kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng**

1- Chuẩn bị báo cáo tự phê bình; lấy ý kiến đóng góp của đảng viên và quần chúng.

2- Tập thể chi bộ hoặc cấp ủy thảo luận, tự phê bình, phê bình.

3- Kết luận ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có), đề ra phương hướng, biện pháp khắc phục khuyết điểm.

4- Báo cáo kết quả lên cấp ủy cấp trên và ban tổ chức, ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên.

#### **Điều 9. Tổ chức đảng tiến hành kiểm tra**

1. Xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra trong từng thời gian, trong đó có nội dung về kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra mới với cấp ủy các cấp và thực hiện kiểm tra.

2- Các tổ chức đảng tiến hành kiểm tra theo 3 bước: chuẩn bị nội dung, kế hoạch, tổ chức lực lượng kiểm tra; tiến hành kiểm tra; kết thúc kiểm tra (theo hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

3- Kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra với công tác tư tưởng, tổ chức, bảo vệ chính trị nội bộ, tự phê bình và phê bình, coi trọng tự phê bình; kết hợp kiểm tra định kỳ 1 năm với thực hiện kiểm điểm theo quy chế đánh giá cán bộ. Nếu phát hiện có vi phạm điều lệ Đảng, nguyên tắc tổ chức của Đảng thì cấp ủy chỉ đạo việc xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm.

**Điều 10.** Cấp uỷ phải xây dựng quy chế phối hợp và trực tiếp điều hành sự phối hợp để tiến hành các cuộc kiểm tra của các tổ chức đảng (cấp uỷ, các ban của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra):

1. Uỷ ban kiểm tra tham mưu về nghiệp vụ công tác kiểm tra, nắm tình hình, giúp cấp uỷ gợi ý để đảng viên, tổ chức đảng tự phê bình; chủ trì kiểm tra cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm; tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 32, Điều lệ Đảng về công, tác cán bộ, phân loại cán bộ và tổ chức đảng.

2- Ban tổ chức của cấp uỷ tham mưu cho cấp uỷ về phối hợp tiến hành kiểm tra hoặc chủ trì kiểm tra theo thẩm quyền việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác cán bộ; kiểm tra việc nhận xét, đánh giá theo tiêu chuẩn cán bộ, kiểm tra phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng theo định kỳ; kiểm tra về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay; phối hợp với uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra các vụ việc có dấu hiệu vi phạm về công tác cán bộ.

3- Ban tuyên giáo các cấp tham mưu giúp cấp uỷ hoặc chủ trì kiểm tra về tư tưởng chính trị, tham gia kiểm tra đánh giá, phân tích chất lượng cán bộ, tổ chức đảng.

4- Ban cán sự đảng các cơ quan nhà nước, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội chủ trì kiểm tra những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình về công tác cán bộ. Khi uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra, nếu có yêu cầu thì các ban của cấp uỷ đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn có trách nhiệm phối hợp kiểm tra.

## **Chương II**

### **CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ**

**Điều 11.** Chế độ giám sát

1- Tổ chức đảng cấp trên (cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, ban tổ chức, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp trên) có chương trình, kế hoạch giám sát công tác cán bộ thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý, lĩnh vực được phân công phụ trách,

hoặc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; hướng dẫn các tổ chức đảng cấp dưới thực hiện chế độ giám sát công tác cán bộ theo thẩm quyền của cấp mình.

2- Thực hiện chế độ giám sát thường xuyên về công tác cán bộ theo quy định.

3- Chịu sự giám sát và chấp hành chương trình, kế hoạch giám sát của tổ chức đảng cấp trên và khi có yêu cầu.

4- Tiến hành giám sát tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp về công tác cán bộ; về thực hiện chế độ giám sát công tác cán bộ theo chương trình, kế hoạch và bất thường.

## **Điều 12. Nội dung giám sát**

### **I- Đối với cán bộ:**

1.1- Giám sát về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, mối liên hệ với quần chúng trong cơ quan và nơi cư trú.

1.2- Giám sát việc chấp hành và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách (đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị).

1.3- Giám sát việc tham mưu, thẩm định về công tác cán bộ.

1.4- Giám sát việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cấp ủy tổ chức đảng về công tác cán bộ (đối với cán bộ, đảng viên).

### **2- Đối với cấp ủy và tổ chức đảng:**

Giám sát việc thực hiện các nội dung về công tác cán bộ, bao gồm:

2.1- Việc quán triệt và thực hiện các Nghị quyết, chính sách của Đảng về chiến lược cán bộ và công tác cán bộ.

2.2- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ.

2.3- Việc thẩm định, quyết định về công tác cán bộ.



2.4- Thực hiện việc tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ; việc đánh giá cán bộ; việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; việc miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ; việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện các chế độ, chính sách cán bộ.

2.5- Thực hiện các chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết tố cáo, khiếu nại về cán bộ.

2.6- Việc thực hiện cơ chế nhân dân tham gia xây dựng và giám sát cán bộ.

### **Điều 13. Đối tượng giám sát**

1- Đối với cán bộ: Cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý (theo Quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và của cấp ủy các cấp), trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ trong diện quy hoạch, người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị; cán bộ tham mưu về công tác cán bộ của cấp ủy hoặc tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

- Cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy giám sát cấp ủy viên cùng cấp; cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý.

- Ban tổ chức và ủy ban kiểm tra của cấp ủy giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý; người đứng đầu các ban của cấp ủy cấp mình và cán bộ lãnh đạo các đơn vị làm công tác tham mưu về công tác tổ chức của các ban của cấp ủy cấp mình.

2- Đối với tổ chức đảng: Cấp ủy các cấp, ban tổ chức và ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp giám sát tổ chức đảng cấp dưới, tập trung giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan làm tham mưu giúp cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ.

- Cấp ủy giám sát ban thường vụ cấp ủy cấp mình.

- Ban thường vụ cấp ủy giám sát: các ban của cấp ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp ủy cấp mình quản lý; cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

- Ban tổ chức và ủy ban kiểm tra của cấp ủy giám sát: các ban của cấp

ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp ủy cấp mình quản lý; cấp ủy cấp dưới trực tiếp và các ban của cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

#### **Điều 14. Hình thức giám sát**

1- Giám sát trực tiếp thông qua các kỳ họp của cấp ủy, các tổ chức đảng; thông qua theo dõi, nắm tình hình hoạt động của tổ chức đảng cán bộ, đảng viên và thông qua sinh hoạt của cán bộ, đảng viên.

2- Giám sát gián tiếp chủ yếu thông qua nghiên cứu của các báo, của tổ chức đảng, các tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội và phản ánh của đảng viên, quần chúng đối với cấp ủy, tổ chức đảng.

#### **Điều 15. Phương pháp giám sát**

1- Cấp ủy giám sát ban thường vụ cấp ủy tại các kỳ họp của mình thông qua xem xét các quyết định, báo cáo của ban thường vụ với cấp ủy về công tác cán bộ; xem xét báo cáo của ủy ban kiểm tra cấp mình về kết quả kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

Ban thường vụ cấp ủy giám sát tại các kỳ họp của mình thông qua xem xét báo cáo của các ban của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy (ban thường vụ cấp ủy) cấp dưới trực tiếp về công tác cán bộ; báo cáo của ban tổ chức và ủy ban kiểm tra về kết quả kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

Ban thường vụ cấp ủy và ban tổ chức, ủy ban kiểm tra của cấp ủy giám sát thông qua nắm tình hình, nghiên cứu các văn bản, báo cáo của tổ chức đảng cấp dưới gửi; thông qua các văn bản phản ánh của các tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội và phản ánh của đảng viên, quần chúng về cán bộ và công tác cán bộ.

2- Cấp ủy, ban tổ chức và ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên cử cán bộ dự các cuộc họp của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới bàn về công tác cán bộ và kiểm tra thêm việc thực hiện công tác cán bộ; triển khai thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

Dự kiểm điểm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, mối liên hệ với quần chúng trong cơ quan và nơi cư trú của cán bộ.

3. Ban thường vụ cấp ủy cấp trên định kỳ hoặc đột xuất nghe đại diện các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; xem xét và giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của cấp dưới; thông báo nhận xét và chỉ đạo thực hiện những việc cần thiết để các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp chấp hành về giám sát công tác cán bộ.

#### **Điều 16. Thẩm quyền giám sát**

1- Trong quá trình giám sát về công tác cán bộ, tổ chức đảng tiến hành giám sát được quyền yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên được giám sát cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ cho việc giám sát và phải giữ bí mật về nội dung văn bản, tài liệu đó.

Các thành viên của tổ chức đảng tiến hành giám sát khi được cử tham dự các cuộc họp của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp bàn về công tác cán bộ được yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên được giám sát cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ cho việc giám sát và phải giữ bí mật về nội dung của văn bản, tài liệu đó.

2- Qua giám sát về công tác cán bộ, nếu phát hiện cán bộ và tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm thì chuyển ủy ban kiểm tra xem xét, xử lý hoặc báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý.

3- Thông qua việc giám sát về công tác cán bộ, tổ chức đảng tiến hành giám sát được nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) và nguyên nhân; bổ sung, sửa đổi theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những vấn đề cần thiết.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17.** Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ được thực hiện đối với tất cả cán bộ và tổ chức đảng theo quy định tại Điều 6 và Điều 13 của Quy chế này. Cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ Quy chế này quy định cụ thể việc thực hiện đối với cán bộ và tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo của mình.

**Điều 18.** Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các ban của Đảng hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Quy chế này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Bản sao lưu trữ

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN “QUY CHẾ VỀ CHẾ ĐỘ KIỂM TRA,  
GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ” (HƯỚNG DẪN SỐ 07-HD/KTTW  
NGÀY 11-9-2007 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)**

*Ngày 07-5-2007, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 58-QĐ/TW về việc ban hành Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, theo quy định tại Điều 18, Chương IV Quy chế nói trên, Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện, như sau:*

**I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Những quy định chung được nêu tại Chương I của Quy chế (từ Điều 1 đến Điều 3), gồm các vấn đề:

1- Các cấp ủy và tổ chức đảng phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát công tác cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của các tổ chức đảng, trước hết là của cấp ủy các cấp. Cấp ủy phân công các cấp ủy viên phụ trách theo lĩnh vực và giao các ban của cấp ủy tham mưu, giúp cấp ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

- Các cấp ủy xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ, hằng năm (trong đó có nội dung, đối tượng kiểm tra, giám sát công tác cán bộ) để lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới thực hiện, đồng thời, cấp ủy trực tiếp kiểm tra, giám sát công tác cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để đạt được mục đích, yêu cầu như Điều 2 của Quy chế đã nêu.

- Chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác cán bộ phải bám sát tiêu chuẩn cán bộ, các nghị quyết, quy định, quyết định của Đảng, của cấp ủy

các cấp về công tác cán bộ, yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị, phải có trọng tâm, trọng điểm cả về nội dung, đối tượng kiểm tra, giám sát.

Chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và báo cáo sơ kết, tổng kết định kỳ 6 tháng, hằng năm, theo chuyên đề hoặc đột xuất của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới phải gửi cho cấp uỷ cấp trên, ban tổ chức, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp trên.

- Việc kiểm tra, giám sát công tác cán bộ phải được thực hiện ở mọi cấp uỷ, tổ chức đảng. Qua kiểm tra, giám sát, phải kịp thời phát hiện ưu điểm để biểu dương, nhân điển hình, rút kinh nghiệm và đề ra biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt hơn, phát hiện thiếu sót, khuyết điểm để uốn nắn, sửa chữa, khắc phục; nếu có dấu hiệu vi phạm thì kiểm tra, xem xét, xử lý nghiêm minh. Phát hiện những vấn đề không còn phù hợp về công tác cán bộ trong các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế để đề xuất sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hay ban hành văn bản mới cho phù hợp với tình hình thực tế.

2- Việc tiến hành kiểm tra, giám sát công tác cán bộ phải trên cơ sở quy định của Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng và hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

Việc kiểm tra, giám sát công tác cán bộ phải căn cứ Điều lệ Đảng, Quy định của Bộ Chính trị về thi hành Điều lệ Đảng; Quyết định của Bộ Chính trị về ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng khoá X và Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ...

Chú ý kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII, Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII về công tác tổ chức và cán bộ; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X; các nghị quyết,

quyết định, quy định, quy chế về công tác cán bộ của Bộ Chính trị đã ban hành (phân cấp quản lý cán bộ; luân chuyển, quy hoạch cán bộ; về đánh giá, bổ nhiệm, khen thưởng cán bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ,...), các nghị quyết, chỉ thị, quy định của các cấp ủy đảng về công tác cán bộ.

### 3- Yêu cầu của việc kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

Đánh giá đúng thực chất về phẩm chất chính trị, năng lực, trình độ, bản lĩnh, đạo đức, lối sống, uy tín của cán bộ, nhất là những cán bộ chủ chốt, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp; phát hiện được những cán bộ thoái hoá, biến chất, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, quan liêu, tham nhũng, gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền, không còn uy tín đối với tổ chức và quần chúng nhân dân.

Đánh giá đúng thực chất việc cấp ủy, tổ chức đảng chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế của Đảng, của cấp ủy cấp trên; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, việc chấp hành kỷ luật đảng và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ... Đồng thời, phát hiện kịp thời những cấp ủy, tổ chức đảng có biểu hiện suy thoái, mất đoàn kết nghiêm trọng; không chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương, chính sách, nguyên tắc của Đảng về công tác cán bộ và cán bộ, không xử lý kịp thời, nghiêm minh hoặc có biểu hiện bao che cho tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có vi phạm.

## II. CHẾ ĐỘ KIỂM TRA CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

### 1- Chế độ kiểm tra (Điều 4 của Quy chế)

Là chế độ tự kiểm tra của cán bộ và tổ chức đảng quản lý cán bộ, chế độ kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên (cấp ủy, ủy ban kiểm tra, các ban của cấp ủy), việc tham gia góp ý của chi ủy nơi cán bộ cư trú theo định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu. Cụ thể như sau:

#### a) Đối với cán bộ:

- Hằng năm, từng cán bộ phải tự phê bình tại chi bộ và tại cấp uỷ hoặc tổ chức chính quyền, đoàn thể mà mình là thành viên. Đối với cán bộ không phải là đảng viên thì tự phê bình trong tổ chức mà mình là thành viên.

Trường hợp cán bộ là đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ, thì tự phê bình ở chi bộ nơi sinh hoạt về thực hiện nhiệm vụ đảng viên và tại các cấp uỷ mà cán bộ đó là thành viên về thực hiện nhiệm vụ được các cấp uỷ đó giao và phải báo cáo kết quả tự phê bình với cấp uỷ quản lý.

- Việc chi uỷ nơi cán bộ sinh hoạt lấy ý kiến đóng góp của chi uỷ nơi cán bộ cư trú hằng năm phải bằng văn bản (gửi công văn đề nghị, cử cán bộ trực tiếp đến chi uỷ nơi cư trú xin ý kiến,...) về thực hiện nhiệm vụ công dân và giữ mối liên hệ với tổ chức đảng nơi cư trú.

Khi có vấn đề cần thiết, thì cấp uỷ, chi uỷ nơi cán bộ cư trú chủ động phản ánh, góp ý kiến bằng văn bản hoặc trực tiếp trao đổi với chi uỷ nơi cán bộ đó sinh hoạt, công tác để giải quyết kịp thời.

- Cán bộ là đảng viên (kể cả cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý) phải chịu sự kiểm tra, giám sát của chi bộ nơi sinh hoạt và các tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên, phải báo cáo đầy đủ, trung thực, kịp thời về nội dung được kiểm tra và cung cấp tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Tham gia công tác kiểm tra giám sát theo chương trình, kế hoạch kiểm tra của chi bộ và tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên (khi được yêu cầu).

b) Đối với cấp uỷ và tổ chức đảng:

- Định kỳ hằng năm, các cấp uỷ, tổ chức đảng phải xây dựng chương trình, kế hoạch; tiến hành kiểm tra và tự kiểm tra về công tác cán bộ, về thực hiện chế độ kiểm tra công tác cán bộ của tổ chức mình.

Tiến hành kiểm tra cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới về cán bộ và công tác cán bộ. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới thực hiện chế độ kiểm tra công tác cán bộ, trước hết là trách nhiệm của cấp uỷ viên, thành viên của tổ chức đảng theo lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.



- Việc thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình về công tác cán bộ phải bảo đảm theo quy định của Điều lệ Đảng. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của tập thể và từng thành viên trong cấp uỷ, tổ chức đảng để phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm, rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp khắc phục và thực hiện tốt hơn trong thời gian tới; đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần thiết.

- Hằng năm, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong đơn vị về công tác cán bộ và cán bộ bảo đảm dân chủ, bằng hình thức thích hợp (thông qua việc trực tiếp góp ý trong sinh hoạt, góp ý kiến bằng phiếu kín, hoặc trao đổi trực tiếp với cấp uỷ, tổ chức đảng...).

- Cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới phải chịu sự kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên theo định kỳ và khi có yêu cầu; phải nêu cao ý thức tự phê bình, báo cáo đầy đủ, trung thực và kịp thời theo yêu cầu của nội dung kiểm tra; cung cấp đầy đủ tài liệu có liên quan phục vụ việc kiểm tra.

- Việc tiến hành kiểm tra của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên đối với cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới theo kế hoạch; khi cần thiết thì kiểm tra đột xuất. Phải căn cứ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của đảng bộ trong từng thời gian để xác định nội dung, đối tượng kiểm tra có trọng tâm, hình thức và phương pháp kiểm tra phù hợp, đem lại hiệu quả thiết thực, tránh hình thức.

Tự kiểm tra của cấp uỷ, tổ chức đảng và kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên đối với tổ chức đảng cấp dưới có thể tiến hành đồng thời cùng một lúc, không nhất thiết tách ra thành nhiều cuộc kiểm tra.

Qua kiểm tra, cấp uỷ, tổ chức đảng phải xem xét, kết luận về cuộc kiểm tra; xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý; theo dõi, đôn đốc việc chấp hành kết luận sau kiểm tra và tiến hành phúc tra khi có yêu cầu.

## 2- Nội dung kiểm tra (Điều 5 của Quy chế)

### a) Đối với cán bộ:

- Kiểm tra về tiêu chuẩn cán bộ cần tập trung vào:

+ Việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công tác; đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

+ Việc chấp hành và tổ chức thực hiện các quyết định về công tác cán bộ trong lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.

+ Việc giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, tác phong, lối sống của cán bộ; về tự phê bình và phê bình; việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

+ Việc bản thân và vợ (hoặc chồng), con chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của chính quyền, đoàn thể nhân dân địa phương và khu dân cư nơi cư trú.

+ Về năng lực chuyên môn: kiểm tra kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Việc tham mưu, thẩm định các đề án, dự án, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế về công tác cán bộ; trong việc đề xuất đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, miễn nhiệm, thực hiện chính sách đối với cán bộ,...

b) Đối với cấp uỷ và tổ chức đảng:

Kiểm tra việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng về chiến lược cán bộ và công tác cán bộ, bao gồm:

+ Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 khoá VIII về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+ Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII, Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII về công tác tổ chức và cán bộ, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X..., các nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp uỷ các cấp về công tác cán bộ.

- Kiểm tra việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ, tập trung vào các nội dung: chấp hành quy chế làm việc của cấp uỷ, tổ chức đảng; việc ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận về công tác cán bộ; về tập thể lãnh đạo, cá nhân từng thành viên cấp uỷ, tổ chức đảng được phân công phụ trách về công tác cán bộ; việc chấp hành chỉ đạo của tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên về công tác cán bộ; việc thực hiện dân chủ trong công tác cán bộ; việc sơ kết, tổng kết thực hiện công tác cán bộ.

- Kiểm tra việc tham mưu, thẩm định về các đề án, dự án, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế về công tác cán bộ, về đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, miễn nhiệm, thực hiện chính sách đối với cán bộ,...

- Kiểm tra việc thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, tập trung vào các nội dung: xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát (kể cả tự kiểm tra), phân công cấp uỷ viên, thành viên của tổ chức trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ, sơ kết, tổng kết thực hiện công tác kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ,...

Kiểm tra việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về cán bộ tập trung vào các nội dung: việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết tố cáo, khiếu nại; việc chấp hành nguyên tắc trình tự thủ tục giải quyết tố cáo, khiếu nại, việc bảo đảm quyền của cán bộ, đảng viên trong tố cáo, khiếu nại về công tác cán bộ và cán bộ.

Căn cứ vào từng đối tượng kiểm tra và yêu cầu nhiệm vụ, mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng có thể kiểm tra đầy đủ các nội dung trong Quy chế hoặc có thể kiểm tra một số nội dung cần thiết, hoặc kiểm tra theo chuyên đề (từng nghị quyết, chỉ thị, quy định, ...).

### 3- Đối tượng kiểm tra (Điều 6 của Quy chế)

#### a) Đối với cán bộ:

Cán bộ là cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý (theo quy định về phân cấp, quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và cấp uỷ các

cấp), trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ trong diện quy hoạch, thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ và cán bộ tham mưu, thẩm định, quản lý hồ sơ về công tác cán bộ của cấp ủy hoặc tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

b) Đối với tổ chức đảng:

- Tổ chức đảng bao gồm: chi bộ, cấp ủy (ban thường vụ cấp ủy) các cấp, các ban của cấp ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn.

- Tập trung kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là ban thường vụ, các cơ quan làm tham mưu, giúp cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ, nhất là những nơi cán bộ và công tác cán bộ có dấu hiệu yếu kém, mất đoàn kết nội bộ, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ...

4- Phương pháp kiểm tra (từ Điều 7 đến Điều 10 của Quy chế)

a) Phương pháp tự kiểm tra của cán bộ, đảng viên:

- Việc tự kiểm tra của cán bộ, đảng viên phải bảo đảm các yêu cầu sau:

+ Từng cán bộ, đảng viên phải tự kiểm tra (tự phê bình) mỗi năm một lần (bằng văn bản) trước chi bộ; nếu là cấp ủy viên thì còn kiểm điểm theo quy chế làm việc của cấp ủy mà mình là thành viên, có nhận xét của chi ủy nơi sinh hoạt.

+ Cán bộ không phải là đảng viên tự phê bình trong tổ chức mà mình là thành viên.

- Cách tự kiểm tra:

+ Tổ chức đảng gợi ý (bằng văn bản) cho cán bộ, đảng viên về nội dung tự kiểm tra.

+ Cán bộ, đảng viên phải chuẩn bị bản tự kiểm tra đầy đủ, trung thực theo quy định của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc tổ chức mà mình là thành viên (kể cả nội dung được gợi ý kiểm điểm).

+ Đảng viên trình bày bản tự kiểm tra trước chi bộ hoặc tổ chức đảng mà mình là thành viên.

+ Chi bộ hoặc tổ chức đảng mà cán bộ là thành viên thảo luận, góp ý kiến đối với đảng viên hoặc cán bộ tự kiểm tra.

+ Cán bộ, đảng viên tự kiểm tra giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của chi bộ hoặc tổ chức đảng về ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm, đề ra biện pháp phát huy ưu điểm, sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm.

+ Chi bộ, tổ chức đảng kết luận về đảng viên, cán bộ tự kiểm tra, yêu cầu cán bộ, đảng viên thực hiện hoặc khắc phục thiếu sót, khuyết điểm. Nếu phát hiện đảng viên hoặc cán bộ có dấu hiệu vi phạm thì tiến hành kiểm tra, hoặc báo cáo hay chuyển tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra, giải quyết.

+ Cán bộ, đảng viên gửi kết quả tự kiểm tra về ban thường vụ, ban tổ chức của cấp ủy cấp mình để phục vụ việc quản lý, giám sát.

b) Phương pháp tự kiểm tra của cấp ủy và tổ chức đảng (Điều 8 của Quy chế).

Tổ chức đảng có thẩm quyền gợi ý (bằng văn bản) cho cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới về nội dung tự kiểm tra:

- Cấp ủy hoặc tổ chức đảng tự kiểm tra chuẩn bị báo cáo tự kiểm tra cụ thể, đầy đủ theo quy định hoặc theo hướng dẫn của tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên (kể cả nội dung được gợi ý kiểm điểm), lấy ý kiến đóng góp của đảng viên và quần chúng trong đảng bộ hoặc trong cơ quan, đơn vị mình.

- Tổ chức hội nghị:

+ Đại diện chi bộ hoặc cấp ủy, tổ chức đảng trình bày báo cáo tự kiểm tra. Hội nghị tiến hành thảo luận, tham gia ý kiến.

+ Đại diện tổ chức đảng cấp trên phát biểu ý kiến.

+ Người chủ trì hội nghị cấp ủy, tổ chức đảng kết luận về ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm; tiếp thu ý kiến của đại diện tổ chức đảng cấp trên; đề ra phương hướng, biện pháp phát huy ưu điểm, sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm.

- Cấp ủy, tổ chức đảng báo cáo kết quả tự kiểm tra lên cấp ủy cấp trên và

ban tổ chức, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

c) Các cấp uỷ, tổ chức đảng tiến hành kiểm tra (Điều 9 của Quy chế):

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng tiến hành kiểm tra công tác cán bộ theo các quy định, quyết định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương về kiểm tra chấp hành, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo...

Các cấp uỷ, tổ chức đảng tiến hành kiểm tra công tác cán bộ phải coi trọng và tiến hành thăm tra, xác minh để kết luận rõ ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm; khắc phục thiếu sót, khuyết điểm.

Sau 3 tháng hoặc 6 tháng, tổ chức đảng đã kiểm tra phải tiến hành kiểm tra lại việc thực hiện những kết luận qua kiểm tra, ý kiến chỉ đạo của cấp trên và việc thực hiện các quyết định về công tác cán bộ, kể cả việc thi hành kỷ luật.

d) Xây dựng quy chế phối hợp và điều hành sự phối hợp thực hiện các cuộc kiểm tra công tác cán bộ (Điều 10 của Quy chế):

- Cấp uỷ các cấp.

+ Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Quy chế của Bộ Chính trị về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ trong toàn đảng bộ.

+ Ban hành quy chế phối hợp của cấp mình và trực tiếp điều hành sự phối hợp để tiến hành các cuộc kiểm tra về công tác cán bộ của các tổ chức đảng (cấp uỷ, các ban của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra, ban cán sự đảng, đảng đoàn) đạt kết quả.

+ Xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra toàn khoá và hằng năm của cấp uỷ về công tác cán bộ; có chế độ tự phê bình và phê bình về công tác cán bộ của cấp uỷ và tổ chức đảng thuộc đảng bộ.

+ Cấp uỷ (ban thường vụ cấp uỷ) trực tiếp chủ trì kiểm tra hoặc chỉ đạo các ban của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra thực hiện các cuộc kiểm tra của cấp uỷ về công tác cán bộ.

Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt (bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường

vụ) chịu trách nhiệm chính trong các cuộc kiểm tra công tác cán bộ theo sự phân công của cấp uỷ.

+ Đảng viên là người đứng đầu các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra đơn vị do mình trực tiếp phụ trách và báo cáo trung thực, đầy đủ, kịp thời với cấp uỷ, phục vụ tốt việc kiểm tra của cấp uỷ.

- Uỷ ban kiểm tra:

+ Tham mưu, giúp cấp uỷ tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Quy chế của Bộ Chính trị về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ trong toàn đảng bộ.

+ Phối hợp với ban tổ chức, ban tuyên giáo, văn phòng cấp uỷ giúp cấp uỷ: xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra; xác định nội dung, đối tượng kiểm tra; phân công lực lượng kiểm tra, xác định thời gian tiến hành; triển khai thông báo kết luận kiểm tra đến tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra.

+ Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra cho các tổ chức đảng cấp dưới.

+ Cùng các ban của cấp uỷ giúp cấp uỷ gợi ý để đảng viên, tổ chức đảng tự phê bình.

+ Kiểm tra cán bộ và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm về nội dung nói ở Điều 5, Chương II của Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; nội dung kiểm tra cụ thể tại điểm 2, Mục II của Hướng dẫn này.

+ Tham gia các cuộc kiểm tra do cấp uỷ chủ trì và các cuộc kiểm tra do cấp uỷ giao cho các ban của cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ trì.

+ Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các cuộc kiểm tra, việc thực hiện Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ để báo cáo kịp thời cho cấp uỷ cấp mình.

+ Chủ trì phối hợp với ban tổ chức, ban tuyên giáo, văn phòng cấp uỷ tham mưu, giúp cấp uỷ định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để

có biện pháp chỉ đạo thực hiện Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ trong thời gian tiếp theo có chất lượng; báo cáo kết quả thực hiện và những đề xuất, kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế với tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Ban tổ chức của cấp uỷ:

+ Chủ trì phối hợp với uỷ ban kiểm tra, ban tuyên giáo, văn phòng cấp uỷ giúp cấp uỷ: xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra công tác cán bộ; xác định nội dung, đối tượng kiểm tra; phân công lực lượng kiểm tra, xác định thời gian tiến hành; điều hành việc phối hợp tiến hành kiểm tra công tác cán bộ, triển khai thông báo kết luận kiểm tra đến tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra về công tác cán bộ.

+ Chủ trì kiểm tra theo thẩm quyền hoặc khi được cấp uỷ giao trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, quyết định liên quan đến công tác cán bộ; kiểm tra việc nhận xét, đánh giá theo tiêu chuẩn cán bộ, kiểm tra đánh giá chất lượng đảng viên, tổ chức đảng theo định kỳ; kiểm tra về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay của cán bộ.

+ Tham gia các đoàn kiểm tra do cấp uỷ chủ trì hoặc cấp uỷ giao cho các ban của cấp uỷ chủ trì.

+ Phối hợp với uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm về công tác cán bộ nói ở Điều 5, Chương II của Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, nội dung kiểm tra cụ thể tại điểm 2, Mục II của Hướng dẫn này.

+ Định kỳ (hoặc khi được yêu cầu) báo cáo với cấp uỷ (qua uỷ ban kiểm tra) về kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra công tác cán bộ.

- Ban tuyên giáo của cấp uỷ:

+ Phối hợp với ban tổ chức, uỷ ban kiểm tra, văn phòng cấp uỷ tham mưu, giúp cấp uỷ hoặc chủ trì kiểm tra theo thẩm quyền hoặc được cấp uỷ giao về tư tưởng chính trị đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên thuộc phạm vi được phân công phụ trách.



+ Tham gia các đoàn kiểm tra của cấp ủy hoặc các đoàn kiểm tra cấp ủy giao cho các ban của cấp ủy chủ trì.

+ Tham gia kiểm tra, đánh giá chất lượng cán bộ, tổ chức đảng.

+ Phối hợp với ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm về tư tưởng chính trị.

+ Định kỳ (hoặc khi được yêu cầu), báo cáo với cấp ủy (qua ủy ban kiểm tra) về kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra công tác cán bộ thuộc phạm vi được phân công phụ trách.

- Các tổ chức đảng khác:

+ Ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan nhà nước, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, chủ trì kiểm tra những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình về công tác cán bộ.

+ Tham gia các đoàn kiểm tra của cấp ủy.

+ Phối hợp với các ban của cấp ủy tiến hành kiểm tra.

+ Định kỳ (hoặc khi có yêu cầu) báo cáo kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra của mình với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy.

### **III- CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ**

#### **1- Chế độ giám sát (Điều 11 của Quy chế)**

##### **a) Cấp ủy các cấp:**

- Xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch công tác giám sát toàn khoá, hằng năm thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình, bao gồm chương trình của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy (trong đó có nội dung, đối tượng, phương pháp giám sát về công tác cán bộ).

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp ủy viên thực hiện giám sát theo lĩnh vực hoặc địa bàn phụ trách về công tác cán bộ; giao cho các ban của

cấp ủy thực hiện nhiệm vụ giám sát về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của cấp ủy.

- Thực hiện chế độ giám sát thường xuyên và theo chuyên đề về công tác cán bộ đối với tổ chức đảng cấp dưới và cán bộ, về thực hiện chế độ giám sát công tác cán bộ. Việc giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm và phương pháp giám sát phù hợp, đem lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của đảng bộ trong từng thời gian.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện giám sát về công tác cán bộ của cấp mình; báo cáo kết quả thực hiện giám sát về công tác cán bộ với cấp ủy cấp trên. Ban tổ chức và ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên theo quy định.

- Cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới phải chịu sự giám sát thường xuyên hoặc theo chuyên đề của tổ chức đảng cấp trên, phải nêu cao ý thức tự phê bình, báo cáo đầy đủ, trung thực và kịp thời theo yêu cầu của nội dung giám sát, cung cấp đầy đủ tài liệu có liên quan phục vụ việc giám sát.

Qua giám sát về công tác cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng phải xem xét, đánh giá, yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới, cán bộ được giám sát thực hiện, sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm. Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên, cán bộ có dấu hiệu vi phạm thì tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền, hoặc chuyển hay báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra, giải quyết.

b) Ủy ban kiểm tra:

- Tham mưu, giúp cấp ủy tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Quy chế của Bộ Chính trị về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ trong toàn đảng bộ.

- Phối hợp với ban tổ chức, văn phòng cấp ủy giúp cấp ủy: xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, xác định nội dung, đối tượng giám sát, phân công lực lượng giám sát, xác định thời gian tiến hành (đối với việc giám sát theo chuyên đề); triển khai thông báo kết quả giám sát đến tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát.

- Hướng dẫn nghiệp vụ giám sát cho các tổ chức đảng cấp dưới.

- Cùng các ban của cấp uỷ giúp cấp uỷ gợi ý đề đảng viên, tổ chức đảng được giám sát báo cáo giải trình.

- Xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch giám sát toàn nhiệm kỳ, hằng năm, trong đó có nội dung, đối tượng giám sát về công tác cán bộ.

Tiến hành giám sát thường xuyên hoặc theo chuyên đề đối với tổ chức đảng cấp dưới và cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ và do cấp uỷ giao về công tác cán bộ, việc thực hiện chế độ giám sát công tác cán bộ.

- Tham gia các cuộc kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ do cấp uỷ chủ trì hoặc do các ban của cấp uỷ chủ trì.

- Ủy ban kiểm tra của cấp uỷ cấp dưới chịu sự giám sát và chấp hành chương trình, kế hoạch giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên và khi có yêu cầu. Phải báo cáo đầy đủ, trung thực, kịp thời về nội dung được giám sát và cung cấp tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Tham gia giám sát theo chương trình, kế hoạch giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên về công tác cán bộ.

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

- Chủ trì phối hợp với ban tổ chức, văn phòng cấp uỷ tham mưu, giúp cấp uỷ định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để có biện pháp chỉ đạo thực hiện Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ trong thời gian tiếp theo có chất lượng; báo cáo kết quả thực hiện và những đề xuất, kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế với tổ chức đảng có thẩm quyền.

#### c) Ban tổ chức của cấp uỷ:

Xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát của ban mình, trong đó có nội dung, đối tượng giám sát công tác cán bộ.

- Chủ trì phối hợp với ủy ban kiểm tra, văn phòng cấp uỷ tham mưu,

giúp cấp uỷ xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch giám sát toàn khoá, hằng năm, xác định nội dung, đối tượng giám sát, phân công lực lượng giám sát, xác định thời gian tiến hành (đối với việc giám sát theo chuyên đề), triển khai thông báo kết quả giám sát đến tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát.

- Tiến hành giám sát thường xuyên, theo chuyên đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hoặc giám sát do cấp uỷ giao về công tác cán bộ, về thực hiện chế độ giám sát công tác cán bộ.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện giám sát về công tác cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình; báo cáo kết quả thực hiện giám sát về công tác cán bộ với cấp uỷ cấp mình, ban tổ chức và uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

- Chịu sự giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên và khi có yêu cầu. Báo cáo đầy đủ, trung thực, kịp thời về nội dung được giám sát và cung cấp tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Tham gia công tác giám sát theo chương trình, kế hoạch giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên về công tác cán bộ.

- Tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện giám sát công tác cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Phối hợp với uỷ ban kiểm tra giúp cấp uỷ cấp mình tiến hành sơ kết, tổng kết thực hiện giám sát về công tác cán bộ.

## 2- Nội dung giám sát (Điều 12 của Quy chế)

Nội dung giám sát của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, ban tổ chức, uỷ ban kiểm tra được quy định rõ trong Điều 12, Chương III của Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ. Cụ thể nội dung giám sát tương tự như cụ thể nội dung kiểm tra nêu tại điểm 2, Mục II của Hướng dẫn này.

Căn cứ vào từng đối tượng giám sát và yêu cầu, nhiệm vụ, mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng có thể giám sát toàn diện, giám sát một số nội dung cần thiết, hoặc giám sát theo chuyên đề (từng nghị quyết, chỉ thị, quy định,...).

### 3- Đối tượng giám sát (Điều 13 của Quy chế)

#### a) Đối với cán bộ:

Đối tượng giám sát là cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý (theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và của cấp uỷ các cấp), trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ trong diện quy hoạch, người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị, cán bộ tham mưu, thẩm định, quản lý hồ sơ về công tác cán bộ của cấp uỷ hoặc tổ chức đảng cấp dưới.

- Cấp uỷ và ban thường vụ cấp uỷ giám sát cấp uỷ viên cùng cấp; cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý.

- Ban tổ chức và uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ giám sát cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý, người đứng đầu các ban của cấp uỷ cấp mình và cán bộ lãnh đạo các đơn vị làm công tác tham mưu, thẩm định, quản lý hồ sơ về công tác cán bộ của các ban của cấp uỷ cấp mình.

#### b) Đối với cấp uỷ, tổ chức đảng:

Đối tượng giám sát và tổ chức đảng cấp dưới, tập trung giám sát cấp uỷ các cấp, tổ chức đảng, các cơ quan làm tham mưu, giúp cấp uỷ, tổ chức đảng về công tác cán bộ.

- Cấp uỷ giám sát ban thường vụ cấp uỷ, thường trực cấp uỷ cấp mình, uỷ ban kiểm tra.

- Ban thường vụ cấp uỷ giám sát: các ban của cấp uỷ; ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp uỷ cấp mình quản lý; cấp uỷ, ban thường vụ, thường trực cấp uỷ cấp dưới trực tiếp.

- Ban tổ chức và uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ giám sát: các ban của cấp uỷ; ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp uỷ cấp mình quản lý, cấp uỷ cấp dưới trực tiếp và các ban của cấp uỷ cấp dưới trực tiếp.

### 4- Hình thức giám sát (Điều 14 của Quy chế)

- Việc giám sát công tác cán bộ được thực hiện theo hai hình thức là giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp.

- Coi trọng giám sát trực tiếp; kết hợp chặt chẽ giám sát trực tiếp với giám sát gián tiếp; giám sát gián tiếp hỗ trợ kịp thời cho giám sát trực tiếp.

- Chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa giám sát thường xuyên với giám sát theo chuyên đề.

#### 5- Phương pháp giám sát (Điều 15 của Quy chế)

Phương pháp giám sát của cấp uỷ, ban tổ chức, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ các cấp đã được quy định đầy đủ trong Điều 15 của Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ. Song cần chú ý:

- Nếu thực hiện giám sát theo chuyên đề, cấp uỷ, tổ chức đảng tiến hành giám sát xây dựng kế hoạch giám sát, lập tổ (hoặc đoàn - đối với cấp uỷ) giám sát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ (hoặc đoàn) và tiến hành giám sát theo hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện công tác giám sát trong Đảng (cho cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra, các ban của cấp uỷ và chi bộ).

- Cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới khi tiến hành sơ kết, tổng kết theo định kỳ hoặc theo chuyên đề; tổ chức hội nghị lấy ý kiến xây dựng các đề án, dự án, phương án hoặc bàn về công tác cán bộ và cán bộ, phải báo cáo với tổ chức đảng cấp trên để tổ chức đảng cấp trên thực hiện việc giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

#### 6- Thẩm quyền giám sát (Điều 16 của Quy chế)

Thẩm quyền giám sát của cấp uỷ ban tổ chức và uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ được Quy định cụ thể trong Điều 16 của Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và trong Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khoá X, hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện công tác giám sát trong Đảng (cho cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra, các ban của cấp uỷ và chi bộ).

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện Quy chế của Bộ Chính trị về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa rõ hoặc vướng mắc, đề nghị các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban Kiểm tra Trung ương để tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG**

**Chủ nhiệm**

**NGUYỄN VĂN CHI**

Bản sao lưu trữ

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM  
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ X VỀ TĂNG CƯỜNG  
CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG  
(HƯỚNG DẪN SỐ 08-HD/KTTW, NGÀY 28-9-2007  
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)**

*Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ban hành ngày 30-7-2007 (Số 14-NQ/TW). Thực hiện nhiệm vụ Ban Chấp hành Trung ương giao, Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết, như sau:*

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và cán bộ, đảng viên, trước hết là về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật theo Nghị quyết Đại hội X của Đảng: "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát với nhận thức và yêu cầu mới: công tác kiểm tra, giám sát phải góp phần phát hiện và khắc phục được những khuyết điểm, thiếu sót lúc mới manh nha; bên cạnh việc tiếp tục thực hiện kiểm tra tổ chức và cá nhân đảng viên có dấu hiệu vi phạm, phải tăng cường chủ động giám sát, kiểm tra về phẩm chất, đạo đức và kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, về nhận thức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và việc chấp hành Điều lệ Đảng. Coi trọng kiểm tra, phát hiện nhân tố tích cực".

### **2- Yêu cầu**

- Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá X về tăng cường công tác kiểm tra giám sát của Đảng



phải đúng mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, chủ trương và giải pháp mà Nghị quyết đã đề ra.

- Việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết phải sát hợp với thực tiễn ở địa phương, đơn vị tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động để công tác kiểm tra, giám sát thực sự phục vụ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng ở từng địa phương, đơn vị.

## II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Cấp uỷ các cấp căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình, yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng, chủ động xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ giải pháp cụ thể, rõ ràng, có trọng tâm, trọng điểm, có tính khả thi ở địa phương, đơn vị có lộ trình thực hiện sát hợp, phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa cấp uỷ, các ban tham mưu của cấp uỷ trong thực hiện, phối hợp thực hiện; định rõ thời gian hoàn thành, kết quả cần đạt được, bảo đảm các điều kiện, cơ sở vật chất cho việc thực hiện chương trình hành động có kết quả.

Nội dung của chương trình hành động tập trung vào những vấn đề sau đây:

a) Cấp uỷ các cấp tiến hành rà soát lại các quy định, quy chế, quyết định đã ban hành để bổ sung, sửa đổi những vấn đề không còn phù hợp hoặc ban hành mới theo thẩm quyền để bảo đảm việc chấp hành nghiêm kỷ luật đảng của tổ chức đảng và đảng viên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Ban hành quy định về việc cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí đối với các vụ việc kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đã được kết luận theo thẩm quyền của các cấp uỷ. Chỉ đạo xem xét, xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan chủ quản, tổng biên tập, phóng viên, cộng tác viên công bố trên

các phương tiện thông tin đại chúng những vụ việc trong quá trình kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng khi chưa được phép của cấp uỷ, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp. Đồng thời xử lý nghiêm người cung cấp tin khi chưa được phép của tổ chức có thẩm quyền.

Các tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước chỉ đạo rà soát lại các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành không còn phù hợp để bổ sung, sửa đổi kịp thời hoặc ban hành văn bản mới theo thẩm quyền, bảo đảm việc thực thi đúng pháp luật và tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

b) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định, quyết định, quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra giám sát kỷ luật đảng, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện công tác giám sát của cấp uỷ, các ban của cấp uỷ, ủy ban kiểm tra các cấp và của chi bộ.

Cấp uỷ, ủy ban kiểm tra các cấp căn cứ quy trình tiến hành công tác kiểm tra do Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành để ban hành quy trình tiến hành công tác kiểm tra ở cấp mình cho phù hợp và tổ chức thực hiện đúng quy định.

c) Cấp uỷ các cấp quan tâm chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ uỷ ban kiểm tra và cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp mình và cấp dưới thuộc phạm vi quản lý đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ uỷ ban kiểm tra các cấp thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý, nhất là uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở xã, phường, thị trấn và những tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, doanh nghiệp có từ 300 đảng viên trở lên theo hướng có một biên chế cán bộ kiểm tra chuyên trách và chế độ phụ cấp cho cán bộ kiểm tra không chuyên trách để bảo đảm đủ khả năng điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Quan tâm chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ kiểm tra.

Xây dựng và triển khai thực hiện đề án kiện toàn tổ chức bộ máy uỷ ban kiểm tra, cơ quan uỷ ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra cấp mình và cấp dưới

d) Các cấp ủy đảng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện, phương tiện làm việc cho ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra hoạt động có chất lượng và hiệu quả.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án:

Tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc của ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra cấp mình và cấp dưới.

Lập trang thông tin điện tử để tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật đảng ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương.

Chỉ đạo việc tuyên truyền công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng cả về lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm một cách sinh động, thiết thực trên các phương tiện thông tin đại chúng, trước hết là các báo của Đảng, đài phát thanh, truyền hình, truyền thanh ở địa phương.

e) Chú trọng tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở cấp mình để rút kinh nghiệm và có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có chất lượng hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Kịp thời phát hiện những chủ trương, chính sách, nghị quyết không còn phù hợp để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hoặc ban hành mới.

Hàng năm, cuối nhiệm kỳ, cấp ủy các cấp, trước hết là người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở cấp mình.

2- Những cấp ủy đã ban hành nghị quyết về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của đảng bộ, căn cứ Nghị quyết của Trung ương để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện có kết quả.

Những cấp ủy chưa ban hành nghị quyết về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nếu thấy cần thiết thì tùy tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ

chính trị, công tác xây dựng Đảng để ban hành nghị quyết ở cấp mình nhưng không nhất thiết cấp uỷ nào cũng ban hành nghị quyết.

3- Trên cơ sở chương trình hành động thực hiện Nghị quyết mà cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp. Căn cứ nội dung cần tập trung kiểm tra giám sát trong Nghị quyết, yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị trong từng thời gian để lựa chọn đối tượng, nội dung kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm

Căn cứ vào điểm 3 (nhiệm vụ) trong Mục (I- Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ) của Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng để bổ sung, cụ thể hoá thành các nội dung kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra mỗi cấp trong từng thời gian trên các lĩnh vực: tư tưởng chính trị, quản lý báo chí; chấp hành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; kinh tế - tài chính, hành chính - tư pháp; công tác tổ chức và cán bộ, lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, phòng chống, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác...

Tập trung kiểm tra, giám sát những nơi thường dễ xảy ra vi phạm như lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, tài chính ngân hàng, thương mại, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; những nơi có dấu hiệu ban hành chủ trương, chính sách trái với nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và bao che cho sai phạm của cấp dưới. Kiểm tra, giám sát người đứng đầu cơ quan nhà nước ở các cấp về năng lực lãnh đạo, quản lý phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách và tính tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

Chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc căn cứ chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ cấp trên và cấp uỷ cấp mình để xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Chấp hành và chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc cấp mình chấp

hành tốt các cuộc kiểm tra, giám sát của cấp uỷ tổ chức đảng uỷ ban kiểm tra cấp trên.

Uỷ ban kiểm tra các cấp phải tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, trước hết là cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp mình quản lý, chủ động phát hiện và kịp thời kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Các tổ chức đảng chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp cấp uỷ và nhiệm vụ cấp uỷ giao về công tác kiểm tra, giám sát. Kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách chuyên tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Chi bộ cùng với việc chú trọng quản lý giáo dục, rèn luyện phải tăng cường kiểm tra, giám sát đảng viên trong chi bộ (kể cả đảng viên là cán bộ do cấp trên quản lý), kịp thời phát huy ưu điểm, uốn nắn, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên từ khi mới phát sinh; chủ động phòng ngừa ngăn chặn xảy ra vi phạm từ trong nội bộ, ngay từ cơ sở. Khắc phục tình trạng chi bộ buông lỏng vai trò lãnh đạo, quản lý, thiếu kiểm tra, giám sát, tự phê bình và phê bình giảm sút.

4- Cấp uỷ tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp gắn việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm ban Chấp hành Trung ương khoá X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 lần 2- (khoá VIII), Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng lãng phí và Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1- Uỷ ban Kiểm tra Trung ương**

- Phối hợp với ban Tuyên giáo Trung ương (do ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì) tổ chức tuyên truyền quán triệt Nghị quyết trong toàn Đảng.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền công tác kiểm tra giám sát kỷ luật đảng cả về lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm trên các phương tiện thông tin đại chúng trước hết là trên các tạp chí, các báo cáo của Đảng, đài phát thanh, truyền hình ở Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, Quy định về những điều đảng viên không được làm, Quy chế giám sát trong Đảng, Quy chế chất vấn trong Đảng và quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các tổ chức đảng có liên quan trong thực hiện công tác kiểm tra giám sát và thi hành.

Ban hành các hướng dẫn thực hiện các quy định, quy chế, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật đảng theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với các ban của Đảng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện và hằng năm báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

Phân công các thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương phụ trách lĩnh vực địa bàn đôn đốc, theo dõi các cấp, tổ chức đảng cấp dưới trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Chủ động phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng đề án kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra theo mô hình thống nhất từ Trung ương đến cấp huyện, quận và tương đương bảo đảm hoạt động có hiệu lực, hiệu quả đề án tăng cường cán bộ kiểm tra chuyên trách cho ủy ban kiểm tra đảng ủy, xã, phường, thị trấn và những tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, doanh nghiệp có từ 300 đảng viên trở lên.

- Chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng và trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định và triển khai thực hiện đề án luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra các cấp.

- Xây dựng và chỉ đạo triển khai đề án về chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ kiểm tra từ cấp quận huyện và tương đương trở lên.

- Phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng hoàn chỉnh chương trình và giáo trình nghiệp vụ đào tạo cử nhân chuyên ngành Kiểm tra Đảng và tổ chức đào tạo cán bộ kiểm tra cho Ngành kiểm tra Đảng.

- Tiến hành nghiên cứu đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng khoá XI về công tác kiểm tra giám sát, kỷ luật đảng.

## 2- Cấp uỷ các cấp

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết ở cấp mình.

Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Phân công một đồng chí thường trực cấp uỷ trực tiếp chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện Nghị quyết.

Chỉ đạo, theo dõi cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới thuộc đảng bộ mình trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ, các cấp uỷ trực tiếp, tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết ở cấp mình; chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng thuộc cấp mình quản lý tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo với cấp uỷ, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết với Bộ Chính trị, Ban Bí thư của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

## 3- Ủy ban kiểm tra các cấp

- Phối hợp với ban tuyên giáo tham mưu, giúp cấp uỷ tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết đến các tổ chức đảng, đảng viên theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương và của cấp uỷ cấp mình.

Theo dõi cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới thuộc đảng bộ mình trong việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết.

- Chủ trì, phối hợp với các ban đảng tham mưu, giúp cấp uỷ xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra giám sát hàng năm và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát của cấp uỷ.

- Giúp cấp uỷ theo dõi, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới trong việc thực hiện Nghị quyết báo cáo kết quả thực hiện với cấp uỷ cấp mình và uỷ ban kiểm tra cấp trên.

- Chủ trì, phối hợp với các ban đảng tham mưu, giúp cấp uỷ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp trong các quy định, quy chế, quyết định đã ban hành cho phù hợp hay ban hành mới và tổ chức thực hiện có kết quả. Thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế, quyết định của cấp trên.

- Uỷ ban kiểm tra các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng tham mưu, giúp cấp uỷ cấp mình xây dựng các đề án: kiện toàn tổ chức bộ máy uỷ ban kiểm tra, tăng cường cán bộ kiểm tra và cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác kiểm tra giám sát, kỷ luật đảng ở cấp tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương bảo đảm cho uỷ ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Đề xuất cấp uỷ kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức đảng và đảng viên thực hiện tốt Nghị quyết, uốn nắn, chấn chỉnh những nơi thực hiện thiếu nghiêm túc.

Hướng dẫn này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.



Quá trình thực hiện Hướng dẫn, nếu có khó khăn, vướng mắc, cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp kịp thời phản ánh về Ủy ban Kiểm tra Trung ương để hướng dẫn bổ sung cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG**

**Chủ nhiệm**

**NGUYỄN VĂN CHI**

Bản sao lưu trữ

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA CÁC BAN  
CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP (HƯỚNG DẪN SỐ 03 – HD/KTTW  
NGÀY 25-7-2007 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)**

*Căn cứ Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị về việc “ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khoá X”.*

*Để thống nhất về nhận thức và việc thực hiện công tác giám sát của các ban của cấp uỷ các cấp bảo đảm chất lượng, hiệu quả, Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện công tác giám sát của các ban của cấp uỷ các cấp, như sau:*

**I. ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT**

1. Các thành viên của tổ chức mình.
2. Cấp uỷ các ban của cấp uỷ cấp dưới và đảng viên thuộc lĩnh vực công tác do ban mình phụ trách.

**II. NỘI DUNG GIÁM SÁT**

1. Những nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực công tác do ban mình phụ trách trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Những nội dung do cấp uỷ giao.

Ngoài ra, các ban của cấp uỷ có thể được giao giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp mình (nếu được cấp uỷ giao).

**III. CÁCH TIẾN HÀNH GIÁM SÁT**

Giám sát của các ban của cấp uỷ đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng

viên được tiến hành theo hai cách: Giám sát thường xuyên và giám sát theo chuyên đề.

Giám sát thường xuyên có giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp. Giám sát thường xuyên không lập tổ giám sát; giám sát theo chuyên đề có lập tổ giám sát.

### 1. Giám sát thường xuyên

Ban của cấp uỷ thông báo thành viên lãnh đạo ban, cán bộ, chuyên viên theo dõi lĩnh vực, địa bàn (gọi chung là người giám sát) cho tổ chức đảng cấp dưới biết.

#### 1.1. Giám sát trực tiếp

##### a) Giám sát thông qua các cuộc họp của lãnh đạo ban:

Giám sát các thành viên của tổ chức mình thông qua sinh hoạt thường kỳ (kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn, tự phê bình và phê bình,...); phân tích chất lượng đảng viên theo trình tự sau:

- Chủ động nắm tình hình về các thành viên của tổ chức mình qua các kênh thông tin theo chức trách, nhiệm vụ được giao để phát hiện vấn đề phục vụ việc giám sát.

- Nghiên cứu báo cáo của cơ quan tham mưu trình lãnh đạo ban xem xét trong cuộc họp để chuẩn bị nội dung phát biểu.

- Tại cuộc họp, nghe các thành viên lãnh đạo ban báo cáo kết quả thực hiện công việc được giao, tự phê bình và phê bình; nghe các đơn vị, cá nhân dự họp phát biểu ý kiến (nếu có).

- Đề nghị các thành viên trong tổ chức mình trao đổi, báo cáo về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát; tiếp thu ý kiến tham gia góp ý, kết luận tại cuộc họp.

Trường hợp thành viên lãnh đạo ban có vấn đề cần phải báo cáo, giải trình sâu hơn thì đề nghị báo cáo giải trình để tập thể lãnh đạo ban xem xét, đề nghị những vấn đề cần thiết.

- Phân công theo dõi thành viên lãnh đạo ban được giám sát thực hiện đề nghị của tập thể lãnh đạo ban.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

b) Giám sát thông qua trực tiếp nghe thành viên trong tổ chức mình báo cáo:

Nghe các thành viên trong tổ chức mình trực tiếp báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả giám sát thuộc phạm vi được phân công phụ trách theo trình tự sau:

- Chủ động nắm tình hình qua các kênh thông tin theo chức trách, nhiệm vụ được giao liên quan đến nội dung mà các thành viên tổ chức mình trực tiếp báo cáo.

- Nghiên cứu báo cáo của các thành viên trong tổ chức mình để phát hiện vấn đề, chuẩn bị ý kiến phát biểu.

- Tại cuộc họp, nghe các thành viên trong tổ chức mình báo cáo; tổ chức thảo luận.

- Yêu cầu các thành viên trong tổ chức mình trao đổi, báo cáo thêm các vấn đề liên quan đến nội dung giám sát; tiếp thu ý kiến tham gia góp ý, kết luận của tập thể lãnh đạo ban để thực hiện.

- Phân công thành viên lãnh đạo ban thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ được giao, hoặc theo dõi tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát thực hiện yêu cầu của tập thể lãnh đạo ban (nếu có).

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

c) Giám sát tổ chức đảng cấp dưới thông qua nghe báo cáo:

Nghe cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới, các đơn vị tham mưu, giúp việc của tổ chức mình (gọi chung là tổ chức đảng cấp dưới) phản ánh, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và việc thực hiện nhiệm vụ giám sát được giao theo trình tự sau:

- Chủ động nắm tình hình phục vụ việc giám sát.

- Nghiên cứu báo cáo, tài liệu có liên quan của tổ chức đảng cấp dưới, phát hiện vấn đề, chuẩn bị ý kiến phát biểu.

- Tại buổi làm việc với tổ chức đảng cấp dưới:

+ Nghe tổ chức đảng cấp dưới báo cáo; nghe các đơn vị, cá nhân dự họp phát biểu ý kiến (nếu có).

+ Yêu cầu và nghe tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát trao đổi, trả lời về những vấn đề liên quan.

+ Người chủ trì cuộc họp nhận xét, đánh giá về ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm (nếu có), yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát tiếp thu nhận xét, đánh giá và các yêu cầu để thực hiện.

- Người giám sát theo dõi tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát thực hiện yêu cầu của ban của cấp uỷ; báo cáo kết quả thực hiện giám sát với ban của cấp uỷ.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát

d) Giám sát thông qua cử người giám sát theo dõi, trực tiếp làm việc với cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới:

- Người giám sát thường xuyên bám sát địa bàn, lĩnh vực được phân công theo dõi để tiếp cận thực tế công việc, nắm tình hình về tổ chức đảng và đảng viên được giám sát.

- Thu thập các văn bản, tài liệu, thông tin để nghiên cứu, xem xét, phát hiện vấn đề.

Trường hợp cần thiết có thể đề nghị tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có liên quan cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Định kỳ (hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm) hoặc đột xuất, người giám sát báo cáo tập thể lãnh đạo ban bằng văn bản về tình hình tổ chức đảng và đảng viên thuộc địa bàn, lĩnh vực được phân công theo dõi.

Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo tập thể lãnh đạo ban xem xét, chuyển uỷ ban kiểm tra xem xét, giải quyết.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát

đ) Giám sát thông qua cử cán bộ dự các cuộc họp của tổ chức đảng cấp dưới:

- Nghiên cứu, báo cáo tài liệu liên quan phục vụ việc giám sát; chuẩn bị ý kiến phát biểu.

- Tại cuộc họp theo dõi việc thảo luận, kết luận; trao đổi để nắm vững hơn, rõ hơn những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát và phát biểu ý kiến (nếu thấy cần thiết).

- Phát hiện các vấn đề qua nghiên cứu báo cáo và thảo luận tại cuộc họp. Trường hợp cần thiết, đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát cung cấp tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Góp ý kiến với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát bằng hình thức thích hợp.

- Báo cáo với tập thể lãnh đạo ban bằng văn bản (trường hợp khẩn cấp có thể báo cáo qua điện thoại, fax,...) để tập thể lãnh đạo ban xem xét, đánh giá yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát về những vấn đề cần thiết (nếu có).

- Người giám sát theo dõi tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát thực hiện yêu cầu (nếu có) của tập thể lãnh đạo ban.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát

## 1.2. Giám sát gián tiếp

Việc giám sát gián tiếp của các ban của cấp uỷ (trực tiếp là người giám sát) đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, như sau:

- Thông qua nhận xét, đánh giá, phản ánh của các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân đối với tổ chức đảng và đảng viên.

- Nghiên cứu nắm tình hình thông qua báo cáo, thông báo kết quả các cuộc kiểm tra của cấp uỷ có liên quan đến phạm vi thuộc lĩnh vực các ban của cấp uỷ được phân công phụ trách.

- Nghiên cứu các văn bản, báo cáo của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới gửi các ban của cấp uỷ cấp trên theo quy định; các văn bản của cấp uỷ, các ban của cấp uỷ cấp mình gửi (theo quy chế phối hợp giữa các ban của cấp uỷ).

Khi cần thiết, người giám sát có thể trao đổi trực tiếp với tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có liên quan qua điện thoại, bằng văn bản hoặc có thể gặp trực tiếp để làm rõ những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.

- Qua giám sát, nếu thấy cần thiết, người giám sát góp ý kiến với tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên được giám sát bằng hình thức thích hợp.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền, người giám sát báo cáo tập thể lãnh đạo ban của cấp uỷ xem xét nhắc nhở, đề nghị tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên được giám sát khắc phục thiếu sót, khuyết điểm (nếu có).

- Người giám sát theo dõi tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên được giám sát thực hiện yêu cầu của ban của cấp uỷ.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

## 2. Giám sát theo chuyên đề

- Hằng năm, qua nắm tình hình, nghiên cứu báo cáo, tài liệu có liên quan, các ban của cấp uỷ xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; thông báo cho đối tượng giám sát biết ngay từ đầu năm về nội dung, đối tượng, mốc thời điểm giám sát, thời gian giám sát.

- Lập kế hoạch giám sát cụ thể theo chuyên đề đối với từng tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; quyết định lập tổ giám sát; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ giám sát. Có văn bản của ban của cấp uỷ cấp trên đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chuẩn bị, gửi báo cáo và tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới tổ chức cuộc họp để tổ giám sát nghe báo cáo giải trình; các thành viên dự họp trao đổi; thảo luận nội dung.

Tổ giám sát trao đổi, đề xuất, yêu cầu đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát những vấn đề cần thiết.

- Tổ giám sát báo cáo bằng văn bản với tập thể lãnh đạo ban bằng kết quả giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

- Tập thể lãnh đạo ban của cấp uỷ xem xét, đánh giá; thông báo bằng văn bản kết quả giám sát cho tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát về ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm (nếu có) và những yêu cầu cần thiết.

- Người giám sát theo dõi tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát thực hiện thông báo kết quả giám sát của ban của cấp uỷ; báo cáo kết quả thực hiện giám sát với ban của cấp uỷ.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát

#### **IV. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA CÁC BAN CỦA CẤP ỦY, TỔ GIÁM SÁT VÀ NGƯỜI GIÁM SÁT.**

##### **1. Trách nhiệm và quyền của các ban của cấp uỷ, tổ giám sát.**

- Các ban của cấp uỷ cử thành viên lãnh đạo ban, người giám sát dự các cuộc họp của tổ chức đảng cấp dưới.

- Tổ giám sát được quyền chất vấn, đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Qua giám sát các ban của cấp uỷ kịp thời nhắc nhở đối tượng kịp thời được giám sát phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm; nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng nghị quyết, chỉ thị của Đảng, hoặc ban hành quyết định, quy định của Đảng, của cấp uỷ cấp trên, trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước thì báo cáo cấp uỷ cấp mình xem xét, giải quyết.

Trường hợp các ban của cấp uỷ cấp dưới ban hành các quy định trái với quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì các ban của cấp uỷ cấp trên có quyền yêu cầu huỷ bỏ hoặc đề nghị cấp uỷ quản lý tổ chức đó xem xét, quyết định.



Nếu phát hiện những văn bản của cấp trên không thực hiện được hoặc có những điểm không còn phù hợp với tình hình thực tế thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Các ban của cấp uỷ các cấp, tổ giám sát không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì phải chịu trách nhiệm theo quy định.

## 2. Trách nhiệm và quyền hạn của người giám sát

- Người giám sát khi thực hiện việc giám sát theo thẩm quyền được yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách báo cáo, cung cấp văn bản, tài liệu liên quan đến việc giám sát và phải giữ bí mật nội dung văn bản, tài liệu đó.

Khi giám sát, người giám sát được quyền chất vấn, đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên về những vấn đề có liên quan đến việc giám sát tại cuộc họp hoặc bằng văn bản đề nghị trả lời.

- Khi phát hiện tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát không thực hiện nhiệm vụ, ban hành các văn bản sai trái, có thiếu sót, khuyết điểm thì người giám sát kịp thời báo cáo lãnh đạo ban phụ trách, tập thể lãnh đạo ban xem xét, đánh giá; thành viên lãnh đạo ban phụ trách được đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát thực hiện đúng, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm; báo cáo tập thể lãnh đạo ban xem xét, đánh giá; yêu cầu đối với tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên được giám sát.

- Khi phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo đề tập thể lãnh đạo ban xem xét, chuyển tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

## V. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC GIÁM SÁT.

### 1. Trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên được giám sát.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giám sát trong Đảng khi được giám sát (theo quy định của Điều lệ Đảng, Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị về thi hành Điều lệ Đảng, Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị ban hành Hướng dẫn thực hiện các

quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khoá X và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

- Thông báo cho chủ thể giám sát về nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp, hội nghị của tổ chức mình theo quy định; gửi báo cáo, văn bản, tài liệu có liên quan cho ban của cấp uỷ cấp trên, người giám sát để phục vụ việc giám sát.

- Báo cáo, trao đổi các vấn đề do chủ thể giám sát đưa ra (khi được yêu cầu).

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc giám sát.

- Chấp hành các yêu cầu của chủ thể giám sát hoặc tổ chức đảng có thẩm quyền (uốn nắn, sửa chữa, khắc phục) hoặc chấp hành yêu cầu, quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền (ngừng thực hiện, huỷ bỏ quyết định sai trái; khắc phục hậu quả do mình gây ra,...).

- Không được gây khó khăn, trở ngại cho việc giám sát; không được từ chối khi có yêu cầu được giám sát của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Không để lộ bí mật nội dung, yêu cầu giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết.

## 2. Quyền của tổ chức đảng và đảng viên được giám sát

- Đưa ra các bằng chứng chứng minh về các nội dung được giám sát đối với mình.

- Đề nghị chủ thể giám sát xem xét lại nhận xét, đánh giá hoặc các yêu cầu đối với mình (nếu thấy chưa đúng, chưa chính xác, chưa thoả đáng...).

- Được quyền báo cáo với tổ chức đảng cấp trên nếu thấy việc giám sát không đúng nội dung, yêu cầu, trách nhiệm của chủ thể giám sát hoặc người giám sát có hành vi, việc làm không đúng khi thực hiện nhiệm vụ giám sát.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban của cấp uỷ các cấp căn cứ Hướng dẫn này tổ chức thực hiện ở cấp mình.

Định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Hướng dẫn; báo cáo kết quả thực hiện với cấp uỷ cấp mình, ban của cấp uỷ cấp trên và uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ cấp trên.

2. Các thành viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, các vụ theo dõi lĩnh vực, địa bàn phối hợp với các ban đảng ở Trung ương theo dõi và báo cáo với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương việc thực hiện Hướng dẫn này.

3. Hướng dẫn này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Đây là nhiệm vụ mới được giao, do đó, quá trình thực hiện Hướng dẫn, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nếu có khó khăn, vướng mắc thì cấp uỷ, các ban của cấp uỷ các cấp phản ánh kịp thời về Uỷ ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

**Chủ nhiệm**

**NGUYỄN VĂN CHI**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM  
TRA CÁC CẤP (HƯỚNG DẪN SỐ 04-HD/KTTW NGÀY 25-7-2007  
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)**

*Căn cứ Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị về việc “ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khoá X”;*

*Để thống nhất về nhận thức và việc thực hiện công tác giám sát của uỷ ban kiểm tra các cấp bảo đảm chất lượng, hiệu quả, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện công tác giám sát của uỷ ban kiểm tra các cấp, như sau:*

**I- ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT**

**1- Đối với tổ chức đảng**

- Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp dưới, trước hết là cấp dưới trực tiếp.
- Các ban của cấp uỷ cấp mình, các ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp uỷ cấp mình quản lý.
- Các tiểu ban, hội đồng, tổ công tác do cấp uỷ cấp mình lập ra (nếu được cấp uỷ giao).

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp, uỷ ban kiểm tra có thể giám sát cả tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp.

**2- Đối với đảng viên**

- Cấp uỷ viên cùng cấp, kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ.
- Đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý.

Uỷ ban kiểm tra các cấp được giám sát đối với mọi đảng viên trong đảng bộ. Tuỳ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của đảng bộ

trong từng thời gian mà chọn đối tượng giám sát cho phù hợp. Đặc biệt tập trung giám sát cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

## **II- NỘI DUNG GIÁM SÁT**

### **1- Giám sát đối với tổ chức đảng**

- Giám sát tổ chức đảng cấp dưới trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của cấp uỷ cấp trên và của cấp uỷ cấp mình; việc thực hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện quy chế làm việc, thực hiện chương trình, kế hoạch công tác toàn khoá, hằng năm của cấp uỷ, tổ chức đảng trên các lĩnh vực và công tác cán bộ.

- Việc thực hiện quy chế làm việc của cấp uỷ cấp mình.

- Những nội dung khác do cấp uỷ giao (nếu có).

### **2- Giám sát đối với đảng viên**

Việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Việc thực hiện tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; việc giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.

- Thực hiện những điều cán bộ, đảng viên và công chức không được làm.

- Thực hiện chế độ kê khai và công khai tài sản của cán bộ, đảng viên theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Việc chấp hành quy chế làm việc của cấp uỷ (đối với cấp uỷ viên cùng cấp).

- Những nội dung khác do cấp uỷ cấp mình giao (nếu có).

Tuỳ vào yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây

dụng Đảng của Đảng bộ trong từng thời gian, nội dung giám sát của uỷ ban kiểm tra các cấp đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên cần phải có trọng tâm, trọng điểm.

### III. CÁCH TIẾN HÀNH GIÁM SÁT

Giám sát của uỷ ban kiểm tra các cấp đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được tiến hành theo hai cách: Giám sát thường xuyên và giám sát theo chuyên đề.

Giám sát thường xuyên có giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp. Giám sát thường xuyên không lập tổ giám sát; giám sát theo chuyên đề có lập tổ giám sát.

#### 1- Giám sát thường xuyên

Uỷ ban kiểm tra thông báo thành viên uỷ ban, cán bộ, chuyên viên theo dõi lĩnh vực, địa bàn (gọi chung là người giám sát) cho tổ chức đảng cấp dưới biết.

##### 1.1. Giám sát trực tiếp:

a) Giám sát thông qua thành viên uỷ ban kiểm tra dự các cuộc họp của cấp uỷ cùng cấp:

- Nghiên cứu báo cáo, đề án, phương án, dự án, nghị quyết, chỉ thị,... (gọi chung là báo cáo) để phục vụ việc giám sát.

- Tại cuộc họp của ban chấp hành: tham gia thảo luận về báo cáo và các vấn đề liên quan đến nội dung cuộc họp; theo dõi việc thảo luận, kết luận; theo dõi việc chấp hành quy chế làm việc tại cuộc họp của ban chấp hành, của các cấp uỷ viên.

- Phát hiện các vấn đề qua nghiên cứu báo cáo và thảo luận tại cuộc họp của ban chấp hành, báo cáo với uỷ ban kiểm tra kết quả giám sát bằng văn bản.

- Uỷ ban kiểm tra xem xét ý kiến của các thành viên uỷ ban kiểm tra; báo cáo với cấp uỷ những vấn đề cần thiết.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

b) Giám sát thông qua dự các cuộc họp, hội nghị của tổ chức đảng cấp dưới:

Người giám sát theo dõi lĩnh vực, địa bàn dự các cuộc họp, hội nghị thường kỳ, đột xuất của cấp uỷ, ban thường vụ, tổ chức đảng cấp dưới (gọi chung là tổ chức đảng cấp dưới) theo trình tự sau:

- Nghiên cứu báo cáo, tài liệu có liên quan phục vụ việc giám sát; chuẩn bị ý kiến phát biểu.

- Tại cuộc họp, theo dõi việc thảo luận, kết luận; trao đổi để nắm vững hơn, rõ hơn những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát và phát biểu ý kiến (nếu thấy cần thiết).

- Phát hiện các vấn đề qua nghiên cứu báo cáo và thảo luận tại cuộc họp. Trường hợp cần thiết, đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát cung cấp thêm tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Góp ý kiến với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát bằng hình thức thích hợp.

- Báo cáo với uỷ ban kiểm tra (qua thường trực uỷ ban kiểm tra) bằng văn bản (trường hợp khẩn cấp có thể báo cáo qua điện thoại, fax,...) để thường trực uỷ ban xem xét, yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát về những vấn đề cần thiết.

- Người giám sát theo dõi tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát thực hiện yêu cầu của uỷ ban kiểm tra.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

c) Giám sát thông qua trực tiếp, thường xuyên theo dõi địa bàn, lĩnh vực:

- Người giám sát trực tiếp, thường xuyên bám sát địa bàn, lĩnh vực được phân công theo dõi để tiếp cận thực tế công việc, nắm tình hình về tổ chức đảng và đảng viên được giám sát.

- Thu thập các văn bản, tài liệu, thông tin để nghiên cứu, xem xét, phát hiện vấn đề.

Trường hợp cần thiết, có thể đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Định kỳ (hằng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm) hoặc đột xuất, báo cáo thường trực uỷ ban bằng văn bản về tình hình tổ chức đảng và đảng viên thuộc địa bàn, lĩnh vực được phân công theo dõi.

Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo thường trực uỷ ban xem xét, quyết định.

Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

d) Giám sát thông qua tham gia các đoàn công tác của cấp uỷ cấp mình:

Người giám sát khi được uỷ ban kiểm tra cử tham gia đoàn công tác của cấp uỷ cấp mình phải thực hiện các công việc sau:

- Chủ động nắm tình hình liên quan đến nội dung, đối tượng nơi đoàn công tác của cấp uỷ đến làm việc.

- Nghiên cứu các báo cáo, tài liệu liên quan đến nội dung, đối tượng đến làm việc phục vụ công việc của đoàn công tác của cấp uỷ và việc giám sát.

- Kết hợp việc nghiên cứu báo cáo, tài liệu phục vụ đoàn công tác của cấp uỷ với nắm tình hình thực tế từ các kênh thông tin về tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên nơi đoàn công tác đến làm việc (qua báo chí; qua tổ chức và cá nhân, qua đơn thư khiếu nại, tố cáo, qua công tác thẩm tra, xác minh, thanh tra, kiểm toán) để phát hiện vấn đề phục vụ công việc của đoàn công tác của cấp uỷ và phục vụ việc giám sát.

- Báo cáo kết quả tham gia đoàn công tác của cấp uỷ, nắm tình hình với thường trực uỷ ban kiểm tra.

- Giao người giám sát theo dõi tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên nơi đoàn công tác của cấp uỷ đến làm việc chấp hành thông báo kết quả làm việc của cấp uỷ (nếu được cấp uỷ giao).

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

1.2- Giám sát gián tiếp:



Việc giám sát gián tiếp của uỷ ban kiểm tra (trực tiếp là người giám sát) đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, như sau:

- Nghiên cứu, nắm tình hình thông qua báo cáo, thông báo kết quả các cuộc kiểm tra của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp; nghiên cứu báo cáo kết quả tự phê bình của tổ chức đảng cấp dưới gửi uỷ ban kiểm tra cấp trên để phát hiện vấn đề.

- Tổ chức lấy ý kiến về tổ chức đảng và đảng viên bằng hình thức thích hợp (điều tra xã hội học, toạ đàm, tiếp xúc,...) để nghiên cứu, phân tích phục vụ việc giám sát.

- Trao đổi, nắm tình hình từ các tổ chức đảng trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, các đoàn thể chính trị - xã hội; qua phản ánh của quần chúng, các phương tiện thông tin đại chúng và đơn thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng để nắm tình hình về tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Thông qua nghiên cứu các văn bản, báo cáo của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới gửi uỷ ban kiểm tra, các văn bản, tài liệu của tổ chức đảng, đảng viên được giám sát gửi đến theo yêu cầu để nghiên cứu, phát hiện vấn đề phục vụ việc giám sát.

Khi cần thiết, người giám sát có thể trao đổi với tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có liên quan qua điện thoại, bằng văn bản hoặc có thể gặp trực tiếp để làm rõ về những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.

- Qua giám sát, nếu thấy cần thiết, người giám sát góp ý kiến với tổ chức đảng hoặc đảng viên được giám sát bằng hình thức thích hợp.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền, người giám sát báo cáo để thường trực uỷ ban kiểm tra xem xét, nhắc nhở, yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên được giám sát khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm (nếu có).

- Người giám sát theo dõi tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên được giám sát thực hiện yêu cầu của uỷ ban kiểm tra.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

2- Giám sát theo chuyên đề

Hằng năm, qua nắm tình hình, nghiên cứu báo cáo, tài liệu có liên quan, uỷ ban kiểm tra xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; thông báo cho đối tượng giám sát biết ngay từ đầu năm về nội dung, đối tượng, mốc thời điểm giám sát, thời gian giám sát.

- Lập kế hoạch giám sát cụ thể theo chuyên đề đối với từng tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; quyết định lập tổ giám sát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ giám sát. Có văn bản của uỷ ban kiểm tra đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chuẩn bị, gửi báo cáo và tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới tổ chức cuộc họp để tổ giám sát nghe báo cáo giải trình; các thành viên dự họp trao đổi, thảo luận nội dung báo cáo.

Tổ giám sát trao đổi, đề xuất, yêu cầu đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát về những vấn đề cần thiết.

- Tổ giám sát báo cáo bằng văn bản với uỷ ban kiểm tra (qua thường trực uỷ ban kiểm tra) kết quả giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

- Uỷ ban kiểm tra hoặc thường trực uỷ ban kiểm tra (nếu được uỷ ban kiểm tra uỷ nhiệm) xem xét, đánh giá; thông báo bằng văn bản kết quả giám sát cho tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát về ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm (nếu có) và những yêu cầu cần thiết.

- Người giám sát theo dõi tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát thực hiện thông báo kết quả giám sát của uỷ ban kiểm tra hoặc thường trực uỷ ban kiểm tra; báo cáo kết quả thực hiện giám sát với thường trực uỷ ban kiểm tra.

- Lập và lưu trữ hồ sơ giám sát.

#### **IV- TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP, TỔ GIÁM SÁT VÀ NGƯỜI GIÁM SÁT**

1- Trách nhiệm và quyền của uỷ ban kiểm tra, tổ giám sát

- Uỷ ban kiểm tra được dự các cuộc họp của cấp uỷ cùng cấp. Đại diện

ủy ban kiểm tra được dự các cuộc họp của ban thường vụ (khi được mời).

- Ủy ban kiểm tra cử thành viên ủy ban kiểm tra, người giám sát dự các cuộc họp của tổ chức đảng cấp dưới.

Khi thực hiện giám sát, ủy ban kiểm tra được chất vấn, yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên về những vấn đề liên quan đến việc giám sát trực tiếp tại cuộc họp của tổ chức đảng cấp dưới hoặc bằng văn bản yêu cầu trả lời; xem xét, đánh giá về nội dung giám sát đối với đối tượng giám sát.

- Tổ giám sát được chất vấn, đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Qua giám sát, ủy ban kiểm tra phải kiến nghị cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm.

Nếu phát hiện cấp ủy cấp dưới ban hành các quyết định không đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì ủy ban kiểm tra yêu cầu cấp ủy cấp dưới sửa chữa, nếu không sửa chữa thì báo cáo cấp ủy cấp mình xem xét trách nhiệm của cấp ủy cấp dưới và những đảng viên có liên quan.

Nếu phát hiện những văn bản của cấp trên không thực hiện được hoặc có những điểm không còn phù hợp với điều kiện thực tế thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) có dấu hiệu vi phạm thì ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra.

- Ủy ban kiểm tra, tổ giám sát không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì phải chịu trách nhiệm theo quy định.

## 2- Trách nhiệm và quyền của người giám sát

Thành viên ủy ban kiểm tra các cấp được quyền dự các cuộc họp của cấp ủy cùng cấp.

- Người giám sát được dự các cuộc họp thường kỳ, đột xuất của tổ chức đảng cấp dưới.

Người giám sát được yêu cầu các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên giải trình, cung cấp văn bản, tài liệu, báo cáo về các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giám sát được giao; có trách nhiệm bảo mật văn bản, tài liệu được cung cấp và chịu trách nhiệm về việc giám sát theo thẩm quyền trước ủy ban kiểm tra cấp mình.

- Trong quá trình thực hiện việc giám sát, người giám sát được đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên về những vấn đề liên quan đến việc giám sát trực tiếp tại cuộc họp của tổ chức đảng cấp dưới hoặc bằng văn bản đề nghị trả lời.

- Trực tiếp, thường xuyên theo dõi địa bàn, lĩnh vực được phân công, nắm tình hình phục vụ cho việc phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

- Qua giám sát, người giám sát phải kịp thời báo cáo ủy ban kiểm tra đề nghị ủy ban kiểm tra kiến nghị tổ chức đảng cấp dưới kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm.

Nếu phát hiện cấp ủy cấp dưới ban hành các quyết định không đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì người giám sát nhắc nhở theo thẩm quyền; theo dõi việc thực hiện và báo cáo ủy ban kiểm tra xem xét.

Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo ủy ban kiểm tra xem xét, quyết định.

- Người giám sát không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì phải chịu trách nhiệm theo quy định.

## **V- TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC GIÁM SÁT**

### **1- Trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên được giám sát**

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giám sát trong Đảng khi được giám sát (theo quy định của Điều lệ Đảng, Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị về thi hành Điều lệ Đảng, Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định

về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khoá X và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

- Thông báo cho chủ thể giám sát về nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các cuộc họp, hội nghị của tổ chức mình theo quy định; gửi báo cáo, văn bản, tài liệu có liên quan cho ủy ban kiểm tra, người giám sát để phục vụ việc giám sát.

- Báo cáo, trao đổi về các vấn đề do chủ thể giám sát đưa ra (khi được yêu cầu).

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc giám sát.

- Chấp hành các yêu cầu của chủ thể giám sát hoặc tổ chức đảng có thẩm quyền (uốn nắn, sửa chữa, khắc phục) hoặc chấp hành yêu cầu, quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền (ngừng thực hiện, huỷ bỏ quyết định sai trái; khắc phục hậu quả do mình gây ra...).

- Không được gây khó khăn, trở ngại cho việc giám sát, không được từ chối khi có yêu cầu được giám sát của tổ chức đảng có thẩm quyền.

- Không để lộ bí mật nội dung, yêu cầu giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết.

## 2- Quyền của tổ chức đảng và đảng viên được giám sát

- Đưa ra các bằng chứng chứng minh về các nội dung được giám sát đối với mình.

Đề nghị chủ thể giám sát xem xét lại nhận xét, đánh giá hoặc các yêu cầu đối với mình (nếu thấy chưa đúng, chưa chính xác, chưa thoả đáng...).

- Được quyền báo cáo với tổ chức đảng cấp trên nếu thấy việc giám sát không đúng nội dung, yêu cầu, trách nhiệm của chủ thể giám sát hoặc người giám sát có hành vi, việc làm không đúng khi thực hiện nhiệm vụ giám sát.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Ủy ban kiểm tra các cấp căn cứ Hướng dẫn này tổ chức thực hiện ở cấp mình.

Định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Hướng dẫn; báo cáo kết quả thực hiện với cấp uỷ cấp mình và uỷ ban kiểm tra cấp trên.

2- Các thành viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các vụ theo dõi, lĩnh vực địa bàn theo dõi và báo cáo Uỷ ban Kiểm tra Trung ương việc thực hiện Hướng dẫn này.

3- Hướng dẫn này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Đây là nhiệm vụ mới được giao, do đó, quá trình thực hiện Hướng dẫn, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nếu có khó khăn, vướng mắc thì uỷ ban kiểm tra, tổ chức đảng và đảng viên phản ánh kịp thời về Uỷ ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

**Chủ nhiệm**

**NGUYỄN VĂN CHI**

**QUY CHẾ CHẤT VẤN TRONG ĐẢNG (BAN HÀNH KÈM THEO  
QUYẾT ĐỊNH SỐ 158-QĐ/TW NGÀY 12-5-2008 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)  
(Trích)**

(...)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Khái niệm, phạm vi điều chỉnh của chất vấn và trả lời chất vấn.

1- Chất vấn và trả lời chất vấn trong Đảng là việc đảng viên hỏi và được trả lời về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng hoặc chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn đảng viên, cấp uỷ viên, trừ những vấn đề bí mật theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2- Quy chế này quy định việc chất vấn và trả lời chất vấn trong hội nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, được áp dụng đối với đảng viên, cấp uỷ viên, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp.

**Điều 2.** Mục đích, yêu cầu của chất vấn và trả lời chất vấn:

1- Chất vấn và trả lời chất vấn nhằm phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của đảng viên.

2- Chất vấn và trả lời chất vấn nhằm tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

**Điều 3.** Nguyên tắc chất vấn và trả lời chất vấn.

1- Việc chất vấn và trả lời chất vấn phải tuân theo Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý của tổ chức đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu tổ chức đảng.

2- Đảng viên có quyền chất vấn hoạt động của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, đảng viên trong phạm vi cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, đảng bộ mà mình là thành viên và phải chịu trách nhiệm về nội dung chất vấn của mình. Tổ chức đảng, đảng viên là đối tượng chất vấn có trách nhiệm trả lời chất vấn và phải chịu trách nhiệm về nội dung trả lời chất vấn của mình.

3- Chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thẳng thắn, trên tinh thần xây dựng, đúng nguyên tắc sinh hoạt đảng, pháp luật của Nhà nước và những quy định tại Quy chế này.

4- Không được lợi dụng chất vấn và trả lời chất vấn để gây mất đoàn kết nội bộ hoặc đưa ra những thông tin không có căn cứ, làm mất uy tín của tổ chức đảng và đảng viên; không được tự ý tuyên truyền, phổ biến nội dung chất vấn và trả lời chất vấn cho các tổ chức, cá nhân không liên quan.

## **Chương II**

### **CHỦ THỂ, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN**

**Điều 4.** Chủ thể chất vấn: đảng viên, cấp uỷ viên.

**Điều 5.** Đối tượng chất vấn

1- Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp.

2- Đảng viên, cấp uỷ viên.

**Điều 6.** Nội dung chất vấn

Nội dung chất vấn chủ yếu là những vấn đề có trong chương trình hội nghị được thông báo trước; tập trung vào những vấn đề cụ thể có liên quan như sau:

1- Đối với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ

a) Việc lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của cấp trên và của cấp mình.



b) Việc chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức đảng cấp dưới quán triệt, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ và công tác cán bộ.

c) Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn, công tác xây dựng đảng của cấp mình và của tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

## 2- Đối với đảng viên

Việc thực hiện tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên, tiêu chuẩn và nhiệm vụ cấp uỷ viên (nếu là cấp uỷ viên), nhiệm vụ được giao.

Về việc giữ gìn phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên và người thân trong gia đình.

## Điều 7. Phương pháp chất vấn và trả lời chất vấn

### 1- Chất vấn

Chất vấn được tiến hành tại hội nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ bằng hình thức hỏi trực tiếp hoặc bằng văn bản. Người chất vấn gửi ý kiến chất vấn trước khi tổ chức hội nghị từ 3 đến 5 ngày để ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì hội nghị xem xét, quyết định việc tổ chức trả lời chất vấn.

Trong chương trình hội nghị của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, tùy thuộc vào số lượng và nội dung chất vấn mà dành thời gian thích hợp để chất vấn và trả lời chất vấn.

### 2- Trả lời chất vấn

- Ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì hội nghị công bố trình tự những vấn đề chất vấn và trả lời chất vấn.

- Đối tượng chất vấn là cá nhân đảng viên thì đảng viên đó trực tiếp trả lời chất vấn. Đối tượng chất vấn là cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ thì cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ trao đổi, thống nhất ý kiến và phân công người trực tiếp trả lời. Người trả lời là người đứng đầu hoặc cấp phó nhưng đều phải chịu trách nhiệm về nội dung trả lời chất vấn.

- Nếu người chất vấn chưa đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì đặt thêm câu hỏi để người trả lời chất vấn trả lời trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Vấn đề hỏi thêm phải liên quan đến nội dung trả lời chất vấn, có nội dung cụ thể, địa chỉ rõ ràng và ngắn gọn.

- Trường hợp không có điều kiện trả lời chất vấn ngay trong hội nghị thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày được chất vấn, đối tượng chất vấn phải trả lời chất vấn bằng văn bản hoặc đề nghị được trả lời tại kỳ họp sau. Văn bản trả lời chất vấn phải gửi cho người chủ trì hội nghị.

### **Chương III**

## **QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHẤT VẤN VÀ NGƯỜI TRẢ LỜI CHẤT VẤN**

### **Điều 8. Quyền và trách nhiệm của người chất vấn**

#### **1- Quyền của người chất vấn**

a) Yêu cầu người trả lời chất vấn trả lời những nội dung chất vấn theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

b) Nếu người trả lời chất vấn không trả lời đúng nội dung chất vấn thì người chất vấn được đề nghị ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì chỉ đạo để đối tượng chất vấn thực hiện.

#### **2- Trách nhiệm của người chất vấn**

a) Chất vấn đúng đối tượng, nội dung và các quy định tại Quy chế này.

b) Công khai rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ của mình, nêu rõ nội dung chất vấn và tổ chức đảng hoặc đảng viên có trách nhiệm trả lời chất vấn.

c) Gửi nội dung chất vấn cho người trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

d) Cung cấp tài liệu có liên quan đến nội dung chất vấn (nếu có).

### **Điều 9. Quyền và trách nhiệm của người trả lời chất vấn**

#### **1- Quyền của người trả lời chất vấn**

- a) Đề nghị người chất vấn giải thích những nội dung chất vấn chưa rõ.
- b) Chọn hình thức trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.
- c) Từ chối trả lời nếu nội dung chất vấn là những vấn đề thuộc bí mật theo quy định của Đảng và Nhà nước, những vấn đề không có nội dung và địa chỉ cụ thể, không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người trả lời chất vấn.

## 2- Trách nhiệm của người trả lời chất vấn

- a) Trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.
- b) Tiếp nhận và trả lời chất vấn một cách khách quan, trung thực; không được từ chối hoặc đùn đẩy, né tránh trả lời chất vấn về những vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của mình. Nếu cố tình không thực hiện thì tùy mức độ sai phạm mà tổ chức đảng xem xét trách nhiệm.

## **Điều 10.** Trách nhiệm lãnh đạo, thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn

1- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nghiêm túc quyền và trách nhiệm trong hoạt động chất vấn.

a) Lãnh đạo tạo điều kiện cho đảng viên, cấp ủy viên thực hiện quyền và trách nhiệm chất vấn, trả lời chất vấn.

b) Lưu trữ văn bản, tài liệu chất vấn và trả lời chất vấn.

2- Ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì hội nghị:

a) Nhận các đề nghị chất vấn của đảng viên, cấp ủy viên.

b) Phân loại, xử lý các nội dung chất vấn để bố trí thời gian và yêu cầu đối tượng chất vấn trả lời bằng hình thức thích hợp.

c) Nhận trả lời chất vấn theo quy định (nếu tại kỳ họp người trả lời chất vấn chưa trả lời được) và thông báo cho người chất vấn biết.

3- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, đảng viên nêu cao ý thức tự phê bình

và phê bình; nâng cao nhận thức, nắm bắt thông tin chính xác để thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn đúng quy định.

4- Xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế chất vấn với dụng ý xấu, làm mất uy tín của tổ chức đảng, đảng viên; trù dập người chất vấn hoặc đùn đẩy, né tránh, không trả lời chất vấn những vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

#### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11.** Các cấp ủy, tổ chức đảng có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, quán triệt thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế và báo cáo kết quả thực hiện cho cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp.

**Điều 12.** Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này. Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện Quy chế. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì phản ánh về Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Quy chế này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

**\* CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT  
CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN**

**QUY TRÌNH TIẾN HÀNH CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ KỶ LUẬT  
ĐẢNG CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG  
(QUYẾT ĐỊNH SỐ 826-QĐ/UBKTTW, NGÀY 18-4-2008  
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá X;
- Căn cứ Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 của Bộ Chính trị về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng;
- Để góp phần nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng,

**ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này các quy trình tiến hành công tác kiểm tra và kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

**Điều 2.** Các đồng chí thành viên Ủy ban, cán bộ cấp vụ, kiểm tra viên, chuyên viên cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế Quyết định số 88-QĐ/KTTW, ngày 24-01-2002 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG**

**Chủ nhiệm**

**NGUYỄN VĂN CHI**

Bản sao lưu trữ

**QUY TRÌNH**  
**kiểm tra tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

**I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1. Lãnh đạo vụ báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách, đề xuất với Thường trực Ủy ban về tổ chức đảng và đảng viên của tổ chức đảng cần kiểm tra; nội dung, kế hoạch kiểm tra; dự kiến đoàn kiểm tra.

2- Thành viên Ủy ban và vụ trưởng trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra.

3- Thành viên Ủy ban và vụ trưởng báo cáo Thường trực Ủy ban về kết quả trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra để xem xét, ký quyết định kiểm tra và các văn bản kèm theo (kế hoạch kiểm tra, đoàn kiểm tra, nội dung gợi ý để tổ chức đảng được kiểm tra báo cáo giải trình).

4- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

**II. BƯỚC TIẾN HÀNH**

1- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với đại diện tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra để thông báo quyết định, kế hoạch kiểm tra, đoàn kiểm tra, thống nhất lịch trình tiến hành; gợi ý chuẩn bị báo cáo giải trình các nội dung kiểm tra; yêu cầu cung cấp tài liệu, phối hợp kiểm tra.

2- Đoàn kiểm tra tiến hành thẩm tra, xác minh:

- Thu thập và nghiên cứu tài liệu, văn bản, chứng cứ; gặp các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan; nhận bản giải trình của tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra.

- Nếu cần bổ sung đối tượng, nội dung kiểm tra hoặc giám định kỹ thuật, chuyên môn thì trưởng đoàn báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách trình Thường trực Ủy ban xem xét, quyết định.

- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra gặp đại diện tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra trao đổi những vấn đề cần bổ sung, làm rõ; nếu thấy sai phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì báo cáo Thường trực Ủy ban cho kết hợp làm quy trình xem xét, xử lý kỷ luật. Đoàn kiểm tra có thể tiến hành kiểm tra một số tổ chức đảng trực thuộc tổ chức đảng được kiểm tra để có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá.

### 3- Tổ chức hội nghị:

Nội dung: Nghe tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra báo cáo giải trình; đoàn kiểm tra thông báo kết quả thẩm tra, xác minh bằng văn bản; hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến, nhận xét và đề nghị; bỏ phiếu đề nghị hoặc tự nhận hình thức kỷ luật (nếu có)

- Thành phần: Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, đoàn kiểm tra, thành viên của tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra. Có thể mời đại diện cấp trên hoặc thành phần khác do trưởng đoàn quyết định.

4- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; chuẩn bị báo cáo kết quả kiểm tra; trao đổi với đại diện tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra về kết quả kiểm tra.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra, báo cáo Thường trực Ủy ban. Trường hợp có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đại diện Ủy ban gặp để nghe đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên được kiểm tra trình bày ý kiến trước khi trình Ủy ban xem xét, quyết định.

## III. BƯỚC KẾT THÚC

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:

- Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra; trình bày đầy đủ ý kiến của tổ



chức đảng và đảng viên được kiểm tra không đồng ý hoặc khác với đoàn kiểm tra.

- Ủy ban thảo luận và kết luận nội dung đã kiểm tra (có hoặc không có vi phạm); yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra về những vấn đề cần tiếp tục giải quyết (nếu có); quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra có vi phạm.

2- Thành viên Ủy ban và đại diện đoàn kiểm tra trao đổi nội dung kết luận, quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra trình bày ý kiến; báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh thông báo kết luận kiểm tra; quyết định kỷ luật hoặc báo cáo đề nghị cấp trên thi hành kỷ luật và những yêu cầu khác, báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban thông báo kết quả kiểm tra, những yêu cầu, kiến nghị và công bố quyết định kỷ luật (nếu có) đến tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra.

5- Đoàn kiểm tra và vụ họp rút kinh nghiệm cuộc kiểm tra; lập và lưu trữ hồ sơ. Vụ đôn đốc việc chấp hành kết luận, quyết định của Ủy ban hoặc của cấp trên.

**QUY TRÌNH**  
**kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm**  
*(Ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008*  
*của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

**I. BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Lãnh đạo vụ báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách, đề xuất với Thường trực Ủy ban về đảng viên cần kiểm tra, nội dung, kế hoạch, dự kiến đoàn kiểm tra.

2- Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng trao đổi với đại diện tổ chức đảng có liên quan về đảng viên cần kiểm tra và nội dung kiểm tra.

3- Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng báo cáo Thường trực Ủy ban kết quả trao đổi với đại diện tổ chức đảng có liên quan để xem xét, ký quyết định kiểm tra và các văn bản kèm theo (kế hoạch, đoàn kiểm tra, nội dung gợi ý để đảng viên được kiểm tra báo cáo giải trình).

4- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình kiểm tra và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

**II- BƯỚC TIẾN HÀNH**

1- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với đại diện tổ chức đảng có liên quan và đảng viên được kiểm tra để thông báo quyết định, kế hoạch, đoàn kiểm tra; thống nhất lịch trình tiến hành; yêu cầu đảng viên được kiểm tra chuẩn bị báo cáo giải trình các nội dung kiểm tra, yêu cầu cung cấp tài liệu, phối hợp kiểm tra.

2- Đoàn kiểm tra tiến hành thẩm tra, xác minh:

- Thu thập tài liệu, chứng cứ, gặp các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan, nhận bản giải trình, nghiên cứu tài liệu và các văn bản.

- Nếu cần bổ sung nội dung kiểm tra hoặc giám định kỹ thuật, chuyên môn thì trường đoàn báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách trình Thường trực Ủy ban xem xét, quyết định.

- Thành viên Ủy ban, đoàn kiểm tra gặp đảng viên được kiểm tra trao đổi những nội dung cần bổ sung, làm rõ; nếu thấy sai phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì báo cáo Thường trực Ủy ban cho kết hợp làm quy trình xem xét, xử lý kỷ luật.

### 3- Tổ chức hội nghị các tổ chức đảng có liên quan:

- Nội dung: Nghe đảng viên được kiểm tra báo cáo giải trình hoặc tự kiểm điểm; đoàn kiểm tra thông báo kết quả thẩm tra, xác minh bằng văn bản; hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến, nhận xét và đề nghị; bỏ phiếu đề nghị hình thức kỷ luật (nếu có).

- Thành phần:

+ Ở hội nghị chi bộ: đại diện cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên có liên quan hoặc đại diện Ban Thường vụ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham dự (nếu đảng viên là cán bộ đoàn).

+ Ở hội nghị cấp ủy, tổ chức đảng mà đảng viên được kiểm tra là thành viên: đại diện cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên dự.

+ Ở hội nghị ban thường vụ cấp ủy, cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương hoặc Ban Thường vụ Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương dự.

Tùy nội dung, đối tượng được kiểm tra, trường đoàn kiểm tra báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách để quyết định các cuộc họp cần thiết.

4- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; chuẩn bị báo cáo kết quả kiểm tra; trao đổi với đảng viên được kiểm tra và đại diện tổ chức đảng có liên quan về kết quả kiểm tra.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ, hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra; gửi báo cáo lên Thường trực Ủy ban. Trường hợp có vi phạm đến

mức phải xử lý kỷ luật thì đại diện Ủy ban gặp để nghe đảng viên được kiểm tra trình bày ý kiến trước khi trình Ủy ban xem xét, quyết định.

### **III- BƯỚC KẾT THÚC**

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:

- Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra; trình bày đầy đủ những ý kiến của đảng viên được kiểm tra và tổ chức đảng có liên quan không đồng ý hoặc khác với đoàn kiểm tra.

- Ủy ban thảo luận và kết luận nội dung đã kiểm tra (có hoặc không có vi phạm); yêu cầu tổ chức đảng có liên quan về những vấn đề cần tiếp tục giải quyết; quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật đối với đảng viên được kiểm tra có vi phạm.

2- Thành viên Ủy ban và đại diện đoàn kiểm tra trao đổi với đảng viên được kiểm tra và tổ chức đảng có liên quan về kết luận, quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để đảng viên được kiểm tra trình bày ý kiến (nếu tổ chức đảng có liên quan thấy cần trình bày thêm thì có văn bản); báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh thông báo quyết định kỷ luật hoặc báo cáo cấp trên thi hành kỷ luật và những yêu cầu khác (nếu có), báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban thông báo kết quả kiểm tra, những yêu cầu, kiến nghị và công bố quyết định kỷ luật (nếu có) đến đảng viên được kiểm tra và tổ chức đảng có liên quan.

5- Đoàn kiểm tra và vụ họp rút kinh nghiệm cuộc kiểm tra; lập và lưu trữ hồ sơ. Vụ đôn đốc việc chấp hành kết luận, quyết định của Ủy ban hoặc của cấp trên.

## **QUY TRÌNH**

**giải quyết tố cáo đối với đảng viên thuộc diện Trung ương quản lý**  
(Ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008  
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

### **I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Cán bộ kiểm tra nghiên cứu thư tố cáo; gặp người tố cáo (có từ hai người trở lên); tóm tắt nội dung tố cáo; báo cáo, đề xuất với lãnh đạo vụ về kế hoạch giải quyết tố cáo và dự kiến đoàn giải quyết tố cáo (gọi là đoàn kiểm tra).

2- Vụ trưởng báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách; trình Thường trực Ủy ban về đảng viên bị tố cáo và nội dung tố cáo.

3. Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng trao đổi với đại diện tổ chức đảng có liên quan và đảng viên bị tố cáo.

4. Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng báo cáo Thường trực Ủy ban về kết quả trao đổi với đại diện tổ chức đảng có liên quan và đảng viên bị tố cáo để Thường trực Ủy ban xem xét ký quyết định giải quyết tố cáo và các văn bản kèm theo (kế hoạch giải quyết tố cáo, đoàn kiểm tra, nội dung đảng viên bị tố cáo giải trình bằng văn bản).

5- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

### **II- BƯỚC TIẾN HÀNH**

1. Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với đại diện tổ chức đảng có liên quan và đảng viên bị tố cáo để thông báo quyết định, kế hoạch kiểm tra, thống nhất lịch trình tiến hành; yêu cầu đảng viên bị tố cáo chuẩn bị giải trình các nội dung bị tố cáo, cung cấp tài liệu, phối hợp giải quyết.

2- Đoàn kiểm tra tiến hành thẩm tra, xác minh:

- Làm việc với người tố cáo; nhận bản giải trình của đảng viên bị tố cáo thu thập và nghiên cứu tài liệu, văn bản, chứng cứ; gặp các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan.

- Nếu cần bổ sung nội dung kiểm tra hoặc giám định kỹ thuật, chuyên môn thì trưởng đoàn báo cáo thành viên ủy ban phụ trách trình Thường trực Ủy ban xem xét, quyết định.

- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra gặp đảng viên bị tố cáo để trao đổi những vấn đề cần bổ sung, làm rõ; nếu thấy sai phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì báo cáo Thường trực Ủy ban cho kết hợp làm quy trình xem xét, xử lý kỷ luật.

### 3- Tổ chức hội nghị:

Nội dung: nghe đảng viên bị tố cáo, trình bày bản giải trình và tự kiểm điểm (nếu có), đoàn kiểm tra thông báo kết quả thẩm tra, xác minh bằng văn bản; hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến và đề nghị, bỏ phiếu đề nghị hình thức kỷ luật (nếu có).

- Thành phần:

+ Ở hội nghị chi bộ: đại diện cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên có liên quan hoặc đại diện ban thường vụ Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham dự (nếu đảng viên là cán bộ đoàn).

+ Ở hội nghị cấp ủy, tổ chức đảng mà đảng viên bị tố cáo là thành viên: đại diện cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên dự.

+ Ở hội nghị ban thường vụ cấp ủy, cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương hoặc Ban Thường vụ Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương dự.

Tuỳ nội dung, đối tượng được kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách để quyết định các cuộc họp cần thiết.

4- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; chuẩn bị báo cáo kết quả giải quyết tố cáo; trao đổi với đảng viên bị tố cáo và đại diện tổ chức đảng có liên quan về kết quả giải quyết tố cáo.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ hoàn chỉnh báo cáo kết quả giải quyết tố cáo, gửi báo cáo lên Thường trực Ủy ban. Trường hợp có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đại diện Ủy ban nghe đảng viên bị tố cáo trình bày ý kiến trước khi trình Ủy ban xem xét, quyết định.

### III- BƯỚC KẾT THÚC

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định:

- Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả giải quyết tố cáo; trình bày đầy đủ ý kiến của đảng viên bị tố cáo và tổ chức đảng có liên quan không đồng ý hoặc khác với đoàn kiểm tra.

- Ủy ban thảo luận và kết luận giải quyết tố cáo (có hoặc không có vi phạm), yêu cầu tổ chức đảng có liên quan về những vấn đề cần tiếp tục giải quyết (nếu có), quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật đối với đảng viên bị tố cáo có vi phạm.

2- Thành viên Ủy ban và trưởng đoàn trao đổi với đảng viên bị tố cáo, đại diện tổ chức đảng có liên quan về kết luận, quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để đảng viên bị tố cáo trình bày ý kiến (nếu đại diện tổ chức đảng có liên quan thấy cần trình bày thêm thì có văn bản); báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh thông báo kết luận giải quyết tố cáo, quyết định kỷ luật hoặc báo cáo đề nghị cấp trên thi hành kỷ luật và những yêu cầu khác (nếu có), báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban thông báo kết quả giải quyết tố cáo, những yêu cầu, kiến nghị và công bố quyết định kỷ luật (nếu có) đến đảng viên bị tố cáo và tổ chức đảng có liên quan.

5- Đoàn kiểm tra và vụ họp rút kinh nghiệm việc giải quyết tố cáo; thông

báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo biết bằng hình thức thích hợp (do Thường trực Ủy ban quyết định); lập và lưu trữ hồ sơ. Vụ đơn đốc việc chấp hành kết luận, quyết định của Ủy ban hoặc của cấp trên.

Bản sao lưu trữ



## **QUY TRÌNH**

**giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng trực thuộc Trung ương**  
(Ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008  
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

### **I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Cán bộ kiểm tra nghiên cứu thư tố cáo; gặp người tố cáo, (có từ hai người trở lên); tóm tắt nội dung tố cáo; báo cáo, đề xuất với lãnh đạo vụ về kế hoạch giải quyết tố cáo, dự kiến đoàn giải quyết tố cáo (gọi là đoàn kiểm tra).

2- Vụ trưởng báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách; trình Thường trực Ủy ban về tổ chức đảng bị tố cáo và nội dung tố cáo.

3- Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng trao đổi với đại diện tổ chức đảng bị tố cáo.

4- Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng báo cáo Thường trực Ủy ban về kết quả trao đổi với đại diện tổ chức đảng bị tố cáo để Thường trực Ủy ban xem xét, quyết định lập đoàn kiểm tra và ký các văn bản kèm theo (kế hoạch giải quyết tố cáo, đoàn kiểm tra, nội dung đề tổ chức đảng bị tố cáo và đảng viên liên quan giải trình bằng văn bản).

5- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình giải quyết, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

### **II- BƯỚC TIẾN HÀNH**

1- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với tổ chức đảng bị tố cáo và các đảng viên có liên quan để thông báo quyết định, nội dung, tố cáo, kế hoạch giải quyết, đoàn kiểm tra; thống nhất lịch trình tiến hành; yêu cầu tổ chức đảng bị tố cáo và các đảng viên có liên quan chuẩn bị báo cáo giải trình các nội dung bị tố cáo, cung cấp tài liệu, phối hợp giải quyết.

2- Đoàn kiểm tra tiến hành thẩm tra, xác minh:

- Đoàn kiểm tra làm việc với người tố cáo, thu thập tài liệu, chứng cứ lập bản giải trình của tổ chức đảng và đảng viên có liên quan; nghiên cứu các tài liệu, văn bản; nếu có nội dung kiểm tra cần bổ sung hoặc giám định kỹ thuật chuyên môn thì trường đoàn báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách trình Trường trực Ủy ban xem xét, quyết định.

- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra gặp đại diện tổ chức đảng bị tố cáo và đảng viên có liên quan trao đổi những vấn đề cần bổ sung, làm rõ; nếu thấy sai phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì báo cáo Thường trực Ủy ban cho kết hợp làm quy trình xem xét, xử lý kỷ luật.

### 3- Tổ chức hội nghị:

Nội dung: nghe đại diện tổ chức đảng, đảng viên báo cáo giải trình và tự kiểm điểm (nếu có); đoàn kiểm tra thông báo kết quả thẩm tra, xác minh bằng văn bản; hội nghị thảo luận, nhận xét và đề nghị; bỏ phiếu đề nghị hoặc tự nhận hình thức kỷ luật (nếu có).

- Thành phần: tổ chức đảng bị tố cáo và đảng viên có liên quan. Có đại diện tổ chức đảng cấp trên hoặc thành phần khác do thành viên Ủy ban trao đổi với đoàn kiểm tra quyết định.

4- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; chuẩn bị báo cáo kết quả giải quyết tố cáo, trao đổi với đại diện tổ chức đảng bị tố cáo và các đảng viên có liên quan về kết quả giải quyết tố cáo.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ hoàn chỉnh báo cáo kết quả giải quyết tố cáo; gửi báo cáo lên Thường trực Ủy ban. Trường hợp có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đại diện Ủy ban gặp để nghe đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên có liên quan trình bày ý kiến trước khi trình Ủy ban xem xét, quyết định.

## III. BƯỚC KẾT THÚC

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:

- Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả giải quyết tố cáo; trình bày đầy đủ ý kiến mà tổ chức đảng bị tố cáo và đảng viên có liên quan không đồng ý hoặc khác với đoàn kiểm tra.

- Ủy ban thảo luận và kết luận giải quyết tố cáo (có hoặc không có vi phạm); yêu cầu tổ chức đảng bị tố cáo và các đảng viên có liên quan về những vấn đề cần giải quyết (nếu có); quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng bị tố cáo và đảng viên có vi phạm.

2- Thành viên Ủy ban và trưởng đoàn trao đổi kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để tổ chức đảng bị tố cáo và đảng viên có liên quan trình bày ý kiến, báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh thông báo kết luận giải quyết tố cáo, quyết định kỷ luật hoặc báo cáo đề nghị cấp trên thi hành kỷ luật và những yêu cầu khác (nếu có), báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản, trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban thông báo kết quả giải quyết tố cáo, những yêu cầu kiến nghị và công bố quyết định kỷ luật (nếu có) với tổ chức đảng bị tố cáo và đảng viên có liên quan.

5- Đoàn kiểm tra và vụ họp rút kinh nghiệm giải quyết tố cáo; thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo biết bằng hình thức thích hợp (do Thường trực Ủy ban quyết định) lập và lưu trữ hồ sơ. Vụ đôn đốc việc chấp hành kết luận, quyết định của Ủy ban hoặc của cấp trên.

## **QUY TRÌNH**

### **giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với đảng viên**

*(Ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 8 tháng 4 năm 2008 của ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

#### **I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Cán bộ kiểm tra nghiên cứu thư khiếu nại; gặp người khiếu nại (có từ hai người trở lên); nghiên cứu hồ sơ kỷ luật, tóm tắt nội dung khiếu nại; báo cáo, đề xuất lãnh đạo vụ kế hoạch giải quyết, dự kiến đoàn giải quyết khiếu nại (gọi là đoàn kiểm tra).

2- Vụ trưởng báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách; trình Thường trực Ủy ban về người khiếu nại, nội dung khiếu nại và kế hoạch giải quyết khiếu nại.

3- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình giải quyết, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

#### **II- BƯỚC TIẾN HÀNH**

1. Đoàn kiểm tra làm việc với đại diện thường trực cấp ủy trực thuộc Trung ương để triển khai kế hoạch và yêu cầu cử cán bộ phối hợp giải quyết.

2- Đoàn kiểm tra làm việc với người khiếu nại, đại diện các tổ chức đảng cấp dưới đã đề nghị kỷ luật, quyết định kỷ luật hoặc giải quyết khiếu nại kỷ luật, làm rõ các điểm khác nhau giữa nội dung khiếu nại kỷ luật với quyết định kỷ luật.

- Thu thập, nghiên cứu tài liệu, văn bản; nếu cần bổ sung nội dung để xem xét hoặc giám định kỹ thuật, chuyên môn thì trường đoàn báo cáo thành viên ủy ban phụ trách trình Thường trực Ủy ban xem xét, quyết định.

3- Tổ chức hội nghị với ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy trực thuộc Trung ương để đoàn kiểm tra trao đổi kết quả thẩm tra, xác minh; hội nghị thảo luận và đề nghị.

4- Đoàn kiểm tra trao đổi với người khiếu nại; tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; chuẩn bị báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ hoàn chỉnh báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại; gửi báo cáo lên Thường trực Ủy ban.

### **III- BƯỚC KẾT THÚC**

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:

Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, trình bày đầy đủ ý kiến của người khiếu nại, ý kiến và đề nghị của các tổ chức đảng cấp dưới.

Trường hợp bị kỷ luật khai trừ thì báo cáo thêm về tư cách, phẩm chất của người khiếu nại từ sau khi bị kỷ luật.

- Ủy ban thảo luận, kết luận và quyết định giải quyết khiếu nại; yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới về những vấn đề cần tiếp tục giải quyết (nếu có).

2- Trưởng đoàn trao đổi nội dung kết luận, quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương với thường trực cấp ủy trực thuộc Trung ương, nếu thường trực cấp ủy có ý kiến khác thì gửi văn bản báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh quyết định của Ủy ban hoặc báo cáo đề nghị cấp trên quyết định (nếu có), báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản, trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban thông báo quyết định giải quyết khiếu nại đến người khiếu nại và tổ chức đảng có liên quan.

5- Đoàn kiểm tra và vụ họp rút kinh nghiệm việc giải quyết khiếu nại; lập và lưu trữ hồ sơ; vụ đôn đốc việc chấp hành kết luận quyết định của Ủy ban hoặc của cấp trên.

## **QUY TRÌNH**

### **giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng**

*(Ban hành theo quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008  
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

#### **I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Cán bộ kiểm tra nghiên cứu thư khiếu nại; gặp đại diện tổ chức đảng khiếu nại, tổ chức đảng đã thi hành kỷ luật hoặc đã giải quyết khiếu nại kỷ luật (có từ hai người trở lên); nghiên cứu hồ sơ kỷ luật, tóm tắt nội dung khiếu nại; báo cáo, đề xuất với lãnh đạo vụ kế hoạch giải quyết, dự kiến đoàn giải quyết khiếu nại (gọi là đoàn kiểm tra).

2- Vụ trưởng báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách; trình Thường trực Ủy ban về tổ chức đảng khiếu nại, nội dung khiếu nại; đề nghị thành lập đoàn kiểm tra và kế hoạch giải quyết, khiếu nại.

3- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình giải quyết, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

#### **II. BƯỚC TIẾN HÀNH**

1- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với đại diện thường trực cấp ủy trực thuộc Trung ương để triển khai kế hoạch và yêu cầu cử cán bộ phối hợp giải quyết.

2- Đoàn kiểm tra làm việc với tổ chức đảng khiếu nại, đại diện các tổ chức đảng cấp dưới đã đề nghị kỷ luật, quyết định kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật, làm rõ các điểm khác nhau giữa nội dung khiếu nại kỷ luật với quyết định kỷ luật.

- Thu thập, nghiên cứu tài liệu, văn bản, chứng cứ; nếu cần bổ sung nội dung để xem xét hoặc giám định kỹ thuật, chuyên môn thì trưởng đoàn báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách trình Thường trực Ủy ban xem xét, quyết định.

3- Tổ chức hội nghị với ban thường vụ trực thuộc Trung ương để đoàn kiểm tra trao đổi kết quả thẩm tra, xác minh; hội nghị thảo luận và đề nghị.

4- Đoàn kiểm tra làm việc với tổ chức đảng khiếu nại; tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; chuẩn bị báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ, hoàn chỉnh báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, gửi báo cáo lên Thường trực Ủy ban.

### III- BƯỚC KẾT THÚC

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:

- Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, trình bày đầy đủ ý kiến của tổ chức đảng khiếu nại, ý kiến và đề nghị của các tổ chức đảng cấp dưới.

- Ủy ban thảo luận, kết luận và đề nghị Bộ chính trị, Ban Bí thư quyết định giải quyết khiếu nại; yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới về những vấn đề cần tiếp tục giải quyết (nếu có).

2- Trưởng đoàn trao đổi nội dung kết luận và đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương với ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương, nếu ban thường vụ cấp ủy có ý kiến khác thì gửi văn bản báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh báo cáo đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định chuẩn y, thay đổi hay xoá bỏ hình thức kỷ luật của tổ chức đảng (nếu có), báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản, trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban thông báo quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến tổ chức đảng khiếu nại và các tổ chức đảng có liên quan (nếu được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao).

5- Đoàn kiểm tra và vụ họp rút kinh nghiệm việc giải quyết khiếu nại, lập và lưu trữ hồ sơ; vụ đơn đốc việc chấp hành kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Bản sao lưu trữ



## **QUY TRÌNH**

**kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra**  
(Ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008  
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

### **I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Lãnh đạo vụ báo cáo thành viên ủy ban phụ trách, trình Thường trực Ủy ban về tổ chức đảng cần kiểm tra, nội dung, kế hoạch và dự kiến đoàn kiểm tra.

2- Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra về nội dung kiểm tra.

3- Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng báo cáo Thường trực Ủy ban về kết quả trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra để xem xét, ký quyết định kiểm tra và có văn bản kèm theo (kế hoạch kiểm tra, đoàn kiểm tra, nội dung gợi ý để tổ chức đảng được kiểm tra báo cáo).

4- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình kiểm tra; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

### **II- BƯỚC TIẾN HÀNH**

1- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với tổ chức đảng được kiểm tra để thông báo quyết định, kế hoạch, đoàn kiểm tra; thống nhất lịch trình tiến hành; gợi ý chuẩn bị báo cáo bằng văn bản các nội dung kiểm tra; yêu cầu cung cấp tài liệu và phối hợp kiểm tra.

2- Đoàn kiểm tra tiến hành thẩm tra, xác minh:

- Nhận và nghiên cứu báo cáo của tổ chức đảng được kiểm tra; gặp các tổ chức đảng, đảng viên có liên quan; kiểm tra một số tổ chức đảng cấp dưới của tổ chức đảng được kiểm tra;

- Gặp đại diện tổ chức đảng được kiểm tra trao đổi những nội dung cần bổ sung vào báo cáo (nếu có).

**3- Tổ chức hội nghị:**

- Nội dung: Nghe tổ chức đảng được kiểm tra báo cáo; đoàn kiểm tra thông báo kết quả thẩm tra, xác minh bằng văn bản; hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến nhận xét và đề nghị.

- Thành phần: đại diện cấp trên hoặc các thành phần khác do thành viên Ủy ban trao đổi với đoàn kiểm tra để quyết định.

4- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; chuẩn bị báo cáo kết quả kiểm tra; trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra về kết quả kiểm tra.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ để hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra; gửi báo cáo lên Thường trực Ủy ban.

### **III, BƯỚC KẾT THÚC**

**1-Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:**

- Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, trình bày đầy đủ ý kiến mà tổ chức đảng được kiểm tra không đồng ý hoặc khác với đoàn kiểm tra.

- Ủy ban thảo luận và kết luận nội dung đã kiểm tra; yêu cầu tổ chức đảng được kiểm tra về những vấn đề cần tiếp tục giải quyết (nếu có).

2- Thành viên Ủy ban và trưởng đoàn trao đổi nội dung kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để tổ chức đảng được kiểm tra trình bày ý kiến; báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh thông báo kết luận kiểm tra và những yêu cầu khác (nếu có), báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản; trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban thông báo kết quả kiểm tra, những yêu cầu cần giải quyết đến tổ chức đảng được kiểm tra.

5- Đoàn kiểm tra và vụ họp rút kinh nghiệm cuộc kiểm tra; lập và lưu trữ hồ sơ. Vụ đôn đốc việc chấp hành kết luận, quyết định của Ủy ban hoặc của cấp trên.

Bản sao lưu trữ

## **QUY TRÌNH**

### **kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng**

*(Ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

#### **I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Lãnh đạo vụ báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách, trình Thường trực Ủy ban về tổ chức đảng cần kiểm tra, nội dung, kế hoạch và dự kiến đoàn kiểm tra.

2- Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra.

3- Thành viên hoặc vụ trưởng báo cáo Thường trực Ủy ban về kết quả trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra để xem xét, ký quyết định kiểm tra và các văn bản kèm theo (kế hoạch kiểm tra, đoàn kiểm tra, nội dung gợi ý để tổ chức đảng được kiểm tra báo cáo)

4- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình kiểm tra; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

#### **II- BƯỚC TIẾN HÀNH**

1- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra để thông báo quyết định, kế hoạch, đoàn kiểm tra; thống nhất lịch trình tiến hành, gợi ý chuẩn bị báo cáo bằng văn bản về các nội dung kiểm tra; yêu cầu cung cấp tài liệu và cử cán bộ phối hợp kiểm tra.

2- Đoàn kiểm tra tiến hành thẩm tra, xác minh:

Thu thập tài liệu; gặp các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan; nhận và nghiên cứu báo cáo của tổ chức đảng được kiểm tra.

- Nếu cần bổ sung nội dung kiểm tra, thay đổi, xoá bỏ hình thức kỷ luật

đối với các vụ kỷ luật do cấp dưới xử lý hoặc phải thi hành kỷ luật đối với các vụ vi phạm mà cấp dưới không xử lý kỷ luật thì trưởng đoàn báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách, trình Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết ;

- Gặp đại diện tổ chức được kiểm tra trao đổi những nội dung cần bổ sung vào báo cáo (nếu có).

### 3- Tổ chức hội nghị:

Nội dung: Nghe báo cáo của tổ chức đảng được kiểm tra; đoàn kiểm tra thông báo kết quả thẩm tra, xác minh bằng văn bản, gợi ý xem xét những vụ xử lý kỷ luật có dấu hiệu xử lý không đúng mức, những vi phạm đáng xử lý mà không xử lý hoặc những vi phạm về nguyên tắc, thủ tục trong xử lý kỷ luật để hội nghị thảo luận, nhận xét và đề nghị.

Thành phần: ban thường vụ cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra được kiểm tra. Tùy nội dung, yêu cầu kiểm tra, có thể mời các thành phần khác dự thì thành viên Ủy ban trao đổi với đoàn kiểm tra để quyết định.

4- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; chuẩn bị báo cáo kết quả kiểm tra trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra về kết quả kiểm tra.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra; gửi báo cáo Thường trực Ủy ban.

Trường hợp có vi phạm đến mức phải xử lý nhưng cấp ủy cấp dưới không xử lý thì đại diện Ủy ban gặp để nghe đảng viên có vi phạm trình bày ý kiến trước khi trình Ủy ban xem xét, quyết định.

## III- BƯỚC KẾT THÚC

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:

- Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra; trình bày đầy đủ những ý kiến của tổ chức đảng được kiểm tra không đồng ý hoặc khác với đoàn kiểm tra.

- Ủy ban thảo luận và kết luận cuộc kiểm tra; những vấn đề yêu cầu tổ

chức đảng cấp dưới thực hiện (về kỷ luật, về giải quyết khiếu nại kỷ luật, về nguyên tắc thủ tục); quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thay đổi hình thức kỷ luật đối với các trường hợp xử lý không đúng mức hoặc thi hành kỷ luật đối với những trường hợp vi phạm mà tổ chức đảng được kiểm tra không xử lý (nếu có).

2- Thành viên Ủy ban và trưởng đoàn trao đổi kết luận, quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến tổ chức đảng được kiểm tra và các đối tượng vi phạm phải xử lý kỷ luật (nếu có) trình bày ý kiến bằng văn bản; báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh thông báo kết luận kiểm tra, quyết định thay đổi, xoá bỏ hoặc thi hành kỷ luật (nếu có), báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản, trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban thông báo kết quả kiểm tra, các yêu cầu với tổ chức đảng có liên quan và công bố quyết định thay đổi, xoá bỏ hình thức kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật (nếu có) đến tổ chức đảng được kiểm tra và đảng viên có liên quan.

5- Đoàn kiểm tra và vụ hợp rút kinh nghiệm cuộc kiểm tra, lập và lưu trữ hồ sơ. Vụ đơn đốc việc chấp hành kết luận của Ủy ban hoặc của cấp trên.

**QUY TRÌNH**  
**kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới**  
*(Ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008*  
*của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

**I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Lãnh đạo Vụ báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách, trình Thường trực Ủy ban về tổ chức đảng cần kiểm tra, nội dung, kế hoạch và dự kiến đoàn kiểm tra.

2- Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng trực tiếp trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra về nội dung, thời gian, thời điểm kiểm tra.

3 - Thành viên Ủy ban hoặc vụ trưởng báo cáo Thường trực Ủy ban về kết quả trao đổi với đại diện tổ chức đảng được kiểm tra để Thường trực ủy ban xem xét, ký quyết định kiểm tra và các văn bản kèm theo (kế hoạch kiểm tra, đoàn kiểm tra, nội dung gợi ý cho tổ chức đảng được kiểm tra chuẩn bị báo cáo).

4- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình kiểm tra; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

**II- BƯỚC TIẾN HÀNH**

1- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với đại diện cấp uỷ, tổ chức đảng được kiểm tra để thông báo quyết định, kế hoạch, đoàn kiểm tra; thống nhất lịch trình tiến hành; gợi ý tổ chức đảng được kiểm tra chuẩn bị văn bản báo cáo các nội dung kiểm tra, yêu cầu cung cấp tài liệu và phối hợp kiểm tra;

2- Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo lịch trình:

- Nghe tổ chức đảng được kiểm tra báo cáo tự kiểm tra; nghiên cứu văn bản, tài liệu, sổ sách, chứng từ kế toán có liên quan đến nội dung kiểm tra; nghiên cứu báo cáo tài chính của tổ chức đảng được kiểm tra;

- Nếu cần bổ sung nội dung kiểm tra, giám định kỹ thuật, chuyên môn hoặc về nội dung thẩm tra xác minh liên quan đến lĩnh vực khác thì trưởng đoàn báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách trình Thường trực Ủy ban xem xét, quyết

- Gặp đại diện tổ chức đảng được kiểm tra trao đổi nội dung cần bổ sung vào báo cáo (nếu có); nếu thấy sai phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì báo cáo Thường trực Ủy ban cho kết hợp làm quy trình xem xét, xử lý kỷ luật.

### 3- Tổ chức hội nghị:

- Nội dung: Đoàn kiểm tra thông báo dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra bằng văn bản, hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến, nhận xét và đề nghị, bỏ phiếu đề nghị hoặc tự nhận hình thức kỷ luật (nếu có). Tổ chức được kiểm tra và đảng viên có liên quan đồng ý hoặc có ý kiến khác thì đề nghị bằng văn bản.

Thành phần: Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, đoàn kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ, đại diện tổ chức đảng cấp dưới được kiểm tra và cá nhân có liên quan.

4- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; hoàn chỉnh văn bản báo cáo kết quả kiểm tra.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra trình Thường trực Ủy ban. Trường hợp có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đại diện Ủy ban gặp để nghe tổ chức đảng, đảng viên có liên quan trình bày ý kiến trước khi trình Ủy ban xem xét, quyết định.

## III- BƯỚC KẾT THÚC

1 - Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:

- Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, trình bày đầy đủ ý kiến mà tổ chức đảng và các thành viên được kiểm tra không đồng ý hoặc khác với đoàn kiểm tra.

- Ủy ban thảo luận và kết luận nội dung đã kiểm tra; yêu cầu tổ chức



đảng được kiểm tra và đảng viên có liên quan những vấn đề cần tiếp tục giải quyết (nếu có); quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm.

2 - Thành viên Ủy ban và trưởng đoàn kiểm tra trao đổi nội dung kết luận, quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để tổ chức đảng được kiểm tra và đảng viên có liên quan trình bày ý kiến bằng văn bản; báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh thông báo kết luận kiểm tra, quyết định kỷ luật hoặc báo cáo đề nghị cấp trên thi hành kỷ luật và những yêu cầu khác (nếu có), báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản; trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện ủy ban thông báo kết luận kiểm tra, những yêu cầu, kiến nghị và công bố quyết định kỷ luật (nếu có) đến tổ chức đảng và đảng viên liên quan.

5- Đoàn kiểm tra và vụ họp rút kinh nghiệm cuộc kiểm tra, lập và lưu trữ hồ sơ. Vụ đôn đốc chấp hành kết luận, quyết định của Ủy ban hoặc của cấp trên.

## **QUY TRÌNH**

### **kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp**

*(Ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008  
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

#### **I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Lãnh đạo vụ báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách, trình Thường trực Ủy ban về nội dung, kế hoạch và dự kiến đoàn kiểm tra.

2- Thành viên Ủy ban và vụ trưởng trao đổi với đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng về nội dung, thời gian, thời điểm kiểm tra; nghe đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng trao đổi những nội dung cần bổ sung (nếu có).

3- Thành viên Ủy ban và vụ trưởng báo cáo Thường trực Ủy ban về kết quả trao đổi với đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng để Thường trực Ủy ban xem xét, ký quyết định kiểm tra và các văn bản kèm theo (kế hoạch kiểm tra, đoàn kiểm tra, nội dung gợi ý cho tổ chức đảng được kiểm tra chuẩn bị báo cáo).

4- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình kiểm tra; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

#### **II- BƯỚC TIẾN HÀNH**

1- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng để thông báo quyết định, kế hoạch, đoàn kiểm tra; thống nhất lịch trình tiến hành; gợi ý chuẩn bị văn bản báo cáo theo các nội dung kiểm tra; yêu cầu cung cấp tài liệu và phối hợp kiểm tra.

2- Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo lịch trình:

- Nghe lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo tự kiểm tra, nghiên cứu báo cáo của lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, các văn bản, tài

liệu, sổ sách, chứng từ kế toán có liên quan đến nội dung kiểm tra;

- Nếu cần bổ sung nội dung kiểm tra, giám định kỹ thuật, chuyên môn hoặc về nội dung thẩm tra, xác minh liên quan đến lĩnh vực khác thì trường đoàn kiểm tra báo cáo thành viên ủy ban phụ trách, trình Thường trực Ủy ban xem xét, quyết định;

- Thành viên Ủy ban, đoàn kiểm tra gặp đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng trao đổi những nội dung cần bổ sung vào báo cáo (nếu có), những vấn đề cần giải trình, làm rõ; nếu thấy sai phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì báo cáo Thường trực Ủy ban cho kết hợp làm quy trình xem xét, xử lý kỷ luật.

### 3-Tổ chức hội nghị:

Nội dung: Đoàn kiểm tra thông báo dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra bằng văn bản; hội nghị thảo luận, nhận xét và đề nghị, bỏ phiếu đề nghị hoặc tự nhận hình thức kỷ luật (nếu có). Tổ chức đảng được kiểm tra và đảng viên có liên quan đồng ý hoặc có ý kiến khác với kết quả kiểm tra thì đề nghị bằng văn bản. Thành phần: Đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, đoàn kiểm tra, tập thể lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, đại diện các đơn vị được kiểm tra, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

4- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ; hoàn chỉnh văn bản báo cáo kết quả kiểm tra.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra; gửi Thường trực Ủy ban. Trường hợp có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đại diện Ủy ban gặp để nghe tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm trình bày ý kiến trước khi trình Ủy ban xem xét, quyết định.

## III- BƯỚC KẾT THÚC

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:

- Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, trình bày đầy đủ ý kiến mà tổ

chức đảng và các thành viên được kiểm tra không đồng ý hoặc khác với đoàn kiểm tra.

- Ủy ban thảo luận và kết luận nội dung đã kiểm tra; yêu cầu tổ chức đảng được kiểm tra và đảng viên có liên quan về những vấn đề cần tiếp tục giải quyết (nếu có); quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên liên quan có vi phạm.

2- Thành viên Ủy ban và trưởng đoàn kiểm tra trao đổi nội dung kết luận, quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng để lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng và tổ chức, cá nhân có liên quan trình bày ý kiến bằng văn bản; báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét, giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh thông báo kết luận kiểm tra, quyết định kỷ luật hoặc báo cáo đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật và những yêu cầu khác (nếu có), báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến đề hoàn chỉnh văn bản; trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban thông báo kết luận kiểm tra, những yêu cầu, kiến nghị và công bố quyết định kỷ luật (nếu có) đến tổ chức đảng và đảng viên có liên quan.

5- Đoàn kiểm tra và Vụ họp rút kinh nghiệm cuộc kiểm tra; lập và lưu trữ hồ sơ. Vụ đôn đốc chấp hành kết luận, quyết định của Ủy ban hoặc của cấp trên.

## **QUY TRÌNH**

**xem xét, thi hành kỷ luật đảng viên thuộc diện Trung ương quản lý và cấp  
ủy viên cấp dưới trực thuộc Trung ương**

*(Ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-UBKTTW ngày 18 tháng 4 năm 2008  
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)*

### **I- BƯỚC CHUẨN BỊ**

1- Lãnh đạo vụ nghiên cứu hồ sơ đề nghị thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới, báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách, trình Thường trực Ủy ban về đối tượng, nội dung vi phạm và đề xuất kế hoạch xem xét, xử lý kỷ luật, dự kiến đoàn kiểm tra.

2- Thành viên Ủy ban và vụ trưởng trao đổi với đại diện tổ chức đảng đã đề nghị thi hành kỷ luật đảng viên.

3- Vụ trưởng báo cáo Thường trực Ủy ban về kết quả trao đổi với tổ chức đảng có liên quan để xem xét, ký quyết định và các văn bản (kế hoạch kiểm tra, đoàn kiểm tra)

4- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình giải quyết; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

### **II- BƯỚC TIẾN HÀNH**

1- Thành viên Ủy ban và đoàn kiểm tra làm việc với đại diện tổ chức đảng đã đề nghị thi hành kỷ luật và đảng viên vi phạm để thông báo kế hoạch xem xét kỷ luật; yêu cầu tổ chức đảng có liên quan phối hợp tiến hành, đảng viên vi phạm báo cáo những vấn đề cần thiết (nếu có).

2- Đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ kỷ luật; làm việc với tổ chức đảng có liên quan; thẩm tra xác minh thêm những vấn đề cần thiết và xem xét việc thực hiện nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật.

- Nếu cần bổ sung nội dung hoặc những vấn đề cần bổ khuyết về nguyên

tắc thủ tục thi hành kỷ luật thì trường đoàn báo cáo thành viên Ủy ban phụ trách trình Thường trực Ủy ban xem xét quyết định;

- Gặp đảng viên có vi phạm trao đổi những nội dung cần bổ sung vào bản tự kiểm điểm (nếu có) và tổ chức đảng có liên quan để yêu cầu khắc phục những thiếu sót trong việc thực hiện nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật (nếu có).

3- Đoàn kiểm tra làm việc với tổ chức đảng đã đề nghị thi hành kỷ luật, trao đổi về những nội dung vi phạm và những vấn đề còn khác nhau giữa kết luận của tổ chức đảng với kết quả thẩm tra xác minh của đoàn kiểm tra để làm rõ thêm về nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân của vi phạm.

4- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những vấn đề cần thiết; chuẩn bị báo cáo việc thi hành kỷ luật.

5- Đoàn kiểm tra trao đổi với lãnh đạo vụ hoàn chỉnh báo cáo việc thi hành kỷ luật; gửi báo cáo lên Thường trực Ủy ban; đại diện Ủy ban gặp để nghe đảng viên có vi phạm trình bày ý kiến trước khi trình Ủy ban xem xét, quyết định.

### **III- BƯỚC KẾT THÚC**

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, kết luận:

- Đoàn kiểm tra báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật, trình bày đầy đủ ý kiến mà tổ chức đảng có liên quan không đồng ý hoặc khác với đoàn kiểm tra.

- Đảng viên có vi phạm và đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên có vi phạm trình bày ý kiến.

- Ủy ban thảo luận và kết luận; yêu cầu tổ chức đảng có liên quan về những vấn đề cần tiếp tục giải quyết (nếu có); quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật đối với đảng viên vi phạm.

2- Thành viên Ủy ban và trưởng đoàn kiểm tra trao đổi kết luận, quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để tổ chức đảng đã đề nghị thi hành kỷ

luật và đảng viên vi phạm có ý kiến bằng văn bản, báo cáo Thường trực Ủy ban xem xét giải quyết.

3- Đoàn kiểm tra và lãnh đạo vụ phối hợp với Vụ Tổng hợp hoàn chỉnh báo cáo, quyết định của Ủy ban hoặc đề nghị Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương thi hành kỷ luật theo thẩm quyền, báo cáo đồng chí thành viên Ủy ban phụ trách cho ý kiến để hoàn chỉnh văn bản; trình Thường trực Ủy ban ký ban hành.

4- Đại diện Ủy ban công bố quyết định kỷ luật đến đảng viên và tổ chức đảng có liên quan để chấp hành.

5- Đoàn kiểm tra và vụ hợp rút kinh nghiệm; lập và lưu trữ hồ sơ. Vụ đôn đốc việc chấp hành kết luận, quyết định kỷ luật của Ủy ban hoặc cấp trên.

**VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN VI PHẠM  
(QUY ĐỊNH SỐ 94/QĐ-TW NGÀY 15-10-2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)**

*Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Căn cứ nghị quyết chỉ thị, quy định của Đảng; Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước;*

*Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá X;*

*Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,*

*Bộ Chính trị quy định về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm như sau*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng xử lý kỷ luật**

1- Tất cả đảng viên, nếu vi phạm trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; nói, viết và làm trái với quan điểm, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, nguyên tắc, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; vi phạm các quy định về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình; bản thân hoặc có con kết hôn với người nước ngoài mà không báo cáo đều phải xử lý kỷ luật theo quy định này.

2- Đảng viên vi phạm trước đây nhưng sau khi chuyển công tác, nghỉ việc, hoặc nghỉ hưu mới phát hiện vi phạm thì vẫn phải xem xét, kết luận; nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải thi hành kỷ luật theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và những nội dung nêu trong quy định này.

**Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật**



1. Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng. Đảng viên ở bất cứ cương vị, lĩnh vực công tác nào, nếu vi phạm kỷ luật của Đảng đều phải được xem xét, xử lý kỷ luật nghiêm minh.

2- Việc thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm phải thực hiện đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3- Khi xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, thái độ tiếp thu phê bình và sửa chữa, khắc phục khuyết điểm; mục tiêu, yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

4- Các hình thức kỷ luật đảng viên được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải thi hành kỷ luật nghiêm minh; vi phạm đến mức khai trừ thì phải khai trừ, không áp dụng hình thức xoá tên; cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không cho thôi giữ chức; đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, không đủ tư cách thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

5- Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự, không “xử lý nội bộ”; bị toà án tuyên phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên thì phải khai trừ; nếu bị xử phạt bằng hình thức thấp hơn, được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử phạt hành chính thì tùy nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà xem xét thi hành kỷ luật đảng một cách thích hợp.

6- Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể và các hình thức xử lý của pháp luật. Đảng viên bị thi hành kỷ luật về Đảng thì cấp uỷ quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, phải xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể. Khi các

cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ công tác, khởi tố bị can hoặc thi hành kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên thì phải thông báo ngay cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó biết. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức đảng quản lý đảng viên phải xem xét xử lý kỷ luật về Đảng.

7- Đảng viên vi phạm đang trong thời gian nghỉ thai sản theo chế độ quy định, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mất khả năng nhận thức, được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

### **Điều 3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng mức kỷ luật**

1- Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau được xem xét giảm mức kỷ luật:

a) Chủ động báo cáo vi phạm của mình, tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm.

b) Chủ động báo cáo, cung cấp thông tin, phản ánh về những người cùng vi phạm.

c) Chủ động khắc phục hậu quả vi phạm và tích cực tham gia ngăn chặn hành vi vi phạm; tự giác bồi thường những thiệt hại do mình gây ra.

2- Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau phải xem xét tăng mức kỷ luật:

a) Đã được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhắc nhở, giáo dục mà không sửa chữa khuyết điểm, vi phạm.

b) Không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm của mình mà còn quanh co, che giấu vi phạm.

c) Bao che cho người cùng vi phạm; trù dập, trả thù người thẳng thắn đấu tranh, tố cáo vi phạm hoặc cung cấp chứng cứ vi phạm.

d) Cung cấp thông tin sai sự thật; ngăn cản người khác cung cấp chứng cứ vi phạm.

đ) Đối phó, cản trở quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm.

- e) Vi phạm do lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, chính sách xã hội.
- g) Vi phạm gây thiệt hại về vật chất phải bồi hoàn nhưng không bồi hoàn.
- h) Vi phạm nhiều lần, tái vi phạm; bị xử lý kỷ luật nhiều lần về cùng nội dung.
- i) Vi phạm có tổ chức; là người tổ chức, chủ mưu, khởi xướng hành vi vi phạm.
- k) Ép buộc, vận động, tổ chức, tiếp tay cho người khác cùng vi phạm.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG VI PHẠM VÀ HÌNH THỨC XỬ LÝ**

#### **Điều 4. Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ**

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thiếu trách nhiệm trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Bị kích động, xúi giục, bị mua chuộc, lôi kéo hoặc tự mình tham gia các hoạt động làm mất dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; nhận xét, đánh giá tùy tiện, có dụng ý xấu đối với cá nhân và tổ chức.

c) Tự mình hoặc lôi kéo người khác làm trái nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; vi phạm quy chế dân chủ, quy chế làm việc của cấp uỷ, các quy định của cơ quan, tổ chức ở nơi công tác.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm, hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phù quyết ý kiến của đa số khi thông

qua nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận thuộc thẩm quyền của tập thể.

b) Vi phạm các quy định về bầu cử của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Sau khi đã được trình bày nguyện vọng, hoàn cảnh, khi tổ chức ra quyết định vẫn không chấp hành sự phân công, điều động, luân chuyển cán bộ của tổ chức đảng và tổ chức nhà nước.

c) Tự ý nhận giữ chức sắc của các tổ chức tôn giáo khi chưa báo cáo hoặc đã báo cáo nhưng chưa được tổ chức có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

d) Quan liêu, thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý địa phương, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra lãng phí, tham nhũng, mất dân chủ, mất đoàn kết hoặc các tiêu cực khác.

e) Bản thân gây thiệt hại về kinh tế phải bồi hoàn nhưng cố ý không bồi hoàn.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, vô tổ chức, vô kỷ luật, cố ý bỏ sinh hoạt đảng; không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Lừa dối cấp trên, báo cáo sai, xuyên tạc sự thật; che giấu khuyết điểm, vi phạm của bản thân, của người khác hoặc của tổ chức; tạo thành tích giả; cơ hội, kèn cựa, địa vị, độc đoán, chuyên quyền; lợi dụng quyền dân chủ để kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết trong tổ chức, cơ quan, đơn vị nơi mình sinh hoạt, công tác.

c) Không tán thành quan điểm, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng; phủ định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lợi dụng dân chủ, quyền bảo lưu ý kiến, quyền tự do ngôn luận để tuyên truyền chống Đảng; ủng hộ hoặc tán thành đa nguyên, đa đảng.

**Điều 5. Vi phạm về kỷ luật phát ngôn**

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau đây gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước về hoạt động báo chí, tuyên truyền.

b) Tuyên truyền, sao chép, tán phát những tài liệu có nội dung xấu, làm lộ bí mật của Đảng, Nhà nước hoặc có nội dung kích động, chống Đảng và chế độ ta (qua tờ rơi, thư từ, báo chí, fax, Internet...).

c) Tự ý phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí, vi phạm những điều cấm của Luật Báo chí và những quy định khác của Đảng và Nhà nước về phát ngôn, cung cấp thông tin.

d) Phát ngôn hoặc cung cấp những văn bản, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong những trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Phát ngôn trái với quan điểm, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng và Nhà nước; loan truyền những thông tin không đúng sự thật làm ảnh hưởng đến tổ chức hoặc cá nhân, hoặc làm lộ bí mật của Đảng và Nhà nước. Phát ngôn vô tổ chức, vô trách nhiệm.

b) Lợi dụng việc tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng để tung tin, loan truyền dư luận, tán phát tài liệu có quan điểm trái với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

c) Cung cấp thông tin cho báo chí những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng. Cung cấp thông tin sai sự thật, không trung thực khi cung cấp thông tin cho báo chí.

d) Cung cấp thông tin cho báo chí về các vụ án đang trong quá trình điều tra hoặc chưa xét xử, trường hợp cơ quan điều tra có yêu cầu không thông tin

trên báo chí để tạo điều kiện cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

d) Cung cấp thông tin cho báo chí về các cuộc kiểm tra, thanh tra đang trong quá trình thực hiện, chưa được cơ quan có thẩm quyền kết luận và công bố.

e) Những người làm báo viết bài, cho đăng tải thông tin có nội dung sai sự thật, mang tính kích động, gây hoang mang hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử; đưa những thông tin chưa được phép phổ biến hoặc không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc cố tình phát ngôn mang tính chất xuyên tạc để kẻ xấu lợi dụng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Không chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước đã để lộ tin tức, tán phát tài liệu không đúng nguyên tắc tung tin sai lệch về nội bộ Đảng, gây tác động xấu đến ổn định chính trị, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, để kẻ xấu và các lực lượng thù địch lợi dụng xuyên tạc làm giảm uy tín của Đảng, chống phá chế độ ta.

b) Lợi dụng dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền chống Đảng; cố ý nói, viết, lưu giữ trái phép hoặc tán phát các tài liệu có nội dung trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng hoặc đưa lên mạng Internet những nội dung chống lại đường lối, chính sách của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

c) Phát ngôn tùy tiện, vô nguyên tắc, gây rối nội bộ, gây hoài nghi, bất mãn trong nhân dân, mất uy tín trước nhân dân. Người làm báo đưa tin sai sự thật, vu cáo, bịa đặt gây hậu quả xấu.

d) Tổ chức hoặc cố ý tham gia các diễn đàn, các cuộc họp, hội thảo, mít tinh, biểu tình trái phép hoặc có nội dung chống Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 6. Vi phạm về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Viết, soạn thảo, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo.

b) Tham gia khiếu kiện đông người gây mất trật tự, an toàn xã hội.

c) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đã tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo, nội dung tố cáo, các thông tin, tài liệu về vụ việc đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra cho tổ chức hoặc cá nhân không có trách nhiệm biết.

d) Thiếu trách nhiệm, gây phiền hà trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; vi phạm nội quy quy chế tiếp công dân.

đ) Can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Cố tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc làm sai lệch các thông tin, tài liệu do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo.

b) Cố ý ra quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo trái pháp luật, trái quy định của Đảng và Nhà nước.

c) Không chấp hành quyết định cuối cùng về giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật.

d) Không chấp hành quyết định giải quyết tố cáo của cơ quan nhà nước, tổ chức đảng, đoàn thể có thẩm quyền giải quyết đúng trình tự, thủ tục đã có hiệu lực.

đ) Không thực hiện các yêu cầu kiến nghị của các cơ quan, tổ chức và đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

e) Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra.

g) Vu cáo, vu khống đối với người đang làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra hoặc can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra, kiểm tra.

h) Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để kích động, dụ dỗ, lôi kéo người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật và thực hiện hành vi trái pháp luật.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tố cáo mang tính bịa đặt, vu khống, đả kích, có dụng ý xấu.

b) Tổ chức, cưỡng ép, kích động, xúi giục, giúp sức, mua chuộc người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật; theo đuôi quần chúng viết, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo.

c) Tổ chức hoặc theo đuôi quần chúng khiếu nại đồng người gây áp lực, đòi yêu sách, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

d) Đe dọa, trấn áp, trả thù, trù dập, xúc phạm người khiếu nại, tố cáo, người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo.

đ) Lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc sự thật, gây rối trật tự, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Điều 7. Vi phạm các quy định của Đảng và Nhà nước về dân số, kế hoạch hoá gia đình**

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Cản trở, cưỡng bức thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

b) Sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, cung cấp phương tiện tránh thai giả, không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, quá hạn sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành và sử dụng tại Việt Nam.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm trong trường hợp sinh con thứ ba (trừ những trường hợp pháp



luật có quy định khác) thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ).

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc sinh con thứ tư trở lên thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

#### **Điều 8. Vi phạm quy định về kết hôn với người nước ngoài**

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Có con kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo trung thực bằng văn bản với chi bộ, thường trực cấp uỷ quản lý mình về lai lịch, thái độ chính trị của người con dâu (hoặc con rể) và cha, mẹ ruột của họ.

b) Có con kết hôn với người nước ngoài vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình Việt Nam.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Có con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hành vi chống Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Có vợ hoặc chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng không báo cáo với tổ chức.

c) Có hành vi ép con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm mục đích vụ lợi.

d) Kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng không báo cáo cấp uỷ trực tiếp quản lý và cấp uỷ nơi mình sinh hoạt.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đã bị xử lý mà còn tái phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó không đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó có hoạt động phạm tội nghiêm trọng, có thái độ hoặc hoạt động chống Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

c) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo với chi bộ về các nội dung có liên quan đến lai lịch của người mà đảng viên kết hôn bằng văn bản hoặc đã báo cáo nhưng cấp uỷ có thẩm quyền không đồng ý.

d) Bản thân đã có tình che giấu tổ chức đảng; đồng tình, khuyến khích con quan hệ hôn nhân với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trái với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

**Điều 9. Vi phạm về quản lý cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp**

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Nhận văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

b) Công chứng, chứng thực văn bằng, chứng chỉ trái quy định của pháp luật.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Có hành vi xin, mua, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp để lập hồ sơ dự thi tuyển, xét tuyển, học tập nâng cao trình độ văn hoá, lý luận, nghiệp vụ, thi chuyển ngạch, nâng bậc; để được bổ nhiệm, đề bạt vào các chức vụ lãnh đạo quản lý.

b) Thiếu trách nhiệm làm sai lệch nội dung hồ sơ học tập để cấp văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

c) Can thiệp đến cá nhân, tổ chức để bản thân hoặc người khác được cấp văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, không đúng đối tượng.

d) Ký, cấp văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp cho người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

d) Làm giả hoặc cố ý sửa chữa, bổ sung làm sai lệch hồ sơ để cấp có thẩm quyền cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc sửa chữa, bổ sung làm sai lệch các nội dung trong văn bằng, chứng chỉ.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Làm công tác tuyển dụng, xét tuyển, đào tạo đã cố tình để cho những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp được dự thi tuyển, xét tuyển đi học, thi nâng ngạch.

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn bao che cho cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

c) Trực tiếp tham gia sản xuất tiêu thụ hoặc môi giới tiêu thụ phôi văn bằng, phôi chứng chỉ hoặc văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 10.** Quy định này chỉ nêu nguyên tắc và hình thức xử lý kỷ luật đối với một số hành vi vi phạm mang tính phổ biến của đảng viên nhằm giữ vững nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng; mặt khác trong thực tế xem xét, xử lý còn có sự khác nhau giữa các địa phương, đơn vị. Ngoài các trường hợp này, nếu đảng viên vi phạm các quy định khác của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; điều lệ, quy định của

các đoàn thể chính trị-xã hội đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải xem xét, thi hành kỷ luật kịp thời để giữ nghiêm kỷ luật của Đảng,

**Điều 11.** Quy định này thay thế Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 04-02-1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VI “về chính sách xử lý đối với đảng viên phạm sai lầm”.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký, được phổ biến, quán triệt toàn văn đến chi bộ để thực hiện.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Những trường hợp đảng viên vi phạm đã bị xử lý kỷ luật đảng trước đây thì nay không căn cứ vào Quy định này để xem xét lại.

Các quy định của cấp uỷ địa phương, đơn vị về thi hành kỷ luật đảng viên trái với Quy định này đều bãi bỏ.

**Điều 12.** Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát các cấp uỷ tổ chức đảng và đảng viên thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Bộ Chính trị.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo để Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ  
TRƯỞNG TẤN SANG

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH SỐ 94-QĐ/TW NGÀY 15-10-2007  
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN  
(HƯỚNG DẪN SỐ 11-HD/UBKTTW NGÀY 24-3-2008  
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)**

*Căn cứ Quy định số 94-QĐ/TW, ngày 15-10-2007 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn cụ thể việc thực hiện như sau:*

**I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

Trong Quy định số 94-QĐ/TW, ngày 15-10-2007 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng: là việc đảng viên không tuân theo hoặc làm trái Cương lĩnh Chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và quy định của các đoàn thể chính trị - xã hội mà đảng viên là thành viên.

2. Cố ý vi phạm: là việc đảng viên đã được thông báo, phổ biến về quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm nhưng vẫn thực hiện.

3. Tái vi phạm: là việc đảng viên vi phạm đã được kiểm điểm rút kinh nghiệm hoặc đã bị xử lý kỷ luật nhưng lại vi phạm nội dung đã được kiểm điểm đã bị xử lý.

4. Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng: là vi phạm của đảng viên làm ảnh hưởng đến uy tín của bản thân và tổ chức đảng nơi đảng viên sinh hoạt, công tác hoặc gây thất thoát, lãng phí tiền, tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị dưới 20.000.000 đồng.

5. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng: là vi phạm của đảng viên làm

giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng nơi đảng viên sinh hoạt, công tác hoặc làm thất thoát, lãng phí tiền, tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

6. Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng: là vi phạm của đảng viên làm mất uy tín của bản thân, tổ chức đảng, làm mất niềm tin của nhân dân đối với tổ chức đảng hoặc gây lãng phí, thất thoát về tiền, tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần từ 50.000.000 đồng trở lên hoặc có hành vi tham nhũng, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

7. Thiếu trách nhiệm: là việc đảng viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao không đầy đủ; không thực hiện đúng nguyên tắc, thủ tục, quy trình, quy phạm; không đúng thời gian theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công việc cụ thể đó.

8. Buông lỏng quản lý: là việc đảng viên có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý nhưng không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, không chấp hành quy định của cấp trên; không ban hành các quyết định, quy chế, quy định, quy trình; không có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoặc đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý.

## **II. NỘI DUNG CỤ THỂ QUY ĐỊNH SỐ 94-QĐ/TW NGÀY 15-10 - 2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN VI PHẠM**

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng xử lý kỷ luật**

1. Tất cả đảng viên, nếu vi phạm trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ: nói, viết và làm trái với quan điểm, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, nguyên tắc, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, vi phạm các quy định về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo, vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình, bản thân hoặc có con kết hôn với

người nước ngoài mà không báo cáo đều phải xử lý kỷ luật theo quy định này.

2. Đảng viên vi phạm trước đây nhưng sau khi chuyển công tác, nghỉ việc, hoặc nghỉ hưu mới phát hiện vi phạm thì vẫn phải xem xét, kết luận; nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải thi hành kỷ luật theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và những nội dung nêu trong Quy định này.

- Đảng viên sau khi chuyển sinh hoạt, công tác sang tổ chức đảng khác nếu phát hiện vi phạm kỷ luật ở nơi công tác cũ mà chưa được xem xét, xử lý thì tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức đảng đó xem xét, xử lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

- Khi tổ chức đảng có thẩm quyền đang xem xét đảng viên vi phạm mà tổ chức đảng nơi đảng viên vi phạm công tác, sinh hoạt bị giải thể hoặc sáp nhập thì tổ chức đảng có thẩm quyền tiếp tục xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

- Đối với đảng viên là cấp uỷ viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý đã thôi giữ chức vụ hoặc đã nghỉ hưu có vi phạm kỷ luật khi đang công tác, nay mới phát hiện thì thẩm quyền thi hành kỷ luật được thực hiện như đối với đảng viên là cấp uỷ viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý đang đương chức; vi phạm kỷ luật khi đã nghỉ hưu thì việc xử lý kỷ luật theo phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc đã nghỉ hưu quy định tại Điều 13, Quy định về phân cấp quản lý cán bộ ban hành kèm theo Quyết định số 67-QĐ/TW, ngày 04/7/2007 của Bộ Chính trị.

## **Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật**

1- Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của đảng. Đảng viên ở bất cứ cương vị, lĩnh vực công tác nào, nếu vi phạm kỷ luật của Đảng đều phải được xem xét, xử lý kỷ luật nghiêm minh.

2- Việc thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm phải thực hiện đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định

của Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

a) Về phương hướng xử lý phải được các cấp ủy lãnh đạo chặt chẽ, thận trọng. Việc thi hành kỷ luật cần tập trung vào những vi phạm về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng; về chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ; suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức và lối sống. Cụ thể:

- Lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng; cố ý nói, viết và làm trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, cơ hội, kèn cựa, địa vị, độc đoán, chuyên quyền, lợi dụng quyền dân chủ để kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ.

- Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai những người tham nhũng, bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu; tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng, những người bao che cho tham nhũng, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ.

- Xử lý kỷ luật nghiêm những đảng viên quan liêu, thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý để địa phương đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra lãng phí, tham nhũng, mất đoàn kết hoặc các tiêu cực khác, gây hậu quả nghiêm trọng. Bản thân làm thất thoát hoặc gây thiệt hại về kinh tế phải bồi hoàn nhưng cố ý không bồi hoàn.

- Khai trừ những đảng viên suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống; nghiện rượu bia đến mức bê tha, tổ chức hoặc tham gia các hoạt động như: buôn bán, tàng trữ, sử dụng ma túy; mua, bán dâm; cờ bạc dưới mọi hình thức: hành nghề mê tín, dị đoan; lập đền, miếu trái phép; hoạt động tôn giáo trái pháp luật.



Đảng viên ở bất kỳ cương vị nào, nếu vi phạm một trong những nội dung trên đều phải xử lý nghiêm minh. Đối với những vi phạm khác nếu đến mức phải xử lý kỷ luật cũng phải xem xét, thi hành kỷ luật kịp thời để giáo dục, phòng ngừa và hạn chế vi phạm.

b) Về phương châm khi thi hành kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà xem xét, quyết định hình thức kỷ luật cho phù hợp.

- Thực hiện đúng tinh thần mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải thi hành kỷ luật, không có ngoại lệ, không phân biệt chức vụ cao hay thấp, tuổi đảng nhiều hay ít...

- Trong xử lý, phải kết hợp xem xét kết quả tự phê bình và phê bình với kết quả thẩm tra, xác minh của các tổ chức đảng để bảo đảm kết luận khách quan, chính xác; không bỏ sót hành vi vi phạm, không để lọt đảng viên vi phạm. Khi xem xét, xử lý cần làm rõ nguyên nhân, phân biệt sai lầm, khuyết điểm do trình độ, năng lực hoặc động cơ vì lợi ích chung mà dẫn đến vi phạm hay vì lợi ích cá nhân, cục bộ mà cố ý làm trái; vi phạm nhất thời hay có hệ thống; đã qua giáo dục, ngăn chặn mà vẫn cố tình vi phạm; không tự giác nhận lỗi, không nghiêm túc kiểm điểm, không bồi hoàn vật chất hoặc có hành vi đối phó việc kiểm tra; phân biệt người khởi xướng, tổ chức, quyết định với người bị lôi kéo, đồng tình làm sai.

- Đối với đảng viên là người dân tộc thiểu số công tác, sinh hoạt ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn, đảng viên có gốc tôn giáo vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tùy theo tình hình thực tế mà áp dụng xử lý kỷ luật cho phù hợp.

c) Về nguyên tắc, thủ tục:

Trong việc thi hành kỷ luật đối với đảng viên, phải thực hiện đúng các nguyên tắc, thủ tục:

- Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình

thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

- Cấp ủy hướng dẫn đảng viên vi phạm kỷ luật chuẩn bị tốt bản tự kiểm điểm. Hội nghị chi bộ thảo luận, góp ý kiến và kết luận rõ về nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm và biểu quyết (đề nghị hoặc quyết định) kỷ luật. Đại diện cấp ủy tham dự hội nghị chi bộ xem xét kỷ luật đảng viên là cấp ủy viên, là cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý. Trường hợp có đầy đủ bằng chứng, nếu đảng viên vi phạm từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam thì tổ chức đảng có thẩm quyền vẫn tiến hành xem xét kỷ luật.

- Đảng viên vi phạm là cấp ủy viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý cùng với việc kiểm điểm ở chi bộ còn phải kiểm điểm ở những tổ chức đảng nào nữa thì do cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định. Trường hợp đặc biệt (đảng viên vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao hoặc nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết hay đảng viên vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ đảng viên vi phạm trong cùng một vụ án có liên quan đến nhiều người, nhiều ngành, nhiều cấp,...) thì cấp ủy và ủy ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ.

- Trước khi quyết định kỷ luật, cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền phải nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (cùng với bản tự kiểm điểm của đảng viên đó) khi tổ chức đảng có thẩm quyền họp để xem xét, quyết định kỷ luật. Sau khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền thông báo cho đảng viên bị thi hành kỷ luật biết rõ lý do để chấp hành nghiêm chỉnh.

Tổ chức đảng có thẩm quyền ở điểm này được hiểu là đại diện cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền thi hành kỷ luật. Cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến có thể tiến hành ngay trong cuộc họp xem xét, xử lý kỷ luật hoặc trước khi tổ chức cuộc họp đó.

Những ý kiến của đảng viên trình bày phải được báo cáo trước hội nghị xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên. Để thực hiện tốt quy định này, cơ quan giúp việc cho tổ chức đảng có thẩm quyền phải chuẩn bị chu đáo về mọi mặt.

Trình bày ý kiến với tổ chức đảng có thẩm quyền trước khi bị thi hành kỷ luật là quyền và trách nhiệm của đảng viên. Nên tổ chức đảng có thẩm quyền phải mời đảng viên vi phạm đến trình bày ý kiến trước khi quyết định kỷ luật; nếu vì lý do nào đó mà đảng viên vi phạm không trực tiếp đến để trình bày ý kiến với tổ chức đảng có thẩm quyền được thì phải báo cáo bằng văn bản cho tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét và lưu vào hồ sơ kỷ luật và nghiêm chỉnh chấp hành quyết định kỷ luật của tổ chức đảng có thẩm quyền. Nếu đảng viên cố tình không đến, hoặc không có báo cáo bằng văn bản thì tổ chức đảng có thẩm quyền vẫn xem xét kỷ luật.

3- Khi xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, thái độ tiếp thu phê bình và sửa chữa, khắc phục khuyết điểm; mục tiêu, yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

- Đề cao trách nhiệm tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng và đảng viên; coi trọng công tác tư tưởng, giáo dục, thuyết phục nhằm nâng cao tính tự giác của đảng viên vi phạm. Đảng viên trong tổ chức đảng, chi bộ phải có tinh thần xây dựng, chân thành, thẳng thắn, yêu thương đồng chí và công tâm, khách quan, thận trọng trong việc góp ý kiến phê bình đối với đảng viên vi phạm.

- Khi xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm phải: làm rõ tính chất, mức độ, tác hại, động cơ, nguyên nhân của vi phạm và căn cứ vào thái độ tự giác nhận khuyết điểm, tinh thần quyết tâm sửa chữa vi phạm và khắc phục hậu quả của đảng viên vi phạm đã gây ra, đồng thời phải xét trong bối cảnh lịch sử cụ thể, khách quan, toàn diện nhằm đạt mục tiêu, yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

4- Các hình thức kỷ luật đảng viên vi phạm được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật

đều phải thi hành kỷ luật nghiêm minh, vi phạm đến mức khai trừ thì phải khai trừ, không áp dụng hình thức xoá tên, cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không cho thôi giữ chức, đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, không đủ tư cách thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

Đảng viên đang giữ một chức vụ trong Đảng bao gồm: chức vụ do đại hội bầu, cấp uỷ bầu, chỉ định, hoặc bổ nhiệm mà vi phạm đến mức phải kỷ luật cách chức thì xử lý như sau:

- Đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ, vi phạm đến mức phải cách chức cấp uỷ viên cao nhất hoặc phải khai trừ thì ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cấp uỷ cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định. Nếu cách chức cấp uỷ viên cấp dưới thì do ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

- Trong cùng một cấp uỷ, nếu cách chức bí thư, phó bí thư thì còn chức uỷ viên ban thường vụ. Nếu cách chức uỷ viên ban thường vụ thì còn chức cấp uỷ viên. Khi cách chức cấp uỷ viên thì đương nhiên không còn chức bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ. Thành viên uỷ ban kiểm tra là chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm uỷ ban, khi cách chức uỷ viên uỷ ban kiểm tra thì đương nhiên không còn là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ đó; nếu cách chức vụ chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm thì vẫn còn là thành viên uỷ ban kiểm tra.

- Đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ, giữ nhiều chức vụ, bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức một chức vụ đang giữ, thì cấp uỷ có thẩm quyền phải xem xét đến các chức vụ khác.

- Trường hợp cấp uỷ viên vi phạm đến mức phải kỷ luật cách chức nhưng lại chủ động xin rút khỏi cấp uỷ, thì vẫn phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức, không chấp nhận cho rút khỏi cấp uỷ.

5- Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự, không “xử lý nội bộ”; bị toà án tuyên

phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên thì phải khai trừ, nếu bị xử phạt bằng hình thức thấp hơn, được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử phạt hành chính thì tùy từng nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà xem xét thi hành kỷ luật đảng một cách thích hợp.

“Xử lý nội bộ” được hiểu là khi xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên, tổ chức đảng có thẩm quyền như: cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện trở lên phát hiện vi phạm của đảng viên đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng không chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật có thẩm quyền để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật, mà chỉ xử lý về kỷ luật đảng; đảng viên vi phạm kỷ luật của đoàn thể, vi phạm chính sách pháp luật của Nhà nước, tổ chức đảng có thẩm quyền chỉ xem xét, xử lý về kỷ luật của Đảng, không chỉ đạo tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội xem xét, xử lý về chính quyền hoặc đoàn thể đồng bộ với kỷ luật Đảng; hoặc khi đảng viên vi phạm pháp luật đang bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền thụ lý theo thủ tục chung thì tổ chức đảng quản lý đảng viên đã can thiệp, chỉ xử lý kỷ luật về Đảng, giúp đảng viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý về chính quyền.

Sau 15 ngày, kể từ ngày toà án tuyên phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên đối với đảng viên thì toà án phải sao gửi bản án đã tuyên đến cấp uỷ quản lý đảng viên. Căn cứ vào nội dung kết tội nêu trong bản án, uỷ ban kiểm tra giúp cấp uỷ nghiên cứu bản án, hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục và tiến hành quy trình xử lý kỷ luật bằng hình thức khai trừ theo quy định của Điều lệ Đảng.

6- Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể và các hình thức xử lý của pháp luật. Đảng viên bị thi hành kỷ luật về Đảng thì cấp quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, phải xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể. Khi các cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ công tác, khởi tố bị can hoặc thi hành kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên và đảng viên thì phải

thông báo ngay cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó biết. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức đảng quản lý đảng viên phải xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng.

- Đảng viên bị thi hành kỷ luật về Đảng thì cấp uỷ quản lý đảng viên đó phải kịp thời gửi báo cáo kết luận về những nội dung vi phạm và quyết định thi hành kỷ luật đảng viên, đồng thời có công văn yêu cầu tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

- Về thời gian 30 ngày kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng nêu tại điểm này, thống nhất là 30 ngày làm việc, không kể ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ hàng tuần theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp đảng viên vi phạm từ chối dự họp để nghe công bố kỷ luật hoặc cố ý không nhận quyết định kỷ luật thì chi bộ hoặc cấp uỷ có thẩm quyền lập biên bản, lưu hồ sơ kỷ luật và quyết định kỷ luật có hiệu lực như đã được công bố.

7. Đảng viên vi phạm đang trong thời gian nghỉ thai sản theo chế độ quy định, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mất khả năng nhận thức, được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

Đảng viên mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mất khả năng nhận thức ở điểm này được hiểu là đảng viên đã thực hiện hành vi vi phạm trong điều kiện sức khỏe bình thường, nhưng sau khi vi phạm tổ chức đảng có thẩm quyền đang xem xét, xử lý thì phát hiện đảng viên vi phạm bị bệnh hiểm nghèo hoặc mất khả năng nhận thức đang điều trị tại bệnh viện. Tổ chức đảng có thẩm quyền yêu cầu cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên hoặc bệnh viện chuyên khoa xác nhận tình trạng bệnh của đảng viên bằng văn bản để lưu vào hồ sơ và chỉ xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm khi sức khỏe hồi phục bình thường; trường hợp đảng viên đang điều trị mà chết thì không xem xét, xử lý kỷ luật.

### **Điều 3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng mức kỷ luật**

1- Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau được xem xét giảm mức kỷ luật:

a) Chủ động báo cáo vi phạm của mình, tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm.

b) Chủ động báo cáo, cung cấp thông tin, phản ánh về những người cùng vi phạm.

c) Chủ động khắc phục hậu quả vi phạm và tích cực tham gia ngăn chặn hành vi vi phạm; tự giác bồi thường những thiệt hại do mình gây ra.

2- Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau phải xem xét, tăng mức kỷ luật:

a) Đã được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhắc nhở, giáo dục mà không sửa chữa khuyết điểm, vi phạm.

b) Không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm của mình mà còn quanh co, che giấu vi phạm.

Không tự giác ở điểm này được hiểu là đảng viên cố ý không làm bản tự kiểm điểm, hoặc có làm bản tự kiểm điểm nhưng không kiểm điểm đúng những nội dung mà tổ chức đảng có thẩm quyền yêu cầu bằng văn bản, chỉ kể lể công trạng của mình và đổ lỗi cho người khác, cho tập thể.

c) Bao che cho người cùng vi phạm; trù dập, trả thù người thẳng thắn đấu tranh, tố cáo vi phạm hoặc cung cấp chứng cứ vi phạm.

d) Cung cấp thông tin sai sự thật, ngăn cản người khác cung cấp chứng cứ vi phạm.

đ) Đối phó, cản trở quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm.

Hành vi đối phó quy định tại điểm này, bao gồm: Việc lập hồ sơ, chứng cứ giả; làm sai lệch hồ sơ, chứng cứ, sửa chữa, thay đổi, tiêu huỷ chứng cứ; thay đổi người làm chứng, nhân chứng, người biết sự việc,...

e) Vi phạm do lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, chính sách xã hội.

g) Vi phạm gây thiệt hại về vật chất phải bồi hoàn nhưng không bồi hoàn.

h) Vi phạm nhiều lần, tái vi phạm; bị xử lý kỷ luật nhiều lần về cùng nội dung.

i) Vi phạm có tổ chức; là người tổ chức, chủ mưu, khởi xướng hành vi vi phạm.

k) Ép buộc, vận động, tổ chức, tiếp tay cho người khác cùng vi phạm.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG VI PHẠM VÀ HÌNH THỨC XỬ LÝ**

#### **Điều 4. Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ**

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thiếu trách nhiệm trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở điểm này được thể hiện như sau:

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của các đoàn thể chính trị - xã hội chậm, không đúng kế hoạch, thời gian, đối tượng, thành phần và không đầy đủ nội dung.

- Không xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể; không phân công nhiệm vụ cho từng đơn vị, tổ chức và cá nhân phụ trách chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

- Tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng không đầy đủ, không thường xuyên, để cấp dưới trực tiếp thực hiện sai hoặc ban hành quyết định sai, không phải do nhận thức hoặc cố ý vi phạm vì mục đích vụ lợi.

- Lưu ý: kết luận của Đảng ở điểm này là kết luận bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền.

b) Bị kích động, xúi giục, bị mua chuộc, lôi kéo hoặc tự mình tham gia



các hoạt động làm mất dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ, nhận xét, đánh giá tùy tiện, có dụng ý xấu đối với cá nhân và tổ chức.

Những hành vi quy định trong điểm này gồm:

- Bị người khác tác động đến tinh thần dẫn đến mất tự chủ, tham gia một cách thụ động.

- Bị người khác xui khiến và thúc đẩy tham gia một cách bị động.

- Bị người khác dùng tiền tài, địa vị và các lợi ích vật chất và tinh thần khác làm sa ngã và đã làm theo sự sai khiến của họ.

- Bị người khác dùng mọi cách làm cho nghe theo và đứng về phía họ, ủng hộ họ thực hiện hành vi vi phạm.

- Nhận xét, đánh giá ngoài tổ chức, ngoài cuộc họp; nội dung nhận xét đánh giá không có căn cứ, có dụng ý xấu.

c) Tự mình hoặc lôi kéo người khác làm trái nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; vi phạm quy chế dân chủ, quy chế làm việc của cấp ủy, các quy định của cơ quan, tổ chức ở nơi công tác.

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng bao gồm: Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng viên vi phạm một trong những nguyên tắc trên là vi phạm kỷ luật của Đảng.

• 2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo; nếu có chức vụ thì phải cách chức:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phủ quyết ý kiến của đa số khi thông qua nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận thuộc thẩm quyền của tập thể. Cụ thể như sau:

- Quyết định theo ý thức chủ quan của mình trong khi tập thể đang bàn bạc, còn có nhiều ý kiến khác nhau.

- Dùng chức vụ, quyền hạn để bác bỏ ý kiến của đa số đã biểu quyết nhằm ban hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận bằng văn bản trái với ý kiến biểu quyết nhất trí của tập thể.

b) Vi phạm các quy định về bầu cử của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Sau khi đã được trình bày nguyện vọng, hoàn cảnh, khi tổ chức ra quyết định vẫn không chấp hành sự phân công, điều động, luân chuyển cán bộ của tổ chức đảng và tổ chức nhà nước.

Vi phạm các quy định về bầu cử bao gồm:

- Vi phạm nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- Vi phạm trong việc lập danh sách bầu cử.

- Vận động bầu cử không đúng quy định.

- Đảng viên không đi bầu cử hoặc ngăn cản, đe dọa người khác đi bầu cử.

- Vi phạm quy định trong việc bỏ phiếu bầu.

- Dùng các thủ đoạn lừa gạt, gian lận, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm cản trở việc bầu cử, ứng cử hoặc đề cử.

- Đảng viên có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng các thủ đoạn khác làm sai lệch kết quả bầu cử.

- Đảng viên tự ứng cử, cấp uỷ viên tự ứng cử hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu.

c) Tự ý nhận giữ chức sắc của các tổ chức tôn giáo khi chưa báo cáo

hoặc đã báo cáo nhưng chưa được tổ chức có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

d) Quan liêu, thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý để địa phương, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra lãng phí, tham nhũng, mất dân chủ, mất đoàn kết hoặc các tiêu cực khác.

Đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý nhưng thiếu sâu sát, thiếu cụ thể, không làm hết chức trách, nhiệm vụ được phân công, không thực hiện đúng quy chế, quy định, quy trình trong công tác chỉ đạo điều hành để xảy ra lãng phí, tham nhũng, mất dân chủ, mất đoàn kết hoặc các tiêu cực khác.

e) Bản thân gây thiệt hại về kinh tế phải bồi hoàn nhưng cố ý không bồi hoàn.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, vô tổ chức, vô kỷ luật, cố ý bỏ sinh hoạt đảng: không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Đảng viên vi phạm Điều 9, Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, cấp uỷ các cấp về việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng là vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Vô tổ chức, vô kỷ luật là việc đảng viên không thực hiện đúng các quy định của tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể mà mình là thành viên.

- Đảng viên có vi phạm đã được kiểm điểm, nhắc nhở, giáo dục hoặc đã bị xử lý kỷ luật tiếp tục cố ý bỏ sinh hoạt đảng.

b) Lừa dối cấp trên, báo cáo sai, xuyên tạc sự thật; che giấu khuyết điểm, vi phạm của bản thân, của người khác hoặc của tổ chức; tạo thành tích giả; cơ hội, kèn cựa, địa vị, độc đoán, chuyên quyền; lợi dụng quyền dân chủ để kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết trong tổ chức, cơ quan, đơn vị nơi mình sinh hoạt, công tác.

c) Không tán thành quan điểm, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng; phủ định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lợi dụng dân chủ, quyền bảo lưu ý kiến, quyền tự do ngôn luận để tuyên truyền chống Đảng; ủng hộ hoặc tán thành đa nguyên, đa đảng.

#### **Điều 5. Vi phạm về kỷ luật phát ngôn**

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau đây gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước về hoạt động báo chí, tuyên truyền.

- Trong lãnh đạo, quản lý báo chí, để xảy ra tình trạng các cơ quan báo chí hoạt động không tuân theo sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích.

- Viết và đăng những thông tin trái quy định của pháp luật, những tin, bài có nội dung kích động, chống đối, cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Sử dụng các văn kiện, tài liệu lưu hành nội bộ để đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Viết, đăng tin, bài về những vụ án, những vụ việc đang trong quá trình điều tra, kiểm tra, thanh tra chưa được phép công bố.

- Đăng tin, bài, hình ảnh mô tả quá tỳ mỹ về những vụ án mang tính kích động; đưa các hình ảnh bạo lực, khiêu dâm, thiếu văn hoá lên truyền hình, báo chí, tập san.

- Đăng bài, phát tin về những hủ tục mê tín, dị đoan; những việc liên quan đến đời tư, thư riêng của công dân trái pháp luật.

- Đưa tin sai sự thật mà không cải chính hoặc đã cải chính nhưng không đúng quy định của Luật báo chí.

- Lợi dụng tự do ngôn luận, tự do báo chí để tuyên truyền cho tổ chức, đơn vị, cá nhân không đúng sự thật.

b) Tuyên truyền, sao chép, tán phát những tài liệu có nội dung xấu, làm lộ bí mật của Đảng, Nhà nước hoặc có nội dung kích động, chống Đảng và chế độ ta (qua tờ rơi, thư từ, báo chí, fax, Internet...).

c) Tự ý phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí, vi phạm những điều cấm của Luật Báo chí và những quy định khác của Đảng và Nhà nước về phát ngôn, cung cấp thông tin.

d) Phát ngôn hoặc cung cấp những văn bản, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong những trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Phát ngôn trái với quan điểm, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng và Nhà nước; loan truyền những thông tin không đúng sự thật làm ảnh hưởng đến tổ chức hoặc cá nhân, hoặc làm lộ bí mật của Đảng và Nhà nước. Phát ngôn vô tổ chức, vô trách nhiệm. Bí mật của Đảng và Nhà nước được quy định trong Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28-12-2000; các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an; các quy định của Đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật.

b) Lợi dụng việc tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng để tung tin, loan truyền dư luận, tán phát tài liệu có quan điểm trái với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

c) Cung cấp thông tin cho báo chí những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng. Cung cấp thông tin sai sự thật, không trung thực khi cung cấp thông tin cho báo chí.

d) Cung cấp thông tin cho báo chí về các vụ án đang trong quá trình điều

tra hoặc chưa xét xử, trường hợp cơ quan điều tra có yêu cầu không thông tin trên báo chí để tạo điều kiện cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

đ) Cung cấp thông tin cho báo chí về các cuộc kiểm tra, thanh tra đang trong quá trình thực hiện, chưa được cơ quan có thẩm quyền kết luận và công bố.

e) Những người làm báo viết bài, cho đăng tải thông tin có nội dung sai sự thật, mang tính kích động, gây hoang mang hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử; đưa những thông tin chưa được phép phổ biến hoặc không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc cố tình phát ngôn mang tính chất xuyên tạc để kè xấu lợi dụng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Không chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng, nhà nước, đã để lộ tin tức, tán phát tài liệu không đúng nguyên tắc, tung tin sai lệch về nội bộ Đảng, gây tác động xấu đến ổn định chính trị, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, để kè xấu và các lực lượng thù địch lợi dụng xuyên tạc làm giảm uy tín của Đảng, chống phá chế độ ta.

b) Lợi dụng dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền chống Đảng; cố ý nói, viết, lưu giữ trái phép hoặc tán phát các tài liệu có nội dung trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng hoặc đưa lên mạng Internet những nội dung chống lại đường lối, chính sách của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

Việc lợi dụng dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền chống Đảng được hiểu là lợi dụng tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do đi lại; tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền được khiếu nại, tố cáo; tổ chức các hoạt động hoặc có lời nói, việc làm trái quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm hoạt động chống Đảng và Nhà nước.

c) Phát ngôn tùy tiện, vô nguyên tắc, gây rối nội bộ, gây hoài nghi, bất mãn trong nhân dân, mất uy tín trước nhân dân. Người làm báo đưa tin sai sự thật, vu cáo, bịa đặt gây hậu quả xấu.

Phát ngôn tùy tiện, vô nguyên tắc thể hiện như sau:

- Phát ngôn không trong tổ chức.
- Phát ngôn không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng.
- Phát ngôn lan truyền những thông tin sai sự thật.
- Phát ngôn những vấn đề chưa được cấp có thẩm quyền kết luận; những vấn đề đã được kết luận nhưng không được phát ngôn hoặc không được phép công bố.

d) Tổ chức hoặc cố ý tham gia các diễn đàn, các cuộc họp, hội thảo, mít tinh, biểu tình trái phép hoặc có nội dung chống Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những hành vi sau đây là vi phạm:

- Chuẩn bị kế hoạch, tuyên truyền, vận động, chuẩn bị nội dung, hình thức tổ chức và phân công người thực hiện các bước phục vụ việc mít tinh, biểu tình, hội thảo, diễn đàn khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Đảng viên tổ chức các diễn đàn, các cuộc họp, hội thảo, mít tinh, biểu tình không đúng với nội dung, phạm vi, hình thức cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Tổ chức hoặc cố ý tham gia các diễn đàn, các cuộc họp, hội thảo, mít tinh, biểu tình có nội dung trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**Điều 6. Vi phạm về khiêu nại, tố cáo và giải quyết khiêu nại, tố cáo**

1- Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Viết, soạn thảo, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo thể hiện như sau:

- Trực tiếp viết đơn, thư tố cáo cho nhiều người cùng ký.

- Phác họa, đọc nội dung đơn, thư tố cáo cho người khác viết lại, đánh máy hoặc tự đánh máy rồi chuyển cho nhiều người cùng ký vào đơn.

- Từ 2 người trở lên cùng ký tên vào một đơn, thư tố cáo.

b) Tham gia khiếu kiện đông người gây mất trật tự an toàn xã hội.

c) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đã tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo, nội dung tố cáo, các thông tin, tài liệu về vụ việc đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra cho tổ chức hoặc cá nhân không có trách nhiệm biết.

- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết đơn, thư tố cáo gồm: Tổ chức, cá nhân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước được tiếp nhận đơn, thư tố cáo; được phân công trực tiếp giải quyết đơn thư tố cáo.

- Tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm giải quyết đơn, thư tố cáo gồm: Tổ chức, cá nhân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước không được giao trách nhiệm giải quyết đơn, thư tố cáo thì khi nhận được đơn, thư tố cáo phải chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết; không được tiết lộ họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và nội dung đơn, thư tố cáo; đảng viên là kiểm tra viên, thanh tra viên và các đảng viên khác không được tự ý dùng đơn, thư tố cáo để hù dọa tổ chức, cá nhân có liên quan.

d) Thiếu trách nhiệm, gây phiền hà trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; vi phạm nội quy, quy chế tiếp công dân khiếu nại, tố cáo.

Hành vi thiếu trách nhiệm, gây phiền hà trong giải quyết khiếu nại, tố cáo bao gồm:

- Nhận được đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết nhưng dìm bỏ, không xem xét, giải quyết.

- Xem xét, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo không kịp thời theo đúng thời gian luật quy định mà không có lý do chính đáng; không khách quan; tiết lộ tên, địa chỉ của người tố cáo, hoặc đưa toàn văn nội dung đơn, thư tố cáo cho người bị tố cáo.



- Đưa ra yêu cầu trái với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với người khiếu nại, tố cáo.

- Không hướng dẫn cụ thể để người khiếu nại, tố cáo phải đi lại nhiều lần. Tự đặt ra các quy định trái với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với người khiếu nại, tố cáo.

đ) Can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo; cách chức vụ nếu có:

a) Cố tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc làm sai lệch các thông tin, tài liệu do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo.

b) Cố ý ra quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo trái pháp luật, trái quy định của Đảng.

c) Không chấp hành quyết định cuối cùng về giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật.

d) Không chấp hành quyết định giải quyết tố cáo của cơ quan nhà nước, tổ chức đảng, đoàn thể có thẩm quyền giải quyết đúng trình tự, thủ tục đã có hiệu lực.

đ) Không thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức và đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

e) Chiếm đoạt, tiêu huỷ tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra.

g) Vu cáo, vu khống đối với người đang làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra hoặc can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra, kiểm tra.

h) Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để kích động, dụ dỗ, lôi kéo người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật và thực hiện hành vi trái pháp luật.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tố cáo mang tính bịa đặt, vu khống, đả kích, có dụng ý xấu.

b) Tố chức, cưỡng ép, kích động, xúi giục, giúp sức, mua chuộc người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật; theo đuôi quần chúng viết, ký tên tập thể vào đơn, thư tố cáo.

c) Tố chức hoặc theo đuôi quần chúng khiếu nại đồng người gây áp lực đòi yêu sách gây mất trật tự, an toàn xã hội.

d) Đe dọa, trấn áp, trả thù, trù dập, xúc phạm người khiếu nại, tố cáo; người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Đe dọa, trấn áp, trả thù, trù dập người trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Trực tiếp gặp, điện thoại hoặc dùng các hành vi khác gây sức ép với người trực tiếp giải quyết hoặc cấp trên của họ nhằm làm sai lệch nội dung giải quyết khiếu nại, tố cáo.

đ) Lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc sự thật, gây rối trật tự, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hành vi quy định ở điểm này còn gồm cả việc lợi dụng khiếu nại, tố cáo để gây mất đoàn kết nội bộ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân với cá nhân.

**Điều 7. Vi phạm các quy định của Đảng và Nhà nước về dân số, kế hoạch hoá gia đình**

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Cản trở, cưỡng bức thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

b) Sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, cung cấp phương tiện tránh thai giả, không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, quá hạn sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành và sử dụng tại Việt Nam.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm trong trường hợp sinh con thứ ba (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác) thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, nếu có chức vụ thì cách chức.

Kỷ luật từ khiển trách đến cách chức, để giáo dục đối với những đảng viên vi phạm các nội dung quy định tại Điều 7 Pháp lệnh số 06/2003/PL-UBTVQH 11 ngày 04-11-2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dân số và các quy định chi tiết tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số, hoặc vi phạm các quy định khác của Đảng, Nhà nước có liên quan đến chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình.

Về việc xử lý đảng viên vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước về chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình, thống nhất thực hiện mốc xử lý và thời điểm ban hành Nghị quyết số 47-NQ/TW, ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

- Những đảng viên vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình sau ngày 22/3/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 47-NQ/TW, thì xử lý như sau:

+ Kỷ luật cảnh cáo đối với đảng viên; cách chức đối với đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc chức danh quản lý của cấp uỷ vi phạm lần đầu nếu sinh con thứ ba trở lên.

+ Kỷ luật cảnh cáo đối với những đảng viên hành nghề y, dược mà thực hiện các biện pháp để kế hoạch hóa gia đình làm ảnh hưởng sức khoẻ của công dân.

- Những đảng viên vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình trước ngày 22/3/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 47-NQ/TW thì xử lý như sau:

+ Giữ nguyên, không xem xét lại các quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng có thẩm quyền về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

+ Những trường hợp đảng viên vi phạm sinh con thứ ba trở lên đã khai báo với cấp uỷ quản lý mình, nhưng cấp uỷ không xử lý, mà chỉ phê bình, giáo dục những đảng viên đó không được tái vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, thì nay cũng không đặt vấn đề xử lý.

+ Những đảng viên vi phạm trước đây nay mới phát hiện: đảng viên vi phạm không báo cáo, tổ chức đảng có thẩm quyền chưa xem xét thì tổ chức đảng có thẩm quyền căn cứ vào Quy định số 94-QĐ/TW ngày 15/10/2007 của Bộ Chính trị để xem xét, xử lý bằng hình thức cảnh cáo đảng viên nếu sinh con thứ ba trở lên và cách chức vụ hiện tại đối với đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc chức danh quản lý của cấp uỷ nếu vi phạm sinh con thứ ba trở lên.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đã sinh con thứ tư trở lên thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

- Việc xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình quy định tại điểm này như sau:

- Khai trừ đối với đảng viên đã vi phạm sinh con thứ tư trở lên.

• + Đảng viên dự bị nếu vi phạm việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

+ Đảng viên vi phạm việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình mà cố tình che giấu thì kỷ luật khai trừ.

+ Đảng viên hành nghề y, được thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình mà làm thiệt hại sức khoẻ, tính mạng của người dân thì kỷ luật khai trừ.

- Lưu ý:

Những trường hợp sau đây được coi là không vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình:

+ Sinh lần thứ nhất từ ba con trở lên.

+ Đã có một con, sinh lần thứ hai từ sinh đôi trở lên.

+ Đã có hai con nhưng cả hai con hoặc một trong hai con bị dị tật do tai nạn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận, nay sinh con thứ ba.

Những trường hợp sau đây là vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình:

+ Cặp vợ chồng tái hôn mà cả hai đều đã có con riêng hoặc một trong hai người đã có con riêng được sinh con chung một lần (trường hợp này không áp dụng cho trường hợp tái hôn với chính người mà mình đã ly hôn); nếu sinh con lần thứ 2 thì coi như vi phạm sinh con thứ 3.

+ Trường hợp sinh lần thứ nhất từ 2 con trở lên mà sinh lần thứ hai là vi phạm như sinh con thứ ba.

#### **Điều 8. Vi phạm quy định về kết hôn với người nước ngoài**

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Có con kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo trung thực bằng văn bản với chi bộ, thường trực cấp uỷ quản lý mình về lai lịch, thái độ chính trị của người con dâu (hoặc con rể) và cha, mẹ ruột của họ.

b- Có con kết hôn với người nước ngoài vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức nếu có chức vụ:

a) Có con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hành vi chống Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Có vợ hoặc chồng là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng không báo cáo với tổ chức.

Đảng viên có vợ hoặc chồng là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải báo cáo rõ về lai lịch, thái độ chính trị của vợ hoặc chồng, nơi người vợ hoặc chồng sinh sống với chi bộ nơi mình sinh hoạt.

c) Có hành vi ép con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm mục đích vụ lợi.

- Ép con kết hôn được hiểu là việc bắt con của mình phải kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không được sự đồng ý của con.

- Ép con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm vụ lợi cho bản thân hoặc cho gia đình mình.

d) Kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng không báo cáo cấp ủy trực tiếp quản lý và cấp ủy nơi mình sinh hoạt.

Đảng viên kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài không báo cáo cấp ủy trực tiếp quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ và cấp ủy nơi mình sinh hoạt về lai lịch và thái độ chính trị của người dự định kết hôn.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đã bị xử lý mà còn tái phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó không đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó có hoạt động phạm tội nghiêm trọng, có thái độ hoặc hoạt động chống Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Đảng viên kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó có hoạt động phạm tội nghiêm trọng theo quy định của pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Đảng viên không rõ lai lịch, thái độ chính trị của người mà mình dự định kết hôn hoặc người dự định kết hôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước nơi người đó cư trú hoặc Nhà nước Việt Nam kết luận có thái độ chính trị phản động, chống Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trước đây cũng như hiện nay) nhưng đảng viên vẫn kết hôn.

c) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo với chi bộ về các nội dung có liên quan đến lai lịch của người mà đảng viên kết hôn bằng văn bản hoặc đã báo cáo nhưng cấp ủy có thẩm quyền không đồng ý.

Đảng viên kết hôn với người nước ngoài không báo cáo chi bộ các nội dung có liên quan bằng văn bản và đã tự ý đăng ký kết hôn với người nước ngoài khi chưa được cấp ủy có thẩm quyền xem xét, đồng ý bằng văn bản.

d) Bản thân đã cố tình che giấu tổ chức đảng; đồng tình, khuyến khích con quan hệ hôn nhân với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trái với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Đã thực hiện hôn nhân thực tế với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức đảng yêu cầu phải làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng đảng viên không thực hiện. Hoặc đảng viên đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan pháp luật có thẩm quyền, nhưng cơ quan pháp luật của Nhà nước từ chối, không cho đăng ký kết hôn nhưng không báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền mà vẫn kết hôn hoặc sống chung với người đó như vợ chồng.

- Đảng viên kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thực hiện trách nhiệm báo cáo tổ chức đảng theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Đảng viên có hành vi cố tình che giấu tổ chức đảng về việc có con quan hệ hôn nhân với người nước ngoài trái với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Đảng viên trực tiếp làm thủ tục kết hôn, ly hôn hoặc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mà cố ý bao che, tạo điều kiện cho người Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trái pháp luật.

**Điều 9. Vi phạm về quản lý, cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp**

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Nhận văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

Người không học hoặc có học nhưng không đủ điều kiện dự thi, không đủ tiêu chuẩn được cấp văn bằng, chứng chỉ nhưng đã được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cấp văn bằng, chứng chỉ.

b) Công chứng, chứng thực văn bằng, chứng chỉ trái quy định của pháp luật.

2. Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái vi phạm hoặc vi phạm lần đầu nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Có hành vi xin, mua, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp để lập hồ sơ dự thi tuyển, xét tuyển, học tập nâng cao trình độ văn hoá, lý luận, nghiệp vụ thi chuyển ngạch, nâng bậc; để được bổ nhiệm, đề bạt vào các chức vụ lãnh đạo quản lý.

Những hành vi trên gồm:

- Không học, không thi nhưng đã can thiệp, tác động đến tổ chức hoặc người có thẩm quyền quản lý hồ sơ, cấp phát văn bằng, chứng chỉ để có văn bằng, chứng chỉ.



- Mua văn bằng, chứng chỉ dưới bất cứ hình thức nào.

- Dùng văn bằng chứng chỉ không hợp pháp (bằng giả, bằng không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, bằng tẩy xoá) để lập hồ sơ dự thi tuyển, xét tuyển, học tập nâng cao trình độ văn hoá, lý luận, nghiệp vụ, chuyển công tác; thi chuyển ngạch, nâng bậc; để được bổ nhiệm, đề bạt vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

b) Thiếu trách nhiệm làm sai lệch nội dung hồ sơ học tập để cấp văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

Đảng viên được giao quản lý hồ sơ, cấp phát văn bằng, chứng chỉ không tuân thủ các quy trình, quy định về bảo vệ, bảo mật, đã trực tiếp thực hiện hoặc để cho người khác thực hiện hành vi làm sai lệch nội dung hồ sơ học tập, như: sửa điểm, nâng điểm, đánh tráo bài thi và các hành vi khác để cấp văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

c) Can thiệp đến cá nhân, tổ chức để bản thân hoặc người khác được cấp văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, không đúng đối tượng.

d) Ký, cấp văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp cho người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

đ) Làm giả hoặc cố ý sửa chữa, bổ sung làm sai lệch hồ sơ để cấp có thẩm quyền cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc sửa chữa, bổ sung làm sai lệch các nội dung trong văn bằng, chứng chỉ.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Làm công tác tuyển dụng, xét tuyển, đào tạo đã cố tình để cho những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp được dự thi tuyển, xét tuyển đi học, thi nâng ngạch.

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn bao che cho cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

c) Trực tiếp tham gia sản xuất, tiêu thụ hoặc môi giới tiêu thụ phôi văn bằng, phôi chứng chỉ, hoặc văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy các cấp chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp mình phối hợp với ban tuyên giáo tham mưu, giúp cấp ủy tổ chức nghiên cứu, quán triệt Quy định số 47-QĐ/TW ngày 15/10/2007 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn này đến các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý để thống nhất nhận thức và hành động, chỉ đạo chặt chẽ các tổ chức đảng cấp dưới, các ban của Đảng, ban kiểm tra và chi bộ thực hiện đúng phương hướng, phương châm nguyên tắc, thủ tục trong xem xét, xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm, đề cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên trong việc tự xem xét mình và góp phần tích cực vào việc xem xét, xử lý đối với đảng viên vi phạm.

2. Các cấp ủy cần nắm vững Quy định để áp dụng việc xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm bảo đảm phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục, không oan sai, không sót lọt. Việc xem xét, xử lý đảng viên vi phạm phải được tiến hành với tinh thần, trách nhiệm cao, chặt chẽ, nghiêm túc, thận trọng, kiên quyết, tránh buông lỏng hoặc giản đơn, nóng vội để xảy ra những sai sót đáng tiếc.

3. Khi cấp ủy, ủy ban kiểm tra thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm nếu thấy việc áp dụng các hình thức kỷ luật chưa đúng mức thì phải chủ động hủy bỏ quyết định đó và xem xét lại để quyết định việc áp dụng hình thức kỷ luật cho phù hợp hoặc bãi bỏ nếu thấy việc kỷ luật là oan sai.

Cấp ủy, ủy ban kiểm tra xử lý kỷ luật oan sai đối với đảng viên phải kiểm điểm rút kinh nghiệm; nếu vi phạm nghiêm trọng thì cấp ủy, ủy ban kiểm tra có thẩm quyền cấp trên phải xem xét trách nhiệm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp đã thi hành kỷ luật đảng viên oan sai.

4. Các đồng chí thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các vụ phụ trách lĩnh vực, địa bàn theo dõi việc thực hiện Quy định này của cấp ủy, các

ban của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả theo dõi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

5. Định kỳ hằng năm, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp báo cáo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên kết quả thực hiện Quy định này.

6. Hướng dẫn này có hiệu lực từ ngày ký, được phổ biến toàn văn đến chi bộ để quán triệt và thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định số 94-QĐ/TW ngày 15-10-2007 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và Hướng dẫn này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ phản ánh kịp thời về Ủy ban Kiểm tra Trung ương để nghiên cứu, đề xuất Bộ Chính trị xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi kịp thời.

**TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG**

**Chủ nhiệm**

**NGUYỄN VĂN CHI**

**PHẦN THỨ BA**

---

**VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA,  
KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC,  
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ**

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

## **\* CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI**

### **NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI SỐ 10/2007/NQ-QH12 NGÀY 21-11-2007 VỀ CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI NĂM 2008**

#### **QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;
- Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội;
- Trên cơ sở xem xét đề nghị của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội,

#### **QUYẾT NGHỊ:**

##### **Điều 1.**

Quốc hội tiến hành giám sát tối cao các nội dung sau đây:

##### **1. Tại kỳ họp thứ ba:**

1.1- Xem xét báo cáo bổ sung của Chính phủ về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2007; tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và ngân sách nhà nước những tháng đầu năm 2008 và các báo cáo khác của các cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật.

1.2- Chất vấn một số thành viên Chính phủ về hoạt động chỉ đạo, điều hành thuộc lĩnh vực phụ trách.

1.3- Giám sát chuyên đề Việc thực hiện chính sách pháp luật về công tác xã hội hóa chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Tại kỳ họp thứ tư:

2.1- Xem xét các báo cáo của Chính phủ về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2008; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009; phân bổ ngân sách trung ương và bổ sung ngân sách địa phương năm 2009; các báo cáo công tác của các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các báo cáo khác của các cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật.

2.2- Chất vấn một số thành viên Chính phủ và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về hoạt động chỉ đạo, điều hành thuộc lĩnh vực phụ trách.

2.3- Giám sát chuyên đề Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn nhà nước ở các Bộ, ngành, địa phương từ năm 2005 đến năm 2007.

## **Điều 2.**

Trên cơ sở nội dung hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội và căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội chủ động xây dựng và triển khai thực hiện chương trình giám sát của mình; có kế hoạch chi tiết cho từng quý, tháng để phục vụ việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát; thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo theo quy định của pháp luật.

## **Điều 3.**

Căn cứ vào các nội dung tại Điều 1, Điều 2 của Nghị quyết này và tình hình, điều kiện thực tế, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội chủ động lựa chọn nội dung để xây dựng chương trình, tiến hành hoạt động giám sát và báo cáo kết quả theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4.**

Giao Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức thực hiện Nghị quyết về chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2008; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; hướng dẫn các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội trong việc thực hiện hoạt động giám sát; chỉ đạo nghiên cứu cải tiến, đổi mới phương thức hoạt động để nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát; chỉ đạo việc theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả giải quyết các kiến nghị giám sát.

#### **Điều 5.**

Các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương có liên quan có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội trong hoạt động giám sát; báo cáo và cung cấp kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan tiến hành giám sát; thực hiện các kiến nghị và báo cáo kết quả thực hiện với các cơ quan tiến hành giám sát.

#### **Điều 6.**

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động giám sát của các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội 6 tháng và cả năm; tổng hợp và báo cáo kết quả việc thực hiện chương trình giám sát tại kỳ họp cuối năm của Quốc hội.

---

*Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI  
NGUYỄN PHÚ TRỌNG**



**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA  
LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI (LUẬT SỐ 83/2007/QH11  
NGÀY 02 THÁNG 4 NĂM 2007 CỦA QUỐC HỘI)**

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;*

*Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Quốc hội đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2001.*

**Điều 1.**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Quốc hội:

1. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 22

Quốc hội thành lập Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban sau đây:

1. Ủy ban pháp luật;
2. Ủy ban tư pháp;
3. Ủy ban kinh tế;
4. Ủy ban tài chính, ngân sách;
5. Ủy ban quốc phòng và an ninh;
6. Ủy ban văn hoá, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng;
7. Ủy ban về các vấn đề xã hội;
8. Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường;
9. Ủy ban đối ngoại.”

2. Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 27**

**Ủy ban pháp luật có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:**

1. Thẩm tra dự kiến của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, đề nghị của cơ quan khác, tổ chức, đại biểu Quốc hội về xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị của đại biểu Quốc hội về luật, pháp lệnh;

2. Thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh về dân sự, hành chính, về tổ chức bộ máy nhà nước, trừ tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp; thẩm tra các dự án khác do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao;

3. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật đối với các dự án luật, dự án pháp lệnh trước khi trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua;

4. Chủ trì thẩm tra đề án về thành lập, bãi bỏ các bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thành lập hoặc giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; báo cáo của Chính phủ về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;

5. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dân sự, hành chính, về tổ chức bộ máy nhà nước, trừ tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp; giám sát hoạt động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách;

6. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương hoặc giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách;

7. Kiến nghị các biện pháp cần thiết nhằm hoàn thiện bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật.”

3. Bổ sung Điều 27a sau Điều 27 như sau:

“Điều 27a

Ủy ban tư pháp có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh về hình sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án, bổ trợ tư pháp, tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp và các dự án khác do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao;

2. Thẩm tra các báo cáo của Chính phủ về công tác phòng ngừa và chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác thi hành án; thẩm tra các báo cáo công tác của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; chủ trì thẩm tra báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng;

3. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về hình sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án, bổ trợ tư pháp, tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, bổ trợ tư pháp;

4. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương hoặc giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách;

5. Giám sát việc phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng;

6. Kiến nghị các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và các vấn đề về hình sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án, bổ trợ tư pháp, tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp.”

4. Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 28

Ủy ban kinh tế có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, tiền tệ, ngân hàng, hoạt động kinh doanh và các dự án khác do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao;

2. Chủ trì thẩm tra chương trình, dự án, kế hoạch nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo của Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

3. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, tiền tệ, ngân hàng, hoạt động kinh doanh; chủ trì giám sát hoạt động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc thực hiện chương trình, dự án, kế hoạch nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội và việc thực hiện chính sách kinh tế, tiền tệ, ngân hàng;

4. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương hoặc giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách;

5. Kiến nghị các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và các vấn đề về quản lý kinh tế, tiền tệ, ngân hàng, hoạt động kinh doanh.”

5. Bổ sung Điều 28a sau Điều 28 như sau:

“Điều 28a

Ủy ban tài chính, ngân sách có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách và các dự án khác do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao;

2. Chủ trì thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và tổng quyết toán ngân sách nhà nước;

3. Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách; giám sát hoạt động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và việc thực hiện chính sách tài chính, ngân sách;

4. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương hoặc giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách;

5. Kiến nghị các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và các vấn đề về tài chính, ngân sách.”

6. Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 34

Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

1. Tham gia với Ủy ban kinh tế thẩm tra chương trình, dự án, kế hoạch nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo của Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

2. Tham gia với Ủy ban tài chính, ngân sách thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và tổng quyết toán ngân sách nhà nước;

3. Tham gia với Ủy ban pháp luật thẩm tra đề án về thành lập, bãi bỏ các bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thành lập hoặc giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; báo cáo của Chính phủ về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;

4. Tham gia với Ủy ban tư pháp thẩm tra báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng;

5. Giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước, công tác phòng ngừa tham nhũng thuộc lĩnh vực Hội đồng dân tộc, Ủy ban phụ trách.”

**Điều 2.**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

---

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2007.*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI  
NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Bản sao lưu trữ

**LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**(LUẬT SỐ 17/2008/QH12 NGÀY 03-6-2008**  
**CỦA QUỐC HỘI)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992  
đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;*

*Quốc hội ban hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục được quy định trong Luật này hoặc trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, trong đó có quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

2. Văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục được quy định trong Luật này hoặc trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật**

1. Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.
2. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
3. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
4. Nghị định của Chính phủ.

5. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
6. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Thông tư của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.
7. Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
8. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
9. Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.
10. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.
11. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Toà án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
12. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

**Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.
2. Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
3. Bảo đảm tính công khai trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trừ trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước; bảo đảm tính minh bạch trong các quy định của văn bản quy phạm pháp luật.
4. Bảo đảm tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật.
5. Không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Điều 4. Tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức khác,



cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có quyền tham gia góp ý kiến về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia góp ý kiến về dự thảo văn bản; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản.

3. Ý kiến tham gia về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chính lý dự thảo.

#### **Điều 5. Ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản quy phạm pháp luật**

1. Ngôn ngữ trong văn bản quy phạm pháp luật là tiếng Việt.

Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu.

2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định trực tiếp nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.

3. Văn bản quy phạm pháp luật có phạm vi điều chỉnh rộng thì tùy theo nội dung có thể được bố cục theo phần, chương, mục, điều, khoản, điểm; đối với văn bản có phạm vi điều chỉnh hẹp thì bố cục theo các điều, khoản, điểm. Các phần, chương, mục, điều trong văn bản quy phạm pháp luật phải có tiêu đề. Không quy định chương riêng về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong văn bản quy phạm pháp luật nếu không có nội dung mới.

#### **Điều 6. Dịch văn bản quy phạm pháp luật ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài**

1. Văn bản quy phạm pháp luật có thể được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài.

2. Việc dịch văn bản quy phạm pháp luật ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài do Chính phủ quy định.

## **Điều 7. Số, ký hiệu của văn bản quy phạm pháp luật**

1. Số, ký hiệu của văn bản quy phạm pháp luật phải thể hiện rõ số thứ tự, năm ban hành, loại văn bản, cơ quan ban hành văn bản.

2. Việc đánh số thứ tự của văn bản quy phạm pháp luật phải theo từng loại văn bản và năm ban hành. Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thì đánh số thứ tự theo từng loại văn bản và nhiệm kỳ của Quốc hội.

3. Số, ký hiệu của văn bản quy phạm pháp luật được sắp xếp như sau:

a) Số, ký hiệu của luật, nghị quyết của Quốc hội được sắp xếp theo thứ tự như sau: "loại văn bản: số thứ tự của văn bản/năm ban hành/tên viết tắt của cơ quan ban hành văn bản và số khóa Quốc hội";

b) Số, ký hiệu của pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được sắp xếp theo thứ tự như sau: "loại văn bản: số thứ tự của văn bản/năm ban hành/tên viết tắt của cơ quan ban hành văn bản và số khóa Quốc hội";

c) Số, ký hiệu của các văn bản quy phạm pháp luật không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này được sắp xếp theo thứ tự như sau: "số thứ tự của văn bản/năm ban hành/tên viết tắt của loại văn bản - tên viết tắt của cơ quan ban hành văn bản".

## **Điều 8. Văn bản quy định chi tiết**

1. Văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể để khi văn bản đó có hiệu lực thì thi hành được ngay; trường hợp trong văn bản có điều, khoản mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, những vấn đề chưa có tính ổn định cao thì ngay tại điều, khoản đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết. Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp.

2. Văn bản quy định chi tiết phải quy định cụ thể, không lặp lại quy định của văn bản được quy định chi tiết và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết.

3. Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết về nhiều nội dung của một văn bản quy phạm pháp luật thì ban hành một văn bản để quy định chi tiết các nội dung đó, trừ trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau.

Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết các nội dung ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau thì có thể ban hành một văn bản để quy định chi tiết.

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

2. Khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan ban hành văn bản phải sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, bãi bỏ văn bản, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản mới ngay trong văn bản mới đó; trong trường hợp chưa thể sửa đổi, bổ sung ngay thì phải xác định rõ trong văn bản đó danh mục văn bản, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới và có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung trước khi văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực.

3. Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành.

**Điều 10. Gửi, lưu trữ văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản quy phạm pháp luật phải được gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giám sát, kiểm tra.

2. Hồ sơ dự án, dự thảo và bản gốc của văn bản quy phạm pháp luật phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **Điều 11. Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội**

1. Quốc hội làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp.

Việc soạn thảo, thông qua, công bố Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp và thủ tục, trình tự giải thích Hiến pháp do Quốc hội quy định.

2. Luật của Quốc hội quy định các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, quyền và nghĩa vụ của công dân.

3. Nghị quyết của Quốc hội được ban hành để quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương; điều chỉnh ngân sách nhà nước; phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; quy định chế độ làm việc của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội; phê chuẩn điều ước quốc tế và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

#### **Điều 12. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

1. Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định những vấn đề được Quốc hội giao, sau một thời gian thực hiện trình Quốc hội xem xét, quyết định ban hành luật.

2. Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được ban hành để giải

thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh, tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương và quyết định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Điều 13. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước**

Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ban hành để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước do Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

### **Điều 14. Nghị định của Chính phủ**

Nghị định của Chính phủ được ban hành để quy định các vấn đề sau đây:

1. Quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

2. Quy định các biện pháp cụ thể để thực hiện chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ;

3. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ;

4. Quy định những vấn đề cần thiết nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Việc ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Điều 15. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành để quy định các vấn đề sau đây:

1. Biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở; chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;

2. Biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; kiểm tra hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**Điều 16. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ**

Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành để quy định các vấn đề sau đây:

1. Quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

2. Quy định về quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực do mình phụ trách;

3. Quy định biện pháp để thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực do mình phụ trách và những vấn đề khác do Chính phủ giao.

**Điều 17. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**

Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được ban hành để hướng dẫn các Tòa án áp dụng thống nhất pháp luật.

**Điều 18. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

1. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao được ban hành để thực hiện việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương và Tòa án quân sự về tổ chức; quy định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành để quy định các biện pháp bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân địa phương, Viện kiểm sát quân sự; quy định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

#### **Điều 19. Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước**

Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước được ban hành để quy định, hướng dẫn các chuẩn mực kiểm toán nhà nước; quy định cụ thể quy trình kiểm toán, hồ sơ kiểm toán.

#### **Điều 20. Văn bản quy phạm pháp luật liên tịch**

1. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội được ban hành để hướng dẫn thi hành những vấn đề khi pháp luật quy định về việc tổ chức chính trị - xã hội đó tham gia quản lý nhà nước.

2. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành để hướng dẫn việc áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động tố tụng và những vấn đề khác liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan đó.

3. Thông tư liên tịch giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành để hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ đó.

#### **Điều 21. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân**

Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được ban hành theo nội dung, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định

tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

### **Chương III**

## **XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

#### **Mục 1**

### **LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH**

#### **Điều 22. Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh**

1. Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được xây dựng trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh bao gồm chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội và chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm.

3. Quốc hội quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội tại kỳ họp thứ hai của mỗi khoá Quốc hội; quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm tại kỳ họp thứ nhất của năm trước.

#### **Điều 23. Đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh**

1. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội có quyền trình dự án luật quy định tại Điều 87 của Hiến pháp gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; đại biểu Quốc hội gửi kiến nghị về luật, pháp lệnh đến Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh phải nêu rõ sự cần thiết ban hành văn bản; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản; những quan điểm, chính sách cơ bản, nội dung chính của văn bản; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc soạn thảo văn bản; báo cáo đánh giá tác động sơ bộ của văn bản; thời gian dự kiến đề nghị Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua.



Kiến nghị về luật, pháp lệnh phải nêu rõ sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản.

2. Chính phủ lập đề nghị về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh về những vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trình Ủy ban thường vụ Quốc hội và phát biểu ý kiến về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của cơ quan khác, tổ chức, đại biểu Quốc hội, kiến nghị về luật, pháp lệnh của đại biểu Quốc hội.

Bộ Tư pháp có trách nhiệm giúp Chính phủ lập đề nghị về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Chính phủ xem xét, thảo luận về đề nghị về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Bộ Tư pháp trình bày dự thảo đề nghị về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- c) Chính phủ thảo luận;
- d) Chính phủ biểu quyết thông qua đề nghị về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

#### **Điều 24. Thời hạn gửi đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh**

1. Chậm nhất vào ngày 01 tháng 3 của năm trước, đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh phải được gửi đến Ủy ban thường vụ Quốc hội để lập dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm, đồng thời được gửi đến Ủy ban pháp luật để thẩm tra.

Chậm nhất vào ngày 01 tháng 8 của năm đầu tiên của nhiệm kỳ Quốc hội, đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh phải được gửi đến Ủy ban thường vụ Quốc hội để lập dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội, đồng thời được gửi đến Ủy ban pháp luật để thẩm tra.

2. Trước khi gửi đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh đến Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội phải gửi đề nghị, kiến nghị của mình đến Chính phủ để Chính phủ phát biểu ý kiến.

#### **Điều 25. Thẩm tra đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh**

1. Ủy ban pháp luật tập hợp và chủ trì thẩm tra đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội và kiến nghị về luật, pháp lệnh của đại biểu Quốc hội.

Nội dung thẩm tra tập trung vào sự cần thiết ban hành, phạm vi, đối tượng điều chỉnh, chính sách cơ bản của văn bản, tính đồng bộ, tính khả thi, thứ tự ưu tiên, điều kiện bảo đảm để xây dựng và thi hành văn bản.

2. Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban pháp luật trong việc thẩm tra đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh và phát biểu ý kiến về sự cần thiết ban hành, thứ tự ưu tiên ban hành văn bản thuộc lĩnh vực do mình phụ trách.

#### **Điều 26. Lập dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh**

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Chính phủ trình bày tờ trình đề nghị về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

Đại diện cơ quan khác, tổ chức, đại biểu Quốc hội phát biểu ý kiến về đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh của mình;

b) Đại diện Ủy ban pháp luật trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Đại biểu tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

đ) Đại diện Chính phủ, đại diện cơ quan khác, tổ chức, đại biểu Quốc hội có đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh trình bày bổ sung những vấn đề được nêu ra tại phiên họp;

e) Chủ tọa phiên họp kết luận.

2. Căn cứ vào đề nghị, kiến nghị về luật, pháp lệnh của cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội, ý kiến thẩm tra của Ủy ban pháp luật, Ủy ban thường vụ Quốc hội lập dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Hồ sơ dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh gồm có tờ trình và dự thảo nghị quyết của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh phải được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Quốc hội.

3. Ủy ban pháp luật chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội lập dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

#### **Điều 27. Trình tự xem xét, thông qua dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh**

1. Quốc hội xem xét, thông qua dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội trình bày tờ trình về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;

b) Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh có thể được thảo luận ở tổ đại biểu Quốc hội;

c) Sau khi dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thảo luận, cho ý kiến, Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và xây dựng báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

d) Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;

d) Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

2. Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh phải nêu rõ tên dự án, dự thảo; đối với nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm còn phải nêu rõ thời gian dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án, dự thảo đó.

**Điều 28. Triển khai thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh**

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm chỉ đạo và triển khai việc thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh thông qua các hoạt động sau đây:

a) Phân công cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết; cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan tham gia thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.

Trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội trình dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội thì Quốc hội quyết định cơ quan thẩm tra hoặc thành lập Ủy ban lâm thời để thẩm tra.

Trong trường hợp Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết thì Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cơ quan thẩm tra;

b) Thành lập Ban soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này;

c) Quyết định tiến độ xây dựng dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết và các biện pháp cụ thể để bảo đảm việc thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

2. Ủy ban pháp luật có trách nhiệm giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc tổ chức triển khai thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm dự kiến cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp soạn thảo để trình Chính phủ quyết định và giúp Chính phủ đôn đốc

việc soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do Chính phủ trình.

**Điều 29. Điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh**

Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Việc điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24 và 25 của Luật này.

**Mục 2**

**SOẠN THẢO LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

**Điều 30. Thành lập Ban soạn thảo và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo**

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Ban soạn thảo và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo trong những trường hợp sau đây:

a) Dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết có nội dung liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực;

b) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội trình;

c) Dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do đại biểu Quốc hội trình. Thành phần Ban soạn thảo do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của đại biểu Quốc hội.

2. Trường hợp dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do Chính phủ trình thì Chính phủ giao cho một bộ hoặc cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo; cơ quan được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thành lập Ban soạn thảo.

3. Trường hợp dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do cơ quan khác, tổ chức trình thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm thành lập Ban soạn thảo và chủ trì soạn thảo.

### **Điều 31. Thành phần Ban soạn thảo**

1. Ban soạn thảo gồm Trưởng ban là người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và các thành viên khác là đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo, cơ quan, tổ chức hữu quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Đối với Ban soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do Chính phủ trình thì thành phần Ban soạn thảo còn có các thành viên là đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ. Ban soạn thảo phải có ít nhất là chín người.

2. Thành viên Ban soạn thảo phải là người am hiểu các vấn đề chuyên môn liên quan đến dự án, dự thảo và có điều kiện tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban soạn thảo.

### **Điều 32. Nhiệm vụ của Ban soạn thảo, Trưởng ban soạn thảo**

1. Ban soạn thảo có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo và chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo.

2. Ban soạn thảo có nhiệm vụ sau đây:

- a) Xem xét, thông qua đề cương dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết;
- b) Thảo luận về chính sách cơ bản và những vấn đề thuộc nội dung của dự án, dự thảo;
- c) Thảo luận về dự thảo văn bản, tờ trình, bản thuyết minh chi tiết về dự án, dự thảo; về nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- d) Bảo đảm các quy định của dự thảo văn bản phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật; bảo đảm tính khả thi của văn bản.

3. Trưởng Ban soạn thảo có nhiệm vụ sau đây:

- a) Thành lập Tổ biên tập giúp việc cho Ban soạn thảo và chỉ đạo Tổ biên tập chuẩn bị đề cương, biên soạn và chỉnh lý dự thảo văn bản;

b) Tổ chức các cuộc họp và các hoạt động khác của Ban soạn thảo.

### **Điều 33. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo**

1. Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự án, dự thảo. Trong trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung của dự án, dự thảo.

2. Tổ chức đánh giá tác động và xây dựng báo cáo đánh giá tác động của dự thảo văn bản Nội dung của báo cáo đánh giá tác động phải nêu rõ các vấn đề cần giải quyết và các giải pháp đối với từng vấn đề đó; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp.

3. Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có liên quan đến dự án, dự thảo. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến dự án, dự thảo.

4. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan về dự án, dự thảo; tổng hợp và nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý.

5. Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định hoặc ý kiến tham gia của Chính phủ đối với dự án, dự thảo không do Chính phủ trình.

6. Chuẩn bị dự thảo, tờ trình, bản thuyết minh chi tiết về dự án, dự thảo; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của dự thảo văn bản và đăng tải các tài liệu này trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo.

7. Chuẩn bị những nội dung cơ bản và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau của dự án, dự thảo do Chính phủ trình để báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

8. Kiến nghị phân công cơ quan soạn thảo văn bản quy định chi tiết các điều, khoản, điểm của dự thảo.

9. Bảo đảm điều kiện hoạt động của Ban soạn thảo, Tổ biên tập.

Trường hợp dự án, dự thảo do đại biểu Quốc hội trình thì Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hoạt động của Ban soạn thảo và Tổ biên tập.

**Điều 34. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết**

1. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết có nhiệm vụ sau đây:

a) Chỉ đạo Ban soạn thảo trong quá trình soạn thảo; đối với dự án, dự thảo do Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ trình thì chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo;

b) Xem xét, quyết định việc trình Quốc hội dự án luật, dự thảo nghị quyết, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết. Trong trường hợp chưa thể trình dự án, dự thảo theo đúng tiến độ của chương trình xây dựng luật, pháp lệnh thì phải kịp thời báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét quyết định và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp dự án, dự thảo không do Chính phủ trình thì chậm nhất là bốn mươi ngày, trước ngày khai mạc phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo phải gửi hồ sơ dự án, dự thảo đến Chính phủ để Chính phủ tham gia ý kiến.

3. Hồ sơ dự án, dự thảo gửi Chính phủ tham gia ý kiến bao gồm:

a) Tờ trình về dự án, dự thảo;

b) Dự thảo văn bản;

c) Bản thuyết minh chi tiết về dự án, dự thảo và báo cáo đánh giá tác động của dự án, dự thảo;

d) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự án, dự thảo;

đ) Tài liệu khác (nếu có).



### **Điều 35. Lấy ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết**

1. Trong quá trình soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến cơ quan, tổ chức hữu quan và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; đăng tải toàn văn dự thảo trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

2. Việc lấy ý kiến có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo để góp ý, tổ chức hội thảo, thông qua Trang thông tin điện tử của Chính phủ, của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm góp ý kiến bằng văn bản về dự án, dự thảo; trong đó, Bộ Tài chính có trách nhiệm góp ý kiến về nguồn tài chính, Bộ Nội vụ có trách nhiệm góp ý kiến về nguồn nhân lực, Bộ Tài nguyên và môi trường có trách nhiệm góp ý kiến về tác động đối với môi trường, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm góp ý kiến về sự tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý.

### **Điều 36. Thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do Chính phủ trình**

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước khi trình Chính phủ.

Đối với dự án, dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng thẩm định, bao gồm đại diện các cơ quan hữu quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

2. Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

- a) Tờ trình Chính phủ về dự án, dự thảo;
- b) Dự thảo văn bản;
- c) Bản thuyết minh chi tiết về dự án, dự thảo và báo cáo đánh giá tác động của dự thảo văn bản;
- d) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự án, dự thảo;
- đ) Bản tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân về nội dung dự án, dự thảo; bản sao ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự án, dự thảo;
- e) Tài liệu khác (nếu có).

3. Cơ quan thẩm định tiến hành thẩm định tập trung vào những vấn đề sau đây:

- a) Sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản;
- b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng;
- c) Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật và tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- d) Tính khả thi của dự thảo văn bản, bao gồm sự phù hợp giữa quy định của dự thảo văn bản với yêu cầu thực tế, trình độ phát triển của xã hội và điều kiện bảo đảm để thực hiện;
- đ) Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo về những vấn đề liên quan đến nội dung dự án, dự thảo.

4. Báo cáo thẩm định phải được gửi đến cơ quan chủ trì soạn thảo chậm nhất là hai mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

5. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý hoàn thiện dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Chính phủ.

**Điều 37. Hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trình Chính phủ**

1. Tờ trình Chính phủ về dự án, dự thảo.
2. Dự thảo văn bản.
3. Bản thuyết minh chi tiết về dự án, dự thảo và báo cáo đánh giá tác động của dự thảo văn bản.
4. Báo cáo thẩm định, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, bản tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự án, dự thảo.
5. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự án, dự thảo.
6. Tài liệu khác (nếu có).

**Điều 38. Chỉnh lý, hoàn thiện dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước khi trình Chính phủ**

Trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau giữa các bộ, cơ quan ngang bộ về những vấn đề lớn thuộc nội dung của dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết thì Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ triệu tập cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo cơ quan chủ trì soạn thảo, Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để giải quyết trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định. Căn cứ vào ý kiến tại cuộc họp này, cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự án, dự thảo để trình Chính phủ.

**Điều 39. Chính phủ thảo luận, xem xét quyết định việc trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết**

1. Chính phủ có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể, biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.

2. Văn phòng Chính phủ chuẩn bị những nội dung cơ bản, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau của dự án, dự thảo để báo cáo Chính phủ thảo luận.

3. Tùy theo tính chất và nội dung của dự án, dự thảo, Chính phủ có thể xem xét, thảo luận tại một hoặc một số phiên họp của Chính phủ theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết trình về dự án, dự thảo;

b) Đại diện Văn phòng Chính phủ trình bày những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về dự án, dự thảo;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Chính phủ thảo luận;

đ) Chính phủ biểu quyết về việc trình dự án, dự thảo.

4. Trong trường hợp Chính phủ chưa thông qua việc trình dự án, dự thảo thì Thủ tướng Chính phủ ấn định thời gian xem xét lại dự án, dự thảo. Căn cứ vào ý kiến của thành viên Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chính lý dự án, dự thảo.

Tại phiên họp tiếp theo, Chính phủ thảo luận về dự án, dự thảo theo trình tự sau đây:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo Chính phủ về nội dung chính lý;

b) Chính phủ thảo luận và biểu quyết về việc trình dự án, dự thảo.

**Điều 40. Chính phủ tham gia ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết không do Chính phủ trình**

1. Chính phủ có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do cơ quan khác, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, dự thảo.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ được Thủ tướng Chính phủ phân công chuẩn bị ý kiến chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp dự kiến những nội dung cần tham gia ý kiến để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Mục 3  
THẨM TRA DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

**Điều 41. Thẩm tra của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội**

1. Dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước khi trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận, cho ý kiến phải được Hội đồng dân tộc, Ủy ban hữu quan của Quốc hội thẩm tra (sau đây gọi chung là cơ quan thẩm tra).

Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm chủ trì thẩm tra dự án, dự thảo thuộc lĩnh vực do mình phụ trách và dự án, dự thảo khác do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao; tham gia thẩm tra dự án, dự thảo do cơ quan khác của Quốc hội chủ trì thẩm tra theo sự phân công của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Cơ quan chủ trì thẩm tra có trách nhiệm mời đại diện cơ quan được phân công tham gia thẩm tra tham dự phiên họp thẩm tra để phát biểu ý kiến về những nội dung của dự án, dự thảo liên quan đến lĩnh vực do cơ quan đó phụ trách và những vấn đề khác thuộc nội dung của dự án, dự thảo.

3. Cơ quan chủ trì thẩm tra có thể mời đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học và đại diện các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản tham dự cuộc họp do mình tổ chức để phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan đến nội dung của dự án, dự thảo.

4. Cơ quan thẩm tra có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo báo cáo về những vấn đề liên quan đến nội dung của dự án, dự thảo; tự mình hoặc cùng cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo tổ chức hội thảo, khảo sát thực tế về những vấn đề thuộc nội dung của dự án, dự thảo.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu và đáp ứng các yêu cầu khác của cơ quan thẩm tra.

**Điều 42. Hồ sơ và thời hạn gửi hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết để thẩm tra**

1. Hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết để thẩm tra bao gồm:

- a) Tờ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự án, dự thảo;
- b) Dự thảo văn bản;
- c) Bản thuyết minh chi tiết về dự án, dự thảo và báo cáo đánh giá tác động của dự thảo văn bản;
- d) Báo cáo thẩm định đối với dự án, dự thảo do Chính phủ trình; ý kiến của Chính phủ đối với dự án, dự thảo không do Chính phủ trình; bản tổng hợp ý kiến góp ý về dự án, dự thảo;
- đ) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự án, dự thảo;
- e) Tài liệu khác (nếu có).

2. Đối với dự án, dự thảo trình Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chậm nhất là hai mươi ngày, trước ngày bắt đầu phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo phải gửi hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan tham gia thẩm tra để tiến hành thẩm tra.

Đối với dự án, dự thảo trình Quốc hội thì chậm nhất là ba mươi ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo phải gửi hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan tham gia thẩm tra để tiến hành thẩm tra.

#### **Điều 43. Nội dung thẩm tra**

Cơ quan thẩm tra tiến hành thẩm tra tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau đây:

- 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh của văn bản;
- 2. Nội dung của dự thảo văn bản và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau;
- 3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, với Hiến pháp, pháp luật và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật;

4. Tính khả thi của các quy định trong dự thảo văn bản.

#### **Điều 44. Phương thức thẩm tra**

1. Cơ quan chủ trì thẩm tra phải tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra; đối với dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến thì có thể tổ chức phiên họp Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban để thẩm tra sơ bộ.

2. Trong trường hợp dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết được giao cho nhiều cơ quan phối hợp thẩm tra thì việc thẩm tra có thể được tiến hành bằng một trong các phương thức sau đây:

a) Cơ quan chủ trì thẩm tra tổ chức phiên họp thẩm tra với sự tham gia của đại diện cơ quan tham gia thẩm tra;

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra tổ chức phiên họp thẩm tra với Thường trực cơ quan tham gia thẩm tra.

#### **Điều 45. Báo cáo thẩm tra**

1. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra quy định tại Điều 43 của Luật này, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

2. Báo cáo thẩm tra phải phản ánh đầy đủ ý kiến của thành viên cơ quan chủ trì thẩm tra, đồng thời phải phản ánh ý kiến của các cơ quan tham gia thẩm tra.

#### **Điều 46. Trách nhiệm của Ủy ban pháp luật trong việc thẩm tra để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật**

1. Ủy ban pháp luật có trách nhiệm tham gia thẩm tra để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do các cơ quan khác của Quốc hội chủ trì thẩm tra với hệ thống pháp luật trước khi trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua.

2. Ủy ban pháp luật tổ chức phiên họp Thường trực Ủy ban hoặc phiên

họp toàn thể Ủy ban để chuẩn bị ý kiến tham gia thẩm tra và cử đại diện Ủy ban tham dự phiên họp thẩm tra của cơ quan chủ trì thẩm tra.

3. Nội dung tham gia thẩm tra để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự án, dự thảo với hệ thống pháp luật bao gồm:

a) Sự phù hợp của quy định trong dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội với quy định của Hiến pháp; quy định trong dự thảo pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội;

b) Sự thống nhất về nội dung giữa quy định trong dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội với luật, nghị quyết của Quốc hội; giữa quy định trong dự thảo pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; giữa các quy định trong dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết; sự thống nhất về kỹ thuật văn bản.

4. Khi gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 42 của Luật này, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo phải đồng thời gửi hồ sơ đến Ủy ban pháp luật.

**Điều 47. Trách nhiệm của Ủy ban về các vấn đề xã hội trong việc thẩm tra việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết**

1. Ủy ban về các vấn đề xã hội có trách nhiệm tham gia thẩm tra việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do cơ quan khác của Quốc hội chủ trì thẩm tra khi dự án, dự thảo đó có nội dung liên quan đến bình đẳng giới.

2. Ủy ban về các vấn đề xã hội tổ chức phiên họp Thường trực Ủy ban hoặc phiên họp toàn thể Ủy ban để chuẩn bị ý kiến tham gia thẩm tra và cử đại diện Ủy ban tham dự phiên họp thẩm tra của cơ quan chủ trì thẩm tra.

3. Nội dung thẩm tra việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới của dự án, dự thảo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật bình đẳng giới.

4. Khi gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 42 của Luật này, cơ quan, tổ



chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo phải đồng thời gửi hồ sơ đến Ủy ban về các vấn đề xã hội.

#### Mục 4

### ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI XEM XÉT, CHO Ý KIẾN VỀ DỰ ÁN LUẬT, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

#### **Điều 48. Thời hạn Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội**

Chậm nhất là bảy ngày, trước ngày bắt đầu phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội phải gửi hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này đến Ủy ban thường vụ Quốc hội để cho ý kiến.

Dự thảo văn bản, tờ trình và báo cáo thẩm tra về dự án, dự thảo được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Quốc hội.

#### **Điều 49. Trình tự Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội**

1. Tùy theo tính chất và nội dung của dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội có thể xem xét, cho ý kiến một lần hoặc nhiều lần.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo thuyết trình về nội dung cơ bản của dự án, dự thảo;

b) Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra, kiến nghị những vấn đề trình ra Quốc hội tập trung thảo luận;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp kết luận.

**Điều 50. Việc tiếp thu và chỉnh lý dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội theo ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

1. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý dự án, dự thảo.

Đối với dự án, dự thảo do Chính phủ trình thì người được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền trình có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý dự án, dự thảo, trừ trường hợp cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội có ý kiến khác với ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

**Mục 5**

**THẢO LUẬN, TIẾP THU, CHỈNH LÝ VÀ THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**Điều 51. Xem xét, thông qua dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết**

1. Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại một hoặc hai kỳ họp Quốc hội.

Đối với dự án, dự thảo trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến và dự án, dự thảo trình Quốc hội xem xét, thông qua tại một kỳ họp thì chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, hồ sơ dự án, dự thảo phải được gửi đến đại biểu Quốc hội.

Đối với dự án, dự thảo đã được tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến của đại biểu Quốc hội tại kỳ họp trước và được trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp sau thì chậm nhất là bốn mươi lăm ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm gửi lấy ý kiến đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy

ban của Quốc hội có trách nhiệm tổ chức thảo luận, góp ý kiến bằng văn bản và gửi về Văn phòng Quốc hội chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại một hoặc hai phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày bắt đầu phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội, hồ sơ dự án, dự thảo phải được gửi đến các thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Hồ sơ dự án, dự thảo trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này và báo cáo thẩm tra về dự án, dự thảo.

Dự thảo văn bản, tờ trình và báo cáo thẩm tra về dự án, dự thảo được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Quốc hội.

**Điều 52. Trình tự xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại một kỳ họp của Quốc hội**

Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại một kỳ họp theo trình tự sau đây:

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo thuyết trình về dự án, dự thảo;

2. Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;

3. Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về những nội dung cơ bản, những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau của dự án, dự thảo. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, dự án, dự thảo có thể được thảo luận ở tổ đại biểu Quốc hội;

4. Trong quá trình thảo luận, đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo giải trình về những vấn đề liên quan đến dự án, dự thảo mà đại biểu Quốc hội nêu;

5. Đối với những vấn đề quan trọng của dự án, dự thảo và những vấn đề

lớn còn có ý kiến khác nhau thì Quốc hội tiến hành biểu quyết theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Cơ quan chủ trì thẩm tra chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo, Đoàn thư ký kỳ họp và cơ quan, tổ chức hữu quan giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến những vấn đề thuộc nội dung của dự án, dự thảo trình Quốc hội biểu quyết;

6. Sau khi dự án, dự thảo được Quốc hội thảo luận, cho ý kiến, Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo trình tự sau đây:

a) Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức hữu quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và xây dựng báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trình Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Chậm nhất là năm ngày trước ngày biểu quyết thông qua, dự thảo được gửi đến Thường trực Ủy ban pháp luật để rà soát, hoàn thiện về mặt kỹ thuật văn bản. Thường trực Ủy ban pháp luật chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo tổ chức việc rà soát để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự án, dự thảo với hệ thống pháp luật;

7. Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; trường hợp cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo có ý kiến khác với nội dung đã được chỉnh lý trong dự thảo thì ý kiến đó phải được nêu rõ trong báo cáo;

8. Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo. Trong trường hợp vẫn còn những vấn đề có ý kiến khác nhau thì Quốc hội biểu quyết về những vấn đề đó theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi biểu quyết thông qua dự thảo;

9. Chủ tịch Quốc hội ký chứng thực luật, nghị quyết của Quốc hội.

Trong trường hợp dự thảo chưa được thông qua hoặc mới được thông

qua một phần thì việc chỉnh lý và thông qua dự thảo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 53 của Luật này.

**Điều 53. Trình tự xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại hai kỳ họp của Quốc hội**

Quốc hội xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết tại hai kỳ họp theo trình tự sau đây:

1. Tại kỳ họp thứ nhất:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo thuyết trình về dự án, dự thảo;

b) Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về những nội dung cơ bản, những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau của dự án, dự thảo. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, dự án, dự thảo có thể được thảo luận ở tổ đại biểu Quốc hội.

Trong quá trình thảo luận, đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo có trách nhiệm giải trình về những vấn đề liên quan đến dự án, dự thảo mà đại biểu Quốc hội nêu;

d) Đối với những vấn đề quan trọng của dự án, dự thảo và những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau thì Quốc hội tiến hành biểu quyết theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Cơ quan chủ trì thẩm tra chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo, Đoàn thư ký kỳ họp và cơ quan, tổ chức hữu quan giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến những vấn đề thuộc nội dung của dự án, dự thảo trình Quốc hội biểu quyết;

đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo Đoàn thư ký kỳ họp tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội và kết quả biểu quyết làm cơ sở cho việc chỉnh lý;

2. Trong thời gian giữa hai kỳ họp của Quốc hội, Ủy ban thường vụ

Quốc hội chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo trình tự sau đây:

a) Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức hữu quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và xây dựng dự thảo báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo. Cơ quan chủ trì thẩm tra tổ chức phiên họp thường trực hoặc phiên họp toàn thể để thảo luận về dự thảo báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý;

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thảo luận về báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội gửi dự thảo đã được chỉnh lý để lấy ý kiến của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;

d) Cơ quan chủ trì thẩm tra tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và hoàn thiện báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trình Ủy ban thường vụ Quốc hội;

### 3. Tại kỳ họp thứ hai:

a) Đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội trình bày báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo có ý kiến khác với nội dung đã được chỉnh lý trong dự thảo thì ý kiến đó phải được nêu rõ trong báo cáo;

b) Quốc hội thảo luận về những nội dung còn có ý kiến khác nhau của dự án, dự thảo;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo;

d) Chậm nhất là năm ngày trước ngày biểu quyết thông qua, dự thảo được gửi đến Thường trực Ủy ban pháp luật để rà soát, hoàn thiện về mặt kỹ thuật văn bản. Thường trực Ủy ban pháp luật chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ

trì thẩm tra, đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo tổ chức việc rà soát để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự án, dự thảo với hệ thống pháp luật;

d) Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo. Trong trường hợp vẫn còn những vấn đề có ý kiến khác nhau thì Quốc hội biểu quyết về những vấn đề đó theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi biểu quyết thông qua dự thảo;

e) Chủ tịch Quốc hội ký chứng thực luật, nghị quyết của Quốc hội.

Trong trường hợp dự thảo chưa được thông qua hoặc mới được thông qua một phần thì việc xem xét, thông qua tại kỳ họp tiếp theo do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Điều 54. Trình tự xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại một phiên họp theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo thuyết trình về dự án, dự thảo;

b) Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận, chủ tọa phiên họp kết luận;

đ) Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức hữu quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo;

e) Chậm nhất là ba ngày trước ngày biểu quyết thông qua, dự thảo được gửi đến Thường trực Ủy ban pháp luật để rà soát, hoàn thiện về mặt kỹ thuật văn bản. Thường trực Ủy ban pháp luật chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo tổ

chức việc rà soát để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự án, dự thảo với hệ thống pháp luật;

g) Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; trường hợp cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo có ý kiến khác với nội dung đã được chỉnh lý trong dự thảo thì ý kiến đó phải được nêu rõ trong báo cáo;

h) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo. Trong trường hợp vẫn còn những vấn đề có ý kiến khác nhau thì Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết về những vấn đề đó theo đề nghị của chủ tọa phiên họp trước khi biểu quyết thông qua dự thảo;

i) Chủ tịch Quốc hội ký pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết tại hai phiên họp theo trình tự sau đây:

a) Tại phiên họp thứ nhất, việc trình và thảo luận được thực hiện theo trình tự quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận, biểu quyết một số vấn đề của dự án, dự thảo theo đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra để làm cơ sở cho việc chỉnh lý;

b) Trong thời gian giữa hai phiên họp, Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức hữu quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo sự chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Chậm nhất là ba ngày trước ngày biểu quyết thông qua, dự thảo được gửi đến Thường trực Ủy ban pháp luật để rà soát, hoàn thiện về mặt kỹ thuật văn bản. Thường trực Ủy ban pháp luật chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo tổ chức việc rà soát để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự án, dự thảo với hệ thống pháp luật;

d) Tại phiên họp thứ hai, cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo Ủy ban thường



vụ Quốc hội về việc chỉnh lý dự thảo; trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo có ý kiến khác với nội dung đã được chỉnh lý trong dự thảo thì ý kiến đó phải được nêu rõ trong báo cáo;

đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua dự thảo. Trong trường hợp vẫn còn những vấn đề có ý kiến khác nhau thì Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết về những vấn đề đó theo đề nghị của chủ tọa phiên họp trước khi biểu quyết thông qua dự thảo;

e) Chủ tịch Quốc hội ký pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Điều 55. Hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua**

Hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua bao gồm:

1. Báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo;
2. Dự thảo đã được chỉnh lý.

**Điều 56. Ngày thông qua luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội**

Ngày thông qua luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội là ngày Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua luật, pháp lệnh, nghị quyết đó.

**Mục 6**

**CÔNG BỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

**Điều 57. Công bố luật, pháp lệnh, nghị quyết**

1. Chủ tịch nước ban hành lệnh để công bố luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong thời hạn chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày luật, pháp lệnh, nghị quyết được thông qua.

2. Đối với pháp lệnh, nghị quyết đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua mà Chủ tịch nước đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại theo quy định tại khoản 7 Điều 103 của Hiến pháp thì Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại những vấn đề mà Chủ tịch nước có ý kiến. Nếu pháp lệnh, nghị quyết đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất. Trong các trường hợp này thì thời hạn công bố chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua lại hoặc Quốc hội quyết định.

#### **Chương IV** **XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT** **CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC**

##### **Điều 58. Xây dựng, ban hành lệnh, quyết định của Chủ tịch nước**

1. Chủ tịch nước tự mình hoặc theo đề nghị của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định cơ quan soạn thảo dự thảo lệnh, quyết định.

2. Cơ quan soạn thảo tổ chức nghiên cứu, soạn thảo dự thảo lệnh, quyết định.

3. Tùy theo nội dung của dự thảo lệnh, quyết định, Chủ tịch nước quyết định việc đăng tải toàn văn trên Trang thông tin điện tử của cơ quan soạn thảo. Việc đăng tải dự thảo phải bảo đảm thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia ý kiến.

4. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chỉnh lý dự thảo lệnh, quyết định và báo cáo Chủ tịch nước.

5. Chủ tịch nước xem xét, ký ban hành lệnh, quyết định.

**Chương V**  
**XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ TRƯỞNG,**  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ**

**Điều 59. Lập chương trình xây dựng nghị định**

1. Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan lập dự kiến chương trình xây dựng nghị định hằng năm của Chính phủ trên cơ sở đề nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Đề nghị xây dựng nghị định phải nêu rõ sự cần thiết ban hành, nội dung, chính sách cơ bản và báo cáo đánh giá tác động sơ bộ của văn bản.

2. Trong trường hợp cần thiết, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức cuộc họp có sự tham gia của đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan để xem xét đề nghị xây dựng nghị định của Chính phủ.

Cơ quan, tổ chức có đề nghị xây dựng nghị định cử đại diện thuyết trình về những vấn đề liên quan đến đề nghị của mình.

3. Văn phòng Chính phủ lập dự kiến chương trình xây dựng nghị định của Chính phủ và gửi đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để lấy ý kiến, đồng thời đăng tải dự kiến chương trình trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến.

4. Chính phủ thông qua chương trình xây dựng nghị định hằng năm. Thủ tướng Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì soạn thảo dự thảo nghị định.

**Điều 60. Ban soạn thảo nghị định**

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo thành lập Ban soạn thảo nghị định. Ban soạn thảo gồm Trưởng ban là đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo và các thành viên là đại diện cơ quan thẩm định, đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

Ban soạn thảo chịu trách nhiệm về chất lượng và tiến độ soạn thảo dự thảo nghị định trước cơ quan chủ trì soạn thảo.

Trưởng ban soạn thảo thành lập Tổ biên tập để giúp việc cho Ban soạn thảo và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Ban soạn thảo.

2. Ban soạn thảo có nhiệm vụ sau đây:

- a) Xem xét, thông qua đề cương dự thảo nghị định;
- b) Thảo luận những vấn đề cơ bản, nội dung của dự thảo nghị định, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- c) Thảo luận về những nội dung cần được tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến của cơ quan thẩm định và ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- d) Bảo đảm các quy định của dự thảo văn bản phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bảo đảm tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật; bảo đảm tính khả thi của văn bản.

3. Trên cơ sở ý kiến thảo luận của Ban soạn thảo, Trưởng ban soạn thảo chỉ đạo Tổ biên tập soạn thảo và chỉnh lý dự thảo nghị định.

#### **Điều 61. Nhiệm vụ của cơ quan chủ trì soạn thảo**

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm trước Chính phủ về nội dung, chất lượng của dự thảo nghị định và tiến độ soạn thảo.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có nhiệm vụ sau đây:

- a) Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến dự thảo; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự thảo;
- b) Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có liên quan đến dự thảo;
- c) Tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo, báo cáo đánh giá tác

động của dự thảo văn bản và đăng tải các tài liệu này trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của cơ quan chủ trì soạn thảo;

d) Bảo đảm điều kiện hoạt động của Ban soạn thảo và Tổ biên tập.

#### **Điều 62. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị định**

1. Trong quá trình soạn thảo dự thảo nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; nêu những vấn đề cần xin ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến góp ý; đăng tải toàn văn dự thảo trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

2. Việc lấy ý kiến về dự thảo có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo để góp ý, tổ chức hội thảo, thông qua Trang thông tin điện tử của Chính phủ, của cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý.

#### **Điều 63. Thẩm định dự thảo nghị định**

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo nghị định trước khi trình Chính phủ.

Đối với dự thảo nghị định có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng thẩm định, bao gồm đại diện các cơ quan hữu quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

2. Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình Chính phủ về dự thảo nghị định;

b) Dự thảo nghị định;

c) Bản thuyết minh chi tiết và báo cáo đánh giá tác động của dự thảo văn bản;

d) Bản tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản sao ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; báo cáo giải trình về việc tiếp thu ý kiến góp ý.

đ) Tài liệu khác (nếu có).

3. Nội dung thẩm định dự thảo nghị định theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật này.

4. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo những vấn đề thuộc nội dung dự thảo nghị định; tự mình hoặc cùng cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức khảo sát thực tế về những vấn đề thuộc nội dung của dự thảo nghị định. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm định dự thảo nghị định.

5. Báo cáo thẩm định phải được gửi đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

6. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu ý kiến thẩm định, chỉnh lý dự thảo nghị định để trình Chính phủ.

#### **Điều 64. Hồ sơ dự thảo nghị định trình Chính phủ**

1. Tờ trình Chính phủ về dự thảo nghị định.

2. Dự thảo nghị định sau khi tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định và ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định và tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Bản thuyết minh chi tiết và báo cáo đánh giá tác động của dự thảo nghị định.

5. Bản tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Tài liệu khác (nếu có).

**Điều 65. Chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị định trước khi trình Chính phủ**

Trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về những vấn đề lớn thuộc nội dung của dự thảo nghị định thì Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ triệu tập cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo của cơ quan chủ trì soạn thảo, Bộ Tư pháp, lãnh đạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để giải quyết trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định. Căn cứ vào ý kiến tại cuộc họp này, cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo để trình Chính phủ.

#### **Điều 66. Trình tự xem xét, thông qua dự thảo nghị định**

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo nghị định, Chính phủ có thể xem xét, thông qua tại một hoặc hai phiên họp của Chính phủ theo trình tự sau đây:

1. Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết trình về dự thảo;
2. Đại diện Văn phòng Chính phủ nêu những vấn đề cần thảo luận;
3. Đại diện cơ quan, tổ chức tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
4. Chính phủ thảo luận.

Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan chỉnh lý dự thảo theo ý kiến của Chính phủ;

5. Chính phủ biểu quyết thông qua dự thảo nghị định.

Trong trường hợp dự thảo chưa được thông qua thì Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về những vấn đề cần phải chỉnh lý và ấn định thời gian trình lại dự thảo, đồng thời giao cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo để trình Chính phủ xem xét, thông qua;

6. Thủ tướng Chính phủ ký nghị định.

#### **Điều 67. Xây dựng, ban hành quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm soạn thảo dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm đăng tải toàn văn dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của cơ quan soạn thảo trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo, cơ quan soạn thảo gửi dự thảo lấy ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật này. Báo cáo thẩm định phải được gửi đến cơ quan soạn thảo chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

4. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu ý kiến của cơ quan thẩm định, ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chỉnh lý dự thảo và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Thủ tướng Chính phủ xem xét và ký ban hành quyết định.

#### **Điều 68. Xây dựng, ban hành thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ**

1. Dự thảo thông tư do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phân công và chỉ đạo đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ soạn thảo.

2. Dự thảo thông tư được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo, dự thảo thông tư được gửi lấy ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

3. Tổ chức pháp chế của bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm thẩm định dự thảo văn bản theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật này.

4. Đơn vị được phân công soạn thảo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định và ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chỉnh lý dự thảo và báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.



5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ xem xét và ký ban hành thông tư.

## **Chương VI**

### **XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO, CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO, VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO, TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

**Điều 69. Xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao**

1. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tổ chức và chỉ đạo việc soạn thảo.

2. Dự thảo nghị quyết được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định gửi dự thảo để lấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự và cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo nghị quyết.

4. Dự thảo nghị quyết được thảo luận tại phiên họp của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có sự tham dự của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

5. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao biểu quyết thông qua dự thảo.

Trong trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp không nhất trí với nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì có quyền báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội để Ủy

ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại phiên họp gần nhất.

6. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ký nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

**Điều 70. Xây dựng, ban hành thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao**

1. Dự thảo thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tổ chức và chỉ đạo việc soạn thảo.

2. Dự thảo thông tư được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định gửi dự thảo thông tư để lấy ý kiến của Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự và cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Dự thảo thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thảo luận và cho ý kiến.

4. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến, xem xét và ký ban hành thông tư.

**Điều 71. Xây dựng, ban hành thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

1. Dự thảo thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức và chỉ đạo việc soạn thảo.

2. Dự thảo thông tư được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định gửi dự thảo thông tư để lấy ý kiến Viện kiểm sát nhân dân địa phương, Viện kiểm sát quân sự và cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Dự thảo thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

được Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao thảo luận và cho ý kiến.

4. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến, xem xét và ký ban hành thông tư.

#### **Điều 72. Xây dựng, ban hành quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước**

1. Dự thảo quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước do Tổng Kiểm toán Nhà nước tổ chức và chỉ đạo việc soạn thảo.

2. Dự thảo quyết định được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Kiểm toán Nhà nước trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

3. Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo, Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định gửi dự thảo để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Tổng Kiểm toán Nhà nước chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến góp ý, xem xét và ký ban hành quyết định.

### **Chương VII XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN TỊCH**

#### **Điều 73. Xây dựng, ban hành nghị quyết liên tịch**

1. Dự thảo nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức soạn thảo dự thảo.

3. Dự thảo được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý để chỉnh lý dự thảo.

5. Dự thảo được thông qua khi có sự thống nhất ý kiến của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành nghị quyết liên tịch.

Chủ tịch Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cùng ký nghị quyết liên tịch.

#### **Điều 74. Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch**

1. Dự thảo thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thỏa thuận, phân công cơ quan chủ trì soạn thảo.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức soạn thảo dự thảo.

3. Dự thảo được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Dự thảo thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phải được lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thành viên Ủy ban Kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu ý kiến góp ý để chỉnh lý dự thảo.

5. Dự thảo được thông qua khi có sự thống nhất ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền ban hành thông tư liên tịch.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ cùng ký thông tư liên tịch.

**Chương VIII**  
**XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THEO**  
**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN**

**Điều 75. Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Trong trường hợp khẩn cấp hoặc cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành thì việc xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có thể được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc xây dựng, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội theo trình tự, thủ tục rút gọn; trình Quốc hội việc xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Chủ tịch nước quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn được quy định như sau:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo không nhất thiết phải thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập để soạn thảo mà có thể trực tiếp tổ chức việc soạn thảo;

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo văn bản;

c) Cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định dự thảo văn bản ngay sau khi nhận được hồ sơ thẩm định; cơ quan thẩm tra có trách nhiệm thẩm tra dự thảo văn bản ngay sau khi nhận được hồ sơ thẩm tra.

**Điều 76. Hồ sơ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Tờ trình về dự án, dự thảo.
2. Dự thảo văn bản.
3. Báo cáo thẩm định đối với dự thảo nghị định của Chính phủ, dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; báo cáo thẩm tra đối với dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Điều 77. Việc xem xét, thông qua dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn**

Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật này, Quốc hội xem xét, thông qua dự án, dự thảo văn bản tại một kỳ họp; Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ xem xét, thông qua dự án, dự thảo văn bản tại một phiên họp.

## **Chương IX**

### **HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG, CÔNG KHAI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT.**

**Điều 78. Thời điểm có hiệu lực và việc đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật**

1. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật được quy định trong văn bản nhưng không sớm hơn bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh thì có thể có hiệu lực kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành nhưng phải được đăng ngay trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng;

đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi chung là Công báo) chậm nhất sau hai ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.

2. Văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo; văn bản quy phạm pháp luật không đăng Công báo thì không có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều này.

Trong thời hạn chậm nhất là hai ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo.

Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản.

Văn bản quy phạm pháp luật đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như văn bản gốc.

Chính phủ quy định cụ thể về Công báo.

#### **Điều 79. Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật**

1. Chỉ trong những trường hợp thật cần thiết, văn bản quy phạm pháp luật mới được quy định hiệu lực trở về trước.

2. Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây:

a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý;

b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.

#### **Điều 80. Ngưng hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản quy phạm pháp luật bị đình chỉ việc thi hành thì ngưng hiệu lực cho đến khi có quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định huỷ bỏ thì văn bản hết hiệu lực, nếu không huỷ bỏ thì văn bản tiếp tục có hiệu lực.

2. Thời điểm ngưng hiệu lực, tiếp tục có hiệu lực của văn bản hoặc hết hiệu lực của văn bản phải được quy định rõ tại quyết định đình chỉ việc thi hành, quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Quyết định đình chỉ việc thi hành, quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

### **Điều 81. Những trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực**

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau đây:

1. Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản;
2. Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó;
3. Bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 82. Hiệu lực về không gian và đối tượng áp dụng**

Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước trung ương có hiệu lực trong phạm vi cả nước và được áp dụng đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp văn bản có quy định khác hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

### **Điều 83. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực.

Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp văn bản có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác



nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau.

4. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới.

#### **Điều 84. Đăng tải và đưa tin văn bản quy phạm pháp luật**

Văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng tải toàn văn trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành và phải đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

### **Chương X GIẢI THÍCH LUẬT, PHÁP LỆNH**

#### **Điều 85. Thẩm quyền giải thích luật, pháp lệnh**

Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích luật, pháp lệnh.

Cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 87 của Hiến pháp, đại biểu Quốc hội có quyền đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích luật, pháp lệnh. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc giải thích.

#### **Điều 86. Xây dựng, ban hành dự thảo nghị quyết giải thích luật, pháp lệnh**

1. Tùy theo tính chất, nội dung của vấn đề cần được giải thích, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội soạn thảo dự thảo nghị quyết giải thích luật, pháp lệnh trình Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ủy ban thường vụ Quốc hội giao cho Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội thẩm tra về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết giải thích với tinh thần và nội dung của văn bản được giải thích.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết giải thích luật, pháp lệnh theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội đã có đề nghị giải thích được mời tham dự phiên họp trình bày ý kiến;

b) Đại diện cơ quan được phân công chuẩn bị dự thảo nghị quyết giải thích thuyết trình và đọc toàn văn dự thảo;

c) Đại diện cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

e) Chủ tọa phiên họp kết luận;

g) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

h) Chủ tịch Quốc hội ký nghị quyết giải thích luật, pháp lệnh.

3. Nghị quyết giải thích luật, pháp lệnh được đăng Công báo và đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

## **Chương XI**

### **GIÁM SÁT, KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, HỢP NHẤT VĂN BẢN VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **Điều 87. Giám sát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật**

Văn bản quy phạm pháp luật phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Việc giám sát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được tiến hành nhằm phát hiện những nội dung sai trái hoặc không còn phù hợp để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản, đồng thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản sai trái.

**Điều 88. Nội dung giám sát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật**

1. Sự phù hợp của văn bản với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.
2. Sự phù hợp của hình thức văn bản với nội dung của văn bản đó.
3. Sự phù hợp của nội dung văn bản với thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản.
4. Sự thống nhất giữa văn bản quy phạm pháp luật hiện hành với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành của cùng một cơ quan.

**Điều 89. Giám sát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật**

1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội.

**Điều 90. Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật**

1. Chính phủ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ.
2. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trái Hiến pháp, luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.
3. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc kiểm tra, xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ.

**Điều 91. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của mình và của bộ, cơ quan ngang bộ về những nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trái pháp luật thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tự mình bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật khác thay thế.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có quyền kiến nghị với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đã ban hành văn bản về ngành, lĩnh vực do mình phụ trách bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản đó, nếu kiến nghị không được chấp nhận thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 92. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật được hợp nhất về mặt kỹ thuật với văn bản được sửa đổi, bổ sung.

2. Việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

**Điều 93. Rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật**

1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên rà soát, định kỳ hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển của đất nước thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Cơ quan, tổ chức và công dân có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Quy phạm pháp luật phải được rà soát, tập hợp, sắp xếp thành bộ pháp điển theo từng chủ đề.

Việc pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

## **Chương XII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 94. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước cấp.

### **Điều 95. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Luật này thay thế Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2002.

2. Những văn bản quy phạm pháp luật bao gồm nghị quyết của Chính phủ; chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; văn bản liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội được ban hành trước khi Luật này có hiệu lực thì vẫn tiếp tục có hiệu lực cho đến khi bị bãi bỏ, hủy bỏ hoặc được thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác.

---

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**  
**NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

**\* MỘT SỐ VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ  
CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2007/NĐ-CP NGÀY 31-10-2007  
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Sửa đổi, bổ sung điều 48 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25-3-2005  
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của  
Luật Thanh tra**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

*Xét đề nghị của Tổng thanh tra,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Điều 48 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra như sau:

**“Điều 48. Kinh phí hoạt động của các cơ quan thanh tra nhà nước**

1. Kinh phí hoạt động hàng năm của các cơ quan thanh tra nhà nước do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan thanh tra nhà nước được trích một phần số tiền từ các khoản thu hồi phát hiện qua thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước để hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, tăng cường cơ sở vật chất và khen thưởng, động viên tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác thanh tra.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng thanh tra hướng dẫn chi tiết việc trích, lập, quản lý, sử dụng kinh phí quy định tại khoản 2 Điều này theo nguyên tắc:

a) Xác định rõ các khoản thu hồi được trích;

b) Mức trích cụ thể phải bảo đảm các khoản thu hồi hoàn trả cho ngân sách nhà nước, đồng thời hỗ trợ cho công tác thanh tra theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 157/2007/NĐ-CP NGÀY 27-10-2007  
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức,  
đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp  
lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28  
tháng 4 năm 2000; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán  
bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với người đứng đầu trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước sau đây:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tổ chức hành chính trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các Ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;



c) Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; Kiểm toán Nhà nước; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Tòa án quân sự, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

d) Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

đ) Các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty, các công ty của Nhà nước (sau đây gọi chung là doanh nghiệp nhà nước).

2. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này cũng phải chịu trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong lĩnh vực được phân công lãnh đạo, quản lý, điều hành bằng văn bản ủy quyền hoặc bằng quyết định phân công phụ trách lĩnh vực của người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cơ quan chủ quản cấp trên.

3. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các tổ chức cấu thành cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này cũng phải thực hiện chế độ trách nhiệm trong quá trình đề xuất, tham mưu, trình, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công liên quan đến chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. "Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước" quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này là người được phân công giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý, phụ trách một số lĩnh vực nhất định trong cơ quan, đơn vị hoặc một số cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

2. "Chế độ trách nhiệm" đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước là toàn bộ các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền được Nhà nước giao cho người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu; trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

3. "Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu doanh nghiệp nhà

nước" quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định này là: Chủ tịch Hội đồng quản trị; các viên chức nhà nước được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc doanh nghiệp nhà nước.

**Điều 4. Căn cứ xác định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu**

1. Căn cứ nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn, quyền lợi của cán bộ, công chức và những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm quy định tại Pháp lệnh Cán bộ, công chức và các văn bản pháp luật khác liên quan.

2. Căn cứ vào mối quan hệ và nội dung phân công công tác giữa trách nhiệm của người đứng đầu với cấp phó của người đứng đầu trong chỉ đạo, quản lý, điều hành cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước.

3. Căn cứ nội dung chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu quy định tại Điều 7 Nghị định này.

**Điều 5. Trách nhiệm của người được giao quyền đứng đầu hoặc phụ trách cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước**

Người được giao quyền đứng đầu hoặc phụ trách cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này cũng phải thực hiện chế độ trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước.

**Điều 6. Các hình thức trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước**

1. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nếu vi phạm chế độ trách nhiệm quy định tại Nghị định này, tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, phải chịu một hoặc nhiều hình thức trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm kỷ luật;
- b) Trách nhiệm dân sự;
- c) Trách nhiệm vật chất;
- d) Trách nhiệm hình sự;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm kỷ luật: người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước vi phạm các quy định của pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ, nếu chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm phải bị xử lý kỷ luật. Việc xử lý kỷ luật phải tuân theo các quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

3. Trách nhiệm dân sự: người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nếu có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ, gây thiệt hại, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị đến mức phải chịu trách nhiệm dân sự thì ngoài việc bị xử lý kỷ luật phải bị xử lý về trách nhiệm dân sự. Việc xử lý trách nhiệm dân sự đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước phải tuân theo quy định của pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự.

4. Trách nhiệm vật chất: người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nếu có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ làm mất mát, hư hỏng trang bị, thiết bị hoặc gây ra thiệt hại về tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm hình sự: người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ nếu phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 2 Bộ luật hình sự năm 1999. Việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước phải tuân theo quy định của pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.

## **Chương II**

### **CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

#### **Điều 7. Nội dung chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu**

1. Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.

2. gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên; tổ chức, điều hành cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, có chất lượng và đúng thời hạn được giao; quyết định chủ trương, giải pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

3. Ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản (bao gồm: văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt, công văn chỉ đạo, điều hành và nội quy, quy chế, điều lệ, quy định áp dụng trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý).

4. Căn cứ các quy định về phân công, phân cấp và nhiệm vụ, quyền hạn được giao, ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp phó, các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấu thành hoặc từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền; không để tình trạng chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ hoặc trách nhiệm không rõ ràng; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và đúng pháp luật.

5. Tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, cử dự thi nâng ngạch, quyết định nâng ngạch, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

6. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công được giao; phòng, chống cháy nổ và bảo đảm an toàn lao động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Khi sử dụng

các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị phải thực hiện đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật; quản lý, kiểm tra thường xuyên, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, hư hỏng, mất mát, thất thoát.

7. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về văn hóa công sở; không để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có thái độ hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

8. Tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; về phát ngôn, khai thác, quản lý và sử dụng mạng Internet trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

10. Các chế độ trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Trách nhiệm của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ cho người đứng đầu**

1. Cấp có thẩm quyền khi quyết định bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ cho người đứng đầu phải quy định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của người được bổ nhiệm vào vị trí người đứng đầu theo nguyên tắc:

a) Quyền hạn của người đứng đầu phải tương xứng với chức trách và nhiệm vụ được giao;

b) Quyền hạn, chức trách và nhiệm vụ giao cho người đứng đầu phải rõ ràng, cụ thể.

2. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ cho người đứng đầu phải có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về nguồn nhân lực, tài chính, trang thiết bị, thời gian cho người đứng đầu để thực hiện chức trách, quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

### **Chương III**

## **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 9. Khen thưởng**

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công vụ và chấp hành nghiêm chế độ trách nhiệm quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác liên quan thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật và được xem xét khi giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm lại, bổ nhiệm chức vụ cao hơn, xét nâng lương trước thời hạn hoặc khi cử dự thi nâng ngạch theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Những trường hợp xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu**

1. Vi phạm nội dung chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Khi phát hiện cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, người đứng đầu không có biện pháp kiên quyết để chấm dứt hành vi vi phạm đó và không kịp thời áp dụng biện pháp khắc phục có hiệu quả.

3. Không giao nhiệm vụ hoặc giao nhiệm vụ cho cấp dưới không rõ; không kiểm tra hoặc thiếu kiểm tra, đôn đốc cấp dưới thực hiện.

4. Cấp dưới đã báo cáo, xin chỉ thị những vấn đề thuộc thẩm quyền của người đứng đầu nhưng không kịp thời giải quyết theo quy định.

5. Đưa ra ý kiến chỉ đạo trái pháp luật, chung chung, không rõ ràng, không nhất quán, gây lãng phí ngân sách, tài sản của Nhà nước; tham mưu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản trái pháp luật; không thực hiện đúng thời hạn nhiệm vụ được giao.

6. Cấp phó, người đại diện hoặc người được ủy quyền làm trái chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật đã giao cho người đứng đầu.

7. Đề cấp phó và cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý tham nhũng, lãng phí.

8. Đề tình trạng đơn, thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài.

9. Xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới hoặc bao che cho hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới.

#### **Điều 11. Trường hợp đặc biệt**

Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước thực hiện cơ chế điều hành tập thể, khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của tập thể lãnh đạo, nếu ý kiến của đa số thành viên lãnh đạo là trái với chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công lãnh đạo, quản lý lĩnh vực đó không có ý kiến khác thì phải bị xử lý trách nhiệm nặng hơn một mức so với các thành viên khác trong tập thể lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 12. Nguyên tắc xem xét xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu**

Khi xử lý người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm, ngoài việc thực hiện các nguyên tắc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật hiện hành, còn phải thực hiện các nguyên tắc sau:

1. Việc xử lý người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu phải được tiến hành một cách công minh, công khai, khách quan, đúng pháp luật, đúng thủ tục, đúng tính chất và mức độ của hành vi vi phạm; không xử lý oan, sai; không để lọt hành vi vi phạm;

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu có cùng hành vi vi phạm pháp luật có tính chất và mức độ như nhau, thì người đứng đầu bị xử lý nặng hơn một mức so với cấp phó của người đứng đầu.

#### **Điều 13. Các trường hợp được miễn, giảm nhẹ trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu**

1. Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu không thể biết hoặc đã làm hết trách nhiệm và áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, lãng phí hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác;

b) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu phụ trách lĩnh vực được phân công đã ban hành văn bản pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật do mình ban hành và khắc phục xong hậu quả do việc ban hành và thực hiện văn bản trái pháp luật đó gây ra;

c) Do thiên tai, dịch họa, các tai nạn rủi ro khác hoặc trường hợp bất khả kháng mà người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã có biện pháp phòng, chống;

d) Người đứng đầu vắng mặt tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và có văn bản ủy quyền cho cấp phó trong thời gian vắng mặt; cấp phó của người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu trong văn bản ủy quyền;

đ) Trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phải chấp hành quyết định của cấp trên, khi có căn cứ để cho là quyết định đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm được xem xét giảm nhẹ một mức kỷ luật khi người đó đã tự nhận hành vi vi phạm, có đơn xin từ chức và đã khắc phục hậu quả do mình gây ra, được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

**Điều 14. Các trường hợp tăng nặng trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu**

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách



nhiệm sẽ bị xem xét tăng nặng trách nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Báo cáo sai sự thật về tình hình thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao;

2. Phương tiện thông tin đại chúng đưa tin về hiện tượng vi phạm pháp luật tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cấp trên phát hiện và đã kịp thời có ý kiến chỉ đạo nhưng người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu không thực hiện hoặc không áp dụng ngay biện pháp để xử lý, dẫn đến xảy ra hậu quả;

3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật về hành vi vi phạm chế độ trách nhiệm mà lại tái phạm hoặc thiếu trung thực trong báo cáo, tường trình, tiếp thu phê bình, kiểm điểm hoặc cố tình né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

#### **Điều 15. Khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện, khởi kiện và kháng cáo**

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước có quyền khiếu nại, khiếu kiện, khởi kiện hoặc kháng cáo theo quy định của pháp luật đối với quyết định xử lý trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

### **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 16. Hiệu lực, hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị hướng dẫn việc áp dụng và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Nghị định này trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp nhà nước quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

**Điều 17. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**Thủ tướng**  
**NGUYỄN TẤN DŨNG**

Bản sao lưu trữ

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 158/2007/NĐ-CP NGÀY 27-10-2007  
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Điều 43 Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định các vị trí công tác trong các lĩnh vực, ngành, nghề phải định kỳ chuyển đổi và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước có liên quan đến việc quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đang công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tổ chức hành chính trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; Kiểm toán Nhà nước; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Tòa án quân sự, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

d) Các cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp xã trở lên;

đ) Các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

e) Các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty, công ty nhà nước (sau đây gọi chung là doanh nghiệp nhà nước);

g) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang;

h) Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

2. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. "Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác" là việc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định điều động, bố trí, phân công lại vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức có thời hạn công tác đủ 36 tháng tại các vị trí trong các lĩnh vực, ngành, nghề quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. "Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý" là người được bầu cử hoặc được người có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ có thời hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và được hưởng phụ cấp lãnh đạo.

**Điều 4. Nguyên tắc và những hành vi bị cấm trong việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác**

**1. Nguyên tắc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:**

a) Việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Nghị định này là quy định bắt buộc, thường xuyên, áp dụng đối với tất cả các cán bộ, công chức, viên chức được bố trí vào các vị trí công tác thuộc các lĩnh vực, ngành, nghề quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Phải khách quan, công tâm, khoa học và hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ; chống biểu hiện bè phái, chủ nghĩa cá nhân; không gây mất đoàn kết và không làm xáo trộn sự ổn định trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Phải đúng nguyên tắc hoán vị, không ảnh hưởng đến tăng, giảm biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

d) Phải được tiến hành theo kế hoạch, được công bố công khai trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**2. Những hành vi bị cấm trong việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:**

a) Không thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trái với chuyên môn, nghiệp vụ đang làm hoặc đang phụ trách;

b) Nghiêm cấm việc lợi dụng các quy định về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vì mục đích vụ lợi hoặc để trù dập cán bộ, công chức, viên chức.

**Điều 5. Nội dung và hình thức thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác**

**1. Nội dung định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:**

a) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác từ bộ phận này sang bộ phận khác cùng chuyên môn, nghiệp vụ trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách, quản lý;

b) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị

trong phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức và đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

2. Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác chỉ được thực hiện bằng việc ban hành quyết định điều động, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 6. Những trường hợp chưa thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác**

1. Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra hoặc có liên quan đến công việc đang bị thanh tra, kiểm tra.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đang điều trị bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế, đi học dài hạn hoặc được cử đi biệt phái.

4. Cán bộ, công chức, viên chức nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Trường hợp phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (do vợ mất hoặc trường hợp khách quan khác) thì cán bộ, công chức, viên chức nam cũng được áp dụng như cán bộ, công chức nữ quy định tại khoản này.

## **Chương II THỜI HẠN VÀ DANH MỤC VỊ TRÍ CÔNG TÁC ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI**

#### **Điều 7. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác**

Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là 03 năm (đủ 36 tháng) đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

#### **Điều 8. Danh mục các vị trí công tác trong các lĩnh vực, ngành, nghề phải định kỳ chuyển đổi**

Những vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi trong các lĩnh vực, ngành, nghề sau đây:

1. Hoạt động quản lý tài chính, ngân sách, tài sản của Nhà nước;
2. Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;
3. Hoạt động hải quan, thuế, kho bạc, dự trữ quốc gia; quản lý và thực hiện nghiệp vụ kế toán, kiểm toán;
4. Quản lý công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý chứng khoán, thị trường chứng khoán;
5. Hoạt động thẩm định, định giá trong đấu giá, hoạt động mua và bán nợ;
6. Cấp phép hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối; thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng; quản lý và thực hiện nghiệp vụ tín dụng tại các tổ chức tín dụng nhà nước; thẩm định và cho vay tín dụng;
7. Quản lý việc bán, khoán, cho thuê đất, tài sản trên đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà;
8. Hoạt động quản lý, điều hành công tác kế hoạch và đầu tư trong các cơ quan nhà nước và trong các doanh nghiệp nhà nước;
9. Quản lý hoạt động đối ngoại, lãnh sự;
10. Hoạt động quản lý và cấp phát các loại: giấy đăng ký, đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, giấy chứng nhận, giấy phép, cấp phiếu lý lịch tư pháp; công chứng viên, chấp hành viên thi hành án dân sự;
11. Quản lý xây dựng cơ bản, giải tỏa, áp giá đền bù trong giải phóng mặt bằng và quản lý dự án;
12. Quản lý, cấp phát các loại văn bằng, chứng chỉ;
13. Quản lý, cấp phát đăng ký các loại phương tiện, bằng lái xe;
14. Quản lý, đăng kiểm các loại phương tiện vận tải;
15. Hoạt động quản lý thị trường, kiểm lâm;
16. Các hoạt động thanh tra;
17. Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác phòng, chống tham nhũng

trong các cơ quan, tổ chức và đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

18. Cảnh sát giao thông; cảnh sát tư pháp; cảnh sát quản lý trại giam; cảnh sát hộ khẩu; cảnh sát điều tra; cảnh sát kinh tế; cảnh sát khu vực; cảnh sát trật tự hành chính; cảnh sát đăng ký, quản lý vũ khí, ngành nghề kinh doanh có điều kiện và con dấu; cảnh sát đăng ký và quản lý hộ khẩu; cảnh sát hướng dẫn và kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy; cảnh sát làm công tác hậu cần; an ninh kinh tế, an ninh điều tra, quản lý xuất cảnh, nhập cảnh và cán bộ làm công tác trình sát trong các cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân;

19. Cán bộ, nhân viên làm công tác hậu cần, kỹ thuật, đầu tư, kinh tế trong Quân đội nhân dân;

20. Công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp; hoạt động công tố của viện kiểm sát nhân dân, viện kiểm sát quân sự các cấp; hoạt động xét xử của tòa án nhân dân, tòa án quân sự các cấp;

21. Công tác tuyển dụng, đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, viên chức; công tác nhân sự và quản lý nhân lực.

#### **Điều 9. Quy định chi tiết danh mục**

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này ban hành văn bản quy định cụ thể danh mục các vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi trong các lĩnh vực, ngành, nghề quy định tại Điều 8 Nghị định này thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan và gửi đến Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### **Chương III TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VIỆC ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC**

**Điều 10. Thời điểm ban hành quyết định chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ và tiến hành bàn giao công việc**



1. Việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng chuyển đổi được thực hiện bằng hình thức quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và thông báo công khai cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng chuyển đổi biết trước 30 ngày khi bắt đầu chuyển đổi vị trí công tác.

2. Cấp được giao thẩm quyền quyết định chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ có trách nhiệm tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức bàn giao công việc cho cán bộ, công chức, viên chức khác trong thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày làm việc trước khi bắt đầu được chuyển đổi vị trí công tác.

#### **Điều 11. Trường hợp đặc biệt**

1. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ có một vị trí trong danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thì việc chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ do cơ quan có thẩm quyền quản lý cấp trên trực tiếp quyết định.

2. Không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ đối với cán bộ, công chức, viên chức có thời gian công tác còn lại dưới 18 tháng trước khi đủ tuổi nghỉ hưu.

#### **Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện**

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 9 Nghị định này; đồng thời quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đảm bảo công khai các quy định và kế hoạch thực hiện với tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Hàng năm, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, đơn đốc và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ trong hệ thống các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

### **Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân cấp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức chịu trách nhiệm thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Nghị định này.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra và báo cáo cấp trên trực tiếp việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền quản lý được phân cấp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

### **Điều 14. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác**

Cán bộ, công chức, viên chức phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc của người có thẩm quyền.

### **Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương**

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện hàng năm về việc thực hiện Nghị định này đến Bộ Nội vụ trước ngày 01 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 16. Xử lý vi phạm**

Trường hợp vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Chương IV**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 17. Hiệu lực, hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ đăng Công báo.
2. Cán bộ, công chức, viên chức công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này đã có thời gian công tác trên 36 tháng tại vị trí công tác trong lĩnh vực, ngành, nghề quy định tại Điều 8 Nghị định này thì việc định kỳ chuyển đổi được tiến hành bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2008.
3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và vào tháng 12 hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Nghị định này.
4. Cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

**Điều 18. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức và viên chức chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ  
Thủ tướng  
NGUYỄN TẤN DŨNG

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 20/2008/NĐ-CP NGÀY 14-02-2008  
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân,  
tổ chức về quy định hành chính**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26  
tháng 11 năm 2003;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

Nghị định này không quy định về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng cho các đối tượng sau:

1. Cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.
2. Cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Quy định hành chính* là những quy định về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh và đời sống nhân dân, thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

2. *Cá nhân* là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có phản ánh, kiến nghị.

3. *Tổ chức* là doanh nghiệp, hội, hiệp hội doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật có phản ánh, kiến nghị.

4. *Phản ánh* là việc cá nhân, tổ chức có ý kiến với cơ quan hành chính nhà nước về những vấn đề liên quan đến quy định hành chính, bao gồm: những vướng mắc cụ thể trong thực hiện; sự không hợp pháp, không hợp lý, không đồng bộ, không thống nhất với hệ thống pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và những vấn đề khác.

5. *Kiến nghị* là việc cá nhân, tổ chức có phản ánh với cơ quan hành chính nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều này và đề xuất phương án xử lý hoặc có sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

### **Điều 4. Nguyên tắc tiếp nhận, xử lý**

1. Tuân thủ pháp luật.
2. Công khai, minh bạch.
3. Quy trình cụ thể, rõ ràng, thống nhất.
4. Thủ tục tiếp nhận đơn giản, thuận tiện.
5. Tiếp nhận, xử lý đúng thẩm quyền.
6. Phối hợp trong xử lý phản ánh, kiến nghị.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ YÊU CẦU VỀ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

#### **Điều 5. Nội dung phản ánh, kiến nghị**

1. Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức.
2. Sự không phù hợp của quy định hành chính với thực tế.
3. Sự không đồng bộ, không thống nhất của các quy định hành chính.
4. Quy định hành chính không hợp pháp.
5. Quy định hành chính trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.
6. Những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính.
7. Phương án xử lý những phản ánh quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.
8. Sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

#### **Điều 6. Hình thức phản ánh, kiến nghị**

Các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được thực hiện thông qua một trong các hình thức sau:

1. Văn bản.
2. Điện thoại.
3. Phiếu lấy ý kiến.

#### **Điều 7. Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị**

1. Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị bằng văn bản:
  - a) Cá nhân, tổ chức chuyển văn bản đến cơ quan tiếp nhận thông qua một trong những cách thức sau:

- Trực tiếp chuyển đến cơ quan tiếp nhận;
- Thông qua dịch vụ bưu chính;
- Gửi thông điệp dữ liệu qua mạng máy tính điện tử (thư điện tử, trang tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử).

b) Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.

c) Thể hiện rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

d) Ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại (hoặc địa chỉ thư tín khi cần liên hệ) của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

2. Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị bằng điện thoại:

a) Chỉ thực hiện phản ánh, kiến nghị thông qua số điện thoại chuyên dùng đã công bố công khai.

b) Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.

c) Trình bày rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

d) Thông báo tên, địa chỉ, số điện thoại (hoặc địa chỉ thư tín khi cần liên hệ) của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

đ) Cán bộ, công chức tiếp nhận phải thể hiện trung thực nội dung phản ánh, kiến nghị bằng văn bản.

3. Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị bằng Phiếu lấy ý kiến:

a) Chỉ áp dụng khi các cơ quan hành chính nhà nước muốn lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính cụ thể.

b) Việc gửi Phiếu lấy ý kiến đến các cá nhân, tổ chức thực hiện thông qua một hoặc nhiều cách thức sau:

- Gửi công văn lấy ý kiến

- Lấy ý kiến qua phương tiện thông tin đại chúng;

- Gửi thông điệp dữ liệu qua mạng máy tính điện tử (thư điện tử, lấy ý kiến công khai trên trang tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử).

- c) Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.
- d) Nội dung Phiếu lấy ý kiến phải thể hiện rõ những vấn đề cần lấy ý kiến.

### **Chương III**

#### **TIẾP NHẬN PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

##### **Điều 8. Cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị**

1. Văn phòng Chính phủ giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

2. Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Đối với hình thức phản ánh, kiến nghị thông qua Phiếu lấy ý kiến, cơ quan hành chính nhà nước nào gửi Phiếu lấy ý kiến thì cơ quan đó tiếp nhận.

##### **Điều 9. Quy trình tiếp nhận phản ánh, kiến nghị**

1. Đối với các phản ánh, kiến nghị được thực hiện thông qua hình thức văn bản, điện thoại, cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận phải tuân thủ quy trình sau:

a) Hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện phản ánh, kiến nghị theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định này.

b) Nhận phản ánh, kiến nghị.



c) Vào sổ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

d) Nghiên cứu, đánh giá và phân loại phản ánh, kiến nghị:

- Phản ánh, kiến nghị không tiếp nhận do không đáp ứng các yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định này;

- Phản ánh, kiến nghị về những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức;

Trường hợp này, cơ quan tiếp nhận phải chuyển phản ánh kiến nghị tới cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan tiếp nhận;

- Phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan tiếp nhận.

Trường hợp này, cơ quan tiếp nhận phải chuyển phản ánh, kiến nghị tới cơ quan có thẩm quyền xử lý trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận.

đ) Lưu giữ hồ sơ các phản ánh, kiến nghị đã được tiếp nhận theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ, đồng thời, lưu vào cơ sở dữ liệu điện tử những phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận.

2. Đối với các phản ánh, kiến nghị được thực hiện thông qua hình thức Phiếu lấy ý kiến, cơ quan hành chính nhà nước muốn lấy ý kiến cá nhân, tổ chức phải tuân thủ quy trình sau:

a) Xác định nội dung cần lấy ý kiến.

b) Xác định cá nhân, tổ chức là đối tượng cần lấy ý kiến.

c) Lập Phiếu lấy ý kiến.

d) Xác định cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và nhận ý kiến trả lời.

đ) Gửi Phiếu lấy ý kiến đến đối tượng thông qua một hoặc nhiều cách thức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

e) Theo dõi, đôn đốc các cá nhân, tổ chức trả lời theo hạn định.

g) Vào sổ tiếp nhận khi nhận được các ý kiến trả lời.

h) Tập hợp, nghiên cứu, đánh giá, phân loại.

i) Quyết định việc xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển phản ánh, kiến nghị tới cấp có thẩm quyền xử lý.

k) Lưu giữ hồ sơ về các phản ánh, kiến nghị đã được tiếp nhận theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ, đồng thời, lưu vào cơ sở dữ liệu điện tử.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị**

1. Bố trí cán bộ, công chức hoặc bộ phận thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

2. Lắp đặt số điện thoại chuyên dùng, kết nối mạng máy tính điện tử và thiết lập địa chỉ website, email.

3. Công bố công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ website, địa chỉ email theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

4. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị theo đúng quy trình quy định tại Điều 9 Nghị định này.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của cán bộ, công chức thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị**

1. Hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện phản ánh, kiến nghị theo quy định.

2. Không chậm trễ hoặc gây khó khăn, những nhiều khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

3. Tuân thủ đúng quy trình, thời hạn tiếp nhận.

**Điều 12. Quyền và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị**

1. Có quyền phản ánh, kiến nghị với các cơ quan hành chính nhà nước về quy định hành chính.

2. Có quyền yêu cầu cơ quan hành chính nhà nước đã tiếp nhận thông báo về tình hình xử lý phản ánh, kiến nghị.

3. Phản ánh, kiến nghị phải được trình bày với các cơ quan hành chính nhà nước một cách rõ ràng, trung thực, có căn cứ.

4. Phản ánh, kiến nghị theo đúng hình thức, yêu cầu quy định tại Nghị định này.

**Điều 13. Công khai trong tiếp nhận phản ánh, kiến nghị**

1. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ website, địa chỉ email thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (Website Chính phủ) hoặc Trang tin điện tử (website) do Thủ tướng Chính phủ chỉ định.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ website, địa chỉ email thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang tin điện tử (website) của Bộ, cơ quan mình và niêm yết công khai tại trụ sở các cơ quan hành chính trực thuộc Bộ, cơ quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ website, địa chỉ email thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang tin điện tử (website) của cơ quan mình và niêm yết công khai tại trụ sở các cơ quan hành chính trực thuộc.

4. Ngoài hình thức công khai nêu trên, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ

quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể sử dụng các hình thức công khai khác tùy theo điều kiện từng cơ quan.

#### **Chương IV** **XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

**Điều 14. Quy trình xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan hành chính nhà nước**

1. Đối với phản ánh, kiến nghị về những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính, cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý phải xử lý theo đúng quy trình đã được pháp luật quy định.

2. Đối với phản ánh, kiến nghị về nội dung quy định hành chính, cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý phải tuân thủ quy trình sau:

a) Làm việc trực tiếp với cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị để làm rõ những nội dung có liên quan (nếu thấy cần thiết).

b) Nghiên cứu, đánh giá và phân loại phản ánh, kiến nghị:

- Phản ánh, kiến nghị chưa đủ cơ sở xem xét xử lý, cần tiếp tục tập hợp để nghiên cứu;

- Phản ánh, kiến nghị có đủ cơ sở để xem xét xử lý.

c) Đối với phản ánh, kiến nghị có đủ cơ sở xem xét xử lý, cơ quan có thẩm quyền xử lý phải tiến hành xem xét quy định hành chính được phản ánh, kiến nghị theo các tiêu chí sau:

- Sự cần thiết;
- Tính hợp lý, hợp pháp;
- Tính đơn giản, dễ hiểu;
- Tính khả thi;

- Sự thống nhất, đồng bộ với các quy định hành chính khác;
- Sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

d) Quyết định xử lý.

đ) Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

e) Tổ chức lưu giữ hồ sơ về phản ánh, kiến nghị đã được xử lý theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ, đồng thời lưu vào cơ sở dữ liệu điện tử.

#### **Điều 15. Hình thức xử lý phản ánh, kiến nghị**

Cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý phản ánh, kiến nghị lựa chọn một trong các hình thức sau để xử lý:

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, huỷ bỏ quy định hành chính theo thẩm quyền.

2. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, huỷ bỏ quy định hành chính không đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này.

3. Ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quy định hành chính mới phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong xử lý phản ánh, kiến nghị**

1. Chỉ đạo việc xem xét, nghiên cứu các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với các phản ánh, kiến nghị không đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này, tùy theo thẩm quyền quyết định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm:

a) Sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định.

b) Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, bãi bỏ những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của những cơ quan này.

c) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

- Bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thực hiện những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Xem xét, đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan này.

3. Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và kết quả xử lý.

4. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

5. Đôn đốc, kiểm tra và kịp thời có biện pháp cần thiết để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xử lý phản ánh, kiến nghị.

**Điều 17. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ trong xử lý phản ánh, kiến nghị**

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 16 Nghị định này, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ còn có trách nhiệm:

1. Giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý dứt điểm, kịp thời và đúng thẩm quyền những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

2. Giúp Thủ tướng Chính phủ phát hiện và yêu cầu các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền xử lý những quy định hành chính không đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này..

3. Tổ chức nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử

lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính liên quan đến hai hay nhiều cơ quan hành chính nhà nước khác nhau và các cơ quan này không thống nhất được về phương án xử lý; những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính đã được các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý, nhưng cá nhân, tổ chức vẫn tiếp tục phản ánh, kiến nghị; những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 18. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong xử lý phản ánh, kiến nghị**

1. Chỉ đạo việc xem xét, nghiên cứu các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với các phản ánh, kiến nghị không đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này, tùy theo thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành:

a) Sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định.

b) Đề nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan này.

c) Kiến nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ các quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan này.

d) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

- Bãi bỏ hoặc đình chỉ thực hiện những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân cùng cấp;

- Sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Xem xét, đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ

sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan này.

3. Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và kết quả xử lý.

4. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

5. Đơn đốc, kiểm tra và kịp thời có biện pháp cần thiết để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xử lý phản ánh, kiến nghị.

#### **Điều 19. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị**

Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm tổ chức công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Việc công khai được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức sau:

1. Đăng tải trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử (website) của cơ quan.

2. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Gửi công văn thông báo cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

4. Các hình thức khác.

### **Chương V CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM**

#### **Điều 20. Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử**

1. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thống nhất trong toàn quốc.

b) Công bố công khai cơ sở dữ liệu điện tử các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (Website Chính phủ).

c) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh



xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về các phản ánh kiến nghị về quy định hành chính theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

b) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ trong việc quản lý, công khai và khai thác sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử này.

#### **Điều 21. Kinh phí thực hiện**

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước được ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của các cơ quan này theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện việc nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính cho các cơ quan này.

#### **Điều 22. Chế độ thông tin báo cáo**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình và kết quả thực hiện việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

2. Văn phòng Chính phủ định kỳ 6 tháng một lần tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của Văn phòng Chính phủ, của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

## **Chương VI**

### **KHEN THƯỜNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 23. Khen thưởng**

1. Cá nhân, tổ chức có những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính đem lại hiệu quả thiết thực, giúp cơ quan hành chính nhà nước sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, bãi bỏ những quy định hành chính không phù hợp với các tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị có trách nhiệm đề xuất hình thức khen thưởng cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

2. Cán bộ, công chức, người đứng đầu cơ quan tổ chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định của Nghị định này được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 24. Xử lý vi phạm**

Cán bộ, công chức, Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước được giao nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính nếu vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo các quy định tại Nghị định này thì phải chịu trách nhiệm kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 25. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Quyết định số 22/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2006 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 26. Trách nhiệm thi hành**

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Văn phòng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

**Thủ tướng**

**NGUYỄN TẤN DŨNG**

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 02/2008/TTLT-BNV-BTC  
NGÀY 20-5-2008 CỦA BỘ NỘI VỤ VÀ BỘ TÀI CHÍNH**

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 118/2006/NĐ-CP ngày 10-10-2006 của  
Chính phủ về việc xử lý trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức**

*Thi hành Nghị định số 118/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2006 của  
Chính phủ về việc xử lý trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức (sau  
đây gọi chung là Nghị định số 118/2006/NĐ-CP), liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ Tài  
chính hướng dẫn thực hiện Nghị định này như sau:*

**I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Những người làm việc theo chế độ Hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khi gây ra thiệt hại vật chất không xử lý trách nhiệm vật chất theo quy định tại Nghị định số 118/2006/NĐ-CP mà thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn.

2. Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không đồng ý với đơn xin tự nguyện bồi thường thiệt hại của cán bộ, công chức sau khi gây thiệt hại thì vẫn thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức vi phạm. •

3. Các trường hợp gây ra thiệt hại vật chất do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định tại khoản 7, Điều 3 của Nghị định số 118/2006/NĐ-CP, cán bộ, công chức gây ra thiệt hại phải có báo cáo giải trình và được cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức xác nhận.

4. Cán bộ, công chức bị xử lý trách nhiệm vật chất nếu không đồng ý với quyết định bồi thường thiệt hại vật chất của cơ quan, người có thẩm quyền thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, nhưng

trong khi chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại vẫn phải chấp hành quyết định bồi thường thiệt hại vật chất.

## **II. XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**

1. Đối với trường hợp tài sản đã hết khấu hao mà vẫn còn giá trị sử dụng thì việc xác định mức bồi thường do Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất căn cứ vào giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm xảy ra hư hỏng, mất mát, thiệt hại để xem xét, kiến nghị.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định thành lập, Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất phải họp và kiến nghị mức và phương thức bồi thường thiệt hại vật chất, trường hợp vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài thời gian nhưng chậm nhất không quá 45 ngày làm việc. Trường hợp Hội đồng gửi giấy mời hai lần mà cán bộ, công chức gây ra thiệt hại vật chất không đến dự thì Hội đồng vẫn tiến hành họp để kiến nghị mức và phương thức bồi thường.

3. Trường hợp sau khi đã có quyết định bồi thường thiệt hại vật chất mà phát hiện thêm những tình tiết mới làm thay đổi tính chất và mức độ thiệt hại vật chất đã được Hội đồng kết luận thì phải thành lập lại Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất để kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, quyết định lại mức, phương thức và thời hạn bồi thường.

4. Trường hợp không phải thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất theo quy định tại khoản 6, Điều 3 Nghị định số 118/2006/NĐ-CP thì trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hành vi gây ra thiệt hại về tài sản, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phải ra quyết định bồi thường thiệt hại vật chất; trong quyết định phải ghi rõ mức, phương thức và thời hạn bồi thường.

5. Trường hợp có nhiều cán bộ, công chức cùng làm mất mát, hư hỏng hoặc gây thiệt hại đến tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, nếu không xác định

được mức độ liên đới chịu trách nhiệm và vi phạm của từng người thì mức bồi thường thiệt hại vật chất được chia đều cho từng người.

6. Trường hợp cán bộ, công chức không thực hiện đúng thời hạn bồi thường thì kể từ khi hết thời hạn theo quyết định sẽ bị trừ 20% (hai mươi phần trăm) tiền lương hàng tháng cho đến khi bồi thường đủ theo quyết định của người có thẩm quyền.

7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, công chức có trách nhiệm theo dõi, thu, quản lý và sử dụng tiền bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai và kiểm tra việc xử lý trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức.

2. Bãi bỏ phân hướng dẫn về xử lý trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức quy định tại Thông tư số 05/1999/TT-TCCP ngày 27 tháng 3 năm 1999 của Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn thực hiện Nghị định số 97/1998/NĐ-CP về xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất do cán bộ, công chức gây ra và các hướng dẫn khác trái với Thông tư này.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết.

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**  
**VŨ VĂN NINH**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**  
**TRẦN VĂN TUẤN**

**\* CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA NHÂN DÂN, MẶT  
TRẦN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CỦA CÁC TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ**

**PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN  
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI SỐ 34/2007/PL-UBTVQH11  
NGÀY 20-4-2007**

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;*

*Pháp lệnh này quy định về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Pháp lệnh này quy định những nội dung phải công khai để nhân dân biết; những nội dung nhân dân bàn và quyết định; những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những nội dung nhân dân giám sát; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), của cán bộ thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố (sau đây gọi chung là tổ dân phố), của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cấp xã**

1. Bảo đảm trật tự, kỷ cương, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
2. Bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

3. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dân chủ ở cấp xã.

5. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

### **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã**

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở cấp xã có trách nhiệm giám sát việc thực hiện và tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện dân chủ ở cấp xã.

### **Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Không thực hiện hoặc làm trái các quy định về thực hiện dân chủ ở cấp xã.

2. Trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

3. Bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cấp xã để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

## **Chương II**

### **NHỮNG NỘI DUNG CÔNG KHAI ĐỂ NHÂN DÂN BIẾT**

#### **Điều 5. Những nội dung công khai**

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.



2. Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này.

9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

11. Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

## **Điều 6. Hình thức công khai**

1. Những nội dung quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này được công khai bằng các hình thức sau đây:

a) Niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã;

c) Công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.

2. Chính quyền cấp xã có thể áp dụng đồng thời nhiều hình thức công khai quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 32 của Luật phòng, chống tham nhũng.

#### **Điều 7. Việc công khai bằng hình thức niêm yết**

1. Những nội dung quy định tại các khoản 2, 3, 9 và 10 Điều 5 của Pháp lệnh này phải được niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm niêm yết những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Thời gian niêm yết các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 9 Điều 5 của Pháp lệnh này ít nhất là ba mươi ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết; các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 10 Điều 5 của Pháp lệnh này được niêm yết thường xuyên.

#### **Điều 8. Việc công khai trên hệ thống truyền thanh và thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân**

1. Những nội dung quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8 và 11 Điều 5 của Pháp lệnh này được công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã hoặc gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.

2. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm công khai những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Trường hợp công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã thì thời hạn công khai là ba ngày liên tục.

**Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung công khai**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung công khai, trong đó nêu rõ cách thức triển khai thực hiện, thời gian thực hiện và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, phương án đã được thông qua.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

**Chương III**

**NHỮNG NỘI DUNG NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH**

**Mục 1**

**NỘI DUNG, HÌNH THỨC NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRỰC TIẾP**

**Điều 10. Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp**

Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 11. Hình thức nhân dân bàn và quyết định trực tiếp**

1. Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những nội dung quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

b) Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

2. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã thì tổ chức lại cuộc họp.

3. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

**Điều 12.** Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

1. Những nội dung quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này khi đưa ra nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành.

2. Nhân dân có trách nhiệm tham gia bàn và quyết định các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

3. Chính quyền cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành trong việc thực hiện những quyết định đã có giá trị thi hành.

## Mục 2

### NỘI DUNG, HÌNH THỨC NHÂN DÂN BÀN, BIỂU QUYẾT ĐỀ CẤP CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 13.** Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết

1. Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

**Điều 14. Hình thức nhân dân bàn, biểu quyết**

1. Nhân dân bàn và biểu quyết những nội dung quy định tại Điều 13 của Pháp lệnh này bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

b) Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

2. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì tổ chức lại cuộc họp.

3. Trường hợp khung tổ chức lại được cuộc họp thờ phớt phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

**Điều 15. Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn, biểu quyết**

1. Đối với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh này, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) ra quyết định công nhận.

2. Đối với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13 của Pháp lệnh này, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận.

3. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 13 của Pháp lệnh này, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá

trị thi hành sau khi được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã công nhận.

**Điều 16. Việc công nhận những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết**

1. Việc công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả việc nhân dân bàn, biểu quyết;

b) Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, ra quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Việc công nhận kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp thôn, tổ dân phố có trách nhiệm lập biên bản, báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc công nhận kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm báo cáo ngay với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải xem xét, công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Mục 3**  
**TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG NHÂN DÂN**  
**BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 17.** Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung nhân dân bàn và quyết định; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện; chỉ đạo Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm lập biên bản tổng hợp kết quả về những nội dung đã đưa ra nhân dân toàn cấp xã bàn và quyết định; tổ chức triển khai thực hiện những nội dung đã được nhân dân quyết định; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung nhân dân bàn và quyết định tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

**Điều 18.** Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để nhân dân thực hiện những nội dung quy định tại Điều 10, khoản 1 và khoản 3 Điều 13 của Pháp lệnh này.

2. Lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố.

3. Lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Tổ chức thực hiện những công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân quyết định.

**Chương IV**  
**NHỮNG NỘI DUNG NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN TRƯỚC KHI**  
**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 19. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến**

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.
2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.
3. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.
4. Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.
5. Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

**Điều 20. Hình thức để nhân dân tham gia ý kiến**

1. Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.
2. Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.
3. Thông qua hòm thư góp ý.

**Điều 21. Trách nhiệm của chính quyền cấp xã về tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân tham gia ý kiến**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch để lấy ý kiến nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện.



2. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; nghiên cứu tiếp thu ý kiến và thông báo với nhân dân về tiếp thu ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Trường hợp chính quyền cấp xã quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này khác với ý kiến của đa số thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện; chỉ đạo tổ chức thực hiện, tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

**Điều 22.** Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp trên về tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân cấp xã tham gia ý kiến

1. Lấy ý kiến nhân dân trước khi quyết định về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của công dân trên địa bàn cấp xã.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn cấp xã.

3. Cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

4. Tiếp thu ý kiến nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này khác với ý kiến của đa số thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

## **Chương V**

### **NHỮNG NỘI DUNG NHÂN DÂN GIÁM SÁT**

#### **Điều 23. Những nội dung nhân dân giám sát**

Nhân dân giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại các Điều 5, 10, 13 và 19 của Pháp lệnh này.

#### **Điều 24. Hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân**

1. Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện giám sát của nhân dân**

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có các trách nhiệm sau đây:

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

2. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

3. Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban thanh tra nhân dân,

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc người có hành vi trả thù, trù dập công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 26. Lấy phiếu tín nhiệm**

1. Hai năm một lần trong mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm gồm các thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên Ban thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố.

3. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi kết quả lấy phiếu tín nhiệm và kiến nghị của mình tới Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

### **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 27. Hiệu lực thi hành**

1. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

2. Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã hết hiệu lực kể từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 28. Hướng dẫn thi hành**

Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn những nội dung quy định tại các Điều 11, 14, 16, 22 và 26 của Pháp lệnh này.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chủ tịch

**NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

**NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ỦY BAN TRUNG  
ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM SỐ 09/2008/NQLT-CP-  
UBTWMTTQVN NGÀY 17-4-2008**

**Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của  
Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn**

**CHÍNH PHỦ - ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN  
TỔ QUỐC VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 12 tháng 6 năm 1999;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11  
năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20  
tháng 4 năm 2007;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Ban Thường trực Ủy ban Trung  
ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

**Điều 2.** Nghị quyết liên tịch này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những văn bản, quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết liên tịch này có hiệu lực thi hành:

- Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-BTTUBTWMTTQVN-BNV ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam và Bộ Nội vụ hướng dẫn quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

- Điều 13 của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 06 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

- Thông tri số 06/TTr-MTTW ngày 25 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ chủ chốt do Hội đồng nhân dân xã bầu và Trưởng thôn.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết liên tịch này.

**TM. CHÍNH PHỦ**

**Thủ tướng**

**NGUYỄN TẤN DŨNG**

**TM. ỦY BAN TW MẶT TRẬN TỔ QUỐC**

**VIỆT NAM**

**Chủ tịch**

**HUỲNH ĐÀM**

**HƯỚNG DẪN THI HÀNH CÁC ĐIỀU 11, ĐIỀU 14, ĐIỀU 16,  
ĐIỀU 22 VÀ ĐIỀU 26 CỦA PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ,  
PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-  
UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung  
ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)*

**Chương I**

**HÌNH THỨC ĐỂ NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRỰC TIẾP  
HOẶC BIỂU QUYẾT ĐỂ CẤP CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH**

(Hướng dẫn Điều 11, Điều 14 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn)

**Điều 1. Thẩm quyền lựa chọn hình thức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định**

1. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn để đưa ra nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Đối với các công việc trong phạm vi xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định lựa chọn một trong các hình

thức tổ chức họp thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn để đưa ra nhân dân toàn cấp xã bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định các công việc trong phạm vi toàn cấp xã.

**Điều 2. Tổ chức họp thôn, tổ dân phố để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định**

**1. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố**

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức họp thôn, tổ dân phố, trừ cuộc họp để bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

Cuộc họp của thôn, tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự;

Trưởng họp thôn, tổ dân phố có trên 200 hộ gia đình, có địa bàn dân cư sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư. Mỗi cụm dân cư có từ 70 đến 150 hộ gia đình. Cuộc họp của mỗi cụm dân cư được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư tham dự. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổng hợp kết quả cuộc họp ở từng cụm dân cư vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố;

**b) Trình tự tổ chức cuộc họp được thực hiện như sau:**

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày những nội dung cần đưa ra để cuộc họp xem xét;

- Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổng hợp chung các ý kiến của những người tham gia cuộc họp; đề xuất phương án biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do cuộc họp quyết định;

c) Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì kết quả cuộc họp có giá trị thi hành. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về kết quả cuộc họp;

d) Trường hợp không được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức lại cuộc họp. Việc tổ chức lại cuộc họp thực hiện theo khoản 1 Điều 3 của Hướng dẫn này.

## 2. Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức họp thôn, tổ dân phố;

b) Trình tự tổ chức cuộc họp tại các thôn, tổ dân phố thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi tổng hợp kết quả cuộc họp ở thôn, tổ dân phố, gửi kết quả đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp kết quả chung toàn cấp xã;

d) Trên cơ sở tổng hợp kết quả các cuộc họp từ các thôn, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì kết quả cuộc họp ở toàn cấp xã có giá trị thi hành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận kết quả họp của toàn cấp xã và thông báo bằng văn bản đến các Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố;

đ) Trường hợp không được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp. Việc tổ chức lại cuộc họp thực hiện theo khoản 2 Điều 3 của Hướng dẫn này.



**Điều 3. Tổ chức lại cuộc họp thôn, tổ dân phố để bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định**

**1. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố**

a) Trường thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức lại cuộc họp để tiếp tục bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định nội dung công việc mà cuộc họp trước đó chưa tán thành. Thời gian tổ chức lại cuộc họp chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc họp trước đó;

b) Trình tự tổ chức lại cuộc họp thực hiện như trình tự tổ chức họp thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều 2 của Hướng dẫn này;

c) Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc tổ chức lại mà kết quả vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình không dự họp để tổng hợp chung vào kết quả của cuộc họp liền trước đó. Việc kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Hướng dẫn này.

**2. Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã**

a) Sau khi tổng hợp kết quả cuộc họp ở tất cả thôn, tổ dân phố trong toàn cấp xã mà chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu tổ chức lại cuộc họp ở những thôn, tổ dân phố chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành;

b) Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc tổ chức lại mà kết quả tổng hợp vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì tiến hành phát phiếu lấy ý kiến những cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình không tham dự họp để tổng hợp chung vào kết quả cuộc họp ở các thôn, tổ dân phố. Việc kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân

phổ với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Hướng dẫn này.

**Điều 4. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định**

1. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để bàn các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện như sau:

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 3 đến 5 người;

- Tổ phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình để phát phiếu cho cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; tiến hành lấy phiếu của các cử tri đã góp ý và tổng hợp kết quả lấy ý kiến.

c) Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì kết quả lấy ý kiến có giá trị thi hành. Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố lập biên bản xác nhận và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về kết quả lấy ý kiến.

2. Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo các Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trên địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

b) Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Trường thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi tổng hợp kết quả phiếu lấy ý kiến ở thôn, tổ dân phố, gửi kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp kết quả chung toàn cấp xã;

d) Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì kết quả lấy ý kiến có giá trị thi hành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo bằng văn bản đến Trường thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

#### **Điều 5. Kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp**

1. Việc kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp chỉ áp dụng khi không tổ chức lại được cuộc họp hoặc sau khi đã tiến hành tổ chức lại cuộc họp mà kết quả vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành đối với các nội dung quy định tại Điều 10, khoản 1 và khoản 3 Điều 13 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

2. Trình tự kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp được thực hiện như sau:

a) Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố

Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc sau khi đã tiến hành tổ chức lại cuộc họp thôn, tổ dân phố mà kết quả vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì Trường thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trường ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của những cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình không tham dự cuộc họp để tổng hợp chung vào kết quả của cuộc họp liền trước đó;

Trên cơ sở tổng hợp kết quả cuộc họp và kết quả lấy ý kiến những cử tri

không dự họp, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản xác nhận kết quả kết hợp giữa cuộc họp với phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không dự họp và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

b) Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã

Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc sau khi đã tiến hành tổ chức lại cuộc họp tại các thôn, tổ dân phố chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Hướng dẫn này mà kết quả tổng hợp vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp. Việc tổ chức lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp được tiến hành ở tất cả thôn, tổ dân phố trên địa bàn;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp chung kết quả cuộc họp liên trước đó với kết quả lấy ý kiến những cử tri không tham dự họp ở tất cả các thôn, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo đến các Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

## **Chương II**

### **QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BẢY NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

(Hướng dẫn khoản 2 Điều 16 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn)

## **Mục 1**

### **QUY TRÌNH BẦU TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

#### **Điều 6. Công tác chuẩn bị hội nghị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1 - 2 người).

3. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất 7 ngày trước ngày bầu cử.

#### **Điều 7. Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

Trường hợp tổ chức thành cuộc bầu cử riêng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn quy trình, thủ tục của cuộc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ở địa phương mình phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 8. Bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố**

1. Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử;

b) Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định việc đề Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Tổ trưởng tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

d) Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và Chi uỷ Chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy trình quy định tại khoản 2 Điều 6 của Hướng dẫn này. Tại hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử;

đ) Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, Tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử được thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành;

e) Tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

- Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định;

- Nếu bầu bằng hình thức giơ tay, Tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử làm nhiệm vụ kiểm phiếu;

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri tham gia hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố.

Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố.

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử.

g) Tổ trưởng tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

3. Trường hợp kết quả bầu không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Hướng dẫn này.

#### **Điều 9. Việc công nhận kết quả bầu cử**

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **Mục 2**

## **QUY TRÌNH MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

#### **Điều 10. Quy trình miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác.

2. Thủ tục, trình tự tổ chức việc miễn nhiệm:

a) Người xin miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được điều động làm công tác khác thì không cần có đơn xin miễn nhiệm;

b) Việc miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện tại hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố. Trường hợp công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;



Hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự;

c) Trình tự hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

- Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị;

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm;

- Hội nghị thảo luận, đánh giá quá trình hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

- Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ;

- Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, miễn nhiệm.

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tạm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Hướng dẫn này.

## **Điều 11. Quy trình bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị thì Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự. Ngoài số cử tri thuộc thành phần dự hội nghị, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham dự. Khách mời được phát biểu ý kiến, nhưng không được biểu quyết.

### **2. Trình tự hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:**

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trưởng hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì

người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến;

d) Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ;

Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thì Trường ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập biên bản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, bãi nhiệm.

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố của Trường ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Hướng dẫn này.

#### **Điều 12. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

**Chương III**  
**LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN TRƯỚC KHI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**  
**CẤP TRÊN QUYẾT ĐỊNH NHỮNG VIỆC LIÊN QUAN TRỰC TIẾP**  
**ĐẾN QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA NHÂN DÂN**

(Hướng dẫn Điều 22 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn)

**Điều 13. Cơ quan có thẩm quyền cấp trên phải tổ chức lấy ý kiến**

Cơ quan có thẩm quyền cấp trên quy định tại Điều 22 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp (trừ các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cấp xã).

2. Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác và cá nhân là chủ đầu tư, ban quản lý dự án các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn.

**Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp trên quy định tại Điều 13 của Hướng dẫn này có trách nhiệm lập phương án, kế hoạch để tổ chức lấy ý kiến nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của mình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu của việc tổ chức lấy ý kiến, những nội dung cần lấy ý kiến, cách thức triển khai, thời gian lấy ý kiến và trách nhiệm tổ chức, phối hợp thực hiện; cử đại diện tham gia quá trình tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

2. Phương án, kế hoạch, kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan và nguồn kinh phí phục vụ cho việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân phải được cơ quan tổ chức lấy ý kiến gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã ở những địa bàn mà quyết định của cơ quan có thẩm quyền sẽ tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân.

3. Trên cơ sở phương án, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể lựa chọn một hoặc đồng thời nhiều hình thức quy định

tại Điều 20 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn để tổ chức lấy ý kiến của nhân dân.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổ chức việc lấy ý kiến nhân dân theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **Điều 15. Tổ chức họp thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến nhân dân**

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố để tổ chức họp thôn, tổ dân phố lấy ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày những nội dung cần lấy ý kiến theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã, của cơ quan có thẩm quyền;

c) Những người tham gia cuộc họp phát biểu ý kiến, kiến nghị của mình về những nội dung đưa ra lấy ý kiến. Người đại diện cho cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm giải trình về những ý kiến của người dự họp. Thư ký cuộc họp ghi đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của những người dự họp và ý kiến giải trình của người đại diện cơ quan có thẩm quyền;

Tuỳ theo từng nội dung cụ thể và theo sự hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã mà cuộc họp có thể tiến hành việc biểu quyết đồng ý hay không đồng ý về những nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân.

d) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị, kết quả biểu quyết (nếu có) của những người tham gia cuộc họp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **Điều 16. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến nhân dân**

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức việc phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử

tri đại diện hộ gia đình để cho ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện như sau:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến, chuẩn bị mẫu phiếu lấy ý kiến theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của cơ quan có thẩm quyền; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 3 đến 5 người;

b) Tổ phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình để phát phiếu cho cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; tiến hành lấy phiếu của các cử tri đã góp ý và tổng hợp kết quả góp ý;

c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị của những người tham gia vào phiếu lấy ý kiến, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý; gửi các hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để phổ biến các nội dung lấy ý kiến đến nhân dân; hướng dẫn địa điểm các hòm thư để người dân đóng góp ý kiến.

2. Thời gian để tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý ít nhất là 15 ngày liên tục, tính từ ngày niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến tại trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã đến ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

3. Trong thời gian tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến, các hồ sơ, tài liệu liên quan tại trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, tuyên truyền, phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh. Thời gian niêm

yết và phổ biến trên hệ thống truyền thanh thực hiện liên tục trong thời gian tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý; lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo bằng văn bản đến các Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

#### **Điều 18. Việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của nhân dân**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến nhân dân cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Cơ quan có thẩm quyền sau khi nhận được báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân, phải xem xét tiếp thu và báo cáo kết quả của việc tiếp thu cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến nhân dân.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn khác với ý kiến đa số của nhân dân đã góp ý thì phải nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Văn bản giải trình phải gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến nhân dân.

### **Chương IV**

#### **LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

(Hướng dẫn Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn)

#### **Điều 19. Nguyên tắc chung khi tổ chức lấy phiếu tín nhiệm**

1. Việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải được tiến hành thực sự dân chủ, đúng quy định của pháp luật và bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm gồm các thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, thành viên Ban Thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố.

#### **Điều 20. Thời hạn lấy phiếu tín nhiệm**

1. Việc lấy phiếu tín nhiệm lần đầu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện sau 2 năm, kể từ ngày các chức danh này được Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu; việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm lần thứ hai trong nhiệm kỳ đó được tiến hành sau 2 năm kế tiếp, kể từ ngày lấy phiếu tín nhiệm lần đầu.

2. Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bầu bổ sung trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, nếu thời gian giữ chức vụ trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã chưa đủ 2 năm thì không tiến hành lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ này.

3. Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bầu trong 2 nhiệm kỳ liên tiếp, việc lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ thứ hai được thực hiện sau 2 năm, kể từ ngày được bầu trong nhiệm kỳ thứ hai.

#### **Điều 21. Công tác chuẩn bị hội nghị lấy phiếu tín nhiệm**

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chịu trách nhiệm chuẩn bị hội nghị lấy phiếu tín nhiệm theo các bước sau:

a) Xây dựng kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp;

b) Báo cáo với Thường trực Đảng ủy cấp xã về kế hoạch lấy phiếu tín



nhiệm các chức danh trên (sau đây gọi là những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm);

c) Thông báo cho những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm biết kế hoạch, thời gian, địa điểm và yêu cầu họ chuẩn bị Bản kiểm điểm để gửi cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức hội nghị lấy phiếu tín nhiệm;

Bản kiểm điểm công tác của những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm cần tập trung đánh giá về sự chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; năng lực điều hành, quản lý, mức độ hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao; về đạo đức lối sống; về sự liên hệ, phục vụ nhân dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn bản kiểm điểm mẫu để thực hiện thống nhất ở địa phương mình.

d) Chỉ đạo Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố tổ chức hội nghị để nhân dân đóng góp ý kiến vào bản kiểm điểm của những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm và tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân ở thôn, tổ dân phố gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để báo cáo tổng hợp chung trình bày tại hội nghị lấy phiếu tín nhiệm;

Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố mời người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm tham dự hội nghị lấy ý kiến đóng góp của nhân dân.

2. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tổ chức hội nghị lấy phiếu tín nhiệm, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải gửi giấy mời, kèm theo Bản kiểm điểm công tác của người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm cho những người thuộc thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 19 của Hướng dẫn này (sau đây gọi chung là đại biểu chính thức).

## **Điều 22. Tổ chức hội nghị lấy phiếu tín nhiệm**

1. Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu chính thức tham dự.

2. Ngoài các đại biểu chính thức tham gia hội nghị lấy phiếu tín nhiệm, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã mời đại diện Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cùng cấp và Thường trực Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp (sau đây gọi chung là đại biểu khách mời). Người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm được mời tham dự hội nghị này.

Đại biểu khách mời được phát biểu ý kiến, nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ tọa hội nghị lấy phiếu tín nhiệm. Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung hội nghị; giới thiệu người để hội nghị bầu thư ký trong số đại biểu chính thức tham gia hội nghị; thư ký thực hiện nhiệm vụ khi có trên 50% đại biểu chính thức tham dự hội nghị biểu quyết tán thành;

b) Người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm trình bày bản kiểm điểm trước hội nghị và được phát biểu giải trình những vấn đề do các đại biểu tham dự hội nghị nêu ra. Nếu người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm không thể tham dự hội nghị thì việc đọc bản kiểm điểm sẽ do Chủ tọa hội nghị quyết định;

c) Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đọc bản tổng hợp ý kiến đóng góp của cử tri và nhân dân ở các thôn, tổ dân phố;

d) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến vào bản kiểm điểm của những người được lấy phiếu tín nhiệm;

đ) Hội nghị tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm.

Trước khi bỏ phiếu tín nhiệm, hội nghị bầu Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người là đại biểu chính thức dự hội nghị. Tổ kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ khi có trên 50% số đại biểu chính thức tham dự hội nghị tán thành.

**Tổ kiểm phiếu hướng dẫn thủ tục bỏ phiếu tín nhiệm, phát phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu.**

Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: tổng số đại biểu chính thức được mời; số đại biểu chính thức tham dự hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ phiếu tín nhiệm và không tín nhiệm của từng người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm so với số đại biểu chính thức tham dự hội nghị.

**e) Thông qua biên bản hội nghị lấy phiếu tín nhiệm**

Biên bản hội nghị lấy phiếu tín nhiệm được lập thành 6 bản gửi các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 của Hướng dẫn này và lưu tại Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

**Điều 23. Gửi và xử lý kết quả lấy phiếu tín nhiệm**

1. Sau khi kết thúc hội nghị lấy phiếu tín nhiệm, trong thời hạn 5 ngày làm việc, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm kèm theo kiến nghị của mình đến Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và tổ chức Đảng có thẩm quyền quản lý người được lấy phiếu tín nhiệm để xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Trường hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã kiến nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp Hội đồng nhân dân đối với những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã báo cáo xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất.

3. Việc bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện theo Điều 65 của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và Điều 56 của Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Điều 24. Kinh phí tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm**

Kinh phí tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cân đối cho ngân sách cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm.

Việc lập, sử dụng, quyết toán kinh phí tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 25.** Bộ Nội vụ, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

TM. CHÍNH PHỦ  
Thủ tướng  
NGUYỄN TÁN DŨNG

TM. ỦY BAN TW MẶT TRẬN TỔ QUỐC  
VIỆT NAM  
Chủ tịch  
HUỖNH ĐẢM

**NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH SỐ 05/2006/NQLT-CP-UBTWMTTQVN  
NGÀY 21-4-2006 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ỦY BAN TRUNG ƯƠNG  
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

**Về việc ban hành quy chế "Mặt trận tổ quốc Việt Nam giám sát cán bộ,  
công chức, đảng viên ở khu dân cư"**

**CHÍNH PHỦ - ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN  
TỔ QUỐC VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ  
sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2002;*

*Căn cứ Quy chế phối hợp công tác giữa Chính phủ và Ủy ban Trung  
ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Ban Thường trực Ủy ban  
Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này bản Quy chế "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở khu dân cư".

**Điều 2.** Quy chế này áp dụng ở một số xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); thôn, làng, ấp, bản, khu phố, tổ dân phố, cụm dân cư (gọi chung là khu dân cư) tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Ninh Bình, Quảng Bình, Tiền Giang.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. CHÍNH PHỦ  
Thủ tướng  
PHAN VĂN KHẢI

TM. ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT  
TRẬN TỎ QUỐC VIỆT NAM  
Chủ tịch  
PHẠM THẾ DUYỆT

Bản sao lưu trữ

**QUY CHẾ**  
**MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM GIÁM SÁT CÁN BỘ,**  
**CÔNG CHỨC, ĐẢNG VIÊN Ở KHU DÂN CƯ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 05/2006/NQLT-CP-UBTWMTTQVN  
ngày 21 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương  
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)*

Quy chế này quy định hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với cán bộ, công chức, đảng viên (sau đây gọi chung là cá nhân) cư trú, làm việc ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), khu dân cư và những cá nhân tuy ở nơi khác nhưng công tác trên địa bàn dân cư; giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức) đóng trên địa bàn cấp xã, tập trung vào những tổ chức thường xuyên tiếp xúc với dân, phụ trách những việc liên quan đến quyền lợi của dân.

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích giám sát**

1. Thông qua hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giúp cho cá nhân, tổ chức nâng cao ý thức, trách nhiệm gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những quy định ở khu dân cư; phát hiện những nhân tố mới, khuyến khích mặt tích cực, kiến nghị biểu dương khen thưởng người tốt, việc tốt.

2. Giúp cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và tổ chức đóng trên địa bàn cấp xã nắm chắc hơn tình hình cán bộ, công chức, đảng viên thuộc diện mình quản lý về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, quan hệ với dân trên cơ sở đó có hướng bồi dưỡng, sử dụng cán bộ tốt hơn; phòng ngừa, ngăn chặn những hành vi tiêu cực, quan liêu xa dân, thiếu trách nhiệm với dân; kịp thời giáo dục, xử lý

những cán bộ, công chức, đảng viên có sai phạm, góp phần đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên.

3. Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của tổ chức, nhất là những tổ chức giải quyết những việc trực tiếp liên quan đến quyền lợi của người dân.

4. Thông qua hoạt động giám sát để nâng cao vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

## **Điều 2. Nguyên tắc giám sát**

1. Đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng; phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các cơ quan nhà nước.

2. Quá trình hoạt động giám sát không làm cản trở công việc, sinh hoạt của tổ chức, cá nhân và gia đình cán bộ, công chức, đảng viên.

3. Hoạt động giám sát phải bảo đảm công khai, khách quan, minh bạch theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

## **Điều 3. Chủ thể giám sát**

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Mặt trận Tổ quốc cấp xã).

## **Điều 4. Đối tượng giám sát**

1. Cá nhân làm việc tại cấp xã; cư trú ở khu dân cư nhưng công tác ở nơi khác và cá nhân công tác tại tổ chức đóng trên địa bàn xã, khu dân cư.

2. Tổ chức đóng trên địa bàn xã, khu dân cư thường xuyên tiếp xúc với dân, giải quyết những việc trực tiếp liên quan đến quyền lợi của người dân.

## **Điều 5. Quyền và trách nhiệm của chủ thể giám sát.**

1. Quyền của chủ thể giám sát:



a) Người đứng đầu các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc cấp xã, Trưởng ban Công tác Mặt trận tiếp nhận đơn giám sát, ý kiến phản ánh trực tiếp của nhân dân, hội viên, đoàn viên. Sau đó phân loại, lựa chọn các sự việc có nội dung và địa chỉ rõ ràng gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã;

b) Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã tiếp nhận đơn giám sát, ý kiến phản ánh trực tiếp của nhân dân, người đứng đầu tổ chức thành viên, Trưởng Ban Công tác Mặt trận, Trưởng Ban Thanh tra nhân dân;

c) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã tổng hợp đơn giám sát, ý kiến phản ánh trực tiếp của nhân dân, của các tổ chức thành viên, Trưởng Ban Công tác Mặt trận, Trưởng Ban Thanh tra nhân dân để phân loại, xử lý. Việc xử lý ý kiến, đơn giám sát theo trình tự sau đây:

Phân loại những sự việc có liên quan đến cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Lựa chọn những ý kiến phát hiện, đơn giám sát có nội dung, địa chỉ rõ ràng, báo cáo với Thường vụ Đảng ủy cấp xã trước khi chuyển đơn giám sát và kiến nghị đến tổ chức có liên quan xem xét, giải quyết và trả lời Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

Khi cần thiết, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã thành lập tổ giám sát. Nội dung giám sát, thành phần tổ giám sát, kế hoạch giám sát do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã quyết định sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Trách nhiệm của chủ thể giám sát:

a) Trình bày trung thực nội dung giám sát;

b) Nêu rõ tên người đại diện và địa chỉ của tổ chức mình;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đơn giám sát;

d) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã có trách nhiệm tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung giám sát khi có yêu cầu của đối tượng bị giám sát;

đ) Sau khi có văn bản trả lời của tổ chức, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận

Tổ quốc cấp xã thông báo để tổ chức, cá nhân đã kiến nghị, gửi đơn giám sát biết.

#### **Điều 6. Quyền và trách nhiệm của đối tượng giám sát**

1. Quyền của đối tượng giám sát:

a) Đưa ra những bằng chứng để chứng minh nội dung kiến nghị, giám sát là không đúng sự thực;

b) Yêu cầu được giải trình với tổ chức có kiến nghị giám sát;

c) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo pháp luật đối với tổ chức, cá nhân đưa ra, kiến nghị sai sự thật và thông báo công khai để cá nhân trong cơ quan, tổ chức, đơn vị biết về kết luận vụ việc bị kiến nghị giám sát.

2. Trách nhiệm của đối tượng giám sát:

a) Giải trình với tổ chức quản lý mình về các nội dung bị kiến nghị giám sát;

b) Cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; giải trình những vấn đề liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã khi tiến hành hoạt động giám sát tại tổ chức;

c) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định xử lý của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

d) Trả lời kiến nghị giám sát do chủ thể giám sát gửi đến;

đ) Khắc phục những hậu quả do hành vi sai trái gây ra, nếu có thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Chương II NỘI DUNG GIÁM SÁT**

### **Điều 7. Đối với cá nhân công tác tại cấp xã, khu dân cư**

Giám sát, phát hiện, kiến nghị xử lý cá nhân có hành vi vi phạm sau đây:

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của Đảng, Nhà nước trong việc quản lý sử dụng đất đai; thu chi các loại quỹ, thuế, lệ phí; cấp các loại giấy phép, chứng thực xác nhận hồ sơ, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ; sử dụng ngân

sách xã và các khoản đóng góp của nhân dân. Làm trái quy ước, hương ước ở khu dân cư; nội quy, quy chế làm việc, quy định về công khai thủ tục hành chính của tổ chức.

2. Thiếu trách nhiệm phục vụ nhân dân, sách nhiễu, gây phiền hà khi giải quyết các công việc của dân, nhận tiền, lợi ích vật chất khác của dân liên quan đến công việc mà mình giải quyết.

3. Tổ chức, bao che, tham gia đánh bạc, số đề, cá cược, môi giới, buôn bán, tàng trữ, sử dụng chất ma túy; hoạt động mại dâm; gây ô nhiễm môi trường.

4. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái với quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

5. Vi phạm chính sách, pháp luật về dân số, kế hoạch hóa gia đình, vi phạm luật hôn nhân và gia đình.

**Điều 8. Đối với cá nhân cư trú ở cấp xã, khu dân cư nhưng công tác ở nơi khác.**

1. Phát hiện những hành vi sai trái, thiếu trách nhiệm của cá nhân trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn; hương ước, quy ước của khu dân cư và trong việc tham gia các hoạt động do cấp xã, khu dân cư tổ chức và vận động.

2. Phát hiện, kiến nghị xử lý hành vi không trung thực kê khai nhà đất và tài sản, có bất minh về nhà đất và các tài sản khác.

3. Phát hiện, kiến nghị xử lý hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4, 5 Điều 7 Quy chế này.

**Điều 9. Đối với cá nhân công tác tại tổ chức đóng trên địa bàn cấp xã**

Giám sát, phát hiện, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm sau đây:

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của Đảng, Nhà nước trong việc quản lý đất đai; thu chi các loại quỹ, thuế, lệ phí; cấp các loại giấy phép, đăng ký, công chứng, chứng thực, xác nhận hồ sơ, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ. Làm trái nội quy, quy chế làm việc, quy định và công khai các thủ tục của tổ chức.

2. Vi phạm các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 7 Quy chế này.

**Điều 10. Đối với tổ chức cấp xã và tổ chức đóng trên địa bàn cấp xã**

1. Phát hiện, đề nghị tổ chức khắc phục những hành vi sai trái, thiếu ý thức chấp hành và thực hiện nghị quyết, quyết định của chính quyền cấp xã, các quy ước, hương ước của khu dân cư và tham gia các hoạt động do cấp xã, khu dân cư tổ chức.

2. Phát hiện, kiến nghị với tổ chức xử lý cá nhân thuộc diện quản lý có các hành vi vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế này.

**Chương III**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHI TRẢ LỜI**  
**KIẾN NGHỊ GIÁM SÁT**

Điều 11. Khi tổ chức nhận được kiến nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã có trách nhiệm:

1. Xem xét, giải quyết và trả lời trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị.

2. Trong trường hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã không tán thành với việc trả lời hoặc không nhận được văn bản trả lời thì có quyền thông báo lên tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết và trả lời cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị.

3. Trong trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp không trả lời theo thời hạn trên, hoặc việc trả lời không được Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã chấp nhận, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã trực tiếp báo cáo lên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp tỉnh để báo cáo lên Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo xử lý.

Điều 12. Khi nhận được đơn tố cáo của công dân thì cá nhân, tổ chức có thẩm quyền trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

## **Chương IV**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 13.**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động giám sát sẽ được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan nhà nước có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng.

2. Hàng năm, chính quyền các cấp phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm về Mặt trận Tổ quốc tham gia giám sát cán bộ, công chức, đảng viên, khen thưởng tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực, thiết thực và có hiệu quả trong hoạt động giám sát.

3. Quỹ khen thưởng cho hoạt động giám sát được trích từ quỹ khen thưởng của Ủy ban nhân dân các cấp. Hình thức và mức khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng và quyết định của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

**Điều 14.** Người có hành vi trả thù, trù dập người phát hiện, kiến nghị, tố cáo hoặc bao che cho người có hành vi cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc phát hiện, kiến nghị xử lý người có hành vi vi phạm thì tùy theo mức độ đều bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 15.** Những hành vi lợi dụng quyền giám sát để gây rối, làm mất uy tín hoặc tổn hại đến danh dự, nhân phẩm của cá nhân và uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, đơn vị bị giám sát thì tùy theo mức độ đều bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 16.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thi hành và phối hợp với Mặt trận Tổ quốc cùng cấp để thực hiện Quy chế này.

**Điều 17.** Các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh những quy định trong Quy chế này.

**Điều 18.** Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện ở một số xã, phường, thị trấn của thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Ninh Bình, Quảng Bình và Tiền Giang để rút kinh nghiệm, thống nhất với Chính phủ và báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Bản sao lưu trữ

**QUYẾT ĐỊNH SỐ 1693/QĐ-TLĐ NGÀY 31-12-2007**

**CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN**

**Ban hành quyết định ban hành quy định về việc thực hiện quyền kiểm tra,  
giám sát của công đoàn**

**ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Công đoàn năm 1990;
- Căn cứ Bộ luật Lao động đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006;
- Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 5a/NQ-BCH ngày 07/7/2005 của Ban chấp hành Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam khoá IX ;
- Theo đề nghị của Ban Pháp luật Tổng Liên đoàn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của Công đoàn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các cấp công đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH**  
**Phó Chủ tịch thường trực**  
**NGUYỄN HOÀ BÌNH**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của Công đoàn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1693/QĐ-TLĐ ngày 31 tháng 12 năm 2007  
của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Mục đích kiểm tra, giám sát của Công đoàn**

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của Công đoàn là nhằm phòng ngừa, phát hiện và kiến nghị xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động; góp phần thực hiện chức năng tham gia quản lý nhà nước, bảo vệ đoàn viên công đoàn và công nhân lao động.

#### **Điều 2. Quyền kiểm tra, giám sát của Công đoàn**

1. Quyền kiểm tra, giám sát của Công đoàn do pháp luật quy định, các cấp Công đoàn được quyền chủ động, độc lập thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện.

2. Kiểm tra, giám sát của Công đoàn phải tuân theo quy định của pháp luật, quy định của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, bảo đảm công khai, kịp thời, khách quan, trung thực, chính xác.

#### **Điều 3. Đối tượng kiểm tra, giám sát của Công đoàn**

Đối tượng kiểm tra, giám sát của Công đoàn theo Quy định này bao gồm các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động.



## **Chương II**

### **NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

#### **Điều 4. Nội dung kiểm tra, giám sát của Công đoàn**

Nội dung kiểm tra, giám sát của Công đoàn tập trung chủ yếu vào việc thực hiện pháp luật về hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, tuyển dụng, cho thôi việc, tiền lương, tiền thưởng, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; pháp luật về cán bộ, công chức; pháp luật công đoàn và các lĩnh vực chính sách, pháp luật khác có liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên Công đoàn và công nhân lao động.

#### **Điều 5. Hình thức kiểm tra của Công đoàn**

Kiểm tra của Công đoàn các cấp được thực hiện bằng những hình thức sau đây:

1. Công đoàn chủ động, độc lập thực hiện quyền kiểm tra.
2. Công đoàn phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan thực hiện quyền kiểm tra.

#### **Điều 6. Công đoàn chủ động, độc lập thực hiện quyền kiểm tra**

Công đoàn chủ động, độc lập thực hiện quyền kiểm tra là việc các cấp Công đoàn căn cứ vào quy định của pháp luật, quy định của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam xây dựng kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra, tổ chức kiểm tra, kết luận kiểm tra; theo dõi, giám sát việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm tra đối với các đối tượng kiểm tra và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

#### **Điều 7. Công đoàn phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan thực hiện quyền kiểm tra**

Công đoàn phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện quyền kiểm tra là việc các cấp Công đoàn tham gia với các cơ quan, tổ chức hữu quan hoặc Công đoàn chủ động tổ chức kiểm tra và mời các cơ quan, tổ chức hữu quan tham gia kiểm tra.

## **Điều 8. Hoạt động giám sát của Công đoàn**

1. Hoạt động giám sát của Công đoàn là sự quan sát, theo dõi mang tính chủ động, thường xuyên, liên tục của các cấp công đoàn đối với đối tượng giám sát; kịp thời phát hiện, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý những hành vi xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động.

2. Hoạt động giám sát của công đoàn được thực hiện thông qua những hình thức chủ yếu sau đây:

a) Tổ chức phân công đoàn viên và cán bộ công đoàn thực hiện việc giám sát;

b) Tham gia ý kiến trong quá trình quyết định những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động;

c) Kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét giải quyết các vụ việc cụ thể khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động.

## **Chương III QUY TRÌNH THỰC HIỆN KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

### **Điều 9. Kế hoạch kiểm tra, giám sát**

Căn cứ vào quy định của pháp luật, quy định của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và chương trình công tác đã được Ban Chấp hành thông qua, hàng năm, Công đoàn các cấp phải xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát của cấp mình. Kế hoạch kiểm tra cần xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, đối tượng và thời gian thực hiện; bao gồm:

1. Kế hoạch chủ động, độc lập thực hiện quyền kiểm tra;

2. Kế hoạch phối hợp hoặc chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện quyền kiểm tra;

3. Định hướng giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động;

4. Kiểm tra đột xuất khi phát hiện cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm tra của Công đoàn có dấu hiệu vi phạm chính sách, pháp luật, xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động.

#### **Điều 10. Quyết định kiểm tra**

1. Quyết định kiểm tra do cơ quan thường trực của Ban Chấp hành ban hành, nơi không có Ban thường vụ, Chủ tịch công đoàn thay mặt Ban Chấp hành ban hành quyết định kiểm tra, trên cơ sở kế hoạch kiểm tra đã được thông qua hoặc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động.

2. Kiểm tra của Công đoàn cấp trên cơ sở nhất thiết phải có quyết định kiểm tra bằng văn bản. Kiểm tra của Công đoàn cơ sở được thực hiện bằng quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản cho đối tượng kiểm tra.

#### **Điều 11. Nội dung của quyết định kiểm tra**

Quyết định kiểm tra hoặc yêu cầu kiểm tra phải bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Căn cứ pháp lý để kiểm tra;
2. Đối tượng kiểm tra;
3. Nội dung, phạm vi kiểm tra;
4. Thời gian kiểm tra;
5. Thành viên đoàn kiểm tra; quyền và trách nhiệm của người kiểm tra;
6. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được kiểm tra.

#### **Điều 12. Thông báo kiểm tra**

Kiểm tra phải được thông báo trước cho đối tượng kiểm tra ít nhất 3 ngày trước khi tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng kiểm tra. Thông báo kiểm tra phải bao gồm các nội dung chủ yếu về nội dung, phạm vi kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên đoàn kiểm tra; quyền và nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra.

### **Điều 13. Tiến hành kiểm tra**

1. Kiểm tra được tiến hành thông qua việc xem xét báo cáo, ý kiến của đối tượng kiểm tra và những cá nhân, tổ chức có liên quan; xem xét các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra phải được ghi thành biên bản, có chữ ký của người chịu trách nhiệm kiểm tra, đối tượng kiểm tra và của người ghi biên bản kiểm tra. Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký biên bản kiểm tra phải ghi rõ ý kiến vào biên bản kiểm tra.

### **Điều 14. Kết luận kiểm tra**

1. Kết thúc kiểm tra phải có kết luận kiểm tra bằng văn bản.

2. Nội dung kết luận kiểm tra phải bảo đảm khách quan, trung thực, đúng pháp luật về những nội dung kiểm tra; phải có kiến nghị của đoàn kiểm tra với đối tượng kiểm tra và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Kết luận kiểm tra được gửi cho đối tượng kiểm tra, cấp ra quyết định kiểm tra và gửi cho các cơ quan, tổ chức có liên quan khi có yêu cầu.

### **Điều 15. Theo dõi, giám sát việc thực hiện kết luận và kiến nghị kiểm tra**

Tổ chức Công đoàn đã tiến hành kiểm tra có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận và kiến nghị kiểm tra. Trường hợp kết luận và kiến nghị kiểm tra không được thực hiện, tổ chức công đoàn đã tiến hành kiểm tra có trách nhiệm đề xuất hoặc chủ động thực hiện các giải pháp theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm việc thực hiện kết luận và kiến nghị kiểm tra.

### **Điều 16. Quy trình Công đoàn phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện quyền kiểm tra**

1. Việc Công đoàn phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện quyền kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch, chương trình phối hợp công tác giữa Công đoàn với các cơ quan, tổ chức đó, bao gồm hoạt động kiểm tra định kỳ, thường xuyên và kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm chính sách, pháp luật của đối tượng kiểm tra.

2. Quy trình thực hiện hoạt động phối hợp kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra; pháp luật về Công đoàn và Quy định này.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 17. Những bảo đảm cho công tác kiểm tra, giám sát của Công đoàn**

1. Các cấp công đoàn từ cấp trên cơ sở trở lên có trách nhiệm phân công tổ chức, bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại cấp mình.

2. Hàng năm, các cấp Công đoàn phải xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát của công đoàn cấp mình và công đoàn cấp dưới.

3. Các cấp công đoàn có trách nhiệm tạo điều kiện về tài chính, phương tiện, thời gian và các điều kiện khác cho tổ chức, cá nhân làm công tác kiểm tra, giám sát của công đoàn hoạt động.

### **Điều 18. Khen thưởng, xử lý vi phạm**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy định này được khen thưởng theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

2. Người có hành vi vi phạm quy định này, tùy mức độ và tính chất của hành vi vi phạm, bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

### **Điều 19. Chế độ thống kê, báo cáo**

Toàn bộ hoạt động kiểm tra, giám sát của Công đoàn phải được theo dõi, thống kê đầy đủ. Định kỳ hàng năm, công đoàn các cấp có trách nhiệm báo cáo công đoàn cấp trên trực tiếp về hoạt động kiểm tra, giám sát của cấp mình.

### **Điều 20. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này được triển khai thực hiện trong các cấp công đoàn;

2. Ban pháp luật Tổng Liên đoàn giúp Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn nghiên cứu, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Quy định này;

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cấp công đoàn báo cáo, đề xuất Tổng Liên đoàn xem xét, giải quyết.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH**  
**Phó Chủ tịch thường trực**  
**NGUYỄN HOÀ BÌNH**

Bản sao lưu trữ

**ĐIỀU LỆ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH  
(ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX CỦA ĐOÀN THÔNG  
QUA NGÀY 19-12-2007)**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH**

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Được xây dựng, rèn luyện và trưởng thành qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng, Đoàn đã tập hợp đông đảo thanh niên phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bước vào thời kỳ mới, Đoàn tiếp tục phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc và bản chất tốt đẹp của mình, kế tục trung thành, xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng; tổ chức động viên đoàn viên, thanh niên cả nước đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam, là lực lượng xung kích cách mạng, là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đại diện chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của tuổi trẻ; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt chính trị trong phong trào thanh niên và trong các tổ chức thanh niên Việt Nam.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là thành viên của hệ thống chính trị, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đoàn phối hợp với các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và tổ chức xã hội, các tập thể lao động và gia đình chăm lo giáo dục,

đào tạo và bảo vệ thanh thiếu nhi; tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia vào việc quản lý nhà nước và xã hội.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đoàn kết, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng với các tổ chức thanh niên tiến bộ, thanh niên và nhân dân các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì tương lai và hạnh phúc của tuổi trẻ.

## **Chương I ĐOÀN VIÊN**

### **Điều 1.**

1. Đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là thanh niên Việt Nam tiên tiến, phấn đấu vì lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc; có lối sống lành mạnh, cần kiệm, trung thực; tích cực, gương mẫu trong học tập, lao động, hoạt động xã hội và bảo vệ Tổ quốc, gắn bó mật thiết với thanh niên; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Đoàn.

### **2. Điều kiện xét kết nạp đoàn viên:**

Thanh niên Việt Nam tuổi từ 16 đến 30, tích cực học tập, lao động và bảo vệ Tổ quốc, được tìm hiểu về Đoàn và tán thành Điều lệ Đoàn, tự nguyện hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Đoàn, có lý lịch rõ ràng đều được xét kết nạp vào Đoàn.

### **3. Thủ tục kết nạp đoàn viên:**

- Thanh niên vào Đoàn tự nguyện viết đơn, báo cáo lý lịch và được một đoàn viên cùng công tác, sinh hoạt ít nhất ba tháng giới thiệu và bảo đảm. Nếu là đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh thì do tập thể chi đội giới thiệu. Nếu là hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam thì do tập thể chi hội giới thiệu.

- Được hội nghị chi đoàn xét đồng ý kết nạp với sự biểu quyết tán thành của trên một phần hai tổng số đoàn viên có mặt tại hội nghị và được Đoàn cấp



trên trực tiếp ra quyết định chuẩn y. Trường hợp xét kết nạp nhiều người thì phải xét và quyết định chuẩn y kết nạp từng người một.

- Ở nơi chưa có tổ chức Đoàn và đoàn viên, hoặc chưa có tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam thì Đoàn cấp trên cử cán bộ, đoàn viên về làm công tác phát triển đoàn viên, hoặc do một đảng viên cùng công tác, sinh hoạt ít nhất ba tháng ở nơi đó giới thiệu và bảo đảm; Ban Chấp hành Đoàn cấp trên trực tiếp xét quyết định kết nạp.

## **Điều 2.**

Nhiệm vụ của đoàn viên:

1. Luôn luôn phấn đấu vì lý tưởng của Đảng và Bác Hồ. Tích cực học tập, lao động rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Gương mẫu chấp hành và vận động thanh, thiếu nhi thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và chính quyền. Chấp hành Điều lệ Đoàn và các nghị quyết của Đoàn; tích cực tuyên truyền về tổ chức Đoàn trong thanh niên; sinh hoạt đoàn và đóng đoàn phí đúng quy định.

3. Liên hệ mật thiết với thanh niên, tích cực xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; giúp đỡ thanh niên và đội viên trở thành đoàn viên.

## **Điều 3.**

Quyền của đoàn viên:

1. Yêu cầu tổ chức Đoàn đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, được giúp đỡ và tạo điều kiện để phấn đấu trưởng thành.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn.

3. Được thông tin, thảo luận, chất vấn, phê bình, biểu quyết, đề nghị và bảo lưu ý kiến của mình về công việc của Đoàn.

#### **Điều 4.**

1. Đoàn viên quá 30 tuổi, chi đoàn làm lễ trưởng thành Đoàn; nếu có nguyện vọng tiếp tục sinh hoạt Đoàn, chi đoàn xem xét, quyết định, nhưng không quá 35 tuổi.

2. Đoàn viên quá 30 tuổi nếu được bầu cử vào cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn hoặc làm công tác chuyên trách thì tiếp tục hoạt động trong tổ chức Đoàn.

3. Đoàn viên không tham gia sinh hoạt Đoàn hoặc không đóng Đoàn phí ba tháng trong một năm mà không có lý do chính đáng thì hội nghị chi đoàn xem xét, quyết định xóa tên trong danh sách đoàn viên và báo cáo lên Đoàn cấp trên trực tiếp.

4. Đoàn viên được trao thẻ đoàn viên. Việc trao, quản lý, sử dụng thẻ đoàn viên; quản lý hồ sơ đoàn viên và thủ tục chuyển sinh hoạt Đoàn theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

5. Việc quản lý đoàn viên đi lao động ở xa, thời gian không ổn định thực hiện theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

6. Đoàn viên danh dự là những người thực sự tiêu biểu, là tấm gương sáng cho đoàn viên, thanh thiếu niên noi theo, có tâm huyết và có nhiều đóng góp với Đoàn, có uy tín trong thanh thiếu niên và xã hội.

Việc kết nạp đoàn viên danh dự thực hiện theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

## **Chương II** **NGUYÊN TẮC, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN**

#### **Điều 5.**

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn do bầu cử lập ra, thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn là đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo của Đoàn ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đoàn viên ở cấp ấy. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành do đại hội Đoàn cùng cấp bầu ra. Giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, cơ quan lãnh đạo là Ban Thường vụ do Ban Chấp hành cùng cấp bầu ra.

3. Nghị quyết của Đoàn phải được chấp hành nghiêm chỉnh, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức.

4. Trước khi quyết định các công việc và biểu quyết nghị quyết của Đoàn, các thành viên đều được cung cấp thông tin và phát biểu ý kiến của mình, ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên Đoàn cấp trên cho đến đại hội đại biểu toàn quốc, song phải nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết hiện hành.

#### **Điều 6.**

1. Hệ thống tổ chức của Đoàn gồm 4 cấp:

- Cấp cơ sở (gồm Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở).
- Cấp huyện và tương đương.
- Cấp tỉnh và tương đương.
- Cấp Trung ương.

2. Việc thành lập hoặc giải thể một tổ chức Đoàn do Đoàn cấp trên trực tiếp quyết định.

#### **Điều 7.**

1. Nhiệm vụ của đại hội Đoàn các cấp:

Thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo của Ban Chấp hành; quyết định phương hướng nhiệm vụ công tác của Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; bầu Ban Chấp hành mới; góp ý kiến vào các văn kiện của Đại hội Đoàn cấp trên và bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên (nếu có).

2. Nhiệm kỳ đại hội là thời gian giữa hai kỳ đại hội:

- Đại hội chi đoàn, Đoàn Trường trung học phổ thông, Đoàn Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Đoàn Trường dạy nghề là một năm một lần.

- Đại hội chi đoàn cơ sở, Đoàn cơ sở trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, Đoàn các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp là 5 năm 2 lần.

- Đại hội Đoàn cơ sở xã, phường, thị trấn; đại hội đại biểu từ cấp huyện trở lên là 5 năm 1 lần.

Ban Thường vụ Trung ương Đoàn được quyết định điều chỉnh thời gian giữa hai kỳ đại hội Đoàn cơ sở thường khi cần.

3. Đại hội đại biểu cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó triệu tập. Số lượng đại biểu đại hội cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó quyết định. Thành phần đại biểu gồm các ủy viên Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội, đại biểu do đại hội Đoàn hoặc hội nghị đại biểu cấp dưới bầu lên và đại biểu chỉ định. Đại biểu chỉ định không quá năm phần trăm (5%) tổng số đại biểu được triệu tập.

4. Những cán bộ, đoàn viên sau khi được bầu làm đại biểu nếu thôi công tác Đoàn, hoặc chuyển sang công tác, sinh hoạt Đoàn ở địa phương, đơn vị khác không thuộc Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội thì cho rút tên khỏi danh sách đoàn đại biểu.

Việc cho rút tên và bổ sung đại biểu của đoàn đại biểu cấp nào do Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ cấp triệu tập đại hội quyết định.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội biểu quyết công nhận về tư cách đại biểu. Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên mà chưa được quyết định công nhận tiến bộ.

6. Ban Chấp hành Đoàn các cấp có thể triệu tập hội nghị đại biểu để kiện toàn Ban Chấp hành, thảo luận văn kiện đại hội cấp trên, bầu đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên.

Thành phần hội nghị đại biểu gồm các ủy viên Ban Chấp hành cấp triệu tập hội nghị và các đại biểu do Ban Chấp hành cấp dưới cử lên, số lượng đại

biểu do Ban Chấp hành cấp triệu tập hội nghị quyết định.

#### **Điều 8.**

1. Danh sách bầu cử phải được đại hội, hội nghị đại biểu thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

2. Việc bầu cử của Đoàn được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Riêng bầu các thành viên cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín.

3. Nếu bầu cử không đúng nguyên tắc, thủ tục quy định thì phải tổ chức bầu lại.

#### **Điều 9.**

1. Đại hội, hội nghị đại biểu và các hội nghị của Đoàn chỉ có giá trị khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu được triệu tập thay mặt cho ít nhất hai phần ba số đơn vị trực thuộc tham dự.

2. Khi bầu cử hoặc biểu quyết phải có trên một phần hai số người có mặt tán thành thì người được bầu mới trúng cử và nghị quyết mới có giá trị. Trường hợp số người có số phiếu trên một phần hai nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy những người có số phiếu cao hơn. Nếu kết quả bầu cử có nhiều người có số phiếu trên một phần hai và bằng phiếu nhau nhưng nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại trong số người bằng phiếu đó; người trúng cử là người có số phiếu cao hơn, không cần phải trên một phần hai. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn bằng nhau, có bầu nữa hay không do đại hội hoặc hội nghị quyết định.

3. Đại hội, hội nghị của Đoàn bầu Đoàn Chủ tịch hoặc Chủ tọa để điều hành công việc của đại hội, hội nghị. Đoàn Chủ tịch hoặc Chủ tọa có quyền xem xét, kết luận cuối cùng về việc cho rút tên hay không cho rút tên trong danh sách bầu cử hoặc công việc của đại hội, hội nghị.

#### **Điều 10.**

1. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành Đoàn các cấp:

- Lãnh đạo công tác xây dựng Đoàn, Hội, Đội.

- Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đoàn cấp mình và chỉ đạo hướng dẫn cấp dưới thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và của Đoàn cấp trên.

- Báo cáo về hoạt động của mình với đại hội hoặc hội nghị đại biểu cùng cấp, với Ban Chấp hành Đoàn cấp trên, với cấp ủy Đảng cùng cấp và thông báo cho Ban Chấp hành Đoàn cấp dưới.

- Kiến nghị, đề xuất và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội để giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

2. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do đại hội Đoàn cấp đó quyết định theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn. Ban Chấp hành do đại hội bầu ra phải được Đoàn cấp trên trực tiếp xét quyết định công nhận.

3. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp khi khuyết thì do Ban Chấp hành cấp đó thảo luận, thống nhất lựa chọn, đề nghị Ban Chấp hành cấp trên xét công nhận bổ sung. Số lượng bổ sung trong cả nhiệm kỳ không quá hai phần ba số lượng Ủy viên Ban Chấp hành do đại hội quyết định, trường hợp đặc biệt theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn. Khi cần thiết, Đoàn cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định tăng thêm một số Ủy viên Ban Chấp hành cấp dưới theo quy định của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

- Nếu khuyết Bí thư, Phó Bí thư thì sau khi có ý kiến thống nhất của cấp ủy cùng cấp và Đoàn cấp trên trực tiếp hội nghị Ban Chấp hành bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành và Đoàn cấp trên trực tiếp chuẩn y. Trường hợp cần thiết, Đoàn cấp trên có quyền chỉ định bổ sung sau khi thống nhất với cấp ủy cùng cấp.

- Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khi khuyết thì hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đoàn bầu bổ sung nhưng không quá một phần hai số lượng Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định.

4. Ban Chấp hành Đoàn khóa mới và người được bầu vào các chức danh điều hành công việc ngay sau khi được đại hội, hội nghị bầu và được công nhận

chính thức khi có quyết định chuẩn y của Ban Chấp hành Đoàn cấp trên trực tiếp.

5. Nhiệm kỳ Ban Chấp hành Đoàn các cấp là thời gian giữa hai kỳ đại hội của từng cấp.

6. Đối với tổ chức Đoàn mới thành lập, Đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành lâm thời. Không quá sáu tháng kể từ khi có quyết định thành lập phải tổ chức đại hội để bầu Ban Chấp hành chính thức. Nếu kéo dài thời gian lâm thời phải được Đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

#### **Điều 11.**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Ban Chấp hành Đoàn cấp tỉnh một năm họp ít nhất hai kỳ. Ban Chấp hành Đoàn cấp huyện một năm họp ít nhất bốn kỳ. Ban Chấp hành chi đoàn và Đoàn cơ sở mỗi tháng họp ít nhất một kỳ, ở những nơi đặc thù do Ban Thường vụ Trung ương Đoàn hướng dẫn.

2. Ủy viên Ban Chấp hành không tham gia họp Ban Chấp hành 3 kỳ liên tục trong nhiệm kỳ mà không có lý do chính đáng thì xóa tên trong Ban Chấp hành. Việc xóa tên do Ban Chấp hành cùng cấp xem xét quyết định và báo cáo lên Đoàn cấp trên trực tiếp.

3. Ủy viên Ban Chấp hành chuyển khỏi công tác Đoàn thì thôi tham gia Ban Chấp hành Đoàn và cho rút tên khỏi danh sách Ban Chấp hành. Việc cho rút tên được thực hiện trong kỳ họp Ban Chấp hành gần nhất. Đối với Bí thư, trước khi cho rút tên phải có sự thống nhất của cấp ủy Đảng và Đoàn cấp trên trực tiếp. Đối với Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn xem xét quyết định.

Trong cùng một kỳ họp, các Ủy viên Ban Chấp hành rút tên khỏi danh sách Ban Chấp hành vẫn có quyền bầu cử và biểu quyết hoặc chủ trì phiên họp bầu bổ sung Ban Chấp hành, các chức danh.

4. Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn các cấp nếu trong độ tuổi đoàn viên phải tham gia sinh hoạt với một chi đoàn, nếu không trong độ tuổi đoàn viên thì có chế độ định kỳ tham gia sinh hoạt, hoạt động với cơ sở Đoàn.

## **Điều 12.**

1. Đại hội đại biểu toàn quốc bầu Ban Chấp hành Trung ương Đoàn. Ban Chấp hành Trung ương Đoàn bầu Ban Thường vụ, Bí thư thứ nhất và các Bí thư trong số Ủy viên Ban Thường vụ; bầu Ủy ban kiểm tra Trung ương Đoàn và Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra trong số ủy viên Ủy ban kiểm tra.

2. Hội nghị Ban Chấp hành Đoàn cấp tỉnh, cấp huyện bầu Ban Thường vụ; bầu Bí thư, các Phó Bí thư trong số Ủy viên Ban Thường vụ; bầu Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra trong số ủy viên Ủy ban kiểm tra của cấp mình.

3. Đại hội đoàn viên hoặc Đại hội đại biểu đoàn viên ở chi đoàn và Đoàn cơ sở bầu Ban Chấp hành. Ban Chấp hành bầu Bí thư, Phó Bí thư, các Ủy viên Thường vụ (nếu có).

4. Việc bầu trực tiếp Bí thư tại Đại hội Đoàn các cấp thực hiện theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

## **Điều 13.**

1. Ban Thường vụ Trung ương Đoàn gồm Bí thư thứ nhất, các Bí thư, các Ủy viên Thường vụ.

Ban Thường vụ Trung ương Đoàn thay mặt Ban Chấp hành lãnh đạo các cấp bộ Đoàn trong việc thực hiện nghị quyết đại hội và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn. Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn quyết định.

2. Ban Bí thư Trung ương Đoàn là cơ quan thường trực của Ban Thường vụ gồm Bí thư thứ nhất và các Bí thư, thay mặt Ban Thường vụ tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đoàn; chuẩn bị các vấn đề trình Ban Thường vụ xem xét, quyết định các chủ trương công tác Đoàn, phong trào thanh thiếu nhi và giải quyết các công việc hằng ngày của Đoàn. Ban Bí thư Trung ương Đoàn làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Số lượng Bí thư Trung ương Đoàn do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn quyết định với tỷ lệ không quá một phần ba số lượng Ủy viên Ban Thường vụ.



3. Ban Thường vụ Đoàn từ cấp tỉnh trở xuống gồm Bí thư, các Phó Bí thư và các Ủy viên Thường vụ. Ban Thường vụ thay mặt Ban Chấp hành lãnh đạo mọi mặt công tác của Đoàn giữa hai kỳ hội nghị Ban Chấp hành.

Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ ở các cấp không quá một phần ba số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn cùng cấp.

#### **Điều 14.**

1. Đoàn từ cấp huyện trở lên được lập cơ quan chuyên trách để giúp việc.

2. Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên trách cấp huyện và cấp tỉnh do Ban Thường vụ Trung ương Đoàn hướng dẫn.

Quy chế làm việc của cơ quan chuyên trách cấp nào do thủ trưởng cơ quan cấp đó quyết định.

### **Chương III TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐOÀN**

#### **Điều 15.**

1. Tổ chức cơ sở Đoàn gồm: Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở, là nền tảng của Đoàn, được thành lập theo địa bàn dân cư, theo ngành nghề, theo đơn vị học tập, công tác, lao động, nơi cư trú và đơn vị cơ sở trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Tổ chức cơ sở Đoàn có thể trực thuộc huyện Đoàn, tỉnh Đoàn, hoặc Đoàn khối, Đoàn ngành tùy thuộc vào tính đặc thù của từng đơn vị theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

3. Chi đoàn là tổ chức tế bào của Đoàn, là hạt nhân nòng cốt đoàn kết, tập hợp thanh thiếu nhi.

Đơn vị có ít nhất ba đoàn viên trở lên được thành lập chi đoàn. Nếu chưa đủ ba đoàn viên thì Đoàn cấp trên giới thiệu đến sinh hoạt ở một tổ chức cơ sở Đoàn thích hợp. Chi đoàn sinh hoạt định kỳ một tháng một lần, đối với các đơn vị đặc thù thực hiện theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

Đoàn cơ sở là cấp trên trực tiếp của chi đoàn. Đơn vị có từ hai chi đoàn trở lên và có ít nhất 30 đoàn viên thì thành lập Đoàn cơ sở.

Trong một địa bàn, lĩnh vực hoạt động có nhiều chi đoàn, có nhu cầu liên kết phối hợp thì có thể hình thành liên chi đoàn. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của liên chi đoàn do Ban Thường vụ Trung ương Đoàn hướng dẫn.

Trong các đội thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích, các đội hình lao động trẻ, các địa bàn tập trung đông đoàn viên được thành lập tổ chức đoàn theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

#### **Điều 16. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở Đoàn.**

1. Đại diện, chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi.

2. Tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh thiếu nhi nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương, đơn vị.

3. Phối hợp với chính quyền, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội làm tốt công tác thanh niên, chăm lo xây dựng Đoàn, tích cực xây dựng cơ sở Đoàn, Hội, Đội ở địa bàn dân cư, tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và chính quyền.

#### **Điều 17. Quyền hạn của tổ chức cơ sở Đoàn.**

1. Kết nạp đoàn viên mới, quản lý đoàn viên, tiếp nhận, chuyển sinh hoạt Đoàn; giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng bồi dưỡng, kết nạp; giới thiệu cán bộ, đoàn viên vào quy hoạch đào tạo, sử dụng cán bộ của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và tổ chức kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức các hoạt động, các phong trào nhằm đoàn kết, tập hợp thanh niên, đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng, hợp pháp của tuổi trẻ; phối hợp với các ngành, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội tạo môi trường, điều kiện thuận lợi trong công tác thanh niên.

3. Tổ chức các hoạt động tạo thêm việc làm và thu nhập cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên, tạo nguồn kinh phí cho hoạt động của Đoàn; được sử dụng con dấu hợp pháp.

#### **Chương IV**

### **ĐOÀN KHỐI, ĐOÀN NGÀNH, ĐOÀN Ở NGOÀI NƯỚC**

#### **Điều 18.**

1. Đoàn khối được thành lập từ cấp huyện trở lên tương ứng với cơ cấu tổ chức của Đảng.

Đoàn ngành được thành lập ở cấp tỉnh và Trung ương khi tổ chức Đảng, chính quyền của các ngành đó lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống đến cơ sở.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Đoàn khối, Đoàn ngành do Đoàn cấp trên và cấp ủy cùng cấp quyết định.

3. Ban cán sự Đoàn được thành lập theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

#### **Điều 19.**

Tổ chức Đoàn khối, Đoàn ngành liên hệ chặt chẽ và phối hợp hoạt động với tổ chức Đoàn ở các địa phương.

#### **Điều 20.**

Hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức Đoàn ở ngoài nước do Ban Thường vụ Trung ương Đoàn quy định.

#### **Chương V**

### **TỔ CHỨC ĐOÀN TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM**

#### **Điều 21.**

1. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Quân đội

nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam là bộ phận của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2. Hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của tổ chức Đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam do Ban Thường vụ Trung ương Đoàn cùng với Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân Việt Nam quy định.

#### **Điều 22.**

1. Tổ chức Đoàn trong Quân đội và Công an liên hệ chặt chẽ và phối hợp hoạt động với tổ chức Đoàn địa phương nơi đóng quân.

2. Tổ chức Đoàn trong Quân đội và Công an được giới thiệu người tham gia vào Ban Chấp hành Đoàn ở địa phương.

### **Chương VI CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐOÀN VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP**

#### **Điều 23.**

1. Kiểm tra, giám sát là chức năng lãnh đạo của Đoàn. Tổ chức Đoàn phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức Đoàn, đoàn viên và cán bộ Đoàn chịu sự kiểm tra, giám sát của Đoàn.

2. Các cấp bộ Đoàn lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức Đoàn và Đoàn viên chấp hành điều lệ Đoàn, nghị quyết của Đoàn.

#### **Điều 24.**

1. Ủy ban kiểm tra của Đoàn được thành lập từ Trung ương đến cấp huyện do Ban Chấp hành cùng cấp bầu ra. Nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm tra mỗi cấp theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng cấp. Ủy ban kiểm tra có một số Ủy viên Ban Chấp hành, song không quá một phần hai số lượng Ủy viên Ủy ban kiểm tra. Số lượng Ủy viên Ủy ban kiểm tra mỗi cấp theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

2. Việc công nhận Ủy ban kiểm tra do Ban Chấp hành cùng cấp đề nghị, Ban Thường vụ Đoàn cấp trên trực tiếp quyết định. Việc cho rút tên trong danh sách Ủy ban kiểm tra do Ban Chấp hành cùng cấp quyết định và báo cáo lên Đoàn cấp trên trực tiếp. Việc bổ sung và cho rút tên ủy viên Ủy ban kiểm tra Trung ương Đoàn do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn xem xét, quyết định.

3. Tổ chức Đoàn cơ sở và chi đoàn cử một Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách công tác kiểm tra.

#### **Điều 25. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra các cấp:**

1. Tham mưu cho các cấp bộ Đoàn kiểm tra việc thi hành Điều lệ, nghị quyết, chủ trương của Đoàn.

2. Kiểm tra cán bộ, đoàn viên (kể cả Ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp) và tổ chức Đoàn cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ của Đoàn.

3. Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức Đoàn cấp dưới.

4. Giám sát Ủy viên Ban Chấp hành, cán bộ cùng cấp và tổ chức Đoàn cấp dưới trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, quy định của Đoàn theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, đoàn viên và nhân dân liên quan đến cán bộ, đoàn viên; tham mưu cho cấp bộ Đoàn về việc thi hành kỷ luật Đoàn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đoàn viên, thanh niên.

6. Kiểm tra công tác Đoàn phí, việc sử dụng các nguồn quỹ khác của các đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành cùng cấp và cấp dưới.

#### **Điều 26.**

Ủy Ban kiểm tra các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đoàn cùng cấp và sự chỉ đạo của Ủy ban kiểm tra cấp trên.

Ủy ban kiểm tra cấp trên được yêu cầu tổ chức Đoàn cấp dưới và cán bộ, đoàn viên báo cáo những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra; tham mưu cho Ban Chấp hành cùng cấp chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ các quyết định về kỷ luật của cấp bộ Đoàn cấp dưới; kiểm tra hoạt động của Ủy ban kiểm tra cấp dưới.

## **Chương VII**

### **KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐOÀN**

#### **Điều 27. Về khen thưởng**

1. Cán bộ, đoàn viên, thanh niên, thiếu nhi, tổ chức Đoàn, Hội, Đội và những tập thể, cá nhân có công trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, trong công tác xây dựng Đoàn, Hội, Đội và phong trào thanh thiếu nhi đều được Đoàn xem xét khen thưởng hoặc đề nghị các cấp chính quyền khen thưởng.

2. Các hình thức khen thưởng của Đoàn do Ban Thường vụ Trung ương Đoàn quy định.

#### **Điều 28. Về kỷ luật**

1. Việc thi hành kỷ luật của Đoàn nhằm thống nhất ý chí và hành động, bảo đảm kỷ cương của Đoàn và giáo dục cán bộ, đoàn viên.

Tổ chức Đoàn và cán bộ, đoàn viên khi vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời và được thông báo công khai.

#### **2. Hình thức kỷ luật:**

Tùy theo mức độ, tính chất vi phạm, khuyết điểm của cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn mà áp dụng một trong những hình thức kỷ luật sau:

- Đối với cán bộ, đoàn viên: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.
- Đối với tổ chức Đoàn: Khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

#### **Điều 29. Thẩm quyền thi hành kỷ luật**

Những tổ chức có thẩm quyền quyết định gồm:

- Chi đoàn và chi Đoàn cơ sở.
- Ban Chấp hành từ Đoàn cơ sở trở lên.

1. Đối với đoàn viên: Khi vi phạm kỷ luật phải được hội nghị chi đoàn thảo luận và biểu quyết hình thức kỷ luật với sự đồng ý của trên một phần hai số đoàn viên có mặt tại hội nghị. Từ hình thức cảnh cáo trở lên do Đoàn cấp trên trực tiếp xét quyết định.

2. Đối với cán bộ: Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn các cấp khi vi phạm kỷ luật phải được hội nghị Ban Chấp hành cùng cấp thảo luận, biểu quyết hình thức kỷ luật với sự đồng ý của trên một phần hai số Ủy viên Ban Chấp hành có mặt tại hội nghị. Đoàn cấp trên trực tiếp xét quyết định theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

Đối với Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khi vi phạm kỷ luật phải được hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đoàn thảo luận, biểu quyết hình thức kỷ luật với sự đồng ý của trên một phần hai số Ủy viên Ban Chấp hành có mặt tại hội nghị.

3. Đối với cán bộ không phải là Ủy viên Ban Chấp hành, khi vi phạm kỷ luật thì cấp quản lý và quyết định bổ nhiệm ra quyết định kỷ luật.

4. Đối với tổ chức Đoàn: Thi hành kỷ luật giải tán một tổ chức hay một cấp bộ Đoàn phải do hội nghị Ban Chấp hành cấp trên trực tiếp quyết định với sự đồng ý của trên một phần hai số ủy viên Ban Chấp hành có mặt tại hội nghị. Chỉ giải tán tổ chức hay một cấp bộ Đoàn khi có hai phần ba số đoàn viên hay hai phần ba số Ủy viên Ban Chấp hành vi phạm đến mức phải khai trừ hay cách chức.

5. Những cán bộ, đoàn viên ở cơ sở bị giải tán nếu không bị khai trừ khỏi Đoàn thì được giới thiệu đến sinh hoạt ở cơ sở Đoàn khác hoặc ở cơ sở mới thành lập.

### **Điều 30.**

1. Trước khi quyết định kỷ luật, tổ chức Đoàn có trách nhiệm nghe cán bộ, đoàn viên hoặc đại diện tổ chức Đoàn bị xem xét kỷ luật trình bày ý kiến.

2. Mọi hình thức kỷ luật chỉ được công bố và thi hành khi có quyết định chính thức.

3. Sau khi công bố quyết định kỷ luật, nếu người bị kỷ luật không tán thành thì trong vòng một tháng có quyền khiếu nại lên Ban Chấp hành Đoàn cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương Đoàn và phải được trả lời. Trong thời gian chờ đợi trả lời phải chấp hành quyết định kỷ luật.

### **Điều 31.**

Kể từ khi cán bộ, đoàn viên có quyết định kỷ luật, ít nhất ba tháng một lần, Ban Chấp hành nơi trực tiếp quản lý cán bộ, đoàn viên bị kỷ luật nhận xét về việc sửa chữa khuyết điểm của cán bộ, đoàn viên đó. Nếu đã sửa chữa khuyết điểm thì đề nghị cấp ra quyết định kỷ luật công nhận tiến bộ.

## **Chương VIII**

### **ĐOÀN VỚI CÁC TỔ CHỨC HỘI CỦA THANH NIÊN**

#### **Điều 32.**

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giữ vai trò nòng cốt chính trị trong việc xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và các thành viên khác của Hội.

#### **Điều 33.**

Ban Chấp hành Đoàn các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và các thành viên khác của Hội thực hiện đúng mục đích, tôn chỉ theo Điều lệ Hội.

## **Chương IX**

### **ĐOÀN PHỤ TRÁCH ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH**

#### **Điều 34.**

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phụ trách Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, hướng dẫn thiếu nhi làm theo 5 điều Bác Hồ dạy và phấn đấu trở thành đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người công dân tốt của đất nước.

#### **Điều 35.**

1. Tổ chức và hoạt động của Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh theo Điều lệ của Đội do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn quy định.
2. Hội đồng Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh ở cấp nào do Ban Chấp hành Đoàn cấp đó lập ra và lãnh đạo.



3. Ban Chấp hành Đoàn các cấp có trách nhiệm xây dựng tổ chức Đội; lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác thiếu nhi, phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và tổ chức kinh tế - xã hội chăm lo, tạo điều kiện về cơ sở vật chất và tài chính cho hoạt động của Đội.

## **Chương X** **TÀI CHÍNH CỦA ĐOÀN**

### **Điều 36.**

Tài chính của Đoàn bao gồm ngân sách Nhà nước cấp, Đoàn phí và các khoản thu hợp pháp khác.

Việc quản lý, sử dụng tài chính của Đoàn phải tuân thủ theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước.

### **Điều 37.**

Việc thu nộp Đoàn phí do Ban Thường vụ Trung ương Đoàn quy định. Các cấp bộ Đoàn có trách nhiệm trích nộp Đoàn phí lên Đoàn cấp trên.

## **Chương XI** **CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐOÀN**

### **Điều 38.**

1. Mọi cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đoàn.

2. Chỉ có đại hội hoặc hội nghị đại biểu toàn quốc của Đoàn mới có quyền sửa đổi, bổ sung và thông qua Điều lệ Đoàn.

3. Ban Thường vụ Trung ương Đoàn có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn.

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 120/2007/NĐ-CP NGÀY 23-07-2007  
CỦA CHÍNH PHỦ**

**Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh niên**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Thanh niên ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh niên về chính sách, trách nhiệm của Nhà nước đối với việc bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của thanh niên; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp đối với công tác thanh niên.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, cá nhân); cơ quan, tổ chức nước ngoài, cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam liên quan đến thanh niên Việt Nam.

### **Điều 3. Bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thanh niên**

1. Thanh niên có trách nhiệm xung kích thực hiện nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ của thanh niên theo quy định của Luật Thanh niên.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện cho thanh niên thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của thanh niên theo quy định của pháp luật và phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh để huy động thanh niên xung kích, tình nguyện tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Xung kích" là sẵn sàng, tình nguyện đi đầu thực hiện các nghĩa vụ của thanh niên, sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sẵn sàng đảm nhận các công việc khó khăn, gian khổ, cấp bách, nguy hiểm để đóng góp sức lực, trí tuệ, nhiệt tình và sáng tạo của tuổi trẻ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. "Công tác thanh niên" là những hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội nhằm giáo dục, bồi dưỡng, tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên phấn đấu và trưởng thành, đồng thời phát huy vai trò xung kích, sức sáng tạo và tiềm năng to lớn của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. "Thanh niên của hộ nghèo" là thanh niên của hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc dưới chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ.

4. "Thanh niên sau cai nghiện ma túy" là thanh niên đã cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng hoặc các cơ sở cai nghiện ma túy được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đã cai nghiện ma túy.

5. "Thanh niên sau cải tạo" là thanh niên đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù, cải tạo không giam

giữ và biện pháp giáo dục bắt buộc tại các cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng.

## **Chương II**

### **BẢO ĐẢM QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THANH NIÊN**

#### **Điều 5. Trong học tập và hoạt động khoa học, công nghệ**

1. Tạo điều kiện cho thanh niên hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục:

a) Thanh niên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thanh niên của hộ nghèo được cấp sách giáo khoa, miễn học phí để hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục. Trường hợp thanh niên của hộ nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ học bổng bằng 50% kinh phí đào tạo đối với học sinh dân tộc nội trú để hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục theo từng cấp học;

b) Tổ chức, cá nhân tổ chức các lớp phổ cập giáo dục cho thanh niên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được Nhà nước hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết ban đầu để bảo đảm điều kiện tổ chức lớp học;

c) Những người không phải là giáo viên nhưng thường xuyên trực tiếp tham gia giảng dạy chương trình phổ cập giáo dục cho thanh niên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo được hưởng phụ cấp ưu đãi như đối với giáo viên giảng dạy trong các trường công lập theo quy định của pháp luật;

d) Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này được bố trí từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Tạo điều kiện cho thanh niên đang học tập, công tác trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề công lập:

a) Thanh niên của hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vượt khó

học tập được ưu tiên vay tín dụng học tập; miễn, giảm học phí, hỗ trợ về giáo trình học tập;

b) Nhà trường tạo điều kiện cần thiết và hỗ trợ kinh phí để thanh niên tham gia nghiên cứu, thực hiện các đề tài, công trình khoa học.

3. Trong hoạt động khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống:

a) Thanh niên chủ trì thực hiện đề tài, dự án không thuộc kế hoạch khoa học, công nghệ của Nhà nước nhưng được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận có giá trị về lý luận và thực tiễn, được cơ quan, đơn vị đó tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí để thực hiện;

b) Thanh niên thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ thuộc hướng ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước được vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các Bộ, ngành, địa phương.

4. Cơ quan, tổ chức tạo điều kiện cho thanh niên gia nhập các đội hình thanh niên xung kích, thanh niên tình nguyện để tham gia thực hiện chương trình phổ cập giáo dục, phổ biến tin học và các chương trình phát triển giáo dục khác; phổ biến, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

#### **Điều 6. Trong lao động, việc làm**

1. Tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển nghề truyền thống, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm cho thanh niên khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo được tạo điều kiện vay vốn từ Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm.

2. Thanh niên của hộ nghèo được giảm tối thiểu 20% phí học nghề và ưu tiên tư vấn, giới thiệu việc làm ở các cơ sở công lập; được vay vốn từ Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ xóa đói, giảm nghèo, vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tự tạo việc làm để lập thân, lập nghiệp.

3. Thanh niên nông thôn, thanh niên tình nguyện đã hoàn thành nhiệm vụ

thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được giảm tối thiểu 20% phí học nghề và ưu tiên tư vấn, giới thiệu việc làm ở các cơ sở công lập.

4. Thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự được hưởng các chính sách ưu đãi về học nghề và giải quyết việc làm theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

5. Thanh niên tốt nghiệp đại học, cao đẳng và thanh niên có tay nghề cao tình nguyện đến công tác tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thời hạn từ hai năm trở lên được hưởng chính sách cụ thể theo từng chương trình, dự án.

6. Tổ chức, cá nhân tổ chức dạy nghề, phát triển các hình thức dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho thanh niên được ưu tiên sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức, cá nhân có dự án xây nhà cho thuê, bán cho thanh niên theo phương thức trả dần với thời hạn và giá cả hợp lý ở những nơi tập trung lao động trẻ được tạo điều kiện về thủ tục đầu tư và xây dựng, đền bù giải phóng mặt bằng, ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo điều kiện cho thanh niên gia nhập lực lượng thanh niên xung phong, các đội hình thanh niên xung kích, thanh niên tình nguyện tham gia thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để thanh niên cống hiến, rèn luyện, lập thân, lập nghiệp.

#### **Điều 7. Trong bảo vệ Tổ quốc**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo điều kiện cho thanh niên tham gia các đội hình thanh niên xung kích, thanh niên tình nguyện do tổ chức thanh niên thành lập để tham gia giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và thực hiện các nhiệm vụ cấp bách khác. Các đội hình thanh niên xung kích, thanh niên tình nguyện tham gia giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội được

cơ quan và Ủy ban nhân dân các cấp hỗ trợ kinh phí và các điều kiện cần thiết để hoạt động.

#### **Điều 8. Trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí**

1. Thanh niên khi tham gia các hoạt động văn hoá, nghệ thuật do tổ chức thanh niên tổ chức nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống dân tộc được giảm phí tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng, xem phim, biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

2. Thanh niên có đề án sáng tạo về văn hoá, nghệ thuật được cơ quan có thẩm quyền công nhận, được hỗ trợ kinh phí để nghiên cứu, sáng tác theo quy định của pháp luật.

3. Thanh niên có tác phẩm, công trình có giá trị về văn hoá, nghệ thuật, có thành tích xuất sắc trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật được tôn vinh, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần của thanh niên được ưu tiên sử dụng đất đai, ưu đãi thuê các cơ sở vật chất của địa phương, miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Trong bảo vệ sức khoẻ và hoạt động thể dục, thể thao**

1. Tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ tư vấn về dinh dưỡng, sức khoẻ tâm thần, sức khoẻ sinh sản, phòng chống HIV/AIDS, phòng ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục và các bệnh xã hội khác, phòng chống ma tuý; tư vấn về tình yêu, hôn nhân, gia đình, thực hiện kế hoạch hoá gia đình cho thanh niên được khuyến khích và hỗ trợ về tài liệu, cung cấp thông tin, tập huấn nghiệp vụ.

2. Các cơ sở y tế do tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng có tổ chức hoạt động hỗ trợ về chăm sóc sức khoẻ tâm thần, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình và phòng ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng chống HIV/AIDS cho thanh niên được khuyến khích, ưu tiên sử dụng đất đai, vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở hoạt động thể dục, thể thao cho thanh niên được hưởng các chính sách khuyến khích về cơ sở vật chất, đất đai, thuế, tín dụng theo quy định tại Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về khuyến khích phát triển cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.

#### **Điều 10. Đối với thanh niên dân tộc thiểu số**

1. Thanh niên dân tộc thiểu số diện cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 03 tháng trở lên tại các cơ sở dạy nghề công lập được hưởng trợ cấp xã hội và các chính sách khác như học sinh trung học phổ thông dân tộc nội trú.

2. Thanh niên dân tộc thiểu số của hộ nghèo không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, theo học tại các cơ sở dạy nghề công lập được hỗ trợ 70% học phí và không quá 05 tháng/người/khoá học nghề.

3. Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này bố trí từ ngân sách địa phương chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề được giao hàng năm. Ngân sách trung ương bổ sung cho các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách và có số lượng lớn thanh niên dân tộc thiểu số theo chương trình mục tiêu từ nguồn kinh phí của dự án “Tăng cường năng lực đào tạo nghề” thuộc Chương trình quốc gia giáo dục - đào tạo.

4. Thanh niên dân tộc thiểu số của hộ nghèo, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo học các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ được miễn học phí, cấp học bổng, giáo trình học tập và được ưu tiên bố trí chỗ ở tại ký túc xá.

5. Thanh niên dân tộc thiểu số có thành tích trong học tập, hoạt động kinh tế, hoạt động xã hội, quốc phòng, an ninh được ưu tiên quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng để trở thành cán bộ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

6. Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư phát triển các loại hình hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao để thanh niên dân tộc thiểu số giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, đấu tranh



chống các hủ tục; tập quán lạc hậu được khuyến khích và ưu đãi về thuế, đất đai theo quy định.

### **Điều 11. Đối với thanh niên có tài năng**

1. Thanh niên có năng khiếu trong mọi lĩnh vực được ưu tiên tuyển chọn đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện tại các trường năng khiếu, trường chuyên ở trong nước hoặc đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; được cấp học bổng, được hỗ trợ về điều kiện, phương tiện học tập, huấn luyện theo quy định để phát triển trở thành những người tài năng.

2. Thanh niên có thành tích xuất sắc trong học tập, hoạt động khoa học và công nghệ, lao động, sản xuất, kinh doanh, quản lý, quốc phòng, an ninh, văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao được ưu tiên tuyển chọn đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; được ưu tiên tuyển dụng vào các cơ sở nghiên cứu khoa học và giảng dạy của Nhà nước; được ưu tiên quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng để trở thành cán bộ khoa học, lãnh đạo, quản lý.

3. Thanh niên có tài năng trong các lĩnh vực được Nhà nước tạo môi trường, điều kiện làm việc thuận lợi để phát huy tài năng và nhiệt huyết của tuổi trẻ đóng góp cho đất nước; được đãi ngộ tương xứng với cống hiến; được tôn vinh và khen thưởng theo quy định.

### **Điều 12. Đối với thanh niên tàn tật**

1. Thanh niên tàn tật được hưởng các chính sách ưu đãi về khám, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

2. Thanh niên tàn tật bị suy giảm khả năng hoạt động khiến cho sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn được miễn, giảm học phí học nghề theo quy định tại Nghị định số 81/CP ngày 23 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động là người tàn tật và Nghị định số 116/2004/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/CP ngày 23 tháng 11 năm 1995.

3. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

### **Điều 13. Đối với thanh niên nhiễm HIV/AIDS**

1. Thanh niên nhiễm HIV/AIDS theo học các cơ sở dạy nghề được hỗ trợ học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân, tổ chức dạy nghề, phát triển các hình thức dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho thanh niên nhiễm HIV/AIDS được ưu tiên sử dụng đất đai, miễn, giảm thuế, vay vốn tín dụng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Thanh niên sau cai nghiện ma túy hoặc sau cải tạo**

1. Thanh niên sau cai nghiện ma túy hoặc sau cải tạo được chính quyền cơ sở, gia đình và các tổ chức tiếp nhận, tư vấn về nghề nghiệp, việc làm; tạo điều kiện học nghề, tìm việc làm, vay vốn sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện tham gia các hoạt động xã hội để hoà nhập cộng đồng.

2. Thanh niên sau cai nghiện ma túy hoặc sau cải tạo của hộ nghèo hoặc gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, khi học nghề được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

## **Chương III**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THANH NIÊN TỪ ĐỦ 16 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI**

#### **Điều 15. Trong phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

1. Thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi của hộ nghèo được miễn học phí, cấp sách giáo khoa để hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục.

2. Thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chưa hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở học tập tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục cộng đồng được giảm tối thiểu 50% học phí, được cấp sách giáo khoa để hoàn thành chương trình phổ cập.

#### **Điều 16. Trong học nghề**

Thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đã học xong trung học cơ sở mà không theo học trung học phổ thông được ưu tiên tư vấn lựa chọn nghề nghiệp, việc

làm, được giảm tối thiểu 25% phí học nghề tại các cơ sở dạy nghề công lập; trường hợp của hộ nghèo được giảm tối thiểu 50% phí học nghề.

#### **Điều 17. Trong hoạt động giáo dục truyền thông**

Thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tham gia các hoạt động giáo dục truyền thông do tổ chức thanh niên hoặc nhà trường tổ chức được miễn, giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan bảo tàng, di tích cách mạng, lịch sử, công trình văn hoá, theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 18. Trong chăm sóc sức khoẻ sinh sản và bảo vệ không bị xâm hại tình dục, lạm dụng sức lao động**

1. Thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi được nhà trường, tổ chức thanh niên, tổ chức xã hội phổ biến, hướng dẫn kiến thức về giới tính, sức khoẻ sinh sản; được tư vấn miễn phí về giới tính, sức khoẻ tâm thần, sức khoẻ sinh sản, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống ma túy, phòng ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục; kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ, tố cáo các hành vi xâm hại nhân phẩm, sức khoẻ.

2. Thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị xâm hại tình dục được gia đình, nhà trường, tổ chức thanh niên, tổ chức y tế và các cơ quan khác có liên quan giúp đỡ để phục hồi sức khoẻ, tinh thần, giữ bí mật đời tư để bảo đảm sống, học tập và công tác bình thường.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình có trách nhiệm tổ chức, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm hại, lạm dụng tình dục, lạm dụng sức lao động của thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

4. Tổ chức và cá nhân có thẩm quyền chịu trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp cần thiết để xử lý kịp thời, nghiêm minh mọi hành vi xâm hại, lạm dụng tình dục, lạm dụng sức lao động của thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

**Điều 19. Chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật**

1. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp giáo dục, phòng ngừa, tạo điều kiện cho thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật được giáo dục tại gia đình và cộng đồng; trường hợp vi phạm nghiêm trọng thì áp dụng biện pháp giáo dục bắt buộc tại các trại giam, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

2. Thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong thời hạn giáo dục bắt buộc tại các trại giam hoặc cơ sở giáo dục mà không có nơi nương tựa, được chính quyền cơ sở tạo điều kiện học văn hoá, học nghề để có cơ hội tìm việc làm.

**Chương IV**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ HỘI ĐỒNG**  
**NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP**

**Điều 20. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chế độ chính sách ưu đãi đối với thanh niên có tài năng trong các cơ quan nhà nước.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện các nội dung sau:

a) Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Đề án về việc hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục cho thanh niên đồng bộ với chương trình phổ cập giáo dục quốc gia;

b) Xây dựng các chính sách tạo điều kiện cho thanh niên dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có cơ hội học tập, tiếp cận thông tin; thanh niên khuyết tật, tàn tật, thanh niên nhiễm HIV được

học văn hoá; chính sách bảo đảm cho thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục;

c) Phát triển hệ thống tư vấn nghề nghiệp, tư vấn tâm lý và các vấn đề xã hội, giáo dục kỹ năng sống lành mạnh cho thanh niên trong nhà trường.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở dạy nghề, dịch vụ tư vấn về lao động, việc làm giúp thanh niên định hướng nghề nghiệp, nâng cao tay nghề, tiếp cận thị trường lao động, tìm việc làm phù hợp; xây dựng và ban hành chính sách ưu tiên dạy nghề và giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn, thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, thanh niên tình nguyện đã hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, thanh niên dân tộc thiểu số, thanh niên khuyết tật, tàn tật, thanh niên nhiễm HIV/AIDS, thanh niên sau cai nghiện ma túy, sau cải tạo.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn thực hiện các chính sách tài chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này; xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách thuế, tín dụng để hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm, cơ sở y tế, văn hoá, nghệ thuật, vui chơi giải trí, thể dục thể thao cho thanh niên; chính sách tín dụng ưu đãi để thanh niên học tập, nghiên cứu khoa học, tự tạo việc làm.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho thanh niên tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; xây dựng cơ chế huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ phát triển và thực hiện các đề tài, dự án sáng tạo trong khoa học và công nghệ cho thanh niên.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan xây dựng và

trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi về sử dụng đất đai đối với các cơ sở dạy nghề, phát triển giáo dục nghề nghiệp, xây dựng nhà ở cho lao động trẻ tại các khu công nghiệp, cơ sở y tế, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho thanh niên.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng quy hoạch phát triển các cơ sở y tế, tư vấn sức khoẻ, cơ sở hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho thanh niên; xây dựng cơ chế khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở y tế, tư vấn sức khoẻ, cơ sở hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho thanh niên.

8. Bộ Văn hoá - Thông tin chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ thanh niên tham gia giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, đấu tranh chống các hủ tục, tập quán lạc hậu, lối sống không lành mạnh.

9. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng chính sách khuyến khích phát triển hệ thống trung tâm tư vấn sức khoẻ tâm thần, sức khoẻ sinh sản, phòng chống HIV/AIDS, phòng ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục và các bệnh xã hội khác, phòng chống ma tuý cho thanh niên.

10. Bộ Quốc phòng:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng chính sách hỗ trợ học nghề và giải quyết việc làm cho thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và thanh niên tình nguyện đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia phát triển kinh tế - xã hội trong các khu kinh tế quốc phòng;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng chương trình giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và bảo vệ an ninh Tổ quốc cho thanh niên.

11. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và xây dựng cơ chế khuyến khích và hỗ trợ thanh niên tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

12. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên.

13. Ủy ban Thể dục Thể thao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng quy hoạch phát triển các cơ sở hoạt động thể dục thể thao cho thanh niên; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thanh niên rèn luyện thân thể, phát triển thể chất, tham gia hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, thi đấu thể thao trong nước và quốc tế.

14. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng chính sách khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân phát triển các hoạt động tư vấn về tình yêu, hôn nhân và gia đình, thực hiện kế hoạch hoá gia đình cho thanh niên; xây dựng chính sách bảo vệ, bồi dưỡng đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại Chương III Nghị định này.

15. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành và lĩnh vực các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển thanh niên trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội thuộc Bộ, ngành mình quản lý; phối hợp, tạo điều kiện cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức khác của thanh niên huy động thanh niên xung kích tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

## **Điều 21. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ chế, chính sách thu hút thanh niên xung kích tham gia các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt để giao cho tổ chức thanh niên ở địa phương thực hiện. Kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do tổ chức thanh niên đảm nhiệm;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng quy hoạch về đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục, y tế, tư vấn sức khỏe, cơ sở hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho các đối tượng thanh thiếu niên phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt để tổ chức thực hiện ;

c) Kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thanh niên quy định tại Nghị định này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Thủ tướng Chính phủ vào ngày 15 tháng 01 của năm sau;

d) Thành lập Hội đồng công tác thanh niên làm công tác tư vấn giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác thanh niên. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng công tác thanh niên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## **Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng quy chế phối hợp quản lý nhà nước về công tác thanh niên trong cả nước.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng



sản Hồ Chí Minh hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Luật Thanh niên và các quy định tại Nghị định này.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thống kê, tổng hợp và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện chính sách pháp luật đối với thanh niên và công tác thanh niên trong cả nước.

## **Chương V** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

### **Điều 24. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành**

Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các Bộ: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hoá - Thông tin, Y tế, Quốc phòng, Công an, Tư pháp, Ủy ban Thể dục Thể thao, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

### **Điều 25. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

**Thủ tướng**

**NGUYỄN TẤN DŨNG**

**THÔNG TƯ SỐ 44/2008/TT-BTC NGÀY 30-05-2008  
CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

**Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện  
Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg ngày 09/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ  
“về việc tạo điều kiện để hội nông dân các cấp tham gia giải quyết khiếu nại,  
tố cáo của nông dân”**

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg ngày 09/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc tạo điều kiện để Hội Nông dân các cấp tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân”;*

*Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1502/TTg-V.II ngày 15/10/2007;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg ngày 09/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ như sau:*

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

Thông tư này hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Trung ương Hội nông dân Việt Nam; Hội Nông dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội nông dân cấp huyện và cấp xã (dưới đây gọi là Hội nông dân các cấp) thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg ngày 09/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc tạo điều kiện để Hội Nông dân các cấp tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân” (dưới đây gọi tắt là Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg).

## **2. Nguồn kinh phí**

a) Kinh phí bảo đảm hoạt động thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg thuộc Trung ương Hội nông dân Việt Nam, do ngân sách Trung ương bảo đảm;

b) Kinh phí bảo đảm hoạt động thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg của Hội nông dân các cấp (tỉnh, huyện và xã) thuộc địa phương do ngân sách cùng cấp bảo đảm.

3. Kinh phí bảo đảm hoạt động thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg phải được sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và quản lý chi tiêu theo đúng chế độ quy định hiện hành và quy định tại Thông tư này.

## **II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **1. Nội dung chi hoạt động thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg gồm:**

a) Chi thông tin, tuyên truyền:

- Chi thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, gồm: Các báo, tạp chí, tập san, chuyên san, phát thanh, truyền hình, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề;

- Chi in ấn, phát hành đề cương giới thiệu văn bản pháp luật mới; các tài liệu, ấn phẩm phổ biến giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng nông dân. Chi biên dịch, xuất bản, in và phát hành tài liệu pháp luật bằng tiếng dân tộc.

b) Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho nông dân; thi hoà giải viên giỏi; giao lưu, sinh hoạt văn hoá có lồng ghép nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.

c) Chi tổ chức các khoá tập huấn bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật ở hội nông dân các cấp về nghiệp vụ hoà giải, giải quyết khiếu nại tố cáo, trợ giúp pháp lý.

d) Chi công tác phí phục vụ các hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động, tuyên truyền phổ biến pháp luật lưu động cho nông dân.

đ) Chi cho công tác hoà giải tại chi hội, tổ hội nông dân:

- Chi thù lao cho hoà giải viên;

- Chi mua tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ công tác hoà giải.

e) Chi cho công tác tiếp Hội viên nông dân khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; chi tổ chức hoạt động đối thoại với nông dân để giải đáp vướng mắc của nông dân, tư vấn pháp luật.

- Bồi dưỡng cho người làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị; hoà giải và đối thoại trực tiếp với nông dân;

- Chi tiền nước uống tổ chức đối thoại.

g) Chi tổ chức các hội thảo, tọa đàm về nghiệp vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo.

h) Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát trong nước để thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo, trợ giúp pháp lý của nông dân.

i) Chi sơ kết, tổng kết, thi đua khen thưởng theo địa phương và toàn quốc về hoạt động thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg.

k) Chi làm thêm giờ; văn phòng phẩm, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp hoạt động tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân.

## **2. Mức chi:**

Chế độ chi cho các nội dung liên quan để thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg được thực hiện theo quy định hiện hành và một số mức chi cụ thể (*Theo phụ lục đính kèm Thông tư*).

Trong phạm vi nguồn kinh phí được giao hàng năm, Thủ trưởng cơ quan quyết định mức chi cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa hoặc khung mức chi quy định tại Thông tư này.

## **3. Lập dự toán, quản lý và quyết toán:**

a) Lập dự toán: Hàng năm, căn cứ vào khối lượng công việc, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và chế độ chi quy định tại Thông tư này, Hội nông dân các cấp lập dự toán kinh phí bảo đảm thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg và

tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của cơ quan mình trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Phân bổ, giao dự toán kinh phí và quyết toán kinh phí: Việc phân bổ, giao dự toán và quyết toán kinh phí hoạt động cho Hội nông dân các cấp thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg thực hiện theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**Thứ trưởng**

**PHẠM SỸ DANH**

**PHỤ LỤC**

**Mức chi cụ thể thực hiện Chỉ thị số 26/2001/CT-TTg**

*(Kèm theo Thông tư số 44/2008/TT-BTC ngày 30/5/2008 của Bộ Tài chính)*

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Chi công tác thông tin truyền.			
a	Biên dịch tài liệu tuyên truyền bằng tiếng dân tộc.	Trang	Tối đa 40	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 300 từ của văn bản gốc.
b	Chi in ấn, phát hành tài liệu, ấn phẩm, đề cương giới thiệu phổ biến pháp luật cho nông dân.			Theo chế độ, định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự. Những nội dung này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện.
2	Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật.			
a	Chi biên soạn đề thi (bao gồm cả hướng dẫn, biểu điểm và đáp án).	Đề thi	200 - 500	Tối thiểu mỗi đề thi phải đạt từ 10 câu hỏi trở lên.
b	Chi bồi dưỡng chấm thi (Ban Giám khảo), xét công bố kết quả cuộc thi. (Tối đa không quá 7 người).	Người/ngày	Tối đa 100	Tối đa không quá 5 ngày

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
c	Chi bồi dưỡng cho thành viên Ban tổ chức cuộc thi.		Tối đa không quá 5 ngày	
	- Chủ tịch, Phó chủ tịch.	Người/ngày	Tối đa 150	
	- Thư ký, thành viên Hội đồng thi	Người/ngày	Tối đa 100	
d	Hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên Ban Tổ chức cuộc thi (tối đa không quá 5 người x 5 ngày).	Thành viên là người địa phương nơi tổ chức cuộc thi thì không được hưởng tiền ngủ.		
	- Tiền ăn	Người/ngày	Tối đa 70	Người đã hưởng khoản hỗ trợ này thì không thanh toán công tác phí ở cơ quan.
	- Tiền ngủ	Người/ngày	Tối đa 120	
e	Hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi sân khấu hóa tìm hiểu pháp luật.	Kê cả ngày tập luyện và ngày thi.		
e.1	Cuộc thi tổ chức tại xã.	Mỗi cuộc thi không quá 3 ngày, mỗi đội không quá 5 người, cuộc thi không quá 10 đội.		
	Tiền ăn cho thí sinh	Người/ngày	Tối đa 20	Mỗi thí sinh được hưởng hỗ trợ không quá 10 ngày tiền ăn tập luyện tại xã.
e.2	Cuộc thi tổ chức tại huyện (cho các xã trong huyện).	Mỗi cuộc thi không quá 3 ngày, mỗi đội không quá 5 người, cuộc thi không quá 15 đội.		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
	- Tiền ăn	Người/ngày	Tối đa 50	Mỗi thí sinh được hưởng hỗ trợ không quá 10 ngày tiền ăn, ở để tập luyện tại quận, huyện.
	- Tiền ở	Người/ngày	Tối đa 100	
e.3	Cuộc thi cấp tỉnh, T.P cho các quận, huyện hoặc cho các xã làm mô hình điểm thực hiện CT26.	Mỗi cuộc thi không quá 3 ngày, mỗi đội không quá 7 người, mỗi cuộc thi không quá 10 đội.		
	- Tiền ăn	Người/ngày	Tối đa 70	Mỗi thí sinh được hưởng hỗ trợ không quá 10 ngày tiền ăn, ở để tập luyện tại tỉnh, thành phố.
	- Tiền ở	Người/ngày	Tối đa 120	
f	Hỗ trợ thí sinh là hội viên, nông dân tham gia thi viết bài tìm hiểu pháp luật.			
	- Tiền in tài liệu, thẻ lệ, hướng dẫn, đáp án thi viết (do cấp tổ chức thi thực hiện)			Thanh toán theo thực tế.
	- Hỗ trợ người viết bài thi tìm hiểu pháp luật	Bài thi	Tối đa 20	Tối thiểu 10 trang viết tay khổ giấy A4.
g	Chi giải thưởng.			
g.1	Cuộc thi tổ chức quy mô cấp Trung ương.			



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
	<i>Giải nhất</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 2 000	
	- Cá nhân		Tối đa 1 000	
	<i>Giải Nhì</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 1 500	
	- Cá nhân		Tối đa 800	
	<i>Giải Ba</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 1 000	
	- Cá nhân		Tối đa 500	
	<i>Giải Khuyến khích</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 500	
	- Cá nhân		Tối đa 300	
g.2	Cuộc thi tổ chức quy mô cấp Tỉnh			
	<i>Giải nhất</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 1 000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
	- Cá nhân		Tối đa 500	
	<i>Giải Nhì</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 700	
	- Cá nhân		Tối đa 300	
	<i>Giải Ba</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 500	
	- Cá nhân		Tối đa 200	
	<i>Giải Khuyến khích</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 300	
	- Cá nhân		Tối đa 100	
g.3	Cuộc thi tổ chức quy mô cấp Cơ sở			
	<i>Giải nhất</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 600	
	- Cá nhân		Tối đa 400	
	<i>Giải Nhì</i>	<i>Giải thưởng</i>		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
	- Tập thể		Tối đa 500	
	- Cá nhân		Tối đa 300	
	<i>Giải Ba</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 300	
	- Cá nhân		Tối đa 200	
	<i>Giải Khuyến khích</i>	<i>Giải thưởng</i>		
	- Tập thể		Tối đa 200	
	- Cá nhân		Tối đa 100	
g.4	Các khoản chi trực tiếp khác phục vụ cuộc thi: các khoản chi trực tiếp phục vụ các buổi phát động cuộc thi viết, phục vụ giao lưu sinh hoạt văn hóa có lồng ghép nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.			Thực hiện theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3	Chi xây dựng và duy trì hoạt động của Câu Lạc bộ (CLB) Nông dân với pháp luật tại cơ sở.			
a	Chi tiền ăn cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt CLB và tập huấn pháp luật.	người/ngày	Tối đa 20	Không quá 1 ngày/lớp.

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
b	Chi mua sắm trang thiết bị (loa, Âmly, TV) phục vụ tuyên truyền và sinh hoạt CLB.	Bộ/CLB		Có hóa đơn hợp lệ, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí dự toán.
c	Chi bồi dưỡng BC viên, cộng tác viên, tuyên truyền viên pháp luật, hướng dẫn sinh hoạt CLB.	Người/buổi	50-120	Tùy theo trình độ của CTV, tính chất nghiệp vụ phức tạp của từng đợt, buổi tuyên truyền, hướng dẫn.
d	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt CLB.	Người/buổi	Tối đa 5	
4	Chi tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác phổ biến pháp luật, nghiệp vụ hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo.			Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí; chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
5	Chi công tác phí cho cán bộ thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý, tuyên truyền phổ biến pháp luật lưu động.			
6	Bồi dưỡng cho cán bộ, hội viên nông dân làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị.	Người/ngày	Tối đa 25	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
7	Chi cho công tác hòa giải tại Chi, Tổ Hội Nông dân.			
a	Chi tài liệu, văn phòng phẩm, sổ sách phục vụ công tác hòa giải.	Người/năm	Tối đa 100	Mỗi Chi, Tổ hội 01 người.
b	Chi thù lao cán bộ hòa giải.	Vụ/Tổ hoà giải	Tối đa 100	Vụ hoà giải thành công
8	Chi tổ chức hoạt động đối thoại với nông dân để giải đáp vướng mắc của nông dân.			
a	Chi nước uống	Người/ngày	Tối đa 7	Theo số người tham gia đối thoại
b	Chi thù lao cán bộ thực hiện đối thoại	Người/ngày	Tối đa 25	
9	Chi cho các hoạt động điều tra nghiên cứu.			
	Áp dụng nội dung chi và mức chi theo quy định tại Thông tư số 120/TT-BTC ngày 15/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ vốn sự nghiệp của Ngân sách Nhà nước.			
10	Chi công tác phí, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn cán bộ.			
	Thực hiện theo Thông tư số 23/2007/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
11	Chi làm thêm giờ, văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp bộ phận giúp việc.	Theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện.		
12	Chi sơ kết, tổng kết, thi đua khen thưởng.	Theo quy định hiện hành về chế độ tổ chức hội nghị và chế độ thi đua khen thưởng.		

## MỤC LỤC

### PHẦN THỨ NHẤT:

#### BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ TÔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOẢ X	7
PHÁT BIỂU BẾ MẠC CỦA ĐỒNG CHÍ TÔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH TẠI HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 6 (KHÓA X)	13
ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG Ở GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI	23
TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG	31
VỀ 5 QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG	41
CỤ THỂ HOÁ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG VỀ “NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN”	49
PHỐI HỢP KIỂM TRA, GIÁM SÁT GIỮA ĐẢNG ỦY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG VỚI CÁC TỈNH, THÀNH ỦY	56
PHẢI LÀM GÌ ĐỂ NHÂN DÂN, MẶT TRẬN GIÁM SÁT ĐƯỢC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC	61
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN QUẢ NỬA NHIỆM KỶ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NĂM 2004 - 2009	66

ĐỀ THỰC HIỆN TỐT VAI TRÒ GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN CỦA MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN	72
SUY NGHĨ VỀ MỤC ĐÍCH GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TÓ QUỐC ĐỐI VỚI QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC Ở NƯỚC TA	77
THỰC HIỆN TỐT QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC CƠ QUAN DÂN CỬ TRONG VIỆC GIÁM SÁT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	83

**PHẦN THỨ HAI:  
NHỮNG VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH VỀ BẢO ĐẢM CHẤT  
LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT  
TRONG CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, CƠ QUAN NHÀ  
NƯỚC**

* CÁC NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X CÓ LIÊN QUAN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT	91
NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X)	91
TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG LÃNG PHÍ (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X)	104
ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X)	117
TIẾP TỤC XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ	551



ĐẤT NƯỚC (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X)	135
TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THẺ CHÈ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X)	152
<b>* TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG</b>	
TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG (NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ X)	169
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CƠ QUAN ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG (QUYẾT ĐỊNH SỐ 106-QĐ/TW, NGÀY 21 THÁNG 11 NĂM 2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)	182
HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA CHI BỘ (HƯỚNG DẪN SỐ 06-HD/KTTW NGÀY 25/7/2007 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)	186
CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ (QUYẾT ĐỊNH SỐ 58-QĐ/TW NGÀY 7/5/2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ)	193
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN “QUY CHẾ VỀ CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ” (HƯỚNG DẪN SỐ 07-HD/KTTW NGÀY 11/9/2007 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)	204
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ X VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG (HƯỚNG DẪN SỐ 08-HD/KTTW, NGÀY 28/9/2007 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG)	223
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA CÁC BAN CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP (HƯỚNG DẪN SỐ 03 –	

HD/KTTW NGÀY 25 THÁNG 7 NĂM 2007 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG) 233

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP (HƯỚNG DẪN SỐ 04-HD/KTTW NGÀY 25/7/2007 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG) 243

QUY CHẾ CHẤT VẤN TRONG ĐẢNG (BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 158-QĐ/TW NGÀY 12-5-2008 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ) 254

**\* CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN**

QUY TRÌNH TIẾN HÀNH CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ KỶ LUẬT ĐẢNG CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG (QUYẾT ĐỊNH SỐ 826-QĐ/UBKTTW, NGÀY 18 THÁNG 4 NĂM 2008 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG) 260

VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN VI PHẠM (QUY ĐỊNH SỐ 94/QĐ-TW NGÀY 15/10/2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ) 295

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH SỐ 94-QĐ/TW NGÀY 15/10/2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN (HƯỚNG DẪN SỐ 11-HD/UBKTTW NGÀY 24/3/2008 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG) 308

**PHẦN THỨ BA:**

**VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH VỀ CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ**

**\* CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI**

NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI SỐ 10/2007/NQ-QH12 NGÀY 21 THÁNG 11 NĂM 2007 VỀ CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI NĂM 2008 341

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI (LUẬT SỐ 83/2007/QH11 NGÀY 02 THÁNG 4 NĂM 2007 CỦA QUỐC HỘI) 344

553

LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (LUẬT SỐ 17/2008/QH12 NGÀY 03-06-2008 CỦA QUỐC HỘI)	350
<b>* MỘT SỐ VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT</b>	
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2007/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2007 CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU 48 NGHỊ ĐỊNH SỐ 41/2005/NĐ-CP NGÀY 25 THÁNG 3 NĂM 2005 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THANH TRA	405
NGHỊ ĐỊNH SỐ 157/2007/NĐ-CP NGÀY 27-10-2007 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ	407
NGHỊ ĐỊNH SỐ 158/2007/NĐ-CP NGÀY 27-10-2007 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH DANH MỤC CÁC VỊ TRÍ CÔNG TÁC VÀ THỜI HẠN ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	418
NGHỊ ĐỊNH SỐ 20/2008/NĐ-CP NGÀY 14-02-2008 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH	427
THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 02/2008/TTLT-BNV-BTC NGÀY 20-05-2008 CỦA BỘ NỘI VỤ - BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2006/NĐ-CP NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 2006 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	443
CHỈ THỊ SỐ 05/2008/CT-TTg NGÀY 31-01-2008 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG THỜI GIỜ LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC	446
<b>* CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA NHÂN DÂN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CỦA CÁC TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ</b>	

PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI SỐ 34/2007/PL-UBTVQH11 NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 2007 459

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH CỦA CHÍNH PHỦ - ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM SỐ 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN NGÀY 17 THÁNG 04 NĂM 2008 HƯỚNG DẪN THI HÀNH CÁC ĐIỀU 11, ĐIỀU 14, ĐIỀU 16, ĐIỀU 22 VÀ ĐIỀU 26 CỦA PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN 461

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH SỐ 05/2006/NQLT-CP-UBTWMTTQVN NGÀY 21-4-2006 CỦA CHÍNH PHỦ - ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ "MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM GIÁM SÁT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, ĐẢNG VIÊN Ở KHU DÂN CƯ" 484

QUYẾT ĐỊNH SỐ 1693/QĐ-TLĐ NGÀY 31-12-2007 CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH TLĐ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CÔNG ĐOÀN 494

ĐIỀU LỆ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH (ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX CỦA ĐOÀN THÔNG QUA NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 2007) 502

NGHỊ ĐỊNH SỐ 120/2007/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 07 NĂM 2007 CỦA CHÍNH PHỦ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THANH NIÊN 521

THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 44/2008/TT-BTC NGÀY 30 THÁNG 05 NĂM 2008 HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 26/2001/CT-TTG NGÀY 09/10/2001 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ "VỀ VIỆC TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỀ HỘI NÔNG DÂN CÁC CẤP THAM GIA GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CỦA NÔNG DÂN" 537

**TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA,  
THANH TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG, QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ,  
CÁC BỘ, BAN NGÀNH, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI**

---

Chịu trách nhiệm xuất bản  
**BÙI VIỆT BẮC**

**Biên tập:**  
**NGUYỄN PHƯƠNG MAI**

**Trình bày**  
**DIỆP HƯƠNG**

**Vẽ bìa**  
**MAI TRANG**

**Chế bản**  
**BÍCH DIỆP**

**Sửa bản in**  
**THU THUYẾT**

---

In 1.000 cuốn, khổ 19x27cm, tại Cty Cổ Phần Văn Hoá Tân Bình  
số đăng ký KHXB: 1150-2008/CXB/03-189/VHTT.  
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2009.

**TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA, GIÁM SÁT  
CỦA ĐẢNG, QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ  
CÁC BỘ, BAN, NGÀNH  
VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

**Giá: 295.000 đ**